



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ NGÂN HOA (Chủ biên)
NGUYỄN LINH CHI – NGUYỄN THỊ MAI LIÊN – LÊ TRÀ MY
LÊ THỊ MINH NGUYỆT – NGUYỄN THỊ NƯỞNG – NGUYỄN THỊ HẢI PHƯƠNG

NGŨ VĂN

6

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ NGÂN HOA (Chủ biên)
NGUYỄN LINH CHI – NGUYỄN THỊ MAI LIÊN – LÊ TRÀ MY
LÊ THỊ MINH NGUYỆT – NGUYỄN THỊ NƯƠNG – NGUYỄN THỊ HẢI PHƯƠNG

NGỮ VĂN



TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH



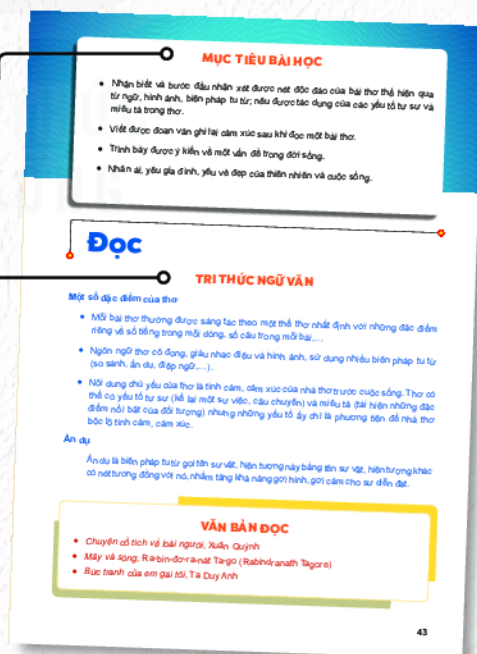
Tên bài cũng là chủ điểm của bài học, gợi mở đề tài chung của các văn bản.

Đề từ là phần gợi liên tưởng, suy nghĩ từ chủ điểm của bài học.

Giới thiệu bài học định hướng về nội dung và thể loại hoặc kiểu văn bản của các văn bản trong bài học.

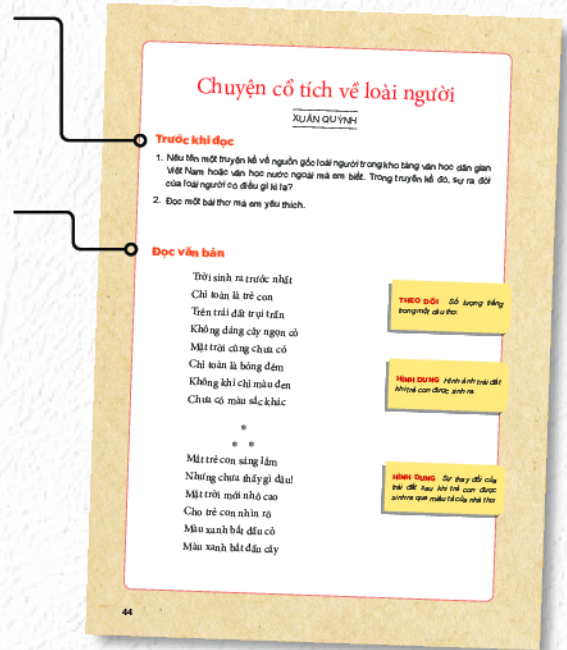
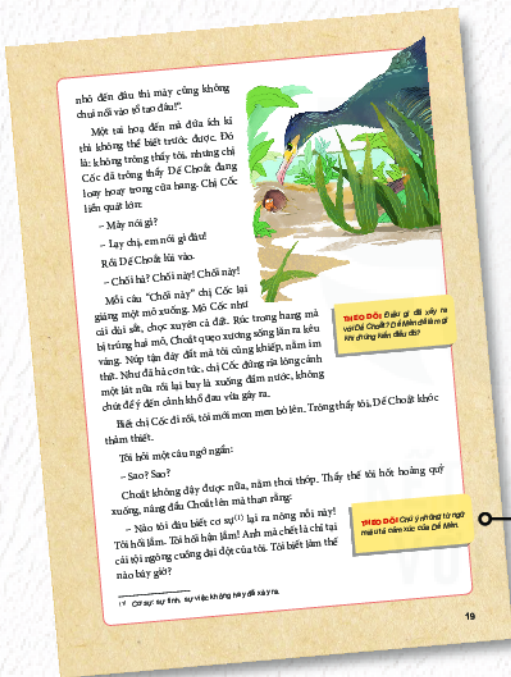
Mục tiêu bài học xác định các yêu cầu cần đạt sau khi hoàn thành bài học. Phần mục tiêu ở mỗi bài học chỉ trình bày mục tiêu về năng lực đặc thù của môn Ngữ văn (đọc, viết, nói, nghe) và mục tiêu về phẩm chất. Còn mục tiêu về năng lực chung không trình bày ở mỗi bài vì nó được thực hiện thông qua nội dung và cách thức tổ chức dạy học ở tất cả các bài.

Tri thức ngữ văn cung cấp các kiến thức về thể loại hoặc kiểu văn bản và kiến thức tiếng Việt giúp học sinh đọc hiểu văn bản.



Trước khi đọc tạo cơ hội cho học sinh huy động kiến thức và trải nghiệm của bản thân, chuẩn bị cho việc đọc hiểu văn bản.

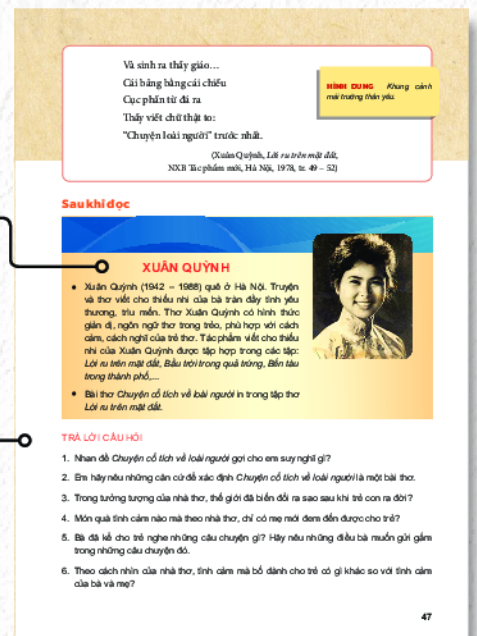
Ở phần **Đọc văn bản**, học sinh đọc thầm hoặc đọc to văn bản theo hướng dẫn của thầy cô. Mỗi bài học có hai văn bản đọc chính thuộc thể loại hoặc kiểu văn bản được học trong bài và một văn bản đọc bổ trợ, thường có sự kết nối về đề tài nhưng khác về kiểu, thể loại với hai văn bản chính.



Câu hỏi trong khi đọc định hướng cho học sinh **theo dõi, tưởng tượng, dự đoán**,... về nội dung hoặc đặc điểm nghệ thuật của văn bản. Các câu hỏi trong khi đọc là những gợi ý, hướng dẫn để người học đọc hiểu văn bản hiệu quả hơn.

Phần tìm hiểu **tác giả** cung cấp một số thông tin ngắn gọn, góp phần giúp học sinh đọc hiểu văn bản tốt hơn. Thông tin về tác giả chỉ được đưa vào sách khi nó thực sự cần thiết đối với việc đọc hiểu văn bản.

Trả lời câu hỏi là hoạt động sau khi đọc, qua đó thể hiện khả năng đọc hiểu văn bản của học sinh. Lưu ý: học sinh chuẩn bị nội dung này trước khi học trên lớp. Một số câu hỏi có đánh dấu * là những câu hỏi khó, có thể cần sự hỗ trợ của thầy cô.



Thực hành tiếng Việt dành cho học sinh cơ hội vận dụng kiến thức về ngôn ngữ để nhận biết và phân tích các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt trong văn bản đọc, qua đó góp phần phát triển năng lực đọc hiểu.

Trong phần *Thực hành tiếng Việt*, ở những bài có kiến thức tiếng Việt mới được nêu trong **Tri thức ngữ văn**, có một số giải thích, hướng dẫn được đặt trong khung bên phải. Nội dung được đặt trong khung giúp học sinh có khả năng nhận biết các hiện tượng, đơn vị ngôn ngữ qua ngữ liệu thực tế trước khi thực hành.

Phần **Viết** bao gồm: yêu cầu về kiểu bài, phân tích bài viết tham khảo và hướng dẫn thực hành viết theo các bước. Cần tìm hiểu và vận dụng các kĩ năng theo hướng dẫn của sách và của thầy cô để viết được bài văn theo yêu cầu.

- Nhân vật trong bài thơ thể hiện chủ đề như thế nào về các bạn biết hay?
- Cum từ "đứng bất ngờ" xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ? Theo em, việc lặp lại cum từ này có tác dụng gì?
- Bài thơ nói chuyện biết hay mà vẫn ẩn chứa ý gì? Hài hước. Hãy chỉ ra một số biểu hiện của ý hài hước đó.
- Nếu chúng ta có thể sống là bất ngờ, chúng ta nên định bài học từ cuộc sống như người khác. Hãy cho biết em đã tìm gì và vào mặt trong các tình huống trên. Nếu gặp lại tình huống đó, em có thay đổi cách ứng xử không?

Viết

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em

Trong văn bản Bài học đường đời đầu tiên, nhân vật Dế Mèn đã kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của mình. Trước cái chết của Dế Choắt do trò đùa ngỗ nghịch của mình gây ra, Dế Mèn đã hối hận, trề nù ra bài học đường đời đầu tiên. Còn em, em có sẵn sàng kể về một trải nghiệm của bản thân không?

- Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm:
 - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.
 - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.
 - Tập trung vào sự việc đã xảy ra.
 - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được chia sẻ.

Nói và nghe là hoạt động tiếp nối đọc và viết. Học sinh cần tìm hiểu rõ quy trình và thực hiện theo hướng dẫn. Hãy tự tin tham gia cùng các bạn và tích cực thể hiện ý kiến trước các vấn đề được trao đổi, thảo luận.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

- Xem lại những lưu ý ở bài TÔI và các bạn. Trong bài này, em có thể:
- Sử dụng hiệu quả các ghi chú (viết trên một vài mảnh giấy nhỏ) để lồng ghép những nội dung quan trọng.
- Sử dụng các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, ví-di-ô có-clip,...) để bài nói thú vị và hấp dẫn hơn.

3. SAU KHI NÓI

- Xem lại danh từ trao đổi về bài nói ở bài TÔI và các bạn. Ngoài ra, em có thể trao đổi thêm các nội dung sau:
- Sự phù hợp của việc sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (điều bộ, cử chỉ, nét mặt,...) với nội dung câu chuyện.
- Hiệu quả của các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, ví-di-ô có-clip,...) trong bài trình bày.

Củng cố, mở rộng

- Kể bằng vào vở theo mẫu sau và diễn thông tin ngắn gọn về hai văn bản Cỗ bẻ bẻ bẻ bẻ và Gió lạnh đầu mùa.

	Văn bản	Có bẻ bẻ bẻ bẻ	Gió lạnh đầu mùa
Đặc điểm			
Thể loại			
Nhân vật			
Người kể chuyện			

- Chọn một truyện kể em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:
 - Xác định người kể chuyện.
 - Tóm tắt cốt truyện.
 - Phân tích đặc điểm nổi bật ở một nhân vật mà em yêu thích.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Tình cảm mà tác giả muốn truyền tải qua văn bản.
- Những sự kiện chính được kể lại trong truyện.
- Đặc điểm của hai nhân vật chính (tên, tính cách, ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ, cảm xúc).
- Ý nghĩa những lời giảng giải của người kể chuyện.

90

ĐỌC MỞ RỘNG

- Tìm đọc một số truyện về đề tài tình bạn hay lòng nhân ái, khoan dung. Khi đọc, em cần chú ý chủ đề của truyện, người kể chuyện, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Tìm đọc một số bài thơ viết về tình cảm gia đình; chủ ý tình cảm, cảm xúc của nhà thơ cũng như cách sử dụng thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Trao đổi về những điều em thấy thú vị trong những tác phẩm truyện, thơ đã đọc.
- Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ em yêu thích.



95

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Hãy xem lại bài viết của em theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm nhận chung của người viết.	Nếu còn thiếu so với yêu cầu, hãy bổ sung.
Nếu được cảm xúc và ý kiến đánh giá về một đoạn văn của bài thơ có sử dụng yếu tố tu từ và miêu tả.	Sử dụng lại các câu hỏi ở mục tìm ý để biết được nội dung đoạn văn của em còn thiếu ý gì. Hãy bổ sung nếu có. Nếu hỏi bị bỏ quên, chưa được trả lời.
Bổ sung yếu cầu và chỉnh sửa và diễn đạt.	Rà soát lại chính tả và diễn đạt (sử dụng, đặt câu, sử dụng từ ngữ liên kết câu...). Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình

Qua các văn bản đọc ở bài TÔI và các bạn, em đã cảm nhận được ý nghĩa của gia đình đối với tất cả chúng ta. Em cũng đã viết đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ thể hiện tình cảm đẹp đẽ với gia đình. Nhưng trong thực tế, đời sống gia đình còn có nhiều vấn đề khác, có tình huống cần xử lý. Khiến chúng ta phải suy nghĩ. Sau đây, em sẽ nói về một vấn đề như vậy.

90

Củng cố, mở rộng ở cuối mỗi bài học là phần luyện tập tổng hợp một số kỹ năng và ôn lại những nội dung cơ bản đã học. Phần này học sinh có thể thực hiện ở nhà và trao đổi với thầy cô cùng các bạn sau khi đã tự hoàn thành nội dung học tập mà sách thiết kế.

Thực hành đọc là phần học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng được học trong bài để tự đọc một văn bản mới. Trước mỗi văn bản thực hành đọc có một số định hướng để hỗ trợ. Mỗi lần đọc văn bản ở mục này là một lần học sinh tiến dần đến mục tiêu trở thành một người đọc độc lập với những trải nghiệm và tưởng tượng riêng của mình.

Đọc mở rộng là phần học sinh tự tìm văn bản để đọc. Sách *Ngữ văn 6* thiết kế những trang riêng có hình bìa một số cuốn sách mà học sinh có thể tìm đọc. Những cuốn sách này gồm những văn bản thuộc cùng thể loại, kiểu văn bản và có nội dung gần gũi với những văn bản đã được học. Học sinh cũng cần tìm đọc những cuốn sách khác có thể loại, kiểu văn bản và nội dung tương tự.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang		
Hướng dẫn sử dụng sách	2	Thực hành tiếng Việt	48
Lời nói đầu	8	<i>Mây và sóng</i> (Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go)	49
Bài 1. Tôi và các bạn	10	Thực hành tiếng Việt	52
Đọc	11	<i>Bức tranh của em gái tôi</i> (Tạ Duy Anh)	53
<i>Bài học đường đời đầu tiên</i> (trích <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> , Tô Hoài)	12	Viết	57
Thực hành tiếng Việt	21	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả	57
<i>Nếu cậu muốn có một người bạn...</i> (trích <i>Hoàng tử bé</i> , Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri)	22	Nói và nghe	60
Thực hành tiếng Việt	29	Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình	60
<i>Bất nạt</i> (Nguyễn Thế Hoàng Linh)	30	Củng cố, mở rộng	62
Viết	32	Thực hành đọc	63
Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em	32	Bài 3. Yêu thương và chia sẻ	65
Nói và nghe	35	Đọc	66
Kể lại một trải nghiệm của em	35	<i>Cô bé bán diêm</i> (Han Cri-xti-an An-đéc-xen)	67
Củng cố, mở rộng	37	Thực hành tiếng Việt	73
Thực hành đọc	38	<i>Gió lạnh đầu mùa</i> (Thạch Lam)	74
Bài 2. Gõ cửa trái tim	42	Thực hành tiếng Việt	81
Đọc	43	<i>Con chào mào</i> (Mai Văn Phấn)	82
<i>Chuyện cổ tích về loài người</i> (Xuân Quỳnh)	44	Viết	84
		Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em	84

Nói và nghe	89
Kể về một trải nghiệm của em	89
Củng cố, mở rộng	90
Thực hành đọc	90
Đọc mở rộng	95
Bài 4. Quê hương yêu dấu	96
Đọc	97
<i>Chùm ca dao về quê hương đất nước</i>	98
Thực hành tiếng Việt	101
<i>Chuyện cổ nước mình</i> (Lâm Thị Mỹ Dạ)	102
<i>Cây tre Việt Nam</i> (Thép Mới)	104
Thực hành tiếng Việt	108
Viết	109
Tập làm một bài thơ lục bát	109
Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát	111
Nói và nghe	114
Trình bày ý kiến về tình cảm gắn bó của con người với quê hương	114
Củng cố, mở rộng	115
Thực hành đọc	116

Bài 5. Những nẻo đường xứ sở	118
Đọc	119
<i>Cô Tô</i> (trích <i>Cô Tô</i> , Nguyễn Tuân)	120
Thực hành tiếng Việt	124
<i>Hang Én</i> (Hà My)	125
Thực hành tiếng Việt	129
<i>Cửu Long Giang ta ơi</i> (trích <i>Cửu Long Giang ta ơi</i> , Nguyễn Hồng)	130
Viết	133
Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt	133
Nói và nghe	137
Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến	137
Củng cố, mở rộng	139
Thực hành đọc	139
Đọc mở rộng	142
ÔN TẬP HỌC KÌ I	143
Phụ lục 1: Bảng tra cứu thuật ngữ	147
Phụ lục 2: Giải thích một số thuật ngữ	148

LỜI NÓI ĐẦU

Các em thân mến!

Sách giáo khoa *Ngữ văn 6* sẽ đồng hành cùng các em trong năm học đầu tiên ở cấp Trung học cơ sở. *Ngữ văn 6* giúp các em phát triển hiệu quả năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học nhờ hệ thống ngữ liệu có tính thẩm mỹ cao, giàu tính nhân văn, gần gũi với thực tiễn cuộc sống, được khai thác thông qua các hoạt động dạy học thiết kế theo phương pháp dạy học ngữ văn hiện đại. Sách được biên soạn theo mô hình sách giáo khoa phát triển năng lực, đồng thời có kế thừa kinh nghiệm và thành tựu trong lĩnh vực nghiên cứu, biên soạn sách giáo khoa và dạy học Ngữ văn lâu nay tại Việt Nam. Các hoạt động đọc, viết, nói và nghe được thiết kế thành “xương sống” của mỗi bài học, kết nối chặt chẽ với nhau và với trung tâm của bài học là văn bản. Kiến thức văn học và kiến thức tiếng Việt được cung cấp như tri thức nền giúp học sinh có công cụ đọc hiểu nội dung và hình thức biểu đạt của các văn bản trong bài học. Thông qua việc đọc hiểu văn bản, rèn luyện kĩ năng viết, nói và nghe về những vấn đề được gợi ra từ văn bản đọc, các em cũng được phát triển những năng lực chung và những phẩm chất chủ yếu theo quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

Ngữ văn 6 thiết kế các bài học theo cách lồng ghép hệ thống chủ điểm với hệ thống các thể loại, kiểu văn bản. Cách triển khai này vừa bảo đảm mục tiêu phát triển hiệu quả năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho HS, vừa khơi gợi được trải nghiệm, hứng thú của người học, qua đó bồi dưỡng cho các em những đức tính, phẩm chất tốt đẹp. Với *Ngữ văn 6*, tập một, qua các văn bản truyện ngắn, thơ, kí trong các bài học *Tôi và các bạn*, *Gõ cửa trái tim*, *Yêu thương và chia sẻ*, *Quê hương yêu dấu*, *Những nẻo đường xứ sở*, các em sẽ thấu hiểu được chính mình, biết yêu hơn gia đình, bạn bè, quê hương và nuôi dưỡng lòng nhân ái, khoan dung đối với con người. *Ngữ văn 6*, tập hai đưa các em đến với các truyền thuyết về những người anh hùng có khát vọng cao cả, lập được chiến công phi thường vì cộng đồng qua *Chuyện kể về những người anh hùng*; hiểu sâu sắc

hơn về giá trị đạo đức và nhân sinh qua các câu chuyện quen thuộc của *Thế giới cổ tích*. Các em cũng có cơ hội bày tỏ ý kiến về những vấn đề trong cuộc sống, có ý thức tôn trọng sự khác biệt và đa dạng của cuộc sống qua bài *Khác biệt và gần gũi*; học cách tiếp cận và phân tích thông tin để có cách ứng xử đúng đắn với con người và thiên nhiên qua bài *Trái Đất – ngôi nhà chung*. Cuối cùng, *Cuốn sách tôi yêu*, một bài học được thiết kế dưới dạng “dự án đọc sách”, sẽ mang lại cho các em những khoảnh khắc đầy hứng thú với những trang sách được các em yêu thích và lựa chọn. Các em không chỉ đọc mà còn được “gặp gỡ” nhà văn, sáng tạo cùng tác giả, bộc lộ tình yêu và niềm đam mê với sách – người bạn, người thầy thân thiết của mỗi học sinh.

Sách giáo khoa *Ngữ văn 6* được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học, từ cách gắn kết kiến thức với thực tiễn đến cách tổ chức hoạt động học của các em học sinh,... Với các bài học trong *Ngữ văn 6*, các em sẽ có những trải nghiệm khó quên trên hành trình khám phá vẻ đẹp của ngôn ngữ và văn học, qua đó hiểu hơn về con người và cuộc sống.

Sách tuân thủ quy định viết hoa theo Nghị định 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 3 năm 2020. Hệ thống đề mục được trình bày tường minh, thiết kế đẹp mắt. Tranh ảnh minh hoạ được chọn lọc kĩ, bảo đảm yêu cầu thẩm mỹ, hỗ trợ tốt cho việc tiếp nhận bài học bằng cả kênh chữ và kênh hình.

Chúc các em có nhiều niềm vui và thành công trong học tập!

Các tác giả

TÔI VÀ CÁC BẠN

- *Hạnh phúc đi đâu đấy?*
- *Đến chỗ có tình bạn!*

(Ngạn ngữ phương Tây)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Tình bạn là một món quà kì diệu của cuộc sống. Tình bạn sưởi ấm tâm hồn con người và khiến cho thế giới quanh ta trở nên phong phú, đẹp đẽ. Ai mà không mong ước được đón nhận và gìn giữ mãi món quà kì diệu ấy?
- Qua các câu chuyện thú vị trong bài học này, em có thể hiểu thêm: Điều gì khiến chúng ta trở thành bạn của nhau? Tình bạn sẽ thay đổi cuộc sống của chúng ta ra sao? Cần đối xử như thế nào với bạn để bản thân mình hạnh phúc và cũng mang đến niềm vui cho người khác?

VỚI CUỘC SỐNG



MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, biết viết văn bản bảo đảm các bước.
- Biết nói về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
- Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyện và truyện đồng thoại

- Truyện là loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.
- Truyện đồng thoại là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hoá. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa mang đặc điểm của con người.

Cốt truyện

- Cốt truyện là yếu tố quan trọng của truyện kể, gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định; có mở đầu và kết thúc.

Nhân vật

- Nhân vật là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,... được nhà văn khắc hoạ trong tác phẩm. Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, con vật, đồ vật,...

Người kể chuyện

- Người kể chuyện là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện. Người kể chuyện có thể xưng “tôi” (người kể chuyện ngôi thứ nhất) và kể về những gì mình trực tiếp chứng kiến, tham gia. Người kể chuyện cũng có thể “giấu mình” (người kể chuyện ngôi thứ ba), không tham gia vào câu chuyện nhưng lại có khả năng “biết hết” mọi chuyện.

Lời người kể chuyện và lời nhân vật

- Lời người kể chuyện đảm nhận việc thuật lại các sự việc trong câu chuyện, bao gồm cả việc thuật lại mọi hoạt động của nhân vật.
- Lời nhân vật là lời nói trực tiếp của nhân vật (đối thoại, độc thoại), có thể được trình bày tách riêng hoặc xen lẫn với lời người kể chuyện.

Từ đơn và từ phức

- Từ đơn là từ chỉ có một tiếng.
- Từ phức là từ gồm hai hoặc nhiều hơn hai tiếng. Những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa được gọi là từ ghép. Những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng được gọi là từ láy.

VĂN BẢN ĐỌC

- *Bài học đường đời đầu tiên* (trích *Đế Mèn phiêu lưu kí*), Tô Hoài
- *Nếu cậu muốn có một người bạn...* (trích *Hoàng tử bé*), Ăng-tơn đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri (Antoine de Saint-Exupéry)
- *Bắt nạt*, Nguyễn Thế Hoàng Linh

Bài học đường đời đầu tiên⁽¹⁾

Trích *Đế Mèn phiêu lưu kí*, TÔ HOÀI

Trước khi đọc

1. Có thể em đã từng đọc một truyện kể hay xem một bộ phim nói về những sai lầm và sự ân hận. Khi đọc, xem, em đã có những suy nghĩ gì?
2. Chia sẻ với các bạn vài điều em thấy chưa hài lòng khi nghĩ về bản thân.

⁽¹⁾ Nhan đề được đặt dựa theo lời kể trong đoạn trích.

Độc văn bản

Đế Mèn phiêu lưu kí là truyện đồng thoại xuất sắc nhất của Tô Hoài. Năm 1941, Tô Hoài xuất bản truyện *Con Đế Mèn*; sau đó tác giả viết thêm *Đế Mèn phiêu lưu kí*. Năm 1954, nhà văn gộp hai tác phẩm trên thành *Đế Mèn phiêu lưu kí*, gồm mười chương. Bốn chương đầu kể về lai lịch và những bài học, những biến cố bất ngờ trên đường đời của Đế Mèn. Sáu chương sau kể về các cuộc phiêu lưu kì thú của Đế Mèn với người bạn thân Đế Trũi.

Văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* được trích từ chương 1 với tiêu đề:

● *Tôi sống độc lập từ thuở bé – Một sự ngộ nghich đáng ân hận suốt đời.*

(1)

Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm⁽¹⁾ bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt.

THEO DÕI Chú ý các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, hành động của nhân vật Đế Mèn.

Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoãn⁽²⁾ bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ⁽³⁾ lên, đã nghe tiếng phanh phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to ra và nổi từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng⁽⁴⁾. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con về cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu.

(1) *Mẫm*: béo tròn, đầy đặn.

(2) *Hủn hoãn*: ngắn đến mức khó coi.

(3) *Vũ*: múa, ở đây có nghĩa là vỗ cánh.

(4) *Hùng dũng*: mạnh mẽ, hiên ngang, can đảm, mạnh bạo (*hùng*: có sức mạnh; *dũng*: can đảm, mạnh bạo).

Tôi đi đứng oai vệ. Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy⁽¹⁾ các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu. Cho ra kiểu cách con nhà võ. Tôi tợn⁽²⁾ lắm. Dám cà khịa⁽³⁾ với tất cả mọi bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhịn, không ai đáp lại. Bởi vì quanh quẩn, ai cũng quen thuộc mình cả. Không nói, có lẽ họ nể hơn là sợ. Nhưng tôi lại tưởng thế là không ai dám ho he⁽⁴⁾. Ấy vậy, tôi cho là tôi giỏi. Những gã xốc nổi⁽⁵⁾ thường lắm cử chỉ ngông cuồng là tài ba.

Tôi đã quát mấy chị Cào Cào ngụ⁽⁶⁾ ngoài đầu bờ, khiến mỗi lần thấy tôi đi qua, các chị phải núp khuôn mặt trái xoan dưới nhánh cỏ, chỉ dám đưa mắt lên nhìn trộm. Thỉnh thoảng, tôi ngửa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó⁽⁷⁾ lấm lạp vừa ngơ ngác dưới đầm lên. Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi.



(2)

Chao ôi, có biết đâu rằng: hung hăng, hống hách lão chỉ tổ đem thân mà trả nợ những cử chỉ ngu dại của mình thôi. Tôi đã phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi, mà còn ân hận quá, ân hận mãi. Thế mới biết, nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc đại đột, dù về sau có hối⁽⁸⁾ cũng không thể làm lại được.

(1) *Dún dẩy* (như *nhún nhảy*): chuyển động nhẹ, theo chiều lên xuống, nhấp nhàng.

(2) *Tợn*: bạo dạn đến mức liều lĩnh, không biết sợ hãi là gì.

(3) *Cà khịa*: cố ý gây sự để cãi nhau, đánh nhau.

(4) *Ho he*: tỏ ý muốn chống lại (bằng lời nói hoặc cử chỉ).

(5) *Xốc nổi*: hăng hái nhưng thiếu chín chắn.

(6) *Ngụ*: ở, sinh sống.

(7) *Gọng Vó*: loài côn trùng chân dài, có thể di chuyển trên mặt nước như đi trên cạn.

(8) *Hối*: cảm thấy tiếc và băn khoăn, ăn năn, day dứt vì đã trót làm điều có lỗi.

Câu chuyện ân hận đầu tiên mà tôi ghi nhớ suốt đời.

Bên hàng xóm tôi có cái hang của Dế Choắt. Dế Choắt là tên tôi đã đặt cho nó một cách chế giễu và trịch thượng⁽¹⁾ thế. Choắt nọ có lẽ cũng trạc tuổi tôi. Nhưng vì Choắt bẩm sinh yếu đuối nên tôi coi thường và gã cũng sợ tôi lắm.

Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nhêu như một gã nghiện thuốc phiện⁽²⁾. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê⁽³⁾. Đôi càng bè bè⁽⁴⁾, nặng nề, trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẩu, và mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ. Đã vậy, tính nết lại ăn xối ở thì⁽⁵⁾ (thật chỉ vì ốm đau luôn, không làm được), có một cái hang ở cũng chỉ bới nông sát mặt đất, không biết đào sâu rồi khoét ra nhiều ngách như hang tôi.

Một hôm, tôi sang chơi, thấy trong nhà lượm lặt, bẽ bộn, tôi bảo:

– Sao chú mày sinh sống cầu thả⁽⁶⁾ quá như thế! Nhà cửa đâu mà tuềnh toàng⁽⁷⁾. Ngộ có kẻ nào đến phá thì thật chú chết ngay đuôi⁽⁸⁾! Này thử xem:

DỰ ĐOÁN Em dự đoán thế nào về sự việc sắp được kể?



THEO DÕI Chú ý những lời đối thoại giữa Dế Mèn và Dế Choắt.

(1) *Trịch thượng*: ra vẻ bề trên, khinh thường người khác.

(2) *Thuốc phiện*: cây thường trồng ở vùng cao, lá mọc so le, hoa nhiều màu sắc, thân và quả cho một thứ nhựa dùng để chế thuốc hoặc để hút; là chất kích thích thần kinh, gây nghiện; bị cấm trồng, cấm buôn bán và sử dụng.

(3) *Gi-lê* (phiên âm từ tiếng Pháp): áo chên, không tay, không cổ, cài khuy ở phía trước, ngắn đến thắt lưng, thường mặc ngoài áo sơ mi.

(4) *Bè bè*: có bề ngang rộng quá mức bình thường (thường nói về thân thể hoặc bộ phận của thân thể).

(5) *Ăn xối ở thì*: cách sống tạm bợ cho qua ngày, không tính đến ổn định lâu dài (*xối*: tạm thời, chóng vánh; *ăn xối*: ăn ngay, có ngày nào ăn ngày ấy; *ở thì*: sống tạm bợ).

(6) *Cầu thả*: không cẩn thận, chỉ qua quýt cốt cho xong.

(7) *Tuềnh toàng*: đơn sơ, trống trải, tạm bợ.

(8) *Chết ngay đuôi*: chết ngay lập tức, không kịp phản ứng gì (*ngay*: ở tư thế thẳng đờ, không cử động; *ngay đuôi*: đuôi ở tư thế thẳng đờ ra).

khi chú chui vào tổ, lưng chú phải lom còm đụng sát lên tận mặt đất, làm cho ai trên vệ cỏ nhìn sang cũng biết chú đang đi đứng chỗ nào trong tổ. Phòng thử⁽¹⁾ có thằng chim Cắt nó nhòm thấy, nó tưởng mỗi, nó mổ một phát, nhất định trúng giữa lưng chú, thì chú có mà đi đời! Ôi thôi, chú mày ơi! Chú mày có lớn mà chẳng có khôn.

Ngắm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng tôi. Còn Dế Choắt than thở thế nào, tôi cũng không để tai. Hồi ấy, tôi có tính tự đắc⁽²⁾, cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết nghe ai, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không.

Dế Choắt trả lời tôi bằng một giọng rất buồn rầu:

– Thưa anh, em cũng muốn khôn nhưng khôn không được. Đụng đến việc là em thờ rỗi, không còn hơi sức đâu mà đào bới nữa. Lắm khi em cũng nghĩ nỗi nhà của như thế này là nguy hiểm, nhưng em nghèo sức quá, em đã nghĩ rờn rã hàng mấy tháng cũng không biết làm thế nào. Hay là bây giờ em nghĩ thế này... Song anh có cho phép nói em mới dám nói...

Rồi Dế Choắt loanh quanh, bần khoản. Tôi phải bảo:

– Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.

Dế Choắt nhìn tôi mà rằng:

– Anh đã nghĩ thương em như thế thì hay là anh đào giúp cho em một cái ngách sang bên nhà anh, phòng khi tắt lửa tối đèn⁽³⁾ có đứa nào đến bắt nạt thì em chạy sang...

Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài. Rồi, với điệu bộ khinh khỉnh, tôi mắng:

– Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết!

Tôi về, không một chút bận tâm.

(1) *Phòng thử*: từ nêu giả thiết với ý khẳng định, tương tự như các từ *giả thử*, *giả dụ*,...

(2) *Tự đắc*: tự cho mình là hay, là giỏi.

(3) *Tắt lửa tối đèn*: chỉ tình huống bất trắc, khó khăn, cần sự giúp đỡ của những người xung quanh.

(3)

Một buổi chiều, tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống.

Mấy hôm nọ, trời mưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông. Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tập nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le⁽¹⁾, sâm cầm⁽²⁾, vịt trời, bồ nông, mòng, két⁽³⁾ ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép. Có những anh Cò gầy vêu vao ngày ngày bị bơm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào. Khổ quá, những kẻ yếu đuối, vật lộn cật lực thế mà cũng không sống nổi. Tôi đứng trong bóng nắng chiều toả xuống ánh nước cửa hang mà suy nghĩ việc đời như thế.



Bỗng thấy chị Cốc từ dưới mặt nước bay lên, đến đậu gần hang tôi, cách có mấy bước. Chùng rớ⁽⁴⁾ được món nào, vừa chén xong, chị ta tìm đến đứng chỗ mát rỉa lông, rỉa cánh và chùi mềp.

Tính tôi hay nghịch ranh⁽⁵⁾. Chẳng bận đến tôi, tôi cũng nghĩ mưu trên chị Cốc. Tôi cất tiếng gọi Đế Choắt. Nghe tiếng thưa, tôi hỏi:

THEO DÕI Lúc rừ Đế Choắt trên chị Cốc, Đế Mèn có nghĩ đến hậu quả không?

(1) *Le*: (thường gọi là *le le*) chim sống ở nước, hình dạng giống vịt nhưng nhỏ hơn, có mỏ nhọn.

(2) *Sâm cầm*: chim sống ở nước, mỏ trắng, lông đen, sống ở phương bắc, trú đông ở phương nam.

(3) *Mòng, két*: chim có hình dạng như vịt nhưng nhỏ hơn, sống ở phương bắc, trú đông ở phương nam.

(4) *Rớ*: gặp được, bắt được, có được một cách dễ dàng, ngẫu nhiên.

(5) *Nghịch ranh*: trò nghịch ngợm tình quái đáng lẽ không nên hoặc không được phép vì có thể gây hại.

- Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không?
- Đùa trò gì? Em đương lên cơn hen đây, hừ hừ...
- Đùa chơi một tí.
- Hừ... hừ... Cái gì thế?
- Con mụ Cốc kia kìa.

Dế Choắt ra cửa, hé mắt nhìn chị Cốc. Rồi hỏi tôi:

- Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy hả?
- Ừ.

- Thôi thôi... hừ hừ... Em xin vái cả sáu tay. Anh đừng trêu vào... Anh phải sợ...

Tôi quắc mắt:

- Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa!
- Thưa anh, thế thì,... hừ hừ... em xin sợ. Mời anh cứ đùa một mình thôi.

Tôi lại mắng Dế Choắt và bảo:

- Giương mắt ra xem tao trêu con mụ Cốc đây này.

Tôi rình đến lúc chị Cốc rửa cánh quay đầu lại phía cửa tổ tôi, tôi cất giọng véo von:

*Cái Cò, cái Vạc, cái Nông,
Ba cái cùng béo, vật lông cái nào?
Vật lông cái Cốc cho tao,
Tao nấu, tao nướng, tao xào, tao ăn.*

Chị Cốc thoát nghe tiếng hát từ trong đất vắng vắng lên, không hiểu như thế nào, giật nảy hai đầu cánh, muốn bay. Đến khi định thần⁽¹⁾ lại, chị mới trợn tròn mắt, giương cánh lên như sắp đánh nhau. Chị lò dò về phía cửa hang tôi, hỏi:

- Đứa nào cạnh khoé⁽²⁾ gì tao thế? Đứa nào cạnh khoé gì tao thế?

Tôi chui tọt ngay vào hang, lên giường nằm khểnh bắt chân chữ ngũ⁽³⁾. Bụng nghĩ thú vị: “Mày tức thì mày cứ tức, mày ghè vỡ đầu mày ra cho nhỏ đi,

(1) *Định thần*: làm cho tinh thần trở lại trạng thái thăng bằng bình thường.

(2) *Cạnh khoé*: (lối nói, cách nói) không nói thẳng ra mà nói vòng vo, nói xa nói gần một cách không thân thiện, có ác ý.

(3) *Bắt chân chữ ngũ*: vắt chân này lên chân kia, giống hình chữ ngũ (五) trong chữ Hán (*ngũ*: năm).

nhỏ đến đâu thì mày cũng không chui nổi vào tổ tao đâu!”

Một tai họa đến mà đứa ích kỉ thì không thể biết trước được. Đó là: không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt đang loay hoay trong cửa hang. Chị Cốc liến quất lớn:

- Mày nói gì?
- Lạ chị, em nói gì đâu!
- Rồi Dế Choắt lúi vào.
- Chối hả? Chối này! Chối này!

Mỗi câu “Chối này” chị Cốc lại giáng một mỏ xuống. Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất. Rúc trong hang mà bị trúng hai mỏ, Choắt queo xương sống lăn ra kêu văng. Núp tận đáy đất mà tôi cũng khiếp, nằm im thít. Như đã hả cơn tức, chị Cốc đứng rửa lông cánh một lát nữa rồi lại bay là xuống đầm nước, không chút để ý đến cảnh khổ đau vừa gây ra.

Biết chị Cốc đi rồi, tôi mới mon men bò lên. Trông thấy tôi, Dế Choắt khóc thảm thiết.

Tôi hỏi một câu ngớ ngẩn:

- Sao? Sao?

Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp. Thấy thế tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than rằng:

– Nào tôi đâu biết cơ sự⁽¹⁾ lại ra nông nổi này! Tôi hối lắm. Tôi hối hận lắm! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ?



THEO DÕI Điều gì đã xảy ra với Dế Choắt? Dế Mèn đã làm gì khi chứng kiến điều đó?

THEO DÕI Chú ý những từ ngữ miêu tả cảm xúc của Dế Mèn.

(1) Cơ sự: sự tình, sự việc không hay đã xảy ra.

Tôi không ngờ Dế Choắt nói với tôi một câu như thế này:

– Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.

Tôi đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tum⁽¹⁾. Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.

(Tô Hoài – Tác phẩm văn học được Giải thưởng Hồ Chí Minh, quyển hai, NXB Văn học, Hà Nội, 2005, tr. 874 – 880)

Sau khi đọc

TÔ HOÀI

- Tô Hoài (1920 – 2014) tên khai sinh là Nguyễn Sen, quê ở Hà Nội. Ông là nhà văn có vốn sống rất phong phú; năng lực quan sát và miêu tả tinh tế; lối văn giàu hình ảnh, nhịp điệu; ngôn ngữ chân thực, gần gũi với đời sống. Tô Hoài đóng góp cho nền văn học Việt Nam hiện đại hơn 100 tác phẩm, trong đó có nhiều truyện viết cho thiếu nhi như: *Võ sĩ Bọ Ngựa*, *Dế và Lợn*, *Đôi ri đá*, *Dế Mèn phiêu lưu kí*, *Đảo hoang*, *Chuyện nỏ thần*, *Nhà Chử*,...

- *Dế Mèn phiêu lưu kí* là truyện đồng thoại nổi tiếng nhất của Tô Hoài, được trẻ em rất yêu thích.



Em có biết?

- *Dế Mèn phiêu lưu kí* là tác phẩm văn học Việt Nam được dịch ra gần 40 thứ tiếng trên thế giới.
- *Dế Mèn phiêu lưu kí* đã được chuyển thể thành truyện tranh, phim hoạt hình và được nhiều họa sĩ vẽ minh họa.

⁽¹⁾ Bùm tum (như um tùm): (cây cối) rậm rạp, sum sê.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Đó là người kể chuyện ngôi thứ mấy?
2. Đọc phần một đoạn trích, nêu một số chi tiết miêu tả Đế Mèn nhưng đồng thời khiến em liên tưởng tới đặc điểm của con người. Lối miêu tả này thường được sử dụng ở loại truyện nào?
3. Em thích hoặc không thích điều gì trong cách Đế Mèn miêu tả và đánh giá về bản thân ở phần một? Vì sao?
4. Đế Mèn đã nói gì khi sang thăm nhà Đế Choắt và khi Đế Choắt nhờ giúp đỡ? Những lời nói đó thể hiện thái độ gì của Đế Mèn?
5. Chứng kiến cái chết của Đế Choắt, Đế Mèn đã có những cảm xúc, suy nghĩ gì? Những cảm xúc, suy nghĩ đó cho thấy sự thay đổi nào ở Đế Mèn?
6. Theo em, từ những trải nghiệm đáng nhớ, Đế Mèn đã rút ra được bài học gì?
7. Nêu hình dung của em về nhân vật Đế Choắt. Nếu gặp một người bạn có đặc điểm giống như Đế Choắt, em sẽ đối xử với bạn như thế nào?

Viết kết nối với đọc

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể lại một sự việc trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* bằng lời của một nhân vật do em tự chọn.

Thực hành tiếng Việt

TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC

1. Kẻ bảng sau vào vở và điền các từ in đậm trong đoạn văn vào ô phù hợp:

Đôi cánh **tôi**, trước kia ngắn **hùn hoản** bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã **nghe tiếng phành phạch giòn giòn**. Lúc tôi đi bách bộ thì cả **người tôi rung rinh** một màu nâu **bóng mỡ** soi gương được và rất **ưa nhìn**.

Từ đơn	Từ phức	
	Từ ghép	Từ láy

Nhận biết từ đơn và từ phức

- Đọc các từ sau: *tôi, đế, dĩ, ăn uống, nhọn hoắt, xơ xác, lêu nghêu, bẻ bẻ,...* *Tôi, đế, dĩ* là những từ đơn vì mỗi từ chỉ có một tiếng. *Ăn uống, nhọn hoắt, xơ xác, lêu nghêu, bẻ bẻ* là những từ phức vì mỗi từ gồm hai tiếng.
- Các từ *ăn uống, nhọn hoắt* là từ ghép vì các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa. Các từ *xơ xác, lêu nghêu, bẻ bẻ* là từ láy vì giữa các tiếng có quan hệ láy âm. Quan hệ láy âm giữa các tiếng có thể là: giống nhau về âm đầu (*xơ xác*), vần (*lêu nghêu*) hoặc cả âm đầu và vần (*bẻ bẻ*).

2. Trong *Bài học đường đời đầu tiên* có những từ láy mô phỏng âm thanh như: *véo von, hừ hừ*. Hãy tìm thêm những từ láy khác thuộc loại này ở trong văn bản.
3. Tìm và nêu tác dụng của từ láy trong các câu sau:
- *Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ.*
 - *Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.*
 - *Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu.*

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

4. Từ ngữ trong *Bài học đường đời đầu tiên* được dùng rất sáng tạo. Một số từ ngữ được dùng theo nghĩa khác với nghĩa thông thường, chẳng hạn *nghèo* trong *nghèo sức, mưa dầm sùi sụt* trong *điệu hát mưa dầm sùi sụt*. Hãy giải thích nghĩa thông thường của *nghèo, mưa dầm sùi sụt* và nghĩa trong văn bản của những từ ngữ này.
5. Đặt câu với mỗi thành ngữ sau: *ăn xổi ở thì, tắt lửa tối đèn, hôi như cú mèo*.

BIỆN PHÁP TU TỪ

6. Trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* có những hình ảnh so sánh thú vị, sinh động. Hãy tìm một số câu văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong văn bản này và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Nếu cậu muốn có một người bạn⁽¹⁾...

Trích *Hoàng tử bé*, ĂNG-TOAN ĐƠ XANH-TƠ Ê-XU-PE-RI

Trước khi đọc

1. Hãy ghi lại một số từ miêu tả cảm xúc của em khi nghĩ về một người bạn thân. Điều gì khiến các em trở thành đôi bạn thân?
2. Em và người bạn thân ấy đã làm quen với nhau như thế nào?

⁽¹⁾ Nhan đề do người biên soạn đặt.

Độc văn bản

Hoàng tử bé gồm 27 chương, kể về câu chuyện diễn ra ở sa mạc Sa-ha-ra (Sahara) “hoang vu không một bóng người”. Người kể chuyện là nhân vật “tôi” – một phi công bị rơi máy bay trên sa mạc nên đã có cơ hội được gặp và kết bạn với nhân vật chính của truyện kể này – một hoàng tử từ hành tinh khác tới. Hoàng tử bé đã phiêu lưu tới nhiều hành tinh khác nhau, phát hiện nhiều điều thú vị và ném trái cả những thất vọng, đau khổ. Cuối cùng, cậu quyết định quay trở về hành tinh của mình với bông hồng “duy nhất”... Câu chuyện của hoàng tử bé đã được nhân vật “tôi” kể lại để “không cho phép mình quên đi” vì “Thật buồn nếu quên đi một người bạn!”.

Đoạn trích *Nếu cậu muốn có một người bạn...* (chương XXI) kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa hoàng tử bé và một con cáo trên Trái Đất. Cuộc gặp gỡ này đã mang đến cho cả hai những món quà quý giá.

Thế rồi một con cáo xuất hiện⁽¹⁾:

- Xin chào, – con cáo nói.
 - Xin chào, – hoàng tử bé lịch sự trả lời rồi quay người lại nhưng không nhìn thấy gì.
 - Mình ở đây, – giọng nói vang lên, – dưới cây táo...
 - Bạn là ai? – Hoàng tử bé hỏi. – Bạn dễ thương quá...
 - Mình là cáo, – con cáo trả lời.
 - Lại đây chơi với mình đi, – hoàng tử bé đề nghị nó. – Mình buồn quá...
 - Mình không thể chơi với bạn được, – con cáo nói. – Mình chưa được cảm hoá⁽²⁾.
 - À! Xin lỗi! – Hoàng tử bé thốt lên.
- Nhưng sức nhớ ra, cậu hỏi lại:
- “Cảm hoá” nghĩa là gì?

THEO DÕI Những lời đối thoại giữa hoàng tử bé và cáo.

THEO DÕI Chú ý từ “cảm hoá” mỗi khi nó xuất hiện.

(1) Khi vừa đến Trái Đất, hoàng tử bé nhìn thấy một vườn hoa hồng và nhận ra rằng ở hành tinh của mình, cậu chỉ có “một bông hoa tầm thường”. Phát hiện này khiến cậu buồn bã, thất vọng, nằm dài trên cỏ và khóc. Đúng lúc đó thì con cáo xuất hiện.

(2) *Cảm hoá*: dùng tình cảm tốt đẹp làm cho một đối tượng nào đó cảm phục mà nghe theo, làm theo, chuyển biến theo hướng tích cực. (Nguyên văn tiếng Pháp: *apprivoisé*, để dịch động từ này, các dịch giả đã chọn dùng nhiều từ khác nhau như: *thuần hoá, thuần dưỡng, tamed, cảm hoá,...*).

– Bạn không phải người ở đây, – con cáo nói, – bạn đi tìm gì vậy?

– Mình đi tìm con người. – Hoàng tử bé nói. – “Cảm hoá” nghĩa là gì?

– Con người, – con cáo nói, – họ có súng và họ đi săn. Thật là phiền toái! Họ còn nuôi gà nữa. Đó là chuyện được nhất ở họ. Bạn có tìm gà không?

– Không, mình đi tìm bạn bè. “Cảm hoá” nghĩa là gì?

– Đó là thứ bị lãng quên lâu lắm rồi. Nó có nghĩa là “làm cho gần gũi hơn...”.

– Làm cho gần gũi hơn?

– Chứ sao, – con cáo lên giọng. – Bạn đối với mình mới chỉ là một cậu bé giống như cả trăm nghìn cậu bé. Và mình không cần đến bạn. Còn bạn cũng chẳng cần gì đến mình. Mình đối với bạn chỉ là một con cáo giống như cả trăm nghìn con cáo. Nhưng, nếu bạn cảm hoá mình, tội mình sẽ cần đến nhau. Lúc đó bạn đối với mình sẽ là duy nhất trên đời. Mình đối với bạn sẽ là duy nhất trên đời...

– Mình bắt đầu hiểu rồi. Có một bông hoa⁽¹⁾... Mình nghĩ là nó đã cảm hoá mình...

– Có thể lắm. Trên Trái Đất người ta thấy đủ thứ chuyện...

– Ồ! Không phải trên Trái Đất, – hoàng tử bé nói.

Con cáo tỏ ra rất tò mò:

– Trên một hành tinh khác?

– Đúng vậy.

– Có thợ săn trên hành tinh đó không?

– Không.

– Chuyện này, đúng là thú vị! Còn gà?

– Không.

– Chẳng có gì là hoàn hảo, – con cáo thở dài.

Nhưng rồi nó quay lại với ý nghĩ lúc nãy:

– Cuộc sống của mình thật đơn điệu. Mình săn gà, con người săn mình. Mọi con gà đều giống nhau, mọi con người đều giống nhau. Cho nên mình hơi chán.

THEO DÕI Cảm nhận khác nhau của cáo về tiếng những bước chân và về cánh đồng lúa mì.

⁽¹⁾ Bông hoa: bông hoa hồng duy nhất trên hành tinh của hoàng tử bé, được cậu chăm sóc, yêu thương.



Bởi vậy, nếu bạn cảm hoá mình, xem như đời mình đã được chiếu sáng. Mình sẽ biết thêm một tiếng chân khác hẳn mọi bước chân khác. Những bước chân khác chỉ khiến mình trốn vào lòng đất. Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như là tiếng nhạc. Và nhìn xem! Bạn thấy không, cánh đồng lúa mì đang kia? Mình không ăn bánh mì. Lúa mì chả có ích gì cho mình. Những đồng lúa mì chẳng gọi nhớ gì cho mình cả. Mà như vậy thì buồn quá! Nhưng bạn có mái tóc vàng óng. Nếu bạn cảm hoá mình thì thật là tuyệt vời! Lúa mì vàng óng ả sẽ làm mình nhớ đến bạn. Và mình sẽ thấy thích tiếng gió trên đồng lúa mì...

Con cáo ngừng lời và nhìn hoàng tử bé chăm chú. Nó nói:

- Bạn làm ơn... cảm hoá mình đi!
- Mình muốn lắm, – hoàng tử bé trả lời, – nhưng mình không có thời gian. Mình còn phải đi kiếm bạn bè và tìm hiểu nhiều thứ.
- Người ta chỉ hiểu những gì họ đã cảm hoá. [...] Nếu muốn có một người bạn, hãy cảm hoá mình đi!
- Cần phải làm sao? – Hoàng tử bé hỏi.
- Cần phải rất kiên nhẫn, – con cáo trả lời. – Trước tiên bạn ngồi xa mình một chút, như thế, trên cỏ. Mình sẽ liếc nhìn bạn còn bạn thì không nói gì cả. Lời nói là nguồn gốc của mọi sự hiểu lầm. Nhưng mỗi ngày, bạn có thể ngồi xích lại gần hơn...

THEO DÕI Cáo đã chỉ cho hoàng tử bé cách “cảm hoá” mình như thế nào?

Hôm sau hoàng tử bé quay lại.

– Tốt nhất là bạn nên quay lại vào cùng giờ giấc, – con cáo nói. – Chẳng hạn, nếu bạn đến lúc bốn giờ chiều, thì từ ba giờ mình đã bắt đầu thấy hạnh phúc. Thời giờ càng trôi qua mình lại càng hạnh phúc hơn. Cho tới bốn giờ, mình sẽ trở nên bồn chồn và lo lắng: mình sẽ khám phá ra cái giá của hạnh phúc! Nhưng nếu bạn đến bất kì lúc nào, mình sẽ không biết giờ giấc để sửa soạn trái tim...

THEO DÕI Câu văn nào cho thấy cáo vô cùng hạnh phúc khi được gặp một người bạn?

[...] Cứ thế, hoàng tử bé cảm hoá con cáo. Khi gần đến lúc phải ra đi, con cáo nói:

- A!... Mình sẽ khóc mất.
- Lỗi do bạn đó, – hoàng tử bé nói, – mình không muốn làm bạn đau lòng chút nào, nhưng bạn lại muốn mình cảm hoá bạn...
- Tất nhiên rồi, – con cáo nói.
- Nhưng bạn sẽ khóc, – hoàng tử bé nói.
- Tất nhiên rồi, – con cáo nói.
- Vậy thì bạn chẳng được gì cả.
- Mình được chứ, – con cáo nói, – bởi vì còn có màu lúa mì.

Sau đó nó nói thêm:

– Hãy thăm lại vườn hoa hồng đi! Bạn sẽ hiểu rằng bông hoa của bạn là duy nhất trên đời. Rồi khi bạn quay lại vĩnh biệt mình, mình sẽ tặng bạn một bí mật làm quà.



Hoàng tử bé đi thăm lại vườn hoa hồng:

– Các bạn chẳng giống bông hồng của tôi chút nào, các bạn chưa là gì cả, – cậu nói với chúng. – Chẳng ai cảm hoá các bạn và các bạn chẳng cảm hoá ai. Các bạn giống như bạn cáo của tôi ngày trước. Hồi đó bạn ấy chỉ là một con cáo như cả trăm ngàn con khác. Nhưng tôi đã biến bạn ấy thành bạn của tôi, và bây giờ bạn ấy trở thành duy nhất trên đời.

THEO DÕI Điều gì khiến những bông hồng trên Trái Đất và bông hồng của hoàng tử bé khác hẳn nhau?

Các bông hoa nghe vậy rất lấy làm bức dọc.

– Các bạn đẹp, nhưng các bạn trống rỗng, – cậu nói tiếp với chúng. – Chẳng ai muốn chết vì các bạn. Còn bông hoa của tôi, dĩ nhiên người bình thường đi qua có thể tưởng rằng bạn ấy giống như các bạn. Nhưng chỉ một mình bạn ấy mà còn quan trọng hơn tất cả các bạn ở đây, bởi vì chính bạn ấy đã được tôi vun tưới. Bởi vì chính bạn ấy đã được tôi đặt vào lồng kính. Bởi vì chính bạn ấy đã được tôi che chở bằng tấm chắn gió. Bởi vì chính bạn ấy đã được tôi bắt sâu (trừ hai ba con để trở thành bướm bướm). Bởi vì chính bạn ấy đã khiến tôi nghe phàn nàn, hoặc khoe khoang, hoặc cũng có khi im lặng. Bởi vì đó là bông hồng của tôi.

Rồi cậu quay lại chỗ con cáo:

– Vĩnh biệt, – cậu nói...

– Vĩnh biệt, – con cáo nói. – Đây là bí mật của mình. Rất đơn giản: người ta chỉ thấy rõ với trái tim. Điều cốt lõi⁽¹⁾ vô hình trong mắt trần⁽²⁾.

THEO DÕI Hoàng tử bé đã nhắc lại lời nói nào của cáo?

– Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần, – hoàng tử bé lặp lại, để cho nhớ.

– Chính thời gian mà bạn bỏ ra cho bông hồng của bạn đã khiến bông hồng của bạn trở nên quan trọng đến thế.

– Chính thời gian mà mình bỏ ra cho bông hồng của mình... – Hoàng tử bé lặp lại, để cho nhớ.

(1) *Cốt lõi*: cái chính và quan trọng nhất.

(2) *Mắt trần*: con mắt thường, ở đây chỉ cái nhìn chưa có sự gắn kết, thấu hiểu.

– Con người đã quên mất sự thật này, – con cáo nói. – Nhưng bạn thì không được quên. Bạn có trách nhiệm mãi mãi với những gì bạn đã cảm hoá. Bạn có trách nhiệm với bông hồng của bạn...

– Mình có trách nhiệm với bông hồng của mình... – Hoàng tử bé lặp lại, để cho nhớ.

(Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri, *Hoàng tử bé*, Nguyễn Tấn Đại dịch, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005, tr. 68 – 75 và hiệu đính bản dịch, 2020)

Sau khi đọc

ĂNG-TOAN ĐƠ XANH-TƠ Ê-XU-PE-RI

• Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri (1900 – 1944) là nhà văn lớn người Pháp. Ông là phi công và từng tham gia chiến đấu trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Hầu hết các tác phẩm của Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri lấy đề tài, cảm hứng từ những chuyến bay và cuộc sống của người phi công. Ngòi bút của Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri đậm chất trữ tình, trong trẻo, giàu cảm hứng lãng mạn. Cùng với kiệt tác *Hoàng tử bé*, ông còn để lại một số tác phẩm xuất sắc như: *Bay đêm*, *Cõi người ta*, *Phi công thời chiến*,...

• *Hoàng tử bé* là tác phẩm nổi tiếng nhất của Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri.



Em có biết?

- Tên của tác giả *Hoàng tử bé* đã được dùng để đặt cho một thiên thể: hành tinh 2578 Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri.
- *Hoàng tử bé* được bình chọn là tác phẩm văn học hay nhất thế kỉ XX của Pháp, được dịch ra hơn 250 thứ tiếng; đã phát hành hơn 200 triệu bản trên toàn thế giới và vẫn tiếp tục được in khoảng 2 triệu bản mỗi năm; được chuyển thể thành truyện tranh, phim,...
- Đến nay, đã có 8 bản dịch tác phẩm *Hoàng tử bé* ra tiếng Việt.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Hoàng tử bé đến từ đâu và gặp cáo trong hoàn cảnh nào?
2. Từ “cảm hoá” xuất hiện bao nhiêu lần trong đoạn trích? Qua những lời giải thích của cáo, em hiểu “cảm hoá” nghĩa là gì?
3. Điều gì ở hoàng tử bé khiến cáo thiết tha mong được kết bạn với cậu?
4. Nếu được hoàng tử bé “cảm hoá”, cuộc sống của cáo sẽ thay đổi như thế nào? Qua đó, em cảm nhận được ý nghĩa gì của tình bạn?
5. Khi chia tay hoàng tử bé, cáo đã có những cảm xúc gì? Những cảm xúc ấy có khiến cáo hối tiếc về việc kết bạn với hoàng tử bé không?
6. Hoàng tử bé đã nhắc lại những lời nói nào của cáo “để cho nhớ”? Nêu cảm nhận của em về ý nghĩa của những lời nói đó.
7. Cáo đã chia sẻ với hoàng tử bé nhiều bài học về tình bạn. Em thấy bài học nào gần gũi và có ý nghĩa nhất với chính mình?
8. Theo em, nhân vật cáo có phải là một nhân vật của truyện đồng thoại không? Vì sao?

Viết kết nối với đọc

Tưởng tượng và viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) miêu tả cảm xúc của nhân vật cáo sau khi từ biệt hoàng tử bé.

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

1. *Hoá* trong *cảm hoá* là yếu tố thường đi sau một yếu tố khác, có nghĩa là “trở thành, làm cho trở thành hay làm cho có tính chất mà trước đó chưa có”. Hãy tìm một số từ có yếu tố *hoá* được dùng theo cách như vậy và giải thích nghĩa của những từ đó.
2. Giải thích nghĩa của các từ in đậm trong những câu sau:
 - *Nhưng nếu bạn đến bất kì lúc nào, mình sẽ không biết giờ giấc để **sửa soạn** trái tim...*
 - *Các bạn đẹp nhưng các bạn **trống rỗng**.*
3. Với mỗi từ sau, hãy đặt một câu: *đơn điệu, kiên nhẫn, cốt lõi*.

BIỆN PHÁP TU TỪ

- 4*. Trong văn bản *Nếu cậu muốn có một người bạn...*, nhiều lời thoại của nhân vật được lặp lại, chẳng hạn: “*Cảm hoá*” *nghĩa là gì?*, *Cảm hoá* *mình đi!*,... Hãy tìm thêm những lời thoại được lặp lại trong văn bản này và cho biết tác dụng của chúng.

TỪ GHÉP VÀ TỪ LÁY

5. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày cảm nhận của em về nhân vật hoàng tử bé hoặc nhân vật cáo, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 2 từ ghép và 2 từ láy.

Bắt nạt

NGUYỄN THẾ HOÀNG LINH

Đọc văn bản

Bắt nạt là xấu lắm
Đừng bắt nạt, bạn ơi
Bất cứ ai trên đời
Đều không cần bắt nạt

Tại sao không học hát
Nhảy híp-hóp⁽¹⁾ cho hay?
Thời gian trong một ngày
Đâu để dành bắt nạt

Sao không ăn mù tạt⁽²⁾
Đối diện thử thách đi?
Thử kẻ yếu làm gì
Sao không trêu mù tạt?

Những bạn nào nhút nhát
Thì là giống thỏ non
Trông đáng yêu đấy chứ
Sao không yêu, lại còn...?



(1) *Híp-hóp*: một điệu nhảy hiện đại, linh hoạt, tự do, được giới trẻ yêu thích.

(2) *Mù tạt*: gia vị được chế biến từ hạt của cây họ cải, có vị cay nồng.

Đừng bắt nạt người lớn
Đừng bắt nạt trẻ con
Đừng bắt nạt nước khác
Trên khắp trái đất tròn

Đừng bắt nạt mèo, chó
Đừng bắt nạt cái cây
Đừng bắt nạt ai cả
Vì bắt nạt dễ lây

Bạn nào bắt nạt bạn
Cứ đưa bài thơ này
Bảo nếu cần bắt nạt
Thì đến gặp tớ ngay

Cứ đến bắt nạt tớ
Bị bắt nạt quen rồi
Vẫn không thích bắt nạt
Vì bắt nạt rất hôi!

(Nguyễn Thế Hoàng Linh,
Ra vườn nhật nắng, NXB Thế giới,
Hà Nội, 2017, tr. 24 – 25)

Sau khi đọc

NGUYỄN THẾ HOÀNG LINH

- Nguyễn Thế Hoàng Linh sinh năm 1982 tại Hà Nội. Anh sáng tác thơ từ năm 12 tuổi, hiện đã có “gia tài” là hàng ngàn bài thơ. Thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh viết cho trẻ em rất hồn nhiên, ngộ nghĩnh, trong trẻo, tươi vui. Tác giả đã lựa chọn, tập hợp sáng tác của mình thành một số tập thơ: *Uống một ngụm nước biển*, *Em giấu gì ở trong lòng thế*, *Bé tập tô*, *Ra vườn nhật nắng*,...
- Bài thơ *Bắt nạt* được in trong tập thơ *Ra vườn nhật nắng*.



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Bài thơ cho biết chuyện bắt nạt xảy ra ở đâu, với những ai?
2. Nhân vật “tớ” trong bài thơ thể hiện thái độ như thế nào với các bạn bắt nạt và các bạn bị bắt nạt?
3. Cụm từ “đừng bắt nạt” xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ? Theo em, việc lặp lại cụm từ này có tác dụng gì?
- 4*. Bài thơ nói chuyện bắt nạt mà vẫn ẩn chứa ý vị hài hước. Hãy chỉ ra một số biểu hiện của ý vị hài hước đó.
5. Mỗi chúng ta có thể từng bị bắt nạt, chứng kiến cảnh bắt nạt hoặc từng bắt nạt người khác. Hãy cho biết em đã làm gì khi ở vào một trong các tình huống trên. Nếu gặp lại tình huống đó, em có thay đổi cách ứng xử không?

Viết

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em

Trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*, nhân vật Dế Mèn đã kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của mình. Trước cái chết của Dế Choắt do trò đùa ngỗ nghịch của mình gây ra, Dế Mèn đã hối hận, biết rút ra bài học đường đời đầu tiên. Còn em, em có sẵn sàng kể về một trải nghiệm của bản thân không?

Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm:

- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.
- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra.
- Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể.

Người bạn nhỏ

Câu chuyện xảy ra đã hơn một năm rồi, nhưng mỗi lần nhớ lại, tôi vẫn thấy mọi điều hiện lên thật rõ rệt. Bởi vì, trải nghiệm cùng người bạn nhỏ ấy là câu chuyện đáng nhớ với cả ba mẹ con tôi.

Hồi ấy, khi tôi vào lớp năm và Bông lên lớp ba, gia đình tôi chuyển nhà. Bông và tôi thích cái nhà mới vì nó có những phòng xép như phòng búp bê. Nhưng một đêm, Bông bỗng khóc ré lên: “Mẹ ơi! Con gì cắn chân con!”. Mẹ phải bế Bông ra phòng ngoài, rộng hơn. Nửa đêm, mẹ bật dậy và than: “Trời đất, hoá ra chuột dẫm gặm cả chân mẹ! Thế này mà nó cắn chân các con thì nguy hiểm quá!”.

Hôm sau, bà ngoại cấp tốc gửi lên cho chúng tôi một con mèo mun, lông đen mượt. Mẹ bảo: “Có anh bạn này trông nhà cho mẹ con mình, lũ chuột sẽ sợ lắm đấy!”. Mun là tên chúng tôi đặt cho nó. Mun mới chỉ là một chú mèo con, nhưng nó có tính cách và tư thế của một con sư tử dũng mãnh. Từ lúc có Mun, chắc sợ ánh mắt xanh lét trong đêm và bộ lông đen ánh như mun trông rất dữ tợn của nó mà chẳng con chuột nào dám bén mảng vào cái xép búp bê của Bông và tôi nữa.

Bỗng một buổi chiều, cả mẹ, cả Bông và tôi trở về mà không thấy Mun lao ra cửa meo meo ríu rít như mọi ngày. Hai chị em tôi gọi mãi mà không thấy Mun thưa. Nhiều ngày sau, vẫn chẳng thấy Mun trở về. Bông khóc, tôi cũng khóc vì nhớ Mun. Mẹ an ủi chúng tôi: “Chắc Mun mãi chơi hay rình bắt chuột, quên đường nên đã về nhà một bạn nào đó cũng rất yêu mèo”.

Đó là lần đầu tiên chúng tôi trải nghiệm nỗi buồn mất một người bạn. Bà ngoại lại gửi lên một bạn mèo vằn làm vệ sĩ. Vằn cũng được cả nhà yêu quý, nhưng chẳng ai quên được Mun, người bạn nhỏ – vệ sĩ đầu tiên của chúng tôi.

(Nhóm biên soạn)

Người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng “tôi”).

Giới thiệu câu chuyện.

Tập trung vào sự việc đã xảy ra.

Nêu cảm xúc của người viết trước sự việc được kể.

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn đề tài

- Nghĩ về những sự việc quan trọng đã xảy ra với em. Liệt kê ra giấy các sự việc đáng nhớ.
- Có thể tham khảo một vài ý tưởng sau đây:
 - Một trải nghiệm vui vẻ, hạnh phúc (một lần kết bạn, chuyến đi có ý nghĩa, bữa tiệc sinh nhật, một thành tích hay chiến thắng, một lần em giúp đỡ người khác hay được người khác giúp đỡ,...).
 - Một trải nghiệm buồn, tiếc nuối (chia tay một người bạn, hiểu lầm một người, một lần mắc lỗi,...).
 - Một trải nghiệm khiến em thay đổi, tự hoàn thiện mình (một hành trình khám phá, một lần thất bại,...).

b. Tìm ý

Sau khi đã lựa chọn được trải nghiệm có thể chia sẻ, hãy tìm ý cho bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

- Câu chuyện xảy ra khi nào? Ở đâu?
- Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?
- Điều gì đã xảy ra?
- Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?
- Em có cảm xúc gì khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện?

c. Lập dàn ý

Hãy sắp xếp các thông tin và ý tưởng thành một dàn ý:

Mục đích viết

Kể lại một trải nghiệm cá nhân để chia sẻ với người đọc.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến trải nghiệm mà em chia sẻ.

Dàn ý

1. Mở bài: Giới thiệu câu chuyện.
2. Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện.
 - Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện và những nhân vật có liên quan.
 - Kể lại các sự việc trong câu chuyện.
3. Kết bài: Kết thúc của câu chuyện và cảm xúc của người viết.

2. VIẾT BÀI

Bám sát dàn ý. Khi viết bài, em cần lưu ý:

- Nhất quán về ngôi kể: Trong bài văn này, em sẽ dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng “tôi” hoặc “em”) để chia sẻ trải nghiệm.
- Sử dụng các yếu tố của truyện như cốt truyện, nhân vật,...

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo những gợi ý trong bảng sau:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được trải nghiệm.	Nếu chưa giới thiệu được trải nghiệm, hãy bổ sung.
Sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô.	Khoanh tròn những từ ngữ chỉ người kể chuyện trong bài viết. Nếu chưa nhất quán, cần sửa lại.
Tập trung vào sự việc đã xảy ra.	Bổ sung các thông tin cần thiết để người đọc hiểu được câu chuyện (nếu cần); lược bớt các chi tiết thừa, dài dòng, không tập trung vào câu chuyện.
Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.	Gạch dưới những từ ngữ thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể và bổ sung (nếu cần).
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Sửa lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... (nếu có).

Nói và nghe

Kể lại một trải nghiệm của em

Nhiều người muốn kể lại những trải nghiệm quan trọng đã khiến họ thay đổi và mong được người khác lắng nghe, chia sẻ. Vậy làm thế nào để trở thành người nói hấp dẫn, người nghe tích cực? Bài học này sẽ hướng dẫn em cách kể về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

Em hãy đọc lại nhiều lần bài viết của mình để nắm chắc những nội dung quan trọng không thể bỏ qua khi kể lại câu chuyện.

b. Tập luyện

Để có bài nói tốt, em cần tập luyện trước khi trình bày trước lớp. Tập luyện nhiều giúp em tự tin hơn. Em có thể lựa chọn hoặc kết hợp một trong hai hình thức tập luyện sau:

- Tập trình bày một mình trước gương.
- Tập trình bày trước nhóm bạn hoặc người thân và lắng nghe các ý kiến nhận xét, góp ý để hoàn thiện bài nói.

Mục đích nói

Nói về một trải nghiệm cá nhân để chia sẻ với người nghe.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến trải nghiệm của em.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Khi trình bày bài nói, em cần lưu ý:

- Tự tin và thoải mái. Chú ý chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc bài nói.
- Bám sát mục đích chia sẻ trải nghiệm để thống nhất trong cách dùng từ ngữ xưng hô và tập trung vào diễn biến câu chuyện.
- Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói và sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp:

Điều chỉnh giọng nói và tốc độ nói	Sử dụng cử chỉ, điệu bộ
Âm lượng: to hay nhỏ.	Ánh mắt: luôn có sự kết nối với người nghe.
Tốc độ: nhanh hay chậm.	Gương mặt: vui, buồn, tươi cười, ngạc nhiên, hài hước,... phù hợp với nội dung câu chuyện.
Cao độ: cách lên giọng, xuống giọng.	Cử chỉ: giơ tay lên, đưa tay xuống, chỉ tay về phía trước, đặt tay lên ngực,... phù hợp với nội dung câu chuyện; không nên cử động nhiều nhưng cũng không nên đứng bất động.
Sắc thái biểu cảm: vui hay buồn, sôi nổi hay suy tư,...	Dáng người: đứng thẳng, không nghiêng hay lom khom.

3. SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như: • Điều hấp dẫn, thú vị của câu chuyện. • Những sự việc, chi tiết còn chưa rõ trong bài nói.	Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị: • Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng. • Giải thích thêm về những sự việc, chi tiết mà người nghe còn chưa rõ.

Củng cố, mở rộng

1. Giới thiệu một truyện đồng thoại mà em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:

- Xác định người kể chuyện.
- Chỉ ra một số đặc điểm giúp em nhận biết được tác phẩm đó là truyện đồng thoại.
- Chọn một nhân vật yêu thích. Liệt kê một số chi tiết tiêu biểu được tác giả miêu tả để khắc họa nhân vật đó. (Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin như gợi ý.)

Ngoại hình	Hành động và suy nghĩ
Nhân vật	
Lời nói	Mối quan hệ với các nhân vật khác

d. Từ bảng đã hoàn thành, hãy nêu cảm nhận của em về nhân vật.

2. Trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên*, nhờ Dế Choắt, Dế Mèn đã rút ra được bài học cho mình. Trong đoạn trích *Nếu cậu muốn có một người bạn...*, cáo bày tỏ nếu được kết bạn với hoàng tử bé, cuộc đời cáo sẽ như thế được mặt trời chiếu sáng. Hãy kể về một thay đổi tích cực của bản thân mà em có được nhờ bạn bè.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Ngôi kể và cách người kể chuyện tự giới thiệu về mình.
- Mối liên hệ giữa lời nói, hành động, ý nghĩ và đặc điểm của nhân vật “tôi”.
- Những chi tiết hài hước, gây cười trong truyện.

Cốc kem dành cho người thông minh

PAU GIEN-NING⁽¹⁾ (PAUL JENNINGS)

Thế là một lần nữa tôi đứng thứ nhất tuyệt đối ở trong lớp. Tôi lại giành được điểm 10 môn Toán. Rồi lại cả điểm 10 môn Anh văn. Rõ ràng tôi là người có năng khiếu bẩm sinh. Không một đứa nào ở lớp có thể theo kịp tôi. So với tôi thì chúng chỉ là một lũ ngốc.

[...] Năm nào cũng như năm nào tôi được một lô giải thưởng: nào là nhất lớp rồi lại nhất trường,... Về môn viết chính tả tôi đã được giải ngay khi mới lên ba tuổi. Có thể nói tôi thuộc loại siêu về môn chính tả, về môn này thì đừng ai hòng hơn tôi. Tôi có thể đánh vần từng chữ một.

⁽¹⁾ Pau Gien-ning (1943 – 2020) sinh ra ở Anh nhưng mang quốc tịch Ô-xtrây-li-a (Australia), chuyên sáng tác cho thiếu nhi. Ông nhiều lần được trẻ em Ô-xtrây-li-a bình chọn là nhà văn được yêu thích nhất.

Một số đứa không ưa tôi. Trò đời là thế. Chúng nó bảo tôi tự kiêu, tự đại. Nhưng tôi chẳng cần để ý đến điều chúng nó nói. Chẳng qua chúng nó ghen vì thua kém tôi. Hơn nữa tôi thuộc diện bánh trai, đấy cũng là một nguyên nhân để chúng nó hậm hực với tôi.

Tuần vừa rồi đã xảy ra một điều bất ngờ. Có một đứa được điểm 10 Toán. Đó là điều chưa hề có – cho đến nay có đứa nào bằng tôi đâu kia chứ. Tôi bao giờ cũng là đứa giỏi nhất. Thành Gie-rôm Đe-đi-an (Jerome Dadian) đã đuổi kịp tôi. Dứt khoát thằng ấy giỏi trò bíp, tôi tin như thế. Mà nhất định chuyện này liên quan tới cốc kem, không thể khác được. Dứt khoát tôi phải làm cho ra nhẽ xem điều gì đã xảy ra; đừng có đứa nào hòng đụng đến niềm vinh quang của tôi.

Mọi chuyện đều dính dáng đến cái nhà ông bán kem tên là Pép-pi (Peppi). Cái lão ấy ngày nào cũng đỗ xe kem ngay trước cổng trường. Lão ta bán các loại kem với nhiều hương vị khác nhau, cũng có thứ tôi chưa hề nghe tên bao giờ.

[...] Về chuyện kem của lão có vô số tin đồn. Có người bảo kem có tác dụng tốt. Bọn trẻ con cho rằng khi trong người khó chịu ăn cốc kem tỉnh ngay. Có thầy giáo lại gọi đấy là những “cốc kem vui vẻ”. Nhưng mà tôi chẳng tin; các loại kem này chưa bao giờ làm cho tôi vui vẻ.

Song muốn nói gì thì nói, quả là có điều gì đó đặc biệt với các loại kem này. Thí dụ như chuyện dính líu đến thằng Pi-tơ-xăn (Peterson) trúng cá chẳng hạn. Nó không phải tên là Pi-tơ-xăn trúng cá nhưng tôi đặt tên cho nó thế vì mặt nó đầy trứng cá. Lão Pép-pi thấy tôi gọi thế, lão bảo tôi:

– Cậu đúng là một thằng tồi, bao giờ cậu cũng tìm cách chọc ghẹo, khích bác người khác vì họ khác cậu.

Tôi cáu quá bảo lão:

– Này, ông biến đi nơi khác mà bán kem!

Lão không trả lời mà quay sang nói chuyện với thằng Pi-tơ-xăn trúng cá:

– Đây, cháu ăn đi! – Lão đưa nó một suất kem to dùng mà tôi chưa hề thấy bao giờ. Đó là kem tím. Thằng Pi-tơ-xăn có vẻ lúng túng lắm. Nó lo không đủ tiền để ăn một suất kem ư ư như vậy.

Lão Pép-pi nói với nó:

– Cháu đừng ngại, cứ ăn đi, ta cho cháu đấy. Cháu ăn loại kem này sẽ hết trứng cá!

Tôi phì cười, đòi thử nào ăn kem lại khỏi trứng cá kia chứ, lắm khi ăn kem vào lại bị thêm nữa là chẳng khác. Nhưng tôi biết nói với các bạn như thế nào nhỉ? Tôi không tài nào hiểu nổi, nhưng quả thật ngay ngày hôm sau nó đến trường trên mặt không còn một vết trứng cá nào. Đúng là kem đã tẩy sạch những mụn trứng cá trên mặt nó.

Còn có một số chuyện lạ lùng như vậy xảy ra ở trường tôi. Thí dụ ở trường có đứa có cái mũi dài quá khổ, trông nó như hể. Mỗi lần nó hỉ mũi đứng xa cả đám cũng còn nghe thấy. Tôi gọi nó là thằng “Mũi Sần”, nó không chịu được cái tên đó. Mỗi lần tôi gọi nó là thằng Mũi Sần mặt nó lại đỏ lên như gấc, nó tức lắm nhưng không dám làm gì tôi vì nó sợ.

Lão Pép-pi cũng tỏ ra thương hại thằng Mũi Sần. Sáng nào lão cũng cho nó một cốc kem nhỏ màu xanh lá cây. Đúng là một lão ngốc, còn tôi thì chẳng bao giờ lão cho dù chỉ là một muỗng kem.

Các bạn sẽ chẳng tin tôi, nhưng tôi thề là tôi nói thật, cái mũi của nó mỗi ngày một ngắn lại và cuối cùng mũi của nó hoàn toàn bình thường như mũi của những người khác. Cũng từ hôm đó lão Pép-pi không cho nó ăn kem xanh nữa.



Tôi nghĩ phải tìm cách chặn đứng quầy kem của lão Pép-pi. Hôm thằng Gie-rôm Đe-đi-an được điểm 10 Toán cũng là hôm mà buổi sáng hôm đó nó đã ăn kem. Nhất định nó thông minh ra nhờ ăn kem. Nhưng tôi không muốn có đứa nào giỏi như tôi. Tôi đã là người giỏi nhất trường và tôi sẽ tiếp tục là người giỏi nhất. Tôi cần phải tìm hiểu điều bí ẩn trong cái xe kem này.

Tôi biết chỗ lão Pép-pi buổi tối để chiếc xe kem. Lão để nó trong một ngõ nhỏ ngay sau nhà lão. Tôi chờ đến 11 giờ đêm, sau đó rời khỏi nhà và đi đến chỗ chiếc xe của lão. [...]

Chưa bao giờ tôi thấy nhiều hộp đựng kem đủ các loại hương vị như vậy. Nào kem táo và chuối, anh đào và xoài, dâu và dưa hấu và ngoài ra còn khoảng 50 loại khác nhau nữa. Tận cuối xe có bốn thùng có khoá cẩn thận. Tôi xem các thùng đó. Đúng như tôi dự đoán, trong thùng toàn các loại kem đặc biệt. Mỗi thùng đều có nhãn viết bằng tay:

- Kem chống mũi dài
- Kem chống trứng cá
- Kem dành cho người hay buồn
- Kem dành cho người có đầu óc sáng láng.

Giờ thì ta hiểu những điều bí mật rồi, cái thằng ngốc Đe-đi-an đã ăn “kem thông minh” cho nên nó được điểm 10 môn Toán. Tôi biết ngay từ đầu, không ai có thể tự mình mà lại thông minh được như tôi. Giờ thì tôi phải cho lão Pép-pi biết tay. [...] Tôi đổ cát vào ba thùng, chỉ trừ thùng kem thông minh. Tôi cười khoái trá. Giờ thì lão Pép-pi chẳng còn mấy kem để bán, mà có bán thì chỉ có kem cát. Sau đó tôi quyết định phải thưởng thức kem thông minh, dù sao thì cũng chẳng hại gì, hơn nữa tôi cũng không cần ăn loại kem đó vì đã mấy ai thông minh được như tôi. Tôi chén sạch sành sanh cả hộp vì càng ăn càng thấy ngon không thể ngừng được.

Xong xuôi đâu đấy tôi đi về nhà và lên giường nhưng không tài nào ngủ được. Thực lòng mà nói tôi cảm thấy hơi khó chịu. Tôi ngồi vào bàn và ghi lại toàn bộ câu chuyện này, phòng khi có gì không ổn thì các bạn biết ngay là tại sao. Tôi sợ rằng tôi đã nhầm và thằng Đe-đi-an hoàn toàn không ăn “kem thông minh”.

*

* *

Tôi... Tôi viết: “Giờ đã là ngày hôm sau. Không hiểu có chuyện gì xảy ra với mệnh. Mệnh thấy không còn tinh khôn như độ nọ. Mệnh thử làm bài toán thật khó, một cộng một là mấy? Là bốn hay là năm?”

(Pau Gien-ning, *Những câu chuyện hài hước nhất*,
theo Nguyễn Xuân Hoài dịch, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2009, tr. 52 – 57)



GỖ CỬA TRÁI TIM

*Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

(Ca dao Việt Nam)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Con người ai cũng cần một mái ấm gia đình. Nhưng gia đình chỉ trở thành mái ấm khi mọi thành viên đều cố gắng vun đắp hạnh phúc từng ngày. Vậy mỗi chúng ta cần làm gì để gia đình thực sự là mái ấm tràn ngập hạnh phúc, yêu thương?
- Những bài thơ trong bài học này sẽ “gỗ cửa trái tim” mỗi người, giúp ta cảm nhận sâu sắc hơn tình yêu của những người thân trong gia đình, đánh thức những yêu thương trong trái tim mình, để ta biết trân trọng và vun đắp hạnh phúc gia đình.



Ba mẹ con trên cỏ, tranh lụa của Lê Thị Lựu

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.
- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.
- Nhân ái, yêu gia đình, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.

ĐỌC

TRI THỨC NGŨ VĂN

Một số đặc điểm của thơ

- Mỗi bài thơ thường được sáng tác theo một thể thơ nhất định với những đặc điểm riêng về số tiếng trong mỗi dòng, số câu trong mỗi bài,...
- Ngôn ngữ thơ cô đọng, giàu nhạc điệu và hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ,...).
- Nội dung chủ yếu của thơ là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống. Thơ có thể có yếu tố tự sự (kể lại một sự việc, câu chuyện) và miêu tả (tái hiện những đặc điểm nổi bật của đối tượng) nhưng những yếu tố ấy chỉ là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

Ẩn dụ

Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

VĂN BẢN ĐỌC

- *Chuyện cổ tích về loài người*, Xuân Quỳnh
- *Mây và sóng*, Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go (Rabindranath Tagore)
- *Bức tranh của em gái tôi*, Tạ Duy Anh

Chuyện cổ tích về loài người

XUÂN QUỲNH

Trước khi đọc

1. Nêu tên một truyện kể về nguồn gốc loài người trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam hoặc văn học nước ngoài mà em biết. Trong truyện kể đó, sự ra đời của loài người có điều gì kì lạ?
2. Đọc một bài thơ mà em yêu thích.

Đọc văn bản

Trời sinh ra trước nhất
Chỉ toàn là trẻ con
Trên trái đất trụi trần
Không dáng cây ngọn cỏ
Mặt trời cũng chưa có
Chỉ toàn là bóng đêm
Không khí chỉ màu đen
Chưa có màu sắc khác

*

* *

Mắt trẻ con sáng lấp
Nhưng chưa thấy gì đâu!
Mặt trời mới nhô cao
Cho trẻ con nhìn rõ
Màu xanh bắt đầu cỏ
Màu xanh bắt đầu cây

THEO DÕI Số lượng tiếng trong một câu thơ.

HÌNH DUNG Hình ảnh trái đất khi trẻ con được sinh ra.

HÌNH DUNG Sự thay đổi của trái đất sau khi trẻ con được sinh ra qua miêu tả của nhà thơ.

Cây cao bằng gang tay
 Lá cỏ bằng sợi tóc
 Cái hoa bằng cái cúc
 Màu đỏ làm ra hoa
 Chim bấy giờ sinh ra
 Cho trẻ nghe tiếng hát
 Tiếng hát trong bằng nước
 Tiếng hát cao bằng mây
 Những làn gió thơ ngây
 Truyền âm thanh đi khắp
 Muốn trẻ con được tắm
 Sông bắt đầu làm sông
 Sông cần đến mênh mông
 Biển có từ thuở đó
 Biển thì sinh ý nghĩ
 Biển sinh cá sinh tôm
 Biển sinh những cánh bướm
 Cho trẻ con đi khắp
 Đám mây cho bóng rợp
 Trời nắng mây theo che
 Khi trẻ con tập đi
 Đường có từ ngày đó

Nhưng còn cần cho trẻ
 Tình yêu và lời ru
 Cho nên mẹ sinh ra
 Để bế bồng chăm sóc
 Mẹ mang về tiếng hát
 Từ cái bống cái bang
 Từ cái hoa rất thơm
 Từ cánh cò rất trắng

THEO DÕI Các nhân vật,
sự việc được kể trong bài thơ.



HÌNH DUNG Sự chăm sóc,
yêu thương của mẹ dành cho con.

Từ vị gừng rất đắng
Từ vết lấm chưa khô
Từ đầu nguồn cơn mưa
Từ bãi sông cát vắng...

Biết trẻ con khao khát
Chuyện ngày xưa, ngày sau
Không hiểu là từ đâu
Mà bà về ở đó
Kể cho bao chuyện cổ:
Chuyện con cóc, nàng tiên
Chuyện cô Tấm ở hiền
Thằng Lý Thông ở ác...
Mái tóc bà thì bạc
Con mắt bà thì vui
Bà kể đến suốt đời
Cũng không sao hết chuyện.

Muốn cho trẻ hiểu biết
Thế là bố sinh ra
Bố bảo cho biết ngoan
Bố dạy cho biết nghĩ
Rộng lắm là mặt bể
Dài là con đường đi
Núi thì xanh và xa
Hình tròn là trái đất...

Chữ bắt đầu có trước
Rồi có ghế có bàn
Rồi có lớp có trường

HÌNH DUNG Hình ảnh bà kể chuyện và thế giới trong những câu chuyện cổ bà kể.

HÌNH DUNG Sự yêu thương, chăm sóc mà bố dành cho con.



Và sinh ra thầy giáo...
Cái bảng bằng cái chiếu
Cục phấn từ đá ra
Thầy viết chữ thật to:
“Chuyện loài người” trước nhất.

(Xuân Quỳnh, *Lời ru trên mặt đất*,
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1978, tr. 49 – 52)

HÌNH DUNG Khung cảnh
mái trường thân yêu.

Sau khi đọc

XUÂN QUỲNH

- Xuân Quỳnh (1942 – 1988) quê ở Hà Nội. Truyện và thơ viết cho thiếu nhi của bà tràn đầy tình yêu thương, trìu mến. Thơ Xuân Quỳnh có hình thức giản dị, ngôn ngữ thơ trong trẻo, phù hợp với cách cảm, cách nghĩ của trẻ thơ. Tác phẩm viết cho thiếu nhi của Xuân Quỳnh được tập hợp trong các tập: *Lời ru trên mặt đất*, *Bầu trời trong quả trứng*, *Bến tàu trong thành phố*,...
- Bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* in trong tập thơ *Lời ru trên mặt đất*.



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nhan đề *Chuyện cổ tích về loài người* gợi cho em suy nghĩ gì?
2. Em hãy nêu những căn cứ để xác định *Chuyện cổ tích về loài người* là một bài thơ.
3. Trong tưởng tượng của nhà thơ, thế giới đã biến đổi ra sao sau khi trẻ con ra đời?
4. Món quà tình cảm nào mà theo nhà thơ, chỉ có mẹ mới đem đến được cho trẻ?
5. Bà đã kể cho trẻ nghe những câu chuyện gì? Hãy nêu những điều bà muốn gửi gắm trong những câu chuyện đó.
6. Theo cách nhìn của nhà thơ, tình cảm mà bố dành cho trẻ có gì khác so với tình cảm của bà và mẹ?

- Trong khổ thơ cuối, em thấy hình ảnh trường lớp và thầy giáo hiện lên như thế nào?
- Câu chuyện về nguồn gốc loài người qua lời của nhà thơ Xuân Quỳnh có gì khác so với những câu chuyện về nguồn gốc loài người mà em đã biết? Sự khác biệt ấy có ý nghĩa như thế nào?

Viết kết nối với đọc

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) thể hiện cảm xúc của em về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

- Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Mắt trẻ con sáng lắm
Nhưng chưa thấy gì đâu!
Mặt trời mới nhô cao
Cho trẻ con nhìn rõ.

- Giải thích nghĩa của từ *nhô*.
 - Trong đoạn thơ trên, có thể thay thế từ *nhô* bằng từ khác được không?
 - Qua việc thử thay thế, hãy chỉ ra sự tinh tế của nhà thơ trong việc sử dụng từ *nhô*.
- Trong bài thơ có các từ như *trụi trần, bế bồng*,... Trong tiếng Việt cũng có những từ như *trần trụi, bồng bế*,... Tìm thêm ở trong và ngoài bài thơ những trường hợp khác tương tự: hai từ đồng nghĩa, có các tiếng giống nhau nhưng trật tự các tiếng khác nhau.

BIỆN PHÁP TU TỪ

- Hãy chỉ ra những câu thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong khổ hai của bài thơ. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh đó.
- Nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ gì trong câu thơ *Những làn gió thơ ngây*? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ ấy.
- Hãy ghi lại những câu thơ sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ trong khổ thơ từ *Nhưng còn cần cho trẻ đến Từ bãi sông cát vắng*... và nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ đó.



Mây và sóng

RA-BIN-ĐƠ-RA-NÁT TA-GO

Trước khi đọc

Một lần, em được mẹ cho phép đến nhà bạn chơi. Trò chơi đang vui và em rất muốn chơi tiếp thì đến giờ mẹ dặn phải trở về nhà. Khi ấy, em sẽ làm gì?

Đọc văn bản

Mẹ ơi, những người sống trên mây đang gọi con:

“Chúng ta chơi đùa từ khi thức dậy
cho đến lúc chiều tà,

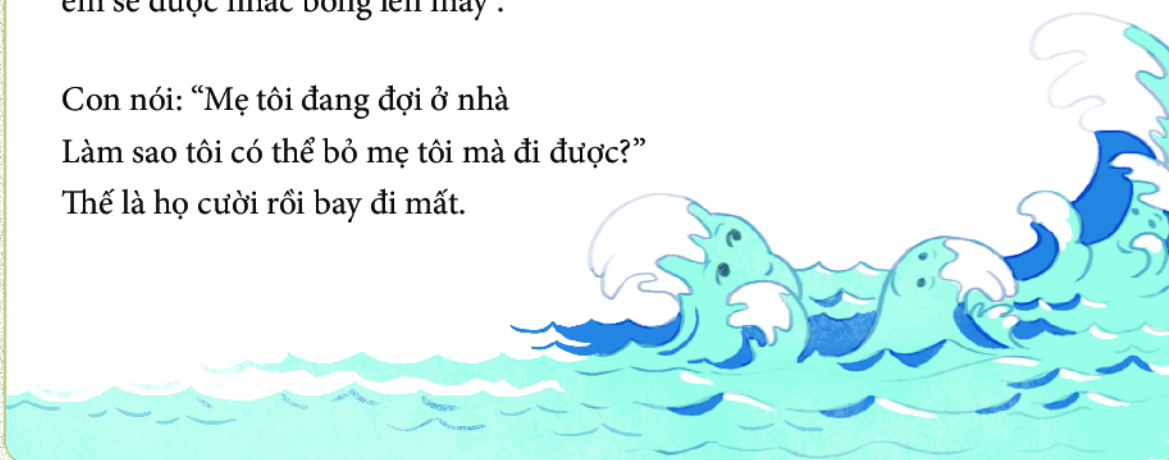
Chúng ta chơi với buổi sớm mai vàng,
Chúng ta chơi với vầng trăng bạc”.

Con hỏi: “Nhưng tôi làm sao mà lên được với các bạn?”

Họ trả lời: “Hãy đến bên bờ trái đất,
và đưa tay lên trời,
em sẽ được nhắc bổng lên mây”.

Con nói: “Mẹ tôi đang đợi ở nhà
Làm sao tôi có thể bỏ mẹ tôi mà đi được?”
Thế là họ cười rồi bay đi mất.

HÌNH DUNG Cảnh em bé
trò chuyện với những người
“trên mây” và “trong sóng nước”.



Nhưng con biết một trò chơi

thích hơn trò ấy, mẹ ơi.

Con sẽ là mây và mẹ sẽ là trăng.

Con sẽ lấy hai tay trùm lên người mẹ,

Và mái nhà sẽ là bầu trời xanh thẳm.

Những người sống trong sóng nước gọi con:

“Chúng ta hát từ sớm mai đến tối,

Chúng ta ngao du khắp nơi này nơi nọ

mà không biết mình đã từng qua những nơi nào”.

Con hỏi: “Nhưng tôi làm sao gặp được các bạn?”

Họ bảo con: “Hãy đến chỗ gần sát biển

và đứng đó, nhắm nghiền mắt lại,

là em sẽ được đưa lên trên làn sóng”.

Con bảo: “Buổi chiều, mẹ tôi luôn luôn muốn

tôi ở nhà với mẹ.

Làm sao tôi có thể bỏ mẹ tôi mà đi được?”

Thế là họ cười, múa nhảy rồi đi qua.

Nhưng con biết một trò chơi hay hơn trò ấy,

Con sẽ là sóng, mẹ sẽ là một bờ biển lạ lùng.

Con sẽ lăn, lăn, lăn mãi

và vỗ vào gối mẹ, cười vang.

Và không một ai trên cõi đời này biết

nơi đâu mẹ con ta đang ở.

HÌNH DUNG Niềm vui của em
bé trong trò chơi với mẹ.



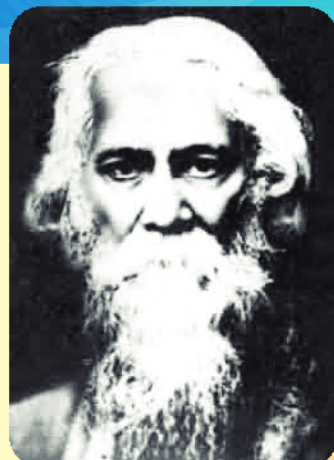
(R. Ta-go, *Tuyển tập thơ, theo Đào Xuân Quý dịch*,
NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2000, tr. 137 – 138)

Sau khi đọc

RA-BIN-ĐƠ-RA-NÁT TA-GO

• Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go (1861 – 1941) là danh nhân văn hoá, nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ. Ông để lại một gia tài nghệ thuật đồ sộ, trong đó nổi tiếng nhất là các tác phẩm thơ ca. Thơ R. Ta-go chan chứa tình yêu đất nước, con người, cuộc sống,... Những tình cảm ấy được thể hiện một cách độc đáo qua những hình ảnh tưởng tượng huyền ảo lay động lòng người. Các tập thơ tiêu biểu của R. Ta-go: *Thơ Dâng*, *Người làm vườn*, *Những con chim bay lạc*, *Mùa hái quả*,...

• Bài thơ *Mây và sóng* được in trong tập *Trăng non* – tập thơ R. Ta-go viết cho trẻ thơ. Ban đầu, tập thơ được viết bằng tiếng Ben-gan (Bengal) có tên là *Trẻ thơ*, về sau, ông dịch ra tiếng Anh và đổi thành *Trăng non*.



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đọc bài thơ *Mây và sóng*, ta như được nghe kể một câu chuyện. Theo em, ai đang kể chuyện với ai và kể về điều gì?
2. Qua lời trò chuyện của những người “trên mây” và “trong sóng”, em thấy thế giới của họ hiện lên như thế nào?
3. Câu hỏi: “Nhưng tôi làm sao mà lên được với các bạn?”, “Nhưng tôi làm sao gặp được các bạn?” thể hiện tâm trạng gì của em bé?
4. Vì sao em bé từ chối lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”?
5. Em bé đã sáng tạo ra những trò chơi gì? Em cảm nhận như thế nào về mẹ và em bé trong những trò chơi ấy?
6. Văn bản *Mây và sóng* có hình thức khác với văn bản *Chuyện cổ tích về loài người* (số tiếng trong các dòng không bằng nhau, không vần,...). Vì sao nó vẫn được coi là văn bản thơ?

Viết kết nối với đọc

Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.

Thực hành tiếng Việt

BIỆN PHÁP TU TỪ

1. Trong bài thơ *Mây và sóng*, “mây” và “sóng” là những hình ảnh ẩn dụ. Hai hình ảnh ấy có thể gợi cho em liên tưởng tới những đối tượng nào khác?
2. Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hình ảnh “buổi sớm mai vàng”, “vàng trắng bạc” và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Nhận biết ẩn dụ

Đọc câu thơ sau:

Cha lại dắt con đi trên cát mịn

Ánh nắng chảy đầy vai.

(Hoàng Trung Thông, *Những cánh buồm*)

Từ *chảy* vốn chỉ sự vận động của chất lỏng, nay được dùng cho ánh nắng, giúp người đọc cảm nhận được ánh nắng vàng rực tràn trề trên vai hai cha con và lan toả khắp không gian.

3. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ trong đoạn thơ sau:

Nhưng con biết một trò chơi hay hơn trò ấy,

Con sẽ là sóng, mẹ sẽ là một bờ biển lạ lùng.

Con sẽ lặn, lặn, lặn mãi

và vỗ vào gối mẹ, cười vang.

Và không một ai trên cõi đời này biết nơi đâu mẹ con ta đang ở.

DẤU CÂU

4. Trong bài thơ *Mây và sóng* có nhiều đoạn dẫn lời nói trực tiếp của các nhân vật. Hãy cho biết dấu câu nào được dùng để đánh dấu những lời nói trực tiếp đó.

ĐẠI TỪ

5. “Chúng ta” trong những lời nói trực tiếp ở bài *Mây và sóng* dùng để chỉ những ai?
6. Trong tiếng Việt, ngoài “chúng ta” còn có một số đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều khác. Có thể dùng một từ nào trong số đó để thay cho “chúng ta” trong bản dịch không? Vì sao?

Bức tranh của em gái tôi

TẠ DUY ANH

Đọc văn bản

Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo bởi vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn. Nó vui vẻ chấp nhận cái tên tôi tặng cho và hơn thế, còn dùng để xưng hô với bạn bè. Mèo rất hay lục lọi⁽¹⁾ các đồ vật với một sự thích thú đến khó chịu.

– Này, em không để chúng nó yên được à?

Nó vênh mặt:

– Mèo mà lại! Em không phá là được...

Một hôm tôi bắt gặp nó nhào một thứ bột gì đó đen sì, trông rất sợ, thỉnh thoảng lại bôi ra cổ tay. Trời ạ, thì ra nó chế thuốc vẽ. Thảo nào các đít xoong chảo bị nó cạo trắng cả. Tôi quyết định bí mật theo dõi em gái tôi. Sau khi có vẽ đã hài lòng, nó lôi trong túi ra ba bốn lọ nhỏ, cái màu đỏ, cái màu vàng, cái màu xanh lục,... đều do nó tự chế. Nó đưa mắt canh chừng rồi lại nhét tất cả vào túi sau khi cho màu đen nhọ nôi⁽²⁾ vào một cái lọ còn bỏ không.

Xong, nó vui vẻ chạy đi làm những việc bố mẹ tôi phân công, vừa làm vừa hát, có vẻ vui lắm.



⁽¹⁾ *Lục lọi*: tìm kiếm, tìm mìn mọi chỗ, mọi nơi.

⁽²⁾ *Nhọ nôi*: bụi đen bám ở đáy và xung quanh nồi, chảo,... khi người ta đun nấu bằng củi, than, rơm rạ,...

Nhưng mọi bí mật của Mèo cuối cùng cũng bị bại lộ⁽¹⁾. Hôm đó, chú Tiến Lê – họa sĩ, bạn thân của bố tôi – đưa theo bé Quỳnh đến chơi. Vớ được bạn gái nó mừng quỳnh⁽²⁾ lên. Hai đứa lôi nhau ra vườn. Tại đây Mèo đưa toàn bộ những bức tranh nó vẽ giấu ra cho bé Quỳnh xem. Chỉ thấy bé Quỳnh thảnh thơi lại reo lên khe khẽ. Lát sau bé Quỳnh chạy vào thì thẩm gì đó với chú Tiến Lê khiến chú phải xin phép bố tôi theo bé Quỳnh ra vườn. Lúc đó, tôi đang mãi mê với chiếc điều nên không biết có chuyện gì xảy ra. Chỉ thấy từ ngoài vườn trở vào, mặt chú Tiến Lê rạng rỡ lắm:

– Anh chị có phúc lớn rồi. Anh có biết con gái anh là một thiên tài⁽³⁾ hội họa không?

Chú trái sáu bức tranh do Mèo vẽ ra trước mặt bố tôi. Đến lượt bố tôi ngây người ra như không tin vào mắt mình.

– Con gái tôi vẽ đây ư? Chả lẽ lại đúng là nó, cái con Mèo hay lục lọi ấy?

Và ông không kìm được, ôm thốc Mèo lên:

– Ôi, con đã cho bố một bất ngờ quá lớn.

Mẹ tôi vừa về, kịp nghe và kịp chứng kiến tất cả, cũng không kìm được xúc động. Theo chú Tiến Lê thì những bức tranh của Mèo rất độc đáo, có thể đem đóng khung treo ở bất cứ phòng tranh nào. Bố mẹ tôi rất tin vào thẩm định⁽⁴⁾ của chú Tiến Lê. Chú còn hứa sẽ giúp em gái tôi để nó phát huy tài năng.

Kể từ hôm đó, mặc dù mọi chuyện vẫn như cũ trong căn nhà của chúng tôi, nhưng tôi luôn luôn cảm thấy mình bất tài nên bị đẩy ra ngoài. Những lúc ngồi bên bàn học, tôi chỉ muốn gục đầu xuống khóc.

Tôi chẳng tìm thấy ở tôi một năng khiếu gì. Và không hiểu vì sao tôi không thể thân với Mèo như trước kia được nữa. Chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gắt um lên.

Tôi quyết định làm một việc mà tôi vẫn coi khinh: xem trộm những bức tranh của Mèo. Đường như mọi thứ có trong ngôi nhà của chúng tôi đều được

(1) *Bại lộ*: vỡ lở, không giấu giếm được nữa. Ở đây ý nói việc vẽ tranh của bé Mèo được mọi người phát hiện ra.

(2) *Mừng quỳnh*: mừng quá dẫn đến cuồng quýt.

(3) *Thiên tài*: tài năng nổi bật, hơn hẳn mọi người, dường như là được trời phú cho.

(4) *Thẩm định*: xem xét nhằm đánh giá để xác định, quyết định.

nó đưa vào tranh. Mặc dù nó vẽ bằng những nét to tướng, nhưng ngay cả cái bát mức cám lợn sút một miếng, cũng trở nên ngộ nghĩnh. Con mèo vằn vào tranh nó, to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại vô cùng dễ mến. Có cảm tưởng nó biết mọi việc chúng tôi làm và lơ đi vì không chấp trẻ con.

Gấp lại những bức tranh của Mèo, tôi lén trút ra một tiếng thở dài...

Bố mẹ tôi hào hứng mua sắm cho em gái tôi tất cả những gì cần cho công việc vẽ. Chú Tiến Lê tặng “đồng nghiệp” hẳn một hộp màu ngoại xịn. Chỉ có mặt Mèo là không thay đổi. Lúc nào cũng lem nhem, bị tôi quát thì xịu xuống, miệng dẩu ra. Tôi từng thấy nó rất ngộ với vẻ mặt ấy. Nhưng đấy là trước kia. Bây giờ tôi cảm thấy nó như chọc tức tôi...

Rồi cả nhà – trừ tôi – vui như tết khi bé Phương, qua giới thiệu của chú Tiến Lê, được mời tham gia trại thi vẽ Quốc tế. Luật của cuộc thi là thí sinh phải vẽ một bức tranh theo đề tài tự chọn ngay trước mắt ban giám khảo. Trước khi đi thi, nó có vẻ cứ hay xét nét⁽¹⁾ tôi, khiến tôi rất khó chịu. Nó nhập tâm⁽²⁾ lời dạy của chú Tiến Lê: “Cháu hãy vẽ cái gì thân thuộc nhất với cháu”. Một tuần sau em gái tôi trở về trong vòng tay dang sẵn của cả bố và mẹ tôi: Bức tranh của nó được trao giải nhất. Nó lao vào ôm cổ tôi, nhưng tôi viện cớ đang dở việc đẩy nhẹ nó ra. Tuy thế nó vẫn kẹp thì thầm vào tai tôi: “Em muốn cả anh cũng đi nhận giải”.



Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường. Bố, mẹ tôi kéo tôi chen qua đám đông để xem bức tranh của Kiều Phương đã được đóng khung, lồng kính. Trong tranh,

(1) *Xét nét*: để ý từng cái quá nhỏ nhặt để đánh giá, nhận xét con người. Ở đây có nghĩa là chú ý, quan sát rất kĩ.

(2) *Nhập tâm*: nhớ rất rõ, rất kĩ, như khắc sâu trong lòng.

một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như toả ra một ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa. Mẹ hồi hộp thì thầm vào tai tôi:

– Con có nhận ra con không?

Tôi giật sống⁽¹⁾ người. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy tay mẹ. Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư? Tôi nhìn như thôi miên⁽²⁾ vào dòng chữ đề trên bức tranh: “Anh trai tôi”. Vậy mà dưới mắt tôi thì...

– Con đã nhận ra con chưa? – Mẹ vẫn rất hồi hộp.

Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi vì nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng: “Không phải con đâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân hậu của em gái con đấy”.

(Tạ Duy Anh, *Bản nhạc con đà điểu*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2016, tr. 45 – 50)

Sau khi đọc

TẠ DUY ANH

- Tạ Duy Anh tên khai sinh là Tạ Viết Đăng, sinh năm 1959 tại Hà Nội. Truyền viết cho thiếu nhi của Tạ Duy Anh trong sáng, đậm chất thơ và giàu ý nghĩa nhân văn. Viết cho thiếu nhi chính là cách ông bày tỏ tình yêu với thế giới tuổi thơ thuần khiết. *Bản nhạc con đà điểu*, *Quả trứng vàng*, *Vó ngựa trở về* là những tập truyện viết cho thiếu nhi của nhà văn.
- Truyện ngắn *Bức tranh của em gái tôi* được in trong tập *Bản nhạc con đà điểu*.



(1) *Sống*: ở vào trạng thái bất động, đờ người ra trong giây lát, do chịu một tác động tinh thần mạnh đột ngột. Ở đây là trạng thái của người anh khi thấy hình ảnh của mình trong tranh em gái vẽ.

(2) *Thôi miên*: tác động vào tâm lí của một người nào đó, gây ra trạng thái tựa như ngủ, làm cho dễ dàng chịu sự điều khiển của mình. Ở đây chỉ trạng thái bất ngờ đến lặng người của người anh trai khi nhìn thấy mình trong bức tranh của em gái.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Trong truyện ngắn *Bức tranh của em gái tôi*, người kể chuyện là ai, xuất hiện ở ngôi thứ mấy?
2. Em thích nhất đặc điểm gì của nhân vật Mèo – Kiều Phương? Vì sao?
3. Em có nhận xét gì về cảm xúc, thái độ, hành động của nhân vật “tôi” trước khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ?
4. Nhân vật “tôi” đã thay đổi ra sao sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ? Vì sao có sự thay đổi ấy?
5. Từ các văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*, *Mây và sóng*, *Bức tranh của em gái tôi*, em nhận thấy điều quan trọng nhất có thể gắn kết các thành viên trong gia đình là gì?

Viết

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

Tình cảm, cảm xúc là một trong những phẩm chất quan trọng hàng đầu của thơ. Để thể hiện tình cảm, cảm xúc, các nhà thơ đã chọn nhiều cách khác nhau, trực tiếp hoặc gián tiếp. Nhiều khi các yếu tố tự sự và miêu tả đã được đưa vào thơ một cách đầy nghệ thuật, cho phép tác giả ẩn mình, nhường chỗ cho câu chuyện, sự việc, cảnh vật tự nói lên những điều cần thiết. Em hãy viết đoạn văn ghi lại cảm xúc, ấn tượng của mình về một bài thơ thuộc loại này để hiểu thêm về một hình thức nghệ thuật độc đáo của thơ ca nói chung.

Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả:

- Giới thiệu tên bài thơ và tác giả bài thơ.
- Nêu được cảm xúc chung về bài thơ.
- Nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ; đánh giá ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ.
- Chỉ ra được nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ.

Cảm xúc khi đọc bài thơ *Mây và sóng* của Ta-go

Nhan đề bài thơ là *Mây và sóng* nhưng nhà thơ Ta-go không đưa người đọc lãng du tới những xứ sở thần tiên xa xôi, mà dẫn chúng ta về giữa cuộc đời bình dị để cảm nhận và xúc động trước tình mẹ con thiêng liêng bất diệt. Đi theo câu chuyện được nhà thơ kể bằng giọng chậm rãi, êm ái với những chi tiết thật đắt, người đọc đồng cảm với tình yêu mẹ tha thiết, mong muốn luôn được ở bên mẹ của em bé bởi đó cũng là tình cảm của mỗi người chúng ta dành cho mẹ của mình. Em bé được mời gọi đến những xứ sở tuyệt vời “trên mây” và “trong sóng nước” – những thế giới xa rộng bao la, đầy hấp dẫn.

Khát khao được khám phá những thế giới kì diệu, em bé thốt lên thành câu hỏi háo hức: “Nhưng tôi làm sao mà lên được với các bạn”, “Nhưng tôi làm sao mà gặp được các bạn?”. Khi em nhớ rằng: “Mẹ tôi đang đợi ở nhà”, “mẹ tôi luôn luôn muốn tôi ở nhà với mẹ”, em bé đã từ chối bằng một câu hỏi có tính khẳng định: “Làm sao tôi có thể bỏ mẹ tôi mà đi được?”. Yêu thế giới thiên nhiên kì diệu, yêu mẹ, để làm mẹ vui, em bé đã sáng tạo ra những trò chơi còn vui hơn, thú vị hơn trò chơi của những người “trên mây” và “trong sóng”: con là mây, là sóng tinh nghịch, phiêu du khắp chốn; mẹ là trăng dịu hiền toả sáng, là bờ biển bao dung ôm ấp che chở suốt đời con; và mái nhà – tổ ấm đầu đời – là bầu trời xanh dịu mát, bình yên vĩnh cửu. Qua những lời thoại và chi tiết được nhà thơ thuật kể tuần tự, vừa lặp lại, vừa biến hoá, độc giả từng bước một có cảm nhận thấm thía hơn về chiều sâu của tình cảm mà một người con đã dành cho mẹ của mình. Nói chung, bài thơ đã kể một câu chuyện thật cảm động về tình mẹ con, về niềm hạnh phúc ngọt ngào khi được sống trong vòng tay êm ấm yêu thương của mẹ.

(Nhóm biên soạn)

Giới thiệu tên bài thơ và tác giả.

Nêu cảm xúc chung về bài thơ.

Nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ và đánh giá ý nghĩa của chúng.

Chỉ ra nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ.

Khái quát lại cảm xúc chung của người viết về bài thơ trong hình thức kể chuyện độc đáo của nó.

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn bài thơ

Bài thơ được em chọn phải là bài thơ có yếu tố kể chuyện (xuất hiện câu chuyện, nhân vật, dù nhân vật có thể chỉ mang một cái tên chung chung), có các chi tiết miêu tả bối cảnh không gian, thời gian, con người,... Các bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*, *Mây và sóng* đều thuộc loại này.

b. Tìm ý

Để tìm ý, em hãy ngầm nêu các câu hỏi để tự trả lời như: *Bài thơ gợi lên câu chuyện gì? Đây là các chi tiết tự sự và miêu tả nổi bật? Các chi tiết ấy sống động, thú vị như thế nào? Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn bày tỏ ra sao?...*

c. Lập dàn ý

Từ các ý đã được hình thành qua cách nêu và trả lời những câu hỏi nói trên, em hãy sắp xếp thành một dàn ý:

Dàn ý

1. *Mở đoạn*: Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về bài thơ.
2. *Thân đoạn*:
 - Nêu ấn tượng, cảm xúc của em về câu chuyện được kể hoặc các chi tiết miêu tả có trong bài thơ.
 - Làm rõ nghệ thuật kể chuyện và miêu tả của tác giả.
 - Đánh giá hiệu quả của cách triển khai bài thơ bằng câu chuyện và các chi tiết miêu tả.
3. *Kết đoạn*: Nêu khái quát điều em tâm đắc về bài thơ (trong đó có nói tới đặc điểm nghệ thuật riêng của bài thơ đã được phân tích ở trên).

Mục đích viết

Chia sẻ cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những ai quan tâm, mong muốn tìm hiểu, cảm nhận cái hay, cái đẹp của bài thơ.

2. VIẾT BÀI

Khi viết bài, em cần lưu ý:

- Bám sát dàn ý để viết đoạn.
 - Lựa chọn từ ngữ để diễn đạt cảm xúc của em về nội dung của bài thơ cũng như những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo nhất.
 - Trình bày đúng hình thức của đoạn văn: viết lùi đầu dòng từ đầu tiên của đoạn văn và chữ cái đầu của từ đó phải viết hoa; kết thúc đoạn văn bằng một dấu chấm câu. Các câu trong đoạn cần tập trung vào chủ đề chung, giữa các câu có dùng từ ngữ liên kết.
- Đoạn văn khoảng 7 – 10 câu.

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Hãy kiểm tra bài viết của em theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm nhận chung của người viết.	Nếu còn thiếu so với yêu cầu, hãy bổ sung.
Nêu được cảm xúc và ý kiến đánh giá về nét đặc sắc của bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả.	Sử dụng lại các câu hỏi ở mục tìm ý để biết được nội dung đoạn văn của em còn thiếu ý gì. Hãy bổ sung nếu có câu hỏi bị bỏ quên, chưa được trả lời.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt (dùng từ, đặt câu, sử dụng từ ngữ liên kết câu,...). Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình

Qua các văn bản đọc ở bài *Gỗ cửa trái tim*, em đã cảm nhận được ý nghĩa của gia đình đối với tất cả chúng ta. Em cũng đã viết đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ thể hiện tình cảm đẹp đẽ với gia đình. Nhưng trong thực tế, đời sống gia đình còn có nhiều vấn đề khác, cả tích cực lẫn tiêu cực, khiến chúng ta phải suy nghĩ. Sau đây, em sẽ nói về một vấn đề như vậy.

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

- Dựa vào chính trải nghiệm của em để chọn một đề tài phù hợp (Gợi ý: quan hệ giữa các thành viên trong gia đình; việc chăm sóc, lắng nghe, thấu hiểu của cha mẹ đối với con cái; thái độ cư xử của con cái đối với cha mẹ; những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương; sự tôn trọng sở thích và mong muốn của từng người,...).
- Có thể đọc lại các văn bản đã học trong bài để được gợi ý thêm về ý tưởng, chẳng hạn, hình ảnh em bé và sự chăm sóc của người thân trong *Chuyện cổ tích về loài người*, tình cảm gắn bó của con đối với mẹ trong *Mây và sóng*, tình yêu thương của anh chị em trong *Bức tranh của em gái tôi*,...
- Tìm thêm thông tin liên quan từ sách báo hoặc các phương tiện nghe nhìn để có được cái nhìn toàn diện hơn về đề tài muốn nói.
- Chuẩn bị tranh ảnh, bài hát,... về gia đình để minh họa cho bài nói (nếu có).
- Ghi ra giấy những ý chính cần nói và sắp xếp theo trật tự phù hợp (Gợi ý: nêu vấn đề và các biểu hiện cụ thể của vấn đề; nêu tác động của vấn đề đối với các thành viên trong gia đình; trình bày mong muốn của em và cách em đã làm để giải quyết vấn đề;...).

Mục đích nói

Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, người thân và những ai quan tâm đến vấn đề em nói.

b. Tập luyện

- Để trình bày tốt, em hãy tập luyện trước. Có thể tập luyện một mình hoặc trình bày trước bạn bè, người thân và nhờ họ nhận xét, góp ý.
- Chọn cách nói tự nhiên, gần gũi, gần với kiểu tâm tình, chia sẻ, giải bày.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

- Trình bày bài nói theo các ý chính đã chuẩn bị. Mở đầu, nên cho người nghe cảm nhận được điều em sắp nói là điều em đã thực sự chứng kiến, có nhiều cảm xúc và suy nghĩ. Ở phần nội dung chính, cần chú ý để không sa vào việc liệt kê bằng chứng hay kể chuyện; cần tập trung nêu được nội dung cốt lõi, mang tính tiêu biểu cho vấn đề đang bàn. Kết thúc bài nói cần nhấn mạnh vào cách ứng xử thích hợp mà em đã lựa chọn.
- Trong khi nói, cần tập trung vào vấn đề mà em đã chọn. Những liên hệ với trải nghiệm của bản thân em sẽ làm cho nội dung bài nói thêm sinh động.
- Chú ý kết hợp trình bày ý kiến với việc sử dụng tranh ảnh, bài hát để làm tăng sức hấp dẫn cho bài nói.

3. SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
Thể hiện sự chia sẻ và nêu nhận xét về phần trình bày của bạn với thái độ chân thành, tôn trọng. Có thể trao đổi về: - Nội dung bài nói: Bài nói đã trình bày được ý kiến về vấn đề trong đời sống gia đình hay chưa? - Cách trình bày: Ngữ điệu, cách diễn đạt, cách tương tác với người nghe như thế nào?	Phản hồi những nhận xét, góp ý của người nghe với tinh thần cầu thị: - Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng. - Trao đổi về những điều người nghe cần nắm rõ thêm.

Củng cố, mở rộng

1. Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin về đặc điểm của các bài thơ đã học trong bài *Gõ cửa trái tim*.

Nhan đề bài thơ	Nội dung chính	Đặc điểm nghệ thuật		
		Hình ảnh	Biện pháp tu từ	Yếu tố tự sự, miêu tả

2. Hãy diễn tả nội dung một bài thơ đã được học trong bài *Gõ cửa trái tim* bằng một hình thức nghệ thuật mà em thích (tranh, truyện tranh, nhạc, kịch bản hoạt cảnh,...).

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Hình ảnh hai cha con và cuộc trò chuyện của họ.
- Ý nghĩa của hình ảnh những cánh buồm trên biển buổi sớm mai sau trận mưa đêm.
- Những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ: biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ; cách dùng từ ngữ giàu hình ảnh và cảm xúc,...

Những cánh buồm

HOÀNG TRUNG THÔNG⁽¹⁾

Hai cha con bước đi trên cát
Ánh mặt trời rực rỡ biển xanh.
Bóng cha dài lênh khênh
Bóng con tròn chắc nịch.

Sau trận mưa đêm rả rích
Cát càng mịn, biển càng trong.
Cha dắt con đi dưới ánh mai hồng,
Nghe con bước lòng vui phơi phới.
Con bỗng lắc tay cha khẽ hỏi:
Cha ơi!
Sao xa kia chỉ thấy nước thấy trời
Không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người ở đó?
Cha mỉm cười xoa đầu con nhỏ:
Theo cánh buồm đi mãi đến nơi xa

⁽¹⁾ Hoàng Trung Thông (1925 – 1993) là nhà thơ tiêu biểu của nền thơ cách mạng Việt Nam.

Sẽ có cây có cửa có nhà,
Vẫn là đất nước của ta,
Nhưng nơi đó cha chưa hề đi đến.

Cha lại dắt con đi trên cát mịn
Ánh nắng chảy đầy vai,
Cha trầm ngâm nhìn mãi cuối chân trời.
Con lại trở cánh buồm xa nói khẽ:
Cha mượn cho con buồm trắng nhé,
Để con đi...
Lời của con hay tiếng sóng thầm thì
Hay tiếng của lòng cha từ một thời xa thẳm?
Lần đầu tiên trước biển khơi vô tận
Cha gặp lại mình trong tiếng ước mơ con.

(Hoàng Trung Thông, *Những cánh buồm*, NXB Văn học, Hà Nội, 1964, tr. 76 – 77)



YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ

Thương người như thể thương thân.

(Tục ngữ Việt Nam)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Như cỏ cây cần ánh nắng, con người cần tình yêu thương để nuôi dưỡng, sưởi ấm tâm hồn. Điều kì diệu nhất của yêu thương là càng chia sẻ lại càng giàu có; là cùng lúc mang đến niềm vui, hạnh phúc cho cả người được đón nhận và người trao tặng.
- Những truyện kể dưới đây ẩn chứa cả niềm vui và nỗi buồn, ấm áp và giá buốt nhưng đều giúp chúng ta hiểu thêm về giá trị của tình yêu thương và sự đồng cảm trong cuộc sống hằng ngày.



*Cô bé viết bên chú chim sẻ cánh vàng,
tranh sơn dầu trên vải của Hen-ri-ét Brao-nơ (Henriette Browne)*

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra.
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.
- Biết nói về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
- Biết đồng cảm và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Miêu tả nhân vật trong truyện kể

- Ngoại hình: dáng vẻ bề ngoài của nhân vật (thân hình, gương mặt, ánh mắt, làn da, mái tóc, trang phục,...).
- Hành động: những cử chỉ, việc làm thể hiện cách ứng xử của nhân vật với bản thân và thế giới xung quanh.
- Ngôn ngữ: lời nói của nhân vật, được xây dựng ở cả hai hình thức đối thoại và độc thoại.
- Thế giới nội tâm: những cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của nhân vật.

Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ

- Thành phần chính của câu có thể là một từ, cũng có thể là một cụm từ. Dùng cụm từ làm thành phần chính của câu có thể giúp câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe. Có nhiều loại cụm từ, nhưng tiêu biểu nhất là cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.
- Cụm danh từ gồm danh từ và một hoặc một số từ khác bổ nghĩa cho danh từ. Cụm động từ gồm động từ và một hoặc một số từ khác bổ nghĩa cho động từ. Cụm tính từ gồm tính từ và một hoặc một số từ khác bổ nghĩa cho tính từ.

VĂN BẢN ĐỌC

- *Cô bé bán diêm*, Han Cri-xti-an An-đéc-xen (Hans Christian Andersen)
- *Gió lạnh đầu mùa*, Thạch Lam
- *Con chào mào*, Mai Văn Phấn

Cô bé bán diêm

HAN CRI-XTI-AN AN-ĐÉC-XEN

Trước khi đọc

1. Giới thiệu ngắn gọn một truyện kể hoặc một bộ phim có nhân vật trẻ em gây ấn tượng với em.
2. Chia sẻ một vài cảm nhận của em về nhân vật đó.

Đọc văn bản

Rét dữ dội, tuyết rơi. Trời đã tối hẳn. Đêm nay là đêm giao thừa.

Giữa trời đông giá rét, một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối.

Lúc ra khỏi nhà em có đi giày vải, nhưng giày vải phồng⁽¹⁾ có tác dụng gì kia chứ!

Giày ấy của mẹ em để lại, rộng quá, em đã liên tiếp làm văng mất cả hai chiếc khi em chạy qua đường, vào lúc hai chiếc xe ngựa đang phóng nước đại.

Chiếc thứ nhất bị xe song mã⁽²⁾ nghiêng, rồi dính theo tuyết vào bánh xe; thế là mất hút. Còn chiếc thứ hai, một thằng bé lượm được, cười sằng sặc,

THEO DÕI Chú ý các chi tiết miêu tả trang phục của cô bé bán diêm giữa trời đông giá rét.

DỰ ĐOÁN Điều gì sẽ đến với cô bé bán diêm trong đêm giao thừa?

(1) *Phồng*: từ thể hiện ý nghi ngờ, phủ định (như *thử hỏi, liệu có*).

(2) *Xe song mã*: xe do hai con ngựa kéo.



đem tung lên trời. Nó còn nói to với em bé rằng nó sẽ giữ chiếc giày để làm nôi cho con chó sau này.

Thế rồi em phải đi đất, chân em đỏ ửng lên, rồi tím bầm lại vì rét.

Chiếc tạp dề⁽¹⁾ cũ kĩ của em đựng đầy diêm và tay em còn cầm thêm một bao.

Em cố kiếm một nơi có nhiều người qua lại. Nhưng trời rét quá, khách qua đường đều rảo bước rất nhanh, chẳng ai đoái hoài đến lời chào hàng của em.

Suốt ngày em chẳng bán được gì cả và chẳng ai bố thí⁽²⁾ cho em chút đỉnh. Em bé đáng thương, bụng đói rét vẫn lang thang trên đường. Bông tuyết bám đầy trên mái tóc dài xoã thành từng búp trên lưng em, em cũng không để ý.

Cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay. Chả là đêm giao thừa mà! Em tưởng nhớ lại năm xưa, khi bà nội hiền hậu của em còn sống, em cũng được đón giao thừa ở nhà. Nhưng Thần Chết đã đến cướp bà em đi mất, gia sản tiêu tán⁽³⁾ và gia đình em đã phải rời ngôi nhà xinh xắn có dây

THEO DÕI Sau khi bà mất, gia đình cô bé bán diêm rơi vào tình cảnh như thế nào?

(1) *Tạp dề*: tấm vải có dây buộc, dùng đeo phía trước người để giữ cho quần áo khỏi bẩn khi làm việc nội trợ.

(2) *Bố thí*: cho theo lối làm ơn, làm phúc để cứu giúp.

(3) *Tiêu tán*: tan biến, mất hết, không còn tí gì.

trường xuân⁽¹⁾ leo quanh, nơi em đã sống những ngày đầm ấm, để chui rúc trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc, chửi rủa.

Em ngồi nép trong một góc tường, giữa hai ngôi nhà, một cái xây lù l lại một chút.

Em thu đôi chân vào người, nhưng mỗi lúc em càng thấy rét buốt hơn.

Tuy nhiên, em không thể nào về nhà nếu không bán được ít bao diêm, hay không ai bố thí cho một đồng xu nào đem về; nhất định là cha em sẽ đánh em.

Vả lại ở nhà cũng rét thế thôi. Cha con em ở trên gác, sát mái nhà, và mặc dầu đã nhét giẻ rách vào các kẽ hở lớn trên vách, gió vẫn thổi rít vào trong nhà. Lúc này đôi bàn tay em đã cứng đờ ra.

Chà! Giá quẹt một que diêm lên mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ? Cuối cùng em đánh liều quẹt một que. Diêm bén lửa thật là nhạy. Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt.

Em hơ đôi tay trên que diêm sáng rực như than hồng. Chà! Ánh sáng kì diệu làm sao! Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng. Trong lò, lửa cháy nom đến vui mắt và toả ra hơi nóng dịu dàng.

Thật là dễ chịu! Đôi bàn tay em hơ trên ngọn lửa, bên tay cầm diêm, ngón cái nóng bỏng lên. Chà! Khi tuyết phủ kín mặt đất, gió bắc⁽²⁾ thổi vun vút mà được

THEO DÕI Mỗi lần quẹt diêm, cô bé nhìn thấy những hình ảnh gì? Đó là thực hay mơ?



(1) Trường xuân: một loại cây leo, lá xanh tốt quanh năm, thường được trồng trang trí tường, hàng rào.

(2) Gió bắc: gió mùa đông, thổi từ phương bắc.

ngồi hàng giờ như thế, trong đêm đông rét buốt, trước một lò sưởi thì khoái biết bao!

Em vừa đuổi chân ra sưởi thì lửa vụt tắt, lò sưởi biến mất. Em ngồi đó, tay cầm que diêm đã tàn hẵn. Em bồn thần cả người và chợt nghĩ ra rằng cha của em đã giao cho em đi bán diêm. Đêm nay, về nhà thế nào cũng bị cha mắng.

Em quẹt que diêm thứ hai, diêm cháy và sáng rực lên. Bức tường như biến thành một tấm rèm bằng vải màn. Em nhìn thấu vào tận trong nhà. Bàn ăn đã dọn, khăn trải trắng tinh, trên bàn bày toàn bát đĩa bằng sứ quý giá và có cả một con ngỗng quay. Nhưng điều kì diệu nhất là ngỗng ta nhảy ra khỏi đĩa và mang cả dao ăn, phóng sét⁽¹⁾, cắm trên lưng, tiến về phía em bé.

Rồi... que diêm vụt tắt; trước mặt em chỉ còn là những bức tường dày đặc và lạnh lẽo.

Thực tế đã thay thế cho mộng mị: chẳng có bàn ăn thịnh soạn nào cả, mà chỉ có phố xá vắng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xoá, gió bắc vi vu và mấy người khách qua đường quần áo ấm áp vội vã đi đến những nơi hẹn hò, hoàn toàn lãnh đạm⁽²⁾ với cảnh nghèo khổ của em bé bán diêm.

Em quẹt que diêm thứ ba. Bỗng em thấy hiện ra một cây thông Nô-en (Noel)⁽³⁾. Cây này lớn và trang trí lộng lẫy hơn cây mà em đã được thấy năm ngoái qua cửa kính một nhà buôn giàu có. Hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ như những bức bày trong các tủ hàng, hiện ra trước mắt em bé.

Em với đôi tay về phía cây... nhưng diêm tắt. Tất cả các ngọn nến bay lên, bay lên mãi rồi biến thành những ngôi sao trên trời.

– Chắc hẳn có ai vừa chết. – Em bé tự nhủ, vì bà em, người hiền hậu độc nhất đối với em, đã chết từ lâu, trước đây thường nói rằng: “Khi có một ngôi sao đổi ngôi là có một linh hồn bay lên trời với Thượng đế”.

THEO DÕI Chú ý trình tự xuất hiện của các hình ảnh khi cô bé quẹt diêm:

- Lần thứ nhất
- Lần thứ hai
- Lần thứ ba
- Lần thứ tư.

(1) *Phóng sét*: đồ dùng có răng nhọn, cán dẹt, thường làm bằng kim loại, dùng để lấy thức ăn.

(2) *Lãnh đạm*: lạnh nhạt, không biểu hiện cảm xúc, không quan tâm.

(3) *Cây thông Nô-en*: cây hoặc cành thông non được trang trí để đón lễ Nô-en.

Em quệt một que diêm nữa vào tường, một ánh sáng xanh toả ra xung quanh và em bé nhìn thấy rõ ràng bà em đang mỉm cười với em.

– Bà ơi! – Em bé reo lên. – Cho cháu đi với! Cháu biết rằng diêm tắt thì bà cũng biến đi mất như lò sưởi, ngỗng quay và cây Nô-en ban nãy, nhưng xin bà đừng bỏ cháu ở nơi này; trước kia, khi bà chưa về với Thượng đế chí nhân⁽¹⁾, bà cháu ta đã từng sung sướng biết bao! Dạo ấy bà đã nhủ cháu rằng nếu cháu ngoan ngoãn, cháu sẽ được gặp lại bà, bà ơi! Cháu van bà, bà xin với Thượng đế chí nhân cho cháu về với bà. Chắc Người không từ chối đâu.

Que diêm tắt phụt, và ảo ảnh⁽²⁾ rực sáng trên khuôn mặt em bé cũng biến mất.

Thế là em quệt tất cả những que diêm còn lại trong bao. Em muốn níu bà lại! Diêm nổi nhau chiếu sáng như giữa ban ngày. Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này. Bà cụ cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu bay vút lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa. Họ đã về châu Thượng đế.

Sáng hôm sau tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên trong sáng, chói chang trên bầu trời nhạt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì rét trong đêm giao thừa.



ĐỐI CHIẾU Điều xảy ra với cô bé bán diêm có giống như dự đoán của em không?

(1) *Chí nhân*: vô cùng nhân từ, hết mực yêu thương (*chí*: rất, hết mực; *nhân*: nhân từ, yêu thương).

(2) *Ảo ảnh*: hình ảnh giống như thật nhưng không có thật.

Ngày mồng một đầu năm hiện lên tử thi⁽¹⁾ em bé ngồi giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã hết nhãn. Mọi người bảo nhau: “Chắc nó muốn sưởi ấm!”. Nhưng chẳng ai biết những cái kì diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm.

(Han Cri-xti-an An-đéc-xen, *Truyện cổ An-đéc-xen*, Nguyễn Văn Hải – Vũ Minh Toàn dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2016, tr. 546 – 549)

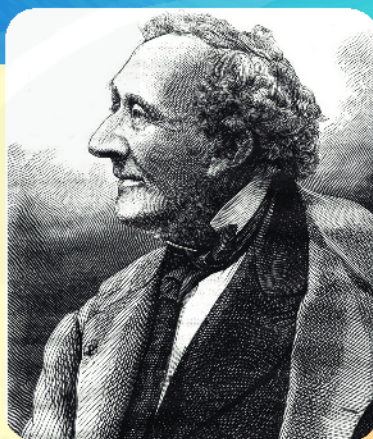
THEO DÕI Có những hình ảnh trái ngược nào trong quang cảnh ngày đầu năm mới?

Sau khi đọc

HAN CRI-XTI-AN AN-ĐÉC-XEN

- Han Cri-xti-an An-đéc-xen (1805 – 1875) là nhà văn Đan Mạch chuyên viết truyện cổ tích cho thiếu nhi. Bằng trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn, An-đéc-xen đã sáng tạo nên một thế giới thần tiên mà vẫn rất gần gũi với con người, với cuộc sống đời thường. Ông luôn khẳng định: *Không có truyện kể nào hay hơn được những điều do chính cuộc sống tạo nên*. Nhiều tác phẩm của An-đéc-xen được trẻ em trên toàn thế giới yêu thích: *Cô bé bán diêm*, *Nàng tiên cá*, *Nữ thần băng giá*, *Chú lính chì dũng cảm*, *Bầy chim thiên nga*,...

- Cô bé bán diêm* là một trong những truyện cổ tích nổi tiếng nhất của An-đéc-xen.



Em có biết?

Truyện *Cô bé bán diêm* đã được chuyển thể thành nhiều tác phẩm thuộc các thể loại: nhạc, nhạc kịch, phim. Trong đó, bộ phim hoạt hình *Cô bé bán diêm* của đạo diễn Ác-tuya Đa-vít (Arthur Davis, Mỹ) phát hành năm 1937 và của đạo diễn Rô-giơ An-lôt (Roger Allers, Mỹ) phát hành năm 2006 đã được đề cử giải Ô-xca (Oscar).

(1) *Tử thi*: thân thể người đã chết.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Truyện *Cô bé bán diêm* được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?
2. Cô bé bán diêm phải ở ngoài đường phố trong một đêm như thế nào? Vì sao cô bé không muốn trở về nhà?
3. Nêu các chi tiết miêu tả ngoại hình của cô bé bán diêm. Những chi tiết đó giúp em hình dung như thế nào về cuộc sống của nhân vật?
4. Những hình ảnh xuất hiện sau mỗi lần quẹt diêm phản chiếu những ước mong nào của cô bé bán diêm? Theo em, có thể thay đổi trình tự xuất hiện của các hình ảnh đó không?
5. Nêu cảm nhận của em về thái độ của người kể chuyện đối với cô bé bán diêm. Phân tích một vài chi tiết làm cơ sở cho cảm nhận đó.
6. Đọc lại một số câu văn miêu tả cách ứng xử của người đi đường trước tình cảnh của cô bé bán diêm. Em nghĩ gì về cách ứng xử của họ?
- 7*. Trong truyện, tác giả đã sử dụng nhiều chi tiết, hình ảnh tương phản như: cảnh đoàn tụ của các gia đình đêm giao thừa với tình cảnh đói rét, đơn độc ngoài đường phố của cô bé bán diêm; không khí tươi vui của ngày đầu năm mới với cảnh tượng em bé chết rét nơi xó tường;... Em hãy chỉ ra ý nghĩa, tác dụng của một vài chi tiết, hình ảnh đó.
8. Những câu chuyện cổ tích thường kết thúc có hậu: nhân vật chính được hưởng cuộc sống bình yên, hạnh phúc. Theo em, truyện *Cô bé bán diêm* có kết thúc giống như vậy không?

Viết kết nối với đọc

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) với nhan đề: *Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm”*.

Thực hành tiếng Việt

CỤM DANH TỪ

1. Tìm cụm danh từ trong những câu sau:
 - a. *Nhưng trời rét quá, khách qua đường đều rào bước rất nhanh, chẳng ai đoái hoài đến lời chào hàng của em.*
 - b. *Tất cả các ngọn nến bay lên, bay lên mãi rồi biến thành những ngôi sao trên trời.*
2. Tìm một cụm danh từ trong truyện *Cô bé bán diêm*. Từ danh từ trong cụm từ đó, hãy tạo ra ba cụm danh từ khác.

Nhận biết cụm từ và cụm danh từ

- Đọc các câu sau: (1) *Thời tiết/ lạnh.*; (2) *Tuyết/ rơi.*; (3) *Thời tiết mùa đông ở Sa Pa/ rất lạnh.*; (4) *Tuyết trắng/ rơi đầy trên đường.* Trong câu (1) và (2), mỗi thành phần chính của câu chỉ là một từ. Trong câu (3) và (4), thành phần chính của câu là một cụm từ.
- Đọc câu sau: *Tất cả học sinh lớp 6A đều thích môn học ấy.* Trong câu này,

3. So sánh những câu văn sau đây và rút ra nhận xét về tác dụng của việc dùng cụm danh từ làm thành phần chính của câu:

- a. – *Em bé vẫn lang thang trên đường.*
– *Em bé đáng thương, bụng đói rét vẫn lang thang trên đường.*
- b. – *Em gái đang dò dẫm trong đêm tối.*
– *Một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối.*

tất cả học sinh lớp 6A là một cụm danh từ có *học sinh* là danh từ trung tâm. Các từ ở trước danh từ trung tâm thường thể hiện số lượng của sự vật mà danh từ trung tâm biểu hiện, ví dụ: *tất cả*. Các từ đứng sau danh từ trung tâm thường nêu đặc điểm của sự vật, xác định vị trí của sự vật đó trong không gian, thời gian,..., ví dụ: *lớp 6A*.

4. Các câu sau có chủ ngữ là một từ. Hãy mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ.

- a. *Gió vẫn thổi rít vào trong nhà.*
- b. *Lửa toả ra hơi nóng dịu dàng.*

5. Hãy tưởng tượng và viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về cảnh cô bé bán diêm gặp lại người bà trên thiên đường, trong đó có ít nhất một cụm danh từ làm thành phần chủ ngữ của câu.

Gió lạnh đầu mùa

THẠCH LAM

Trước khi đọc

- 1. Kể về một sự giúp đỡ, chia sẻ mà em đã từng dành cho ai đó hoặc từng được đón nhận.
- 2. Đọc nhan đề *Gió lạnh đầu mùa*, em dự đoán nhà văn sẽ kể câu chuyện gì?

Đọc văn bản

(1)

Buổi sáng hôm nay, mùa đông đột nhiên đến, không báo cho biết trước. Vừa mới ngày hôm qua giờ này còn nắng ấm và hanh⁽¹⁾, cái nắng về cuối tháng mười làm nứt nẻ đất ruộng, và làm giòn khô những chiếc lá rơi. Sơn và chị chơi cỏ gà ở ngoài cánh đồng còn thấy nóng bức, chảy mồ hôi.

⁽¹⁾ *Hanh*: thời tiết khô và hơi lạnh.

Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi gió bắc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt. Sơn tung chăn tỉnh dậy, nhưng không bước xuống giường ngay như mọi khi, còn ngồi thu tay vào trong bọc, bên cạnh đứa em bé vẫn nắm tay ngủ kĩ. Chị Sơn và mẹ Sơn đã trở dậy, đang ngồi quạt hoả lò⁽¹⁾ để pha nước chè uống. Sơn nhận thấy mọi người đã mặc áo rét cả rồi.

Nhìn ra ngoài sân, Sơn thấy đất khô trắng, luôn luôn cơn gió vi vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, thổi lẫn những cái lá khô lạo xạo. Trời không u ám, toàn một màu trắng đục. Những cây lan trong chậu, lá rung động và hình như sắt lại vì rét.

THEO DÕI Chú ý những cảm nhận của Sơn về thời tiết và cảnh vật.

Sơn cũng thấy lạnh, vội vợ lấy cái chăn trùm lên đầu rồi cất tiếng gọi chị. Mẹ Sơn nghe thấy, đặt chén nước chè xuống, bảo chị Lan:

– Con vào buồng lấy thùng áo ra mẹ mặc cho em đi.

[...] Chị Lan từ trong buồng đi ra, khệ nệ ôm cái thùng quần áo đặt lên đầu phản. Mẹ Sơn lật cái ví buồm⁽²⁾, lục đồng quần áo rét. [...] Mẹ Sơn giơ lên một cái áo bông cánh đã cũ nhưng còn lành lặn, nói:

– Đây là áo của cô Duyên đây.

Duyên là đứa em gái bé của Sơn, chết từ năm lên bốn tuổi. Mẹ Sơn nhắc đến làm Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá. Vú già⁽³⁾ là người đã nuôi Duyên từ lúc mới đẻ, với lấy cái áo lật đi lật lại ngắm nghía, tay mân mê các đường chỉ:



DỰ ĐOÁN Chiếc áo bông cũ có xuất hiện ở phần tiếp theo của truyện không?

(1) Hoả lò: lò than nhỏ để đun nấu hoặc để sưởi ấm.

(2) Ví buồm: tấm vải đan dùng để đựng hoặc lót rổ, thùng.

(3) Vú già: cách gọi người phụ nữ có tuổi, đã từng đi ở để cho trẻ bú trong xã hội cũ.

– Giá mà bây giờ em nó có còn cũng chả mặc được.

Mẹ Sơn yên lặng không nói gì. Nhưng đến lúc với Sơn lại gần để mặc áo, Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt.

(2)

Sơn đã mặc xong áo ấm: cả cái áo dạ chỉ đỏ lẫn áo vệ sinh, ngoài lại mặc phủ cái áo vải thâm⁽¹⁾ dài. Sơn đứng trên giường trước mặt mẹ, đã quay đi quay lại ba, bốn lần để mẹ Sơn ngắm áo. Sau cùng mẹ Sơn vuốt các tà áo cho phẳng phiu, rồi đẩy Sơn ra, bảo:

– Thôi, con đi chơi.

Sơn xúng xính rủ chị ra chợ chơi. Nhà Sơn ở quay lưng vào chợ cạnh một dãy nhà lá của những người nghèo khổ mà Sơn quen biết cả vì họ vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn. Sơn biết lũ trẻ con các gia đình ấy chắc bây giờ đang đợi mình ở cuối chợ để đánh khăn⁽²⁾, đánh đáo⁽³⁾.

Không phải ngày phiên chợ nên chợ vắng không. Mấy cái quán chơ vơ lộng gió, rác bần rải rác lẫn với lá rụng của cây đề. Gió thổi mạnh làm Sơn thấy lạnh, và cay mắt. Nhưng chân trời trong hơn mọi hôm, những làng ở xa, Sơn thấy rõ như gần. Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên tanh tách dưới nhịp guốc⁽⁴⁾ của hai chị em.

Đến cuối chợ đã thấy lũ trẻ đang quây quần chơi nghịch. Chúng nó thấy chị em Sơn đến đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vô vạp. Chúng như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy, tuy Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kì và khinh khỉnh như các em họ của Sơn.

Thằng Cúc, thằng Xuân, con Tý, con Túc sán gần giương đôi mắt ngắm bộ quần áo mới của Sơn.

THEO DÕI Chú ý các chi tiết miêu tả ngoại hình của các bạn nhỏ ở ngoài chợ.

(1) *Áo vải thâm*: áo vải màu đen.

(2) *Đánh khăn*: một trò chơi dân gian của trẻ em – dùng một đoạn cây nhỏ, chắc, tròn, dài khoảng từ 30 – 40 cm (gọi là cái) đánh cho đoạn cây tròn, ngắn khoảng từ 15 – 20 cm (gọi là con) vắng xa để tính điểm.

(3) *Đánh đáo*: một trò chơi dân gian của trẻ em – kẻ vạch trên nền đất phẳng, rải những đồng xu, người chơi đứng từ một khoảng cách quy định, dùng một vật hình tròn nhỏ như đồng xu, nặng để chọi vào những đồng xu rải trên vạch. Luật chơi phong phú, tùy theo vùng, miền.

(4) *Guốc*: đồ dùng làm bằng gỗ và có quai, công dụng như giày, dép.

Sơn nhận thấy chúng ăn mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo màu nâu bạc đã vá nhiều chỗ. Nhưng hôm nay, môi chúng nó tím lại và qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi. Mỗi cơn gió đến, chúng lại run lên, hàm răng đập vào nhau.

[...] Chị Lan bỗng giơ tay vẫy một con bé, từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, gọi:

– Sao không lại đây, Hiên? Lại đây chơi với tôi.

Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn chơi với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước đến gần, trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:

– Sao áo mày rách thế, Hiên? Áo lành đâu không mặc?

Con bé bịu xịu⁽¹⁾ nói:

– Hết áo rồi, chỉ còn cái này.

– Sao không bảo u may may cho?

Sơn bấy giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn chơi cùng với Hiên, đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:

– Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.

– Ừ, phải đấy. Để chị về lấy.

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui.

THEO DÕI Dáng vẻ bề ngoài của bé Hiên được miêu tả như thế nào?

THEO DÕI Chú ý những chi tiết miêu tả suy nghĩ, cảm xúc của Sơn.

(1) Bịu xịu: vẻ mặt xỉ xuống, thường đi kèm những lời nói có ý buồn tủi.



(3)

Nhưng cái vui của Sơn không được bao lâu. Bữa cơm về tới nhà, Sơn không thấy mẹ đâu cả, hỏi vú già:

- Mẹ tôi đâu hả vú?
- Chị Lan và cậu cứ ăn cơm trước đi. Mẹ còn đi ăn cỗ đến trưa mới về.

THEO DÕI Chú ý lời đối thoại giữa vú già với Sơn, giữa hai chị em Sơn.

Rồi vú già nhìn rõ vào mặt Sơn hỏi:

- Có phải cậu đem cho con Hiền cái áo bông cũ phải không?

Sơn ngạc nhiên đáp:

- Phải, nhưng sao vú biết?
- Con Sinh nó nói với tôi đấy. (Sinh là đứa em họ Sơn, vẫn hay nói hỡn với vú già nên vú ấy ghét). Nó lại còn bảo hỡ mợ về nó sẽ sang mách mợ cho cậu phải đòn.

Sơn lo quá, sắp ăn, bỏ bữa đứng dậy, van:

- Thế bây giờ làm thế nào, hỡ vú? Mợ tôi biết thì chết.
- Ai bảo cậu dại dột đem áo cho nó? Bây giờ cậu sang bảo cái Hiền trả lại thì không việc gì.

Sơn vội vàng đi ra chợ tìm Hiền nhưng không thấy con bé ở đó, đến nhà cũng không thấy ai, mẹ nó cũng không có nhà. Hai chị em lo sợ, đi ra cánh đồng tìm cũng không gặp. Gần đến buổi chiều, Sơn và chị chưa đòi được áo. Lan trách em:

- Sao em lại nghĩ đem cho nó cái áo ấy, có phải bây giờ mợ mắng chết không?

– Ai bảo chị về lấy? Nếu chị không về lấy thì em biết đâu?

Chị Lan đầu dụi:

– Thôi, bây giờ phải về nhà vậy chứ biết làm thế nào.

– Nhưng mà em sợ lắm.

Chị Lan thở dài, nắm chặt lấy tay em, an ủi:

– Đằng nào cũng phải về cơ mà. May ra có lẽ mợ không mắng đâu.

Hai chị em lo lắng dắt nhau lên về nhà. Đến cửa, Sơn nghe thấy có tiếng mẹ nói ở trong với tiếng người đàn bà khác nữa, nghe quen quen. Lan dắt tay Sơn khép nép bước vào; hai chị em ngạc nhiên đứng sững ra khi thấy mẹ con Hiền đang ngồi ở cái ghế con trên đất trước mặt mẹ, tay cầm cái áo bông cũ.

Thấy hai con về, mẹ Sơn ngừng lên nhìn rồi nghiêm nghị bảo:

– Kia, hai cô cậu đã về kia. Thế áo bông của tôi đâu mà tự tiện đem cho đấy?

Sơn sợ hãi, cúi đầu lặng im, nép vào sau lưng chị. Bác Hiền vừa cười vừa nói:

– Tôi về thấy cháu nó mặc cái áo bông tôi hỏi ngay. Nó bảo của cậu Sơn cho nó. Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả mợ. Thôi, bây giờ, xin phép mợ tôi về.

Mẹ Sơn hỏi:

– Con Hiền nó không có áo à?

– Bẩm nhà cháu độ này khổ lắm, chẳng để dành ra được đồng nào may áo cho con cả. Thành thử vẫn cái áo từ năm ngoái nó mặc mãi.

Mẹ Sơn với cái âu đồng lấy tiền đưa cho bác Hiền:

– Đây, tôi cho mượn năm hào về mà may áo cho con.

Khi bác Hiền bước ra khỏi cửa, mẹ Sơn vẫy hai con lại gần, rồi âu yếm ôm vào lòng mà bảo:

– Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư?

DỰ ĐOÁN Theo em, mẹ Sơn có phạt hai chị em Sơn không? Điều gì khiến em suy đoán như vậy?

ĐỐI CHIẾU Em có đoán đúng những gì xảy ra trong phần kết của câu chuyện này không?

(Thạch Lam, *Tuyển tập Thạch Lam*, NXB Văn học, Hà Nội, 2015, tr. 119 – 126)

Sau khi đọc

THẠCH LAM

• Thạch Lam (1910 – 1942) tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh, sinh ra ở Hà Nội, lúc nhỏ sống ở quê ngoại – phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Ông sáng tác ở nhiều thể loại (tiểu thuyết, truyện ngắn, tùy bút,...) song thành công nhất vẫn là truyện ngắn. Truyện ngắn của Thạch Lam giàu cảm xúc, lời văn bình dị và đậm chất thơ. Nhân vật chính thường là những con người bé nhỏ, cuộc sống nhiều vất vả, cơ cực mà tâm hồn vẫn tinh tế, đôn hậu. Tác phẩm của Thạch Lam ẩn chứa niềm yêu thương, trân trọng đối với thiên nhiên, con người, cuộc sống. Các tập truyện ngắn tiêu biểu của Thạch Lam: *Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn*, *Sợi tóc*,...

• *Gió lạnh đầu mùa* được đánh giá là truyện ngắn viết về đề tài trẻ em xuất sắc nhất của Thạch Lam.



Nhà văn nói về tác phẩm

“... Gió heo may sẽ làm cho họ buồn rầu lo sợ, vì mùa đông sắp tới, mùa đông giá lạnh và lầy lội phủ trên lưng họ cái màn lạnh lẽ của sương mù. Và lòng tôi se lại khi nghĩ rằng chỉ một chút âu yếm, một chút tình thương, cũng đủ nâng đỡ an ủi những người cùng khổ ấy...” (Thạch Lam)

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?
2. Liệt kê một số chi tiết, hình ảnh miêu tả thái độ của chị em Sơn với các bạn nhỏ.
3. Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi nghe mẹ và vú già trò chuyện về chiếc áo bông cũ của em Duyên; khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên. Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận được gì về nhân vật này?
4. Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào? Cảm xúc ấy giúp em hiểu gì về ý nghĩa của sự chia sẻ?
5. Hành động vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ có làm em giảm bớt thiện cảm với nhân vật Sơn không? Vì sao?
6. Hãy nhận xét về cách ứng xử của mẹ Hiên và mẹ Sơn trong đoạn kết của truyện.
7. Đọc lại một số đoạn văn tác giả miêu tả những đổi thay của đất trời khi mùa đông đến. Em có thích những đoạn văn này không? Vì sao?

8. Hãy chỉ ra một vài điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật cô bé bán diêm (*Cô bé bán diêm*) và bé Hiền (*Gió lạnh đầu mùa*).

Viết kết nối với đọc

Có nhiều nhân vật trẻ em xuất hiện trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*. Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày cảm nhận về một chi tiết miêu tả trẻ em mà em thấy thú vị.

Thực hành tiếng Việt

CỤM ĐỘNG TỪ VÀ CỤM TÍNH TỪ

1. Tìm một cụm động từ trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*. Từ động từ của cụm từ đó, hãy tạo ra ba cụm động từ khác.
2. Trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*, Thạch Lam thường sử dụng kiểu câu có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ, chẳng hạn: **Mẹ Sơn nghe thấy, đặt chén nước chè xuống, bảo chị Lan**. Hãy tìm thêm trong văn bản này hai câu văn có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ và cho biết tác dụng của cách diễn đạt đó.
3. Tìm cụm động từ trong những câu sau. Xác định động từ trung tâm và những ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung.
 - a. *Nhìn ra ngoài sân, Sơn thấy đất khô trắng.*
 - b. *Mẹ Sơn lật cái vỉ buồm, lục đồng quần áo rét.*
 - c. *Mẹ tôi còn hẹn mua cho tôi một cái áo len nhiều tiền hơn nữa kia.*
 - d. *Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo.*
4. Tìm một cụm tính từ trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*. Với tính từ của cụm từ đó, hãy tạo ra ba cụm tính từ khác.

Nhận biết cụm động từ

- Đọc câu sau: *Nó không mặc áo rét*. Trong câu này, *không mặc áo rét* là một cụm động từ có *mặc* là động từ trung tâm.
- Các từ trước động từ trung tâm thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa như: thời gian, khẳng định, phủ định, tiếp diễn, mệnh lệnh,... Ví dụ: từ *không* trước động từ *mặc* có ý nghĩa phủ định. Các từ đứng sau động từ trung tâm thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa như: đối tượng, địa điểm, thời gian, cách thức,... Ví dụ: từ *áo rét* ở sau động từ *mặc* chỉ đối tượng của hành động.

Nhận biết cụm tính từ

- Đọc câu sau: *Trời vẫn rét quá*. Trong câu này, *vẫn rét quá* là một cụm tính từ có *rét* là tính từ trung tâm.
- Các từ trước tính từ trung tâm thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa như: mức độ, thời gian, sự tiếp diễn,...

5. Tìm cụm tính từ trong những câu sau.
Xác định tính từ trung tâm và những ý nghĩa mà tính từ đó được bổ sung.

- a. *Năm nay rét sớm hơn mọi năm vù nhỉ?*
- b. *Nhưng chân trời trong hơn mọi hôm, những làng ở xa, Sơn thấy rõ như gần.*
- c. *Cái áo này mặc thì nóng lắm.*

Ví dụ: từ *vẫn* trước tính từ *rét* chỉ rét đang tiếp diễn. Các từ đứng sau tính từ trung tâm thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa như: phạm vi, mức độ,... Ví dụ: từ *quá* ở sau tính từ *rét* chỉ mức độ của rét.

6. Các câu sau có vị ngữ là một từ. Hãy mở rộng vị ngữ thành cụm tính từ.

- a. *Gió rét.*
- b. *Toà nhà cao.*
- c. *Cô ấy đẹp.*

7. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nói về cảm xúc của em lúc giao mùa, trong đó có ít nhất một cụm động từ hoặc một cụm tính từ làm thành phần chính của câu.

Con chào mào

MAI VĂN PHẦN

Đọc văn bản

Con chào mào⁽¹⁾ đốm trắng mũ đỏ
Hót trên cây cao chót vót
triu... ụt... huyết... tu hù...

Tôi vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ
Sợ chim bay đi

Vừa vẽ xong nó cất cánh
Tôi ôm khung nắng, khung gió
Nhành cây xanh hối hả đuổi theo

⁽¹⁾ *Chào mào*: loài chim đầu có chòm lông nhọn, tiếng hót trong, cao.

Trong vô tăm tích⁽¹⁾ tôi nghĩ
Lát nữa chào mào sẽ mổ những con sâu
Trái cây chín đỏ
Từng giọt nước
Thanh sạch của tôi

triu... uyết... huyết... tu hùu...

Chẳng cần chim lại bay về
Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ.

(Mai Văn Phấn, *Bầu trời không mái che*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2010, tr. 26)

Sau khi đọc

MAI VĂN PHẤN

- Mai Văn Phấn sinh năm 1955 tại Ninh Bình. Ông sáng tác thơ và viết tiểu luận phê bình. Thơ Mai Văn Phấn rất phong phú về đề tài; có những cách tân về nội dung và nghệ thuật; một số bài được dịch ra nhiều thứ tiếng. Các tập thơ tiêu biểu của Mai Văn Phấn: *Giọt nắng*, *Gọi xanh*, *Bầu trời không mái che*, *Lặng yên cho nước chảy*,...
- Bài thơ *Con chào mào* được in trong tập thơ *Bầu trời không mái che*. Tập thơ đã được dịch ra tiếng Anh và tiếng Pháp.



(1) *Vô tăm tích*: không có dấu vết nào.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Em có thể hình dung, tưởng tượng những hình ảnh gì khi đọc ba dòng thơ đầu?
2. Hãy nêu những ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi” khi “vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”.
3. Vì sao lúc đầu, nhân vật “tôi” “sợ chim bay đi” nhưng kết thúc bài thơ lại khẳng định: *Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ*?
4. Dòng thơ nào được lặp lại trong bài thơ? Theo em, việc lặp lại như vậy có tác dụng gì?
5. Con chim chào mào đã bay đi rồi nhưng nhân vật “tôi” vẫn có thể “nghe rất rõ” tiếng chim hót. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) miêu tả một hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp được em lưu giữ trong kí ức.

Viết

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em

Trong cuộc sống, có trải nghiệm đem lại cho em niềm vui, sự tự hào, hạnh phúc; có trải nghiệm để lại trong em nỗi buồn, sự sợ hãi hoặc nuối tiếc,... Nhưng dù thế nào, từ những trải nghiệm đó, em có thể rút ra những bài học để trưởng thành hơn. Ở bài *Tôi và các bạn*, em đã được hướng dẫn viết bài văn kể lại một trải nghiệm. Trong bài học này, em sẽ tiếp tục được rèn luyện và phát triển kĩ năng viết bài văn chia sẻ một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân với yêu cầu cao hơn.

Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm:

- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.
- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra.
- Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lí.
- Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện.
- Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể; rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết.

Trải nghiệm buồn của tôi

Tôi có nhiều trải nghiệm vui với gia đình và bạn bè. Nhưng tôi vẫn muốn kể lại một trải nghiệm buồn vì nó có ý nghĩa rất đặc biệt đối với tôi. Đó là một câu chuyện mà tôi sẽ không bao giờ quên.

Người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng “tôi”).

Giới thiệu câu chuyện.

Chuyện xảy ra vào cuối tháng 9, năm tôi học lớp sáu. Sau buổi sơ kết tháng học tập đầu tiên, cô giáo chủ nhiệm giao cho tôi nhiệm vụ viết bản tổng hợp về nền nếp và tình hình học tập đầu năm của lớp. Tôi rất vui vì được cô tin tưởng. Tôi cũng muốn cô tự hào về tôi nên đã dành cả buổi sáng Chủ nhật để viết nháp rồi chép lại cho thật sạch đẹp.

Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện.

Sáng thứ Hai, tôi đến lớp thật sớm, mang bản tổng hợp ra ngắm nghía lần nữa. Tôi đọc lại, thấy mình đã ghi đầy đủ nội dung các mục như cô hướng dẫn và chữ tôi viết cũng khá đẹp. Chắc hẳn cô sẽ khen ngợi. Đúng lúc ấy, bạn Thịnh lớp 6D gọi tôi. Tôi để bản tổng hợp trên bàn và chạy ra hành lang nói chuyện với bạn ấy. Lúc quay vào, tôi thấy một bạn cúi xuống bàn tôi rồi chạy biến ra phía cửa sau. Tôi chỉ kịp nhìn thoáng và đoán ngay đó là Duy. Tôi cầm bài viết lên thì thấy mấy nét nguệch ngoạc ngang dọc ngay trang đầu tiên. Tôi tức giận đến phát khóc, vừa sợ bị cô mắng vừa tiếc bao nhiêu công sức của mình.

Không kịp suy nghĩ, tôi sầm sập chạy ra sân thì thấy Duy đang cười nói với mấy bạn lớp bên. Tôi chộp lấy tay Duy, lôi thẳng vào lớp. Tôi giơ bài viết vào sát mặt Duy và hét lên: “Sao cậu làm thế này? Tớ sẽ mách cô ngay bây giờ!”. Duy ngơ ngác như không hiểu chuyện gì đang diễn ra. Tôi lại càng giận dữ: “Cậu đừng có giả vờ! Chính mắt tớ nhìn thấy cậu vẽ nguệch ngoạc vào đây!”. Mặt Duy đỏ lên: “Không phải tớ! Tớ có đi qua bàn cậu nhưng không làm gì cả!”.

Tập trung vào sự việc đã xảy ra.

Sắp xếp các chi tiết hợp lý theo trật tự thời gian, nguyên nhân – kết quả.

Khi cô chủ nhiệm vào lớp, tôi và Duy vẫn còn đang cãi nhau. Tôi một mực khẳng định với cô “thủ phạm” chính là Duy. Duy thì đỏ mặt tía tai nhắc đi nhắc lại: “Không phải em! Em không làm!”. Cô giáo hỏi kỹ lại mọi việc một lần nữa rồi bảo: “Việc này chỉ là một phút nghịch dại thôi, nên Duy làm thì hãy nhận lỗi, hay bạn nào lớp mình lỡ nghịch thì cũng nên dũng cảm nhận trách nhiệm, đừng để Duy bị oan”. Nghe cô nói thế, Duy òa lên khóc, còn cả lớp im phăng phắc. Tôi bỗng nhiên cũng thấy hoang mang. Rồi đột nhiên, Tuấn đứng phắt dậy: “Thưa cô, là em ạ. Em xin lỗi cô và các bạn!”. Tôi hết nhìn Tuấn lại nhìn Duy. Hai má tôi lúc ấy nóng rực lên vì xấu hổ.

Cô giáo nhẹ nhàng nhắc nhở Tuấn không được nghịch dại như thế nữa. Cô nói Tuấn đã biết sửa lỗi bằng một việc làm rất đúng đắn và dũng cảm nên chỉ phạt bạn chép lại bản tổng hợp. Tôi lúng búng xin lỗi Duy, xin lỗi các bạn và cô giáo. Tôi cũng xin thôi không làm lớp trưởng nữa vì thấy mình không xứng đáng. Cô bảo đúng là tôi đã quá nóng nảy, cần phải rút kinh nghiệm nhưng ai cũng có thể mắc sai lầm nên cô và các bạn thông cảm cho tôi. Nhờ cô thuyết phục, Duy đã đến bắt tay tôi. Tôi nói cảm ơn mà không dám ngẩng lên nhìn bạn.

Về nhà, tôi càng nghĩ càng thấy xấu hổ và ân hận. Nghĩ đến ngày hôm sau phải tới lớp, tôi rất buồn và sợ hãi. Các bạn sẽ nhìn tôi như thế nào đây? Duy thì chắc sẽ không bao giờ thêm nói chuyện với tôi nữa!

Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

May mắn là các bạn đã bỏ qua lỗi lầm của tôi. Duy và tôi cũng đã nói chuyện với nhau bình thường, vui vẻ như trước. Nhưng tôi không quên câu chuyện này. Tôi giữ nó trong trí nhớ như một lời nhắc nhở bản thân về hậu quả của sự nóng giận, về việc nhất định phải bình tĩnh khi nhận xét, đánh giá người khác.

Chỉ ra sự quan trọng của trải nghiệm với người viết.

Tôi kể lại trải nghiệm này cũng là để một lần nữa cảm ơn cô giáo và các bạn, nhất là bạn Duy. Duy ơi, cảm ơn vì đã tha lỗi cho tớ nhé!

(Bài làm của học sinh)

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn đề tài

Tham khảo một vài ý tưởng được gợi ý ở bài *Tôi và các bạn*. Ngoài ra, để tìm được đề tài, em có thể liệt kê những sự việc quan trọng đã xảy ra với mình theo trình tự thời gian (bắt đầu vào Tiểu học, chia tay mái trường Tiểu học, gia đình chuyển nhà, khi mới vào trường Trung học cơ sở, làm quen với bạn mới,...).

b. Tìm ý

Có thể tìm ý bằng các cách sau:

- Tự đặt một số câu hỏi và trả lời (Chuyện gì? Khi nào? Ở đâu? Ai? Vì sao? Thế nào?).
- Hình dung, tưởng tượng: Nhắm mắt lại và hình dung về câu chuyện trong trí nhớ của em. Hãy viết nhanh những gì xuất hiện trong tâm trí em, dù thoáng qua, bằng một vài cụm từ hoặc câu ngắn.
- Sử dụng kỉ vật: Tìm lại những kỉ vật (nếu có) liên quan đến câu chuyện em định kể (một bức tranh, món quà, bài hát, dòng nhật kí,... có thể gợi lại cho em những điều đã xảy ra).
- Phỏng vấn: Nếu có thể, hãy tới gặp những người có liên quan đến câu chuyện của em, phỏng vấn họ và ghi chép lại.
- Kể trải nghiệm của em cho các bạn trong nhóm nghe. Các bạn sẽ hỏi em về những chi tiết quan trọng của câu chuyện. Hãy ghi lại để bổ sung cho câu chuyện của mình.

c. Lập dàn ý

Sắp xếp các ý đã tìm được thành một dàn ý:

Dàn ý

1. Mở bài: Giới thiệu câu chuyện.
2. Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện.
 - Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện và những nhân vật có liên quan.
 - Kể lại các sự việc trong câu chuyện theo trình tự hợp lí (thời gian, không gian, nguyên nhân – kết quả, mức độ quan trọng của sự việc,...).
 - Sự việc 1
 - Sự việc 2
 - Sự việc 3
 - ...
3. Kết bài: Nêu cảm xúc của người viết và rút ra ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với bản thân.

Mục đích viết

Kể lại một trải nghiệm cá nhân để chia sẻ với người đọc một kinh nghiệm trong cuộc sống và thể hiện bản thân.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến trải nghiệm em chia sẻ.

2. VIẾT BÀI

Bám sát dàn ý khi viết bài. Xem lại những lưu ý khi viết bài ở bài *Tôi và các bạn*. Ngoài ra, em cần lưu ý thêm:

- Sử dụng các chi tiết miêu tả thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện.
- Rút ra kết luận thuyết phục về ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với bản thân.

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

- Rà soát, tự chỉnh sửa bài viết của em theo những gợi ý trong bảng sau:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được trải nghiệm.	Nếu chưa giới thiệu được trải nghiệm, hãy bổ sung.
Sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô.	Khoanh tròn những từ ngữ chỉ người kể chuyện trong bài viết. Nếu chưa nhất quán, cần sửa lại.
Tập trung vào sự việc đã xảy ra.	Bổ sung các thông tin cần thiết để người đọc hiểu về câu chuyện (nếu cần); lược bớt các chi tiết thừa, dài dòng, không tập trung vào câu chuyện.
Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lí.	Đánh số vào các sự việc. Sắp xếp lại sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lí (nếu cần). Có thể bổ sung từ ngữ để liên kết các sự việc, chi tiết.
Có các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện.	Bổ sung các chi tiết về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện (nếu cần).
Thể hiện được cảm xúc trước sự việc được kể.	Gạch dưới những từ ngữ thể hiện cảm xúc trước sự việc. Hãy bổ sung (nếu cần).
Lí giải được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm.	Đánh dấu những câu văn lí giải ý nghĩa, tầm quan trọng của trải nghiệm. Nếu chưa thuyết phục, hãy điều chỉnh.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Sửa lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... (nếu có).

- Em có thể chỉnh sửa bài viết bằng cách nhờ bạn đọc, góp ý cho bài viết của mình bằng một số câu hỏi, chẳng hạn:
- Bạn thích điều gì nhất trong bài viết này? Vì sao?
- Phần nào của bài viết bạn thấy còn chưa rõ?
- Cần bổ sung nội dung gì cho bài viết?
- Nên lược bỏ câu hay đoạn nào trong bài viết?
- Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không?

Nói và nghe

Kể về một trải nghiệm của em

Ở bài *Tôi và các bạn*, em đã được hướng dẫn nói và nghe về một trải nghiệm. Trong bài học này, em sẽ tiếp tục có cơ hội chia sẻ những điều thú vị mà mình đã trải qua để phát triển kĩ năng nói và nghe của bản thân.

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

Em hãy đọc lại nhiều lần bài viết của mình. Để không bỏ sót những nội dung quan trọng khi trình bày, em có thể lựa chọn một trong hai cách sau:

- Đánh dấu những từ ngữ, câu văn quan trọng mà khi trình bày không thể bỏ qua, như:
- Câu văn giới thiệu trải nghiệm em muốn kể.
- Những từ ngữ giới thiệu thời gian, không gian, nhân vật trong câu chuyện.
- Những câu văn trình bày diễn biến của câu chuyện.
- Những từ ngữ thể hiện cảm xúc của em trước sự việc được kể.
- Ghi ngắn gọn ra giấy một số ý quan trọng không thể bỏ qua khi trình bày bài nói như: thời gian, không gian, nhân vật, sự việc, cảm xúc của bản thân,...

b. Tập luyện

Xem lại cách thức tập luyện ở bài *Tôi và các bạn*. Hãy liệt kê những điểm mà em hài lòng và chưa hài lòng sau mỗi lần tập luyện để rút kinh nghiệm.

Mục đích nói

Nói về trải nghiệm cá nhân để chia sẻ với người nghe một kinh nghiệm trong cuộc sống và thể hiện bản thân.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến trải nghiệm em chia sẻ.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Xem lại những lưu ý ở bài *Tôi và các bạn*. Trong bài này, em có thể:

- Sử dụng hiệu quả các ghi chú (viết trên một vài mảnh giấy nhỏ) để không bỏ sót những nội dung quan trọng.
- Sử dụng các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, vi-di-ô cò-líp,...) để bài nói thú vị và hấp dẫn hơn.

3. SAU KHI NÓI

Xem lại cách thức trao đổi về bài nói ở bài *Tôi và các bạn*. Ngoài ra, em có thể trao đổi thêm các nội dung sau:

- Sự phù hợp của việc sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt,...) với nội dung câu chuyện.
- Hiệu quả của các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, vi-di-ô cò-líp,...) trong khi trình bày.

Củng cố, mở rộng

1. Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin ngắn gọn về hai văn bản *Cô bé bán diêm* và *Gió lạnh đầu mùa*:

	Văn bản	<i>Cô bé bán diêm</i>	<i>Gió lạnh đầu mùa</i>
Đặc điểm			
Thể loại			
Nhân vật			
Người kể chuyện			

2. Chọn một truyện kể em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:
 - a. Xác định người kể chuyện.
 - b. Tóm tắt cốt truyện.
 - c. Phân tích đặc điểm nổi bật ở một nhân vật mà em yêu thích.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Tính chất gây tò mò của nhan đề *Chuyện con mèo dạy hải âu bay*.
- Những sự kiện chính được kể lại trong chương VI. *Lắc-ki (Lucky) thực sự may mắn*.
- Đặc điểm của hai nhân vật Gioóc-ba (Zorba) và Lắc-ki.
- Ý nghĩa những lời giảng giải của Gioóc-ba với Lắc-ki ở đoạn kết.

Lắc-ki⁽¹⁾ thực sự may mắn

Trích **Chuyện con mèo dạy hải âu bay**,
LU-I XE-PUN-VE-DA⁽²⁾ (LUIS SEPÚLVEDA)

Chuyện con mèo dạy hải âu bay gồm 11 chương, kể về việc chú mèo mun Gioóc-ba nuôi dưỡng Lắc-ki, một con hải âu mồ côi. Mẹ Lắc-ki bị ngộ độc vàng dầu nên đã chết ngay sau khi đẻ trứng. Tình cờ chứng kiến cái chết của hải âu mẹ đáng thương, Gioóc-ba đã hứa ba điều: sẽ ấp quả trứng, sẽ bảo vệ, nuôi lớn hải âu con và dạy nó bay. Bằng tình yêu thương Lắc-ki và được sự trợ giúp của các bạn mèo, Gioóc-ba đã thực hiện được tất cả những lời hứa đó.

Chương VI: *Lắc-ki thực sự may mắn* bắt đầu kể về hành trình Gioóc-ba thực hiện lời hứa thứ ba: dạy Lắc-ki bay!

Lắc-ki lớn nhanh như thổi, được bao bọc trong sự yêu thương của bầy mèo. Sau một tháng sống trong tiệm tạp hoá của Ha-ri (Harry), nó đã ra dáng một con hải âu tuổi thiếu niên thon thả với lớp lông vũ mềm màu bạc.

Khi có khách tới tham quan tiệm tạp hoá, Lắc-ki theo hướng dẫn của Đại Tá⁽³⁾, co mình bất động giữa những con chim nhồi bông, giả vờ là một trong số chúng. Nhưng buổi chiều muộn, khi tiệm tạp hoá đóng cửa và lão thuỷ thủ già đã nghỉ ngơi, nó lại lạch bạch với dáng vẻ của một con chim biển đi xuyên qua các căn phòng, trầm trồ trước hàng nghìn loại vật thể chứa trong đó. Trong khi đó, Anh-xtanh⁽⁴⁾ (Einstein) điên cuồng giở hết cuốn sách này sang cuốn sách khác, tìm ra phương pháp giúp Gioóc-ba dạy con chim mới trở cánh tập bay.

“Việc bay bao gồm đẩy không khí ra phía trước và phía sau. À há! Giờ thì chúng ta đã tìm ra yếu tố quan trọng,” Anh-xtanh ngâm nga, vẫn chúi mũi vào một cuốn sách.

“Tại sao con lại phải bay?” Lắc-ki hỏi, hai cánh khép chặt vào thân.

(1) *Lắc-ki*: tên bầy mèo đặt cho hải âu con.

(2) *Lu-i Xe-pun-ve-da* (1949 – 2020) là nhà văn nổi tiếng của Chi-lê (Chile).

(3) *Đại Tá*: một trong những thủ lĩnh mèo “có uy tín nhất” ở bến cảng.

(4) *Anh-xtanh*: giáo sư mèo thông thái “biết hết tất cả những gì cần biết”.

“Bởi vì con là hải âu, mà hải âu thì phải bay”, Anh-xtanh đáp. “Với bác thì thật là khủng khiếp, thật là khủng khiếp nếu con không nhận ra điều đó.”

“Nhưng con không thích bay. Và con cũng không thích làm hải âu”, Lắc-ki cãi lại. “Con muốn làm mèo, mà mèo thì không bay.”

Một buổi chiều, nó lạch bạch đi tới cửa ra vào tiệm tạp hoá, ở đó có vụ đụng độ không mấy dễ chịu với con đười ươi.

“Tao không muốn phân chim quanh đây đâu, con nhỏ bẩn thỉu kia”, Mét-thiu⁽¹⁾ (Matthew) rít lên.

“Tại sao ngài lại gọi cháu thế, thưa ngài Khi?” Lắc-ki rụt rè hỏi.

“Chim chóc con nào chẳng làm thế. Ị bậy khắp mọi nơi. Mà mày thì đích thị là một con chim”, con đười ươi nhắc lại với vẻ hách dịch.

“Ngài nhầm rồi. Cháu là một con mèo và rất biết giữ vệ sinh”, Lắc-ki phản ứng, tìm kiếm sự đồng cảm của con khi không đuôi. “Cháu dùng chung cái thùng vệ sinh với bác Anh-xtanh.”



“Thật là nực cười! Bọn khố rách áo ôm làm cái trò gì mà thuyết phục được mày tin rằng mày là một trong số chúng thế? Mày ngó lại mày tí coi: mày có hai chân, và mèo thì có bốn chân. Mày có lông vũ, còn chúng nó có lông mao. Còn đuôi mày? Ở? Đuôi mày đâu ấy nhỉ? Mày cũng dở hơi

⁽¹⁾ Mét-thiu: con đười ươi được người chủ tiệm tạp hoá nuôi.

chả kém gì con mèo kia, bỏ cả đời cắm đầu vào mấy cuốn sách rồi rên lên, “Khủng khiếp! Khủng khiếp!”. Đồ chim đần độn. Và mày có biết tại sao lũ đó lại tỏ ra tử tế như thế với mày không? Chúng nó đang đợi mày béo nắn ra, rồi làm thịt mày thành bữa ăn ra trò. Chúng sẽ chén tuốt cả lông lẫn xương của mày!”, con đuôi ươi rít lên.

Chiều hôm đó, bọn mèo ngạc nhiên khi không thấy con hải âu xuất hiện để xơi món yêu thích – món mực ống mà Xe-crét-ta-ri-ô⁽¹⁾ (Secretario) chôm được từ bếp nhà hàng.

Cảm thấy lo lắng, bọn chúng chạy đi tìm con hải âu, Gioóc-ba tìm thấy nó buồn bã nằm rúc giữa đám thú nhồi bông. “Con có đói không, Lắc-ki? Chúng ta có món mực đấy”, Gioóc-ba bảo nó.

Con hải âu không buồn hé mỏ.

“Con thấy trong người khó chịu à?” Gioóc-ba lo lắng hỏi, “Con có bị ốm không?”

“Má⁽²⁾ muốn con ăn để con béo tròn, ngon lành phải không?”, nó hỏi mà không ngẩng đầu lên.

“Không, để con lớn nhanh và mạnh khỏe.”

“Rồi khi con béo, má sẽ mời bọn chuột tới chén thịt con phải không?”, nó léc quéc, đôi mắt dầm nước.

“Con nghe ở đâu chuyện vợ vẫn như thế hả?”, Gioóc-ba ngoao lên giận dữ.

Nước mắt lưng tròng, Lắc-ki thuật lại tất cả mọi thứ mà Mét-thiu đã nói với nó. Gioóc-ba liếm khô nước mắt của Lắc-ki và bỗng nhiên nhận ra mình đang giảng giải cho con hải âu nhỏ, điều mà nó chưa từng làm trước đây:

“Con là một con hải âu. Gã đuôi ươi đứng ở điểm đó, nhưng chỉ điểm đó thôi. Tất cả chúng ta đều yêu con, Lắc-ki. Và chúng ta yêu con bởi vì con là một con hải âu. Một con hải âu xinh đẹp. Chúng ta chưa từng phủ nhận khi nghe con nói con là mèo, bởi điều đó an ủi chúng ta rằng con muốn giống chúng ta, nhưng con khác với chúng ta và chúng ta vui với sự khác biệt đó. Chúng ta đã không cứu được mẹ con, nhưng chúng ta có thể giúp con. Chúng ta đã bảo vệ con

(1) Xe-crét-ta-ri-ô: chú mèo “cận vệ” sống cùng mèo Đại Tá, thường kiểm thức ăn cho Lắc-ki và bày mèo.

(2) Gioóc-ba ấp trứng nên khi nở ra, hải âu con lập tức gọi chú là “má”.

từ khoảnh khắc con mổ vỡ lớp vỏ trứng ra đời. Chúng ta đã dành cho con sự chăm sóc mà không hề nghĩ tới việc biến con thành một con mèo. Chúng ta yêu con như yêu một con hải âu. Chúng ta cảm thấy con cũng yêu chúng ta như vậy, chúng ta là bạn con, là gia đình của con, và chúng ta muốn con biết rằng nhờ con, chúng ta đã học được một điều đáng để tự hào: Chúng ta học được cách trân trọng, quý mến và yêu thương một kẻ không giống chúng ta. Thật dễ dàng để chấp nhận và yêu thương một kẻ nào đó giống mình, nhưng để yêu thương ai đó khác mình thực sự rất khó khăn, và con đã giúp chúng ta làm được điều đó. Con là chim hải âu, và con phải sống cuộc đời của một con hải âu. Con phải bay. Khi con đã học hành tử tế, Lắc-ki, ta hứa với con rằng con sẽ thấy hạnh phúc lắm, và sau đó tình cảm của chúng ta dành cho nhau thậm chí còn sâu sắc và đẹp đẽ hơn, bởi đó là tấm chân tình giữa hai loài vật hoàn toàn khác nhau.”

“Con sợ bay lắm”, Lắc-ki léc quéc, đứng dậy.

“Khi con tập bay, ta sẽ ở đó với con”, Gioóc-ba thầm thì, liếm đầu Lắc-ki. “Ta đã hứa với mẹ con rồi.”

Con hải âu nhỏ và con mèo mun to đùng, mập ú cùng bước đi – con mèo dịu dàng liếm đầu con hải âu và con chim đuổi một cánh vắt ngang lưng con mèo.

(Lu-i Xe-pun-ve-da, *Chuyện con mèo dạy hải âu bay*, Phương Huyền dịch, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2017, tr. 99 – 104)

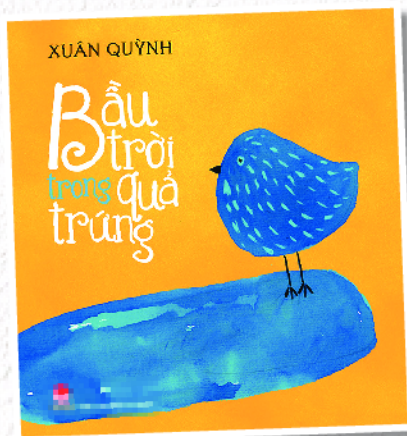
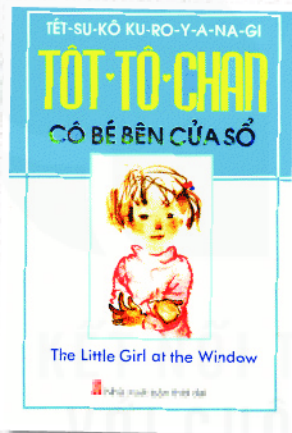


ĐỌC MỞ RỘNG

- Tìm đọc một số truyện về đề tài tình bạn hay lòng nhân ái, khoan dung. Khi đọc, em cần chú ý chủ đề của truyện, người kể chuyện, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.

Tìm đọc một số bài thơ viết về tình cảm gia đình; chú ý tình cảm, cảm xúc của nhà thơ cũng như cách sử dụng thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- Trao đổi về những điều em thấy thú vị trong những tác phẩm truyện, thơ đã đọc.
- Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ em yêu thích.



QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

*Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn.*

(Nguyễn Đình Thi)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Cây có cội, nước có nguồn, con người có quê hương. Quê hương là nơi tổ tiên, ông bà, cha mẹ ta đã sinh sống. Quê hương là đất đai xứ sở, truyền thống ông cha, là những điều giản dị và thân thuộc ta gắn bó hằng ngày. Tình yêu quê hương là tình cảm ấm áp, chân thành, bền lâu của con người.
- Tình yêu quê hương đất nước Việt Nam từ xưa đến nay đã đi vào văn học, âm nhạc, hội họa, điện ảnh,... Trong bài học này, em sẽ cảm nhận tình yêu quê hương trong những bài ca dao và thơ trữ tình hiện đại viết theo thể lục bát – một thể thơ mang đậm bản sắc Việt Nam.



MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát và viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát.
- Biết nói lên ý kiến về một vấn đề trong đời sống.
- Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hoá truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Thơ lục bát

- Thể thơ lục bát (6 – 8) là thể thơ mà các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng sáu tiếng và một dòng tám tiếng.
- Vần: Tiếng cuối của dòng sáu vần với tiếng thứ sáu của dòng tám; tiếng cuối của dòng tám lại vần với tiếng cuối của dòng sáu tiếp theo.
- Thanh điệu: Trong dòng sáu và dòng tám, các tiếng thứ sáu, thứ tám là thanh bằng còn tiếng thứ tư là thanh trắc. Riêng trong dòng tám, mặc dù tiếng thứ sáu và thứ tám đều là thanh bằng nhưng nếu tiếng thứ sáu là thanh huyền thì tiếng thứ tám là thanh ngang và ngược lại.
- Nhịp: Thơ lục bát thường ngắt nhịp chẵn (2/2/2, 2/4, 4/4, ...).

Lục bát biến thể

- Lục bát biến thể không hoàn toàn tuân theo luật thơ của lục bát thông thường, có sự biến đổi số tiếng trong các dòng, biến đổi cách gieo vần, cách phối thanh, cách ngắt nhịp, ...

Từ đồng âm và từ đa nghĩa

- Từ đồng âm là những từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác xa nhau, không có mối liên hệ nào với nhau.
- Từ đa nghĩa là từ có hai hoặc nhiều hơn hai nghĩa, các nghĩa này có liên quan với nhau.

Hoán dụ

- Hoán dụ là biện pháp tu từ dùng từ ngữ vốn chỉ sự vật, hiện tượng này để gọi tên sự vật, hiện tượng khác có mối quan hệ tương cận (gần nhau) nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

VĂN BẢN ĐỌC

- Chùm ca dao về quê hương đất nước
- *Chuyện cổ nước mình*, Lâm Thị Mỹ Dạ
- *Cây tre Việt Nam*, Thép Mới

Chùm ca dao⁽¹⁾ về quê hương đất nước

Trước khi đọc

1. Với em, nơi đâu là quê hương yêu dấu? Nếu có thể nói những ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc nhất về quê hương, em sẽ nói điều gì?
2. Em thích bài thơ nào viết về quê hương? Hãy đọc diễn cảm một vài câu trong bài thơ đó.

Đọc văn bản

1. Gió đưa cành trúc la đà
 Tiếng chuông Trấn Võ⁽²⁾ canh gà⁽³⁾ Thọ Xương⁽⁴⁾.
 Mịt mù khói toả ngàn sương
 Nhịp chày Yên Thái⁽⁵⁾, mặt gương Tây Hồ⁽⁶⁾.

(Nguyễn Xuân Kính – Phan Đăng Nhật – Phan Đăng Tài –
Nguyễn Thuý Loan – Đặng Diệu Trang, *Kho tàng ca dao người Việt*, tập 1,
NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2001, tr. 1145)

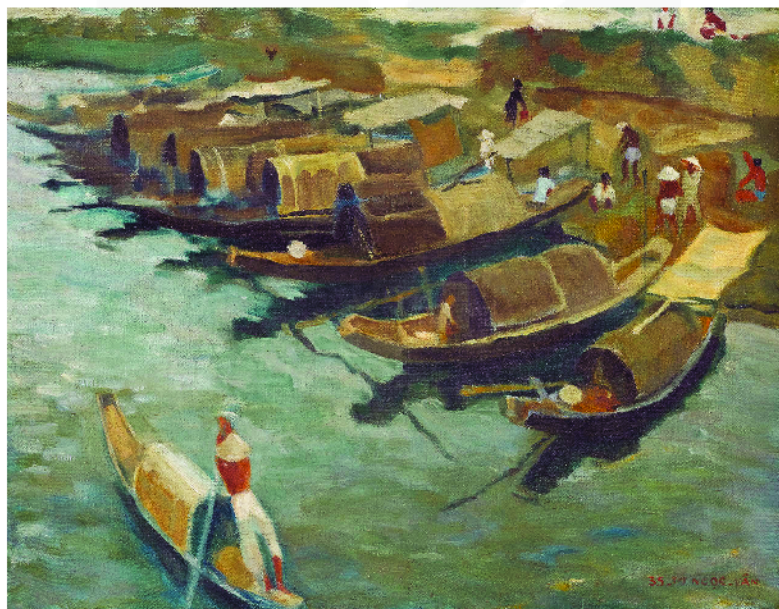
-
- (1) *Ca dao*: thơ trữ tình dân gian, nội dung biểu hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người bình dân. Ngôn ngữ ca dao giản dị, trong sáng, gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân lao động.
- (2) *Trấn Võ*: một ngôi đền nằm bên cạnh Hồ Tây (còn có tên là đền Trấn Vũ, đền Quán Thánh). Đền được xây dựng vào thời Lý, thờ Huyền Thiên Trấn Vũ, một vị thần trấn giữ hướng bắc của Thăng Long xưa.
- (3) *Canh gà*: tiếng gà báo canh. Canh là đơn vị tính thời gian ban đêm ngày xưa. Người xưa chia một đêm ra thành năm canh, hai tiếng là một canh.
- (4) *Thọ Xương*: tên một huyện của thành Thăng Long xưa, nay là các quận Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng và một phần các quận Đống Đa, Ba Đình của Hà Nội.
- (5) *Nhịp chày Yên Thái*: nhịp chày giã dó (vỏ cây dó) để làm giấy ở làng Yên Thái, thành Thăng Long xưa.
- (6) *Tây Hồ*: tức Hồ Tây, một thắng cảnh nổi tiếng của Thủ đô Hà Nội, còn được gọi là đầm Xác Cáo, hồ Kim Ngưu, hồ Lãng Bạc,...

2. Đường lên xứ Lạng⁽¹⁾ bao xa?
Cách một trái núi với ba quãng đồng.
Ai ơi, đứng lại mà trông:
Kìa núi thành Lạng, kìa sông Tam Cờ⁽²⁾.

(Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, NXB Thời đại, Hà Nội, 2010, tr. 118)

3. Đò từ Đông Ba⁽³⁾, đò qua Đập Đá⁽⁴⁾,
Đò về Vĩ Dạ⁽⁵⁾, thẳng ngã ba Sinh⁽⁶⁾.
Lờ đờ bóng ngả trăng chênh
Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.

(Nguyễn Xuân Kính – Phan Đăng Nhật – Phan Đăng Tài – Nguyễn Thuý Loan –
Đặng Diệu Trang, *Kho tàng ca dao người Việt*, tập 1, Sdd, tr. 917)



Thuyền trên sông Hương, tranh sơn dầu của Tô Ngọc Vân

- (1) *Xứ Lạng*: tức Lạng Sơn, một tỉnh thuộc vùng Đông Bắc nước ta. Lạng Sơn có nhiều thắng cảnh như động Nhị Thanh, chùa Tam Thanh,...
- (2) *Sông Tam Cờ*: (sông Tam Kỳ) một con sông của tỉnh Lạng Sơn.
- (3) *Đông Ba*: chợ nổi tiếng của Huế, nằm bên bờ bắc của sông Hương.
- (4) *Đập Đá*: một con đập của Huế, chạy ngang qua một nhánh sông Hương.
- (5) *Vĩ Dạ*: một ngôi làng nằm bên bờ sông Hương, phong cảnh thơ mộng, đã đi vào thơ ca nhạc họa.
- (6) *Ngã ba Sinh*: ngã ba sông nơi gặp nhau giữa sông Hương và sông Bồ.

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đọc các bài ca dao 1, 2 và cho biết: Mỗi bài ca dao có mấy dòng? Cách phân bố số tiếng trong các dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát?
2. Đối chiếu với những điều được nêu trong mục *Tri thức đọc hiểu* ở đầu bài học, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong các bài ca dao 1 và 2.
3. So với hai bài ca dao đầu, bài ca dao 3 là bài lục bát biến thể. Hãy chỉ ra tính chất biến thể của thể thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu,...
4. Trong cụm từ *mặt gương Tây Hồ*, tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Hãy phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đó.
5. Nêu cảm nhận của em về tình cảm tác giả dân gian gửi gắm trong lời nhắn gửi: *Ai ơi, đứng lại mà trông*. Hãy liệt kê một số câu ca dao có sử dụng từ *ai* hoặc có lời nhắn *Ai ơi...* mà em biết.
6. Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây?
7. Các bài ca dao trữ tình thường bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của con người. Qua chùm ca dao trên, em cảm nhận được gì về tình cảm của tác giả dân gian đối với quê hương đất nước?

Viết kết nối với đọc

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.

Đèo Phượng Hoàng, ảnh của Đặng Bá Tiến



Thực hành tiếng Việt

TỪ ĐỒNG ÂM

1. Từ nào trong ba trường hợp sau phản ánh hiện tượng đồng âm? Giải thích nghĩa của từ đó trong từng trường hợp.

- Lờ đờ bóng ngả trắng chênh
Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.
- Bóng đã lặn ra khỏi đường biên dọc.
- Mặt bàn được đánh véc-ni thật bóng.

2. Phân biệt nghĩa của các từ in đậm trong những câu sau. Theo em, đó có phải là hiện tượng đồng âm hay không? Vì sao?

- **Đường** lên xứ **Lạng** bao xa?
– Những cây mía óng ả này chính là nguyên liệu để làm **đường**.

- **Đứng** bên ni **đồng**, ngó bên tê **đồng**, mênh mông bát **ngát**.
Đứng bên tê **đồng**, ngó bên ni **đồng**, cũng bát **ngát** mênh mông.

(Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, Sđd, tr.185)

- Tôi mua cái bút này với giá hai mươi nghìn **đồng**.

Nhận biết từ đồng âm

Đọc câu sau: Con ngựa **đá** con ngựa **đá**. Từ **đá** thứ nhất và từ **đá** thứ hai trong câu không có mối liên hệ nào với nhau. Đó là hai từ đồng âm.

Tuy hai từ **đá** này đồng âm với nhau, nhưng người đọc (người nghe) thường không hiểu sai nghĩa do hiện tượng đồng âm gây nên nhờ vào những từ kết hợp với mỗi từ **đá** trong câu. Việc sử dụng từ đồng âm làm cho câu trên trở nên thú vị. Đó là một trong những lí do chính của việc dùng từ đồng âm trong khi nói và viết.

TỪ ĐA NGHĨA

3. Nghĩa của từ **trái** trong những trường hợp dưới đây có liên quan với nhau không? Vì sao?

- Cây xoài trước sân nhà em có rất nhiều **trái**.
- Bố vừa mua cho em một **trái** bóng.
- Cách một **trái** núi với ba quãng **đồng**.

4. Xác định hiện tượng đồng âm và đa nghĩa trong các câu sau:

- Con cò có cái **cổ** cao.
- Cổ** tay em trắng như ngà
Con mắt em liếc như là dao cau.

(Vũ Ngọc Phan,

Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam, Sđd, tr.176)

- Phố **cổ** tạo nên vẻ đẹp riêng của Hà Nội.

Nhận biết từ đa nghĩa

Đọc hai câu sau:

- Tôi **ăn** cơm.
- Xe này **ăn** xăng nhiều.

Từ **ăn** trong **ăn cơm** có nghĩa là “tự cho vào cơ thể thức nuôi sống”, còn trong **ăn xăng** có nghĩa là “tiếp nhận cái cần thiết cho sự hoạt động”. Có thể thấy rõ hai nghĩa này liên quan với nhau. Như vậy ở đây có một từ **ăn** được dùng với hai nghĩa khác nhau. Nhờ sự kết hợp giữa từ đa nghĩa với những từ khác ở trong câu, người đọc (người nghe) có thể nhận biết nghĩa nào của từ đa nghĩa được sử dụng.

5. Hãy giải thích nghĩa của từ *nặng* trong câu ca dao: *Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non*.
Tìm thêm một số ví dụ có từ *nặng* được dùng với nghĩa khác.

Chuyện cổ⁽¹⁾ nước mình

LÂM THỊ MỸ DẠ

Trước khi đọc

1. Em biết những câu chuyện cổ nào?
2. Em thích những nhân vật nào trong các câu chuyện đó? Vì sao?

Đọc văn bản

Tôi yêu chuyện cổ nước tôi
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa
Thương người rồi mới thương ta
Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm
Ở hiền thì lại gặp hiền
Người ngay thì gặp người tiên độ trì⁽²⁾
Mang theo chuyện cổ tôi đi
Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa
Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa
Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi
Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa
Chỉ còn chuyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình

HÌNH DUNG Những màu sắc,
đường nét miêu tả quê hương.

⁽¹⁾ *Chuyện cổ*: câu chuyện được lưu truyền từ xa xưa.

⁽²⁾ *Độ trì*: cứu giúp.

Rất công bằng, rất thông minh
Vừa độ lượng⁽¹⁾ lại đa tình⁽²⁾, đa mang⁽³⁾.

Thị thơm thì giấu người thơm
Chăm làm thì được áo cơm của nhà
Đeo cày theo ý người ta
Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì
Tôi nghe chuyện cổ thăm thì
Lời cha ông dạy cũng vì đời sau
Đậm đà cái tích trâu cau
Miếng trâu đỏ thăm nặng sâu tình người
Sẽ đi qua cuộc đời tôi
Bấy nhiêu thời nữa chuyển dời xa xôi
Nhưng bao chuyện cổ trên đời
Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm.



(Lâm Thị Mỹ Dạ, *Tuyển tập*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2011, tr. 203)

Sau khi đọc

LÂM THỊ MỸ DẠ

- Lâm Thị Mỹ Dạ sinh năm 1949, quê ở Quảng Bình. Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ nhẹ nhàng, đầm thắm, trong trẻo, thể hiện một tâm hồn tinh tế, giàu yêu thương.
- *Chuyện cổ nước mình* sáng tác năm 1979. Bài thơ đậm chất truyền thống, khẳng định nét đẹp tâm hồn của con người Việt Nam.



(1) *Độ lượng*: đức tính của người có tấm lòng khoan dung, rộng lượng, dễ tha thứ.

(2) *Đa tình*: giàu tình cảm.

(3) *Đa mang*: ràng buộc vào mình nhiều điều để phải lo lắng, bận tâm.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Bài thơ được viết theo thể thơ gì? Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra thể thơ đó?
2. Qua lời thơ, em nhận thấy bóng dáng của những câu chuyện cổ nào? Tìm từ ngữ, hình ảnh gợi ấn tượng rõ rệt về những câu chuyện đó.
3. Chuyện cổ “thăm thì” với nhà thơ những điều gì về vẻ đẹp tình người?
4. Tình cảm của nhà thơ với những câu chuyện cổ được thể hiện như thế nào qua hai dòng thơ:

*Chỉ còn chuyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*

5. Em hiểu như thế nào về hai dòng thơ:

*Tôi nghe chuyện cổ thăm thì
Lời cha ông dạy cũng vì đời sau*

6. Vì sao với nhà thơ, những câu chuyện cổ “Vẫn luôn mới mẻ rạo rạo lòng tâm”?

Viết kết nối với đọc

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa
Chỉ còn chuyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*

Cây tre Việt Nam

THÉP MỚI

Đọc văn bản

[...] Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam.

Nước Việt Nam xanh muôn ngàn cây lá khác nhau. Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý, nhưng thân thuộc nhất vẫn là tre nứa. Tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ, lũy tre thân mật làng tôi... đâu đâu ta cũng có nứa tre làm bạn.

Tre, nứa, trúc, mai, vầu⁽¹⁾ mấy chục loại khác nhau, nhưng cùng một mầm non măng mọc thẳng. Vào đâu, tre cũng sống. Ở đâu, tre cũng xanh tốt. Dáng tre vươn mộc mạc, màu tre tươi nhũn nhặn⁽²⁾. Rồi tre lớn lên, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc. Tre trông thanh cao, giản dị, chí khí như người.

Nhà thơ đã có lần ca ngợi:

Bóng tre trùm mát rượi.

Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gần gũi một nền văn hoá lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người đời đời kiếp kiếp. Tre, nứa, mai, vầu giúp người hàng nghìn công việc khác nhau. Tre là cánh tay của người nông dân.

Cánh đồng ta năm đôi ba vụ

Tre với người vất vả quanh năm.

Tre với người như thế đã mấy nghìn năm [...]. Tre vẫn phải còn vất vả mãi với người.

Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc.

Trong mỗi gia đình nông dân Việt Nam, tre là người nhà, tre khăng khít với đời sống hằng ngày.

Giang⁽³⁾ chẻ lạt, buộc mềm, khít chặt những mối tình quê. Cái thuở ban đầu thường nỉ non dưới bóng tre, bóng nứa.

Lạt này gói bánh chưng xanh

Cho mai lấy trúc⁽⁴⁾, cho anh lấy nàng...

Tre còn là nguồn vui duy nhất của tuổi thơ. Các em bé còn có đồ chơi gì nữa ngoài mấy que chuyền đánh chắt⁽⁵⁾ bằng tre.

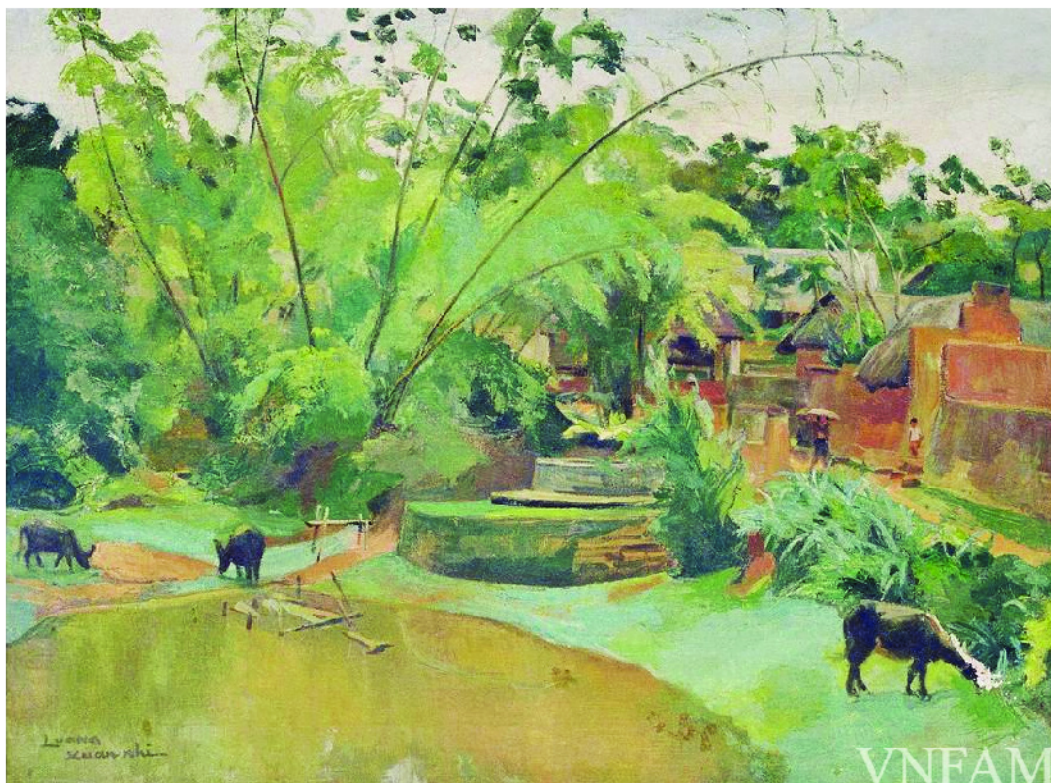
(1) *Nứa, trúc, mai, vầu*: các loài cây cùng họ với tre.

(2) *Nhũn nhặn*: khiêm tốn, nhún nhường; ở đây nói về màu xanh bình dị, tươi mà không rực rỡ của tre.

(3) *Giang*: cây thuộc họ tre, thân dẻo, giống dài, thường dùng chẻ lạt để đan lát, buộc,...

(4) *Cho mai lấy trúc*: mai là cây hoa mai (không phải cây mai cùng họ với tre, như ở chú thích (1)), mai và trúc là hai cây đẹp thường đi đôi với nhau trong văn chương, hội hoạ thời cổ để biểu thị sự hoà hợp, tương xứng; ở đây là cách ví von để nói về ước nguyện kết duyên đôi lứa.

(5) *Đánh chắt*: (còn gọi là chuyền thè) trò chơi dân gian của trẻ em, thường là của con gái, dùng một số que trải ra đất rồi tung một hòn sỏi hoặc một quả nhỏ lên lượm lấy que tre và hứng lấy vật vừa tung lên. Trò chơi này rèn luyện sự nhanh nhẹn và khéo léo.



Bên bờ giếng, tranh sơn dầu của Lương Xuân Nhị

[...] Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thủy.

Như tre mọc thẳng, con người không chịu khuất phục. Người xưa có câu: “Trúc dầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng”. Tre là thẳng thắn, bất khuất! Ta kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu của ta. Tre vốn cùng ta làm ăn, lại vì ta mà cùng ta đánh giặc.

Buổi đầu, không một tác sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí. Muôn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông⁽¹⁾ đã dựng nên Thành đồng Tổ quốc⁽²⁾! Và sông Hồng bất khuất có cái chông tre.

(1) *Tầm vông*: loại tre thân nhỏ, cứng, đặc, không có gai, thường dùng làm gậy. Buổi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ, vì thiếu vũ khí, nhân dân ta đã dùng gậy tầm vông đánh giặc.

(2) *Thành đồng Tổ quốc*: danh hiệu Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng cho Nam Bộ trong cuộc chiến đấu bảo vệ độc lập, tự do.

Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!

[...] Nhạc của trúc, nhạc của tre là khúc nhạc của đồng quê. Nhớ một buổi nào, nồm nam cơn gió thổi, khóm tre làng rung lên man mác khúc nhạc đồng quê.

Điều bay, điều lá tre bay lưng trời...

Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời...

Gió đưa tiếng sáo, gió nâng cánh điều.

Trời cao lồng lộng, đồng ruộng mênh mông hãy lắng nghe tiếng hát giữa trời cao của trúc, tre...

[...] Điệu múa sạp tre có từ ngày chiến thắng Điện Biên. Sạp là những thanh tre gõ vào nhau. Tre của những đòn tre đã từng đỡ gánh nặng cho bước chân đi, đến chợ xa hay ra tiền tuyến, hôm nay ca vang gõ nhịp những bước chân ta nhảy múa.

Tre già măng mọc. Măng mọc trên huy hiệu ở ngực thiếu nhi Việt Nam, lứa măng non của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà⁽¹⁾.

Các em, các em rồi đây lớn lên, sẽ quen dần với sắt, thép và xi măng cốt thép.

Nhưng, nứa, tre sẽ còn mãi với các em, còn mãi với dân tộc Việt Nam, còn mãi với chúng ta, với hạnh phúc, hoà bình.

[...] Ngày mai, trên đất nước này, sắt, thép có thể nhiều hơn tre, nứa. Nhưng, trên đường trường ta dần bước, tre xanh vẫn là bóng mát. Tre vẫn mang khúc hát tâm tình. Tre sẽ càng tươi những cổng chào thắng lợi. Những chiếc đu tre vẫn dướn lên bay bổng. Tiếng sáo điều tre cao vút mãi.

Cây tre Việt Nam! Cây tre xanh, nhũn nhặn, ngay thẳng, thuỷ chung, can đảm. Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam.

1955

(Thép Mới, *Cây tre Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 353 – 357)

⁽¹⁾ *Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*: quốc hiệu của nước ta ở thời điểm tác giả viết tác phẩm này.

Sau khi đọc

THÉP MỚI

- Thép Mới (1925 – 1991) là nhà văn, nhà báo nổi tiếng. Tác phẩm của ông giàu chất trữ tình, cảm hứng nổi bật là ca ngợi tinh thần yêu nước của nhân dân.
- Bài *Cây tre Việt Nam* là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà làm phim Ba Lan.



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Vẻ đẹp của cây tre Việt Nam được tác giả miêu tả như thế nào?
2. Khi nói về cây tre, tác giả đồng thời nói đến khung cảnh, cuộc sống, văn hoá của Việt Nam. Hãy chỉ ra những chi tiết đó trong bài.
3. Những từ ngữ nào trong văn bản biểu đạt rõ nhất đặc điểm của cây tre?
4. Vì sao tác giả có thể khẳng định: “Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam”?
5. Em hãy giải thích vì sao cây tre là “người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam”.
6. Em đang sống ở thời điểm “ngày mai” mà tác giả nhắc đến trong văn bản, khi “sắt thép có thể nhiều hơn tre nữa”. Theo em, vì sao cây tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc với đất nước, con người Việt Nam?

Thực hành tiếng Việt

BIỆN PHÁP TU TỪ

1. Các từ ngữ in đậm trong những câu sau có nghĩa hoán dụ. Em hãy giải thích nghĩa của các từ ngữ đó.
 - a. Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi **nhắm mắt xuôi tay**, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thủy.

Nhận biết hoán dụ

Đọc câu thơ sau:

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.

(Tố Hữu, *Việt Bắc*)

Ở đây *áo chàm* được dùng với nghĩa hoán dụ, chỉ những người dân Việt Bắc với trang phục đặc trưng là áo chàm.

b. *Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.*

c. *Thị thơm thì giấu người thơm
Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà.*

2. Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu sau và nêu tác dụng của chúng:

a. *Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa*

b. *Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác.*

Quan hệ giữa trang phục với người mang trang phục đó được coi là quan hệ tương cận (gần nhau). Ngoài ra, quan hệ tương cận có thể là quan hệ toàn thể – bộ phận, vật chứa – vật được chứa, sự vật – chất liệu,...

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

3. Những dòng thơ: *Đến cây theo ý người ta/ Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì* gọi cho em liên tưởng đến thành ngữ nào? Giải thích ngắn gọn ý nghĩa của thành ngữ đó.

4. “Tre già măng mọc” là một thành ngữ quen thuộc. Dựa vào bài *Cây tre Việt Nam*, hãy nêu cách hiểu của em về thành ngữ này.

Viết

A. TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

Qua những bài ca dao và thơ làm theo thể lục bát được học trong bài, em đã nắm được những đặc điểm cơ bản của thể thơ này. Dựa trên những hiểu biết đó, hãy thử làm một bài thơ lục bát về đề tài mà em yêu thích.

1. KHỞI ĐỘNG VIẾT

a. Tập gieo vần, tìm từ ngữ phù hợp

Hãy tập gieo vần bằng cách chọn những tiếng hoặc từ ngữ thích hợp để đặt vào chỗ trống trong các đoạn thơ dưới đây:

*Tiếng chim vách núi nhỏ dần
Rì rầm tiếng suối khi ... khi xa
Ngoài thềm rơi chiếc lá ...
Tiếng rơi rất mỏng như ... rơi nghiêng.*

(Theo Trần Đăng Khoa)

*Tre già yêu lấy măng ...
Chắt chiu như mẹ yêu ... tháng ngày
Mai sau con lớn hơn thầy
Các con ôm cả đất tròn.*

(Theo Tố Hữu)

b. Xác định đề tài

Có thể chọn bất kì đề tài nào gợi cho em nhiều cảm xúc, chẳng hạn: thiên nhiên, quê hương, gia đình, bạn bè, mái trường,...

2. THỰC HÀNH VIẾT

- Hình dung cụ thể về đề tài em định viết (Có hình ảnh gì nổi bật? Hình ảnh ấy gợi cho em liên tưởng tới điều gì?...). Thử tìm một nhan đề thích hợp cho bài thơ theo đề tài mà em định chọn (cũng có thể đặt tên bài thơ sau khi em đã hoàn thành).
- Bắt đầu bằng cách thử viết dòng lục hoặc cặp câu lục bát đầu tiên với những hình ảnh gợi ấn tượng rõ rệt nhất trong cảm xúc, suy nghĩ của em. Chú ý sử dụng số tiếng, lựa chọn vần, ngắt nhịp theo đúng quy định của thể thơ lục bát. Cũng có thể thử biến đổi một bài thơ 4 chữ, 5 chữ thành bài thơ lục bát.

Ví dụ, với ý tưởng gió đi tìm bạn, em có thể đặt nhan đề bài thơ là *Bạn của gió* và viết cặp câu lục bát đầu tiên như sau:

Ai là bạn gió, gió ơi

Gió đi tìm bạn, đất trời mênh mông.

- Viết những cặp câu lục bát tiếp theo. Đọc lên để cảm nhận rõ hơn về vần, nhịp và từ ngữ, hình ảnh trong các câu thơ. Điều này sẽ giúp em cảm thấy hứng thú và thể hiện được cảm xúc, ý tưởng một cách dễ dàng hơn.

Chẳng hạn, để tiếp nối hai câu thơ *Ai là bạn gió, gió ơi / Gió đi tìm bạn, đất trời mênh mông*, có thể viết:

Gió đưa con sáo sang sông

Gió lùa tóc mẹ bồng bồng như mây.

- Hãy thử phát triển ý tưởng, cảm xúc và hình ảnh thơ theo nhiều cách khác nhau. Tập sử dụng các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá, ẩn dụ; dùng từ láy tả âm thanh, màu sắc,... Vừa viết vừa đọc, không ngại xoá đi viết lại cho đến khi em cảm nhận được âm thanh nhịp nhàng và vẻ đẹp cuốn hút của từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ. Có thể kết thúc bài thơ khi em đã bộc lộ được ý tưởng một cách tương đối trọn vẹn.

Sáng tác một bài thơ không phải là điều dễ dàng. Nhưng em có thể thử sức để hiểu rõ hơn cách mà một bài thơ xuất hiện ra sao. Đó quả thật là một điều kì diệu!

3. CHỈNH SỬA

- Sau khi bài thơ lục bát ra đời, em hãy đọc diễn cảm bài thơ của mình. Khi lời thơ vang lên, hãy chú ý xem bài thơ đã làm theo đúng thể thơ lục bát chưa (số tiếng trong mỗi dòng thơ, cách gieo vần, phối hợp thanh điệu).
- Chỉnh sửa lỗi chính tả (nếu có) và xét xem có từ ngữ nào cần thay thế để bài thơ hay hơn.

B. VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

Những bài thơ lục bát đã học, đã đọc gợi cho em những cảm xúc gì? Hình ảnh, ngôn từ, nhạc điệu của nó khiến em rung động như thế nào? Hãy ghi lại cảm nhận của em về một bài thơ lục bát yêu thích.

Yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát:

- Giới thiệu được bài thơ, tác giả (nếu có).
- Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một khía cạnh nội dung của bài thơ.
- Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...).

Phân tích bài viết tham khảo

Nét đẹp của bài ca dao *Anh đi anh nhớ quê nhà...*

*Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương
Nhớ ai dãi nắng dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.*

Đây vốn là một bài thơ của Á Nam Trần Tuấn Khải, nhưng đã được lưu truyền trong dân gian như một bài ca dao. Lời thơ tràn đầy nỗi nhớ da diết của người con xa xứ hướng về quê nhà. Từ “nhớ” được lặp đi lặp lại trong cả bốn câu thơ bộc lộ nỗi niềm bồi hồi không dứt. Trở đi trở lại cùng nỗi nhớ là những kí ức sâu đậm về hương vị của quê hương trong

Giới thiệu tác giả.

những món ăn dân dã: “canh rau muống”, “cà dầm tương”. Hình ảnh con người nơi quê nhà cũng hiện lên vô cùng thân thiết trong những công việc lao động hằng ngày: “dãi nắng dầm sương”, “tát nước bên đường”,... Nhịp điệu nhẹ nhàng, êm đềm của thể thơ lục bát quen thuộc đã góp phần diễn tả niềm thương mến, nỗi nhớ da diết và tình cảm gắn bó sâu nặng của người ra đi. Bài ca dao khơi dậy trong ta tình yêu, sự gắn bó với những gì gần gũi, thân thuộc của quê hương.

(Nhóm biên soạn)

Nêu cảm xúc về nội dung chính của bài ca dao.

Nêu cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài ca dao.

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn bài thơ

- Nhớ lại những bài thơ lục bát mà em đã học, đã đọc hoặc tìm đọc một bài thơ lục bát mới.
- Bài thơ được chọn có thể là một bài ca dao (khuyết danh) hoặc là sáng tác của một nhà thơ.

b. Tìm ý

- Đọc bài thơ nhiều lần. Khi lời thơ vang lên, hãy lắng nghe những cảm xúc, suy nghĩ của em và ghi lại điều đó. Nên viết nhanh ra giấy những ý tưởng nảy sinh bằng những cụm từ ngắn gọn.
- Có thể tìm ý bằng cách tự đặt ra và trả lời các câu hỏi: Cảm nhận chung khi đọc bài thơ là gì? Bài thơ biểu lộ những điều gì? Bài thơ có những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... nào nổi bật?

c. Lập dàn ý

Sắp xếp các thông tin, ý tưởng tìm được cho bài viết thành một dàn ý như sau:

Mục đích viết

Bày tỏ cảm xúc của em về một bài thơ lục bát.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người yêu thích bài thơ em chọn.

Dàn ý

1. Mở đoạn: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ, tác giả (nếu có).
2. Thân đoạn: Trình bày cảm xúc về bài thơ.
 - Nêu ấn tượng chung về nội dung của bài thơ.
 - Nêu ý nghĩa, chủ đề của bài thơ.
 - Nêu cảm nhận về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
3. Kết đoạn: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ.

2. VIẾT BÀI

Khi viết bài, cần lưu ý:

- Bám sát dàn ý, chú trọng những yếu tố đã khơi gợi cảm xúc của em như nhan đề bài thơ, thể thơ (lục bát), nhịp thơ, vần thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...
- Lựa chọn những từ ngữ để diễn tả cảm xúc của em về bài thơ. Kết nối các ý thành đoạn văn. Mỗi ý nên diễn đạt thành hai, ba câu.
- Bảo đảm cách trình bày của một đoạn văn: Lùi đầu dòng ở chỗ mở đầu đoạn, chữ đầu viết hoa và có dấu câu kết thúc đoạn. Bố cục đoạn văn bao gồm ba phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. Nội dung các câu trong đoạn cần hướng về một chủ đề chung.

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Sau khi hoàn thành, hãy rà soát đoạn văn theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được nhan đề và tác giả của bài thơ lục bát.	Nếu bài thơ có nhan đề và tên tác giả mà bài viết chưa nêu được thì cần bổ sung.
Nêu được cảm xúc về nội dung chính của bài thơ.	Nếu cần thì bổ sung các ý cụ thể để người đọc hiểu rõ nội dung bài thơ.
Nêu được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật.	Xem lại những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... nổi bật của bài thơ. Hãy bổ sung vào đoạn văn nếu cần thiết.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... và chỉnh sửa (nếu có).

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về tình cảm gắn bó của con người với quê hương

Trong phần Đọc, em đã được tiếp xúc với những tác phẩm thơ, văn thể hiện tình yêu, sự gắn bó với quê hương; lòng tự hào về cảnh sắc, truyền thống văn hoá,... của nơi chúng ta sinh ra và lớn lên. Chắc hẳn trong em đã nảy nở những suy nghĩ, cảm xúc mới mẻ về sự gắn kết của mỗi người với chính quê hương mình. Hãy trình bày những suy nghĩ ấy.

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

- Viết ra giấy các ý chính của bài nói. Gợi ý: Tìm một câu thể hiện khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương, ví dụ: “Quê hương là nơi thân thuộc nhất với mỗi con người”. Mở rộng thêm ý này bằng cách nêu bằng chứng lấy từ các bài em đã học, những thông tin em biết hoặc những trải nghiệm của chính em. Chẳng hạn, những vật dụng gia đình, cảnh làng quê có lũy tre được gợi ra từ bài *Cây tre Việt Nam*; hình ảnh quả thị, cô Tấm,... được nhắc đến trong bài *Chuyện cổ nước mình*; những món ăn gần gũi, hình ảnh người lao động và tình cảm nhớ thương quê nhà của một người con xa quê trong bài viết tham khảo *Nét đẹp của bài ca dao “Anh đi anh nhớ quê nhà”*;... sẽ là những gợi ý cho em trong quá trình chuẩn bị nội dung bài nói.
- Chuẩn bị tranh ảnh, bài hát,... về quê hương để minh hoạ cho bài trình bày (nếu có).

Mục đích nói

Trình bày ý kiến về tình cảm gắn bó của con người với quê hương.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, người thân và những ai quan tâm đến vấn đề em nói.

b. Tập luyện

- Để trình bày tốt, em hãy tập luyện trước. Có thể tập luyện một mình hoặc trước bạn bè, người thân và tiếp thu những nhận xét, góp ý để phần trình bày của mình hay hơn, ấn tượng hơn.
- Tập nói rõ ràng, điều chỉnh ngữ điệu phù hợp và kiểm soát thời gian trình bày.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

- Khi trình bày bài nói, cần tập trung vào mục đích nói lên suy nghĩ của em về tình cảm

gắn bó của con người với quê hương nói chung, có thể liên hệ với tình cảm của em với quê hương mình.

- Để nội dung trình bày được tập trung, không bỏ sót những ý quan trọng, thỉnh thoảng em có thể nhìn lướt các ý đã được ghi ra giấy.
- Chú ý kết hợp trình bày ý kiến với việc sử dụng tranh ảnh, bài hát,... để tăng sức hấp dẫn cho bài nói. Có thể thu hút sự chú ý của người nghe bằng cách đặt câu hỏi gợi mở về tình cảm của mỗi người đối với quê hương. Trong khi nói có thể kết hợp ngâm thơ hoặc hát một hai đoạn về quê hương để bài nói thêm sinh động và ấn tượng.

3. SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
Bày tỏ sự đồng cảm với suy nghĩ, cảm xúc, của người nói sau khi nghe bài trình bày.	Lắng nghe và phản hồi những chia sẻ của người nghe một cách tích cực.
Có thể nêu câu hỏi về những điểm còn chưa rõ hay có sự khác biệt trong suy nghĩ giữa người nói và người nghe về tình cảm gắn bó của con người với quê hương.	Giải thích những điều người nghe cần làm rõ và trao đổi lại những ý kiến khác biệt.
Góp ý về cách trình bày (ngữ điệu, diễn đạt, sự tương tác với người nghe).	Cảm ơn và tiếp thu những góp ý xác đáng.

Củng cố, mở rộng

1. Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin ngắn gọn về các văn bản đã học:

	Văn bản	Chùm ca dao về quê hương đất nước	Chuyện cổ nước mình	Cây tre Việt Nam
Đặc điểm				
Biện pháp tu từ nổi bật				
Tình cảm, cảm xúc của tác giả				

2. Tìm và đọc diễn cảm một số bài thơ lục bát.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Đặc điểm của thể thơ lục bát được thể hiện trong bài thơ.
- Vẻ đẹp của quê hương, đất nước.
- Ý nghĩa được gọi lên từ “hành trình của bầy ong”.

Hành trình của bầy ong⁽¹⁾

NGUYỄN ĐỨC MẬU⁽²⁾

Với đôi cánh đăm nắng trời
Bầy ong bay đến trọn đời tìm hoa.
Không gian là nẻo đường xa
Thời gian vô tận mở ra sắc màu.

Tìm nơi thăm thẳm rừng sâu
Bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban.
Tìm nơi bờ biển sóng tràn
Hàng cây chắn bão dịu dàng mùa hoa.
Tìm nơi quần đảo khơi xa
Có loài hoa nở như là không tên...

(1) Văn bản bài thơ do tác giả cung cấp.

(2) Nguyễn Đức Mậu sinh năm 1948 tại Nam Định, là nhà thơ, nhà văn quân đội.

Bầy ong rong ruổi trăm miền
Rù rì đôi cánh nối liền mùa hoa.
Nối rừng hoang với biển xa
Đất nơi đâu cũng tìm ra ngọt ngào.
(Nếu hoa có ở trời cao
Thì bầy ong cũng mang vào mật thơm)

Chắt trong vị ngọt mùi hương
Lặng thầm thay những con đường ong bay.
Trải qua mưa nắng vơi đầy
Men trời đất đủ làm say đất trời.
Bầy ong giữ hộ cho người
Những mùa hoa đã tàn phai tháng ngày.

Văng trắng dăng đĩa mật đầy
Trời sao mở cánh ong bay ngang trời.
Đêm nay như thức cùng tôi
Bầy ong – con chữ nối lời bài ca.



NHỮNG NỎ ĐƯỜNG XỨ SỞ

*Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình.*

(Thanh Hải)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Bước chân con người thì nhỏ mà thế giới thì bao la. Mỗi lần đọc thêm một trang sách, ta như được đến với một vùng đất mới. Văn học mở ra trước mắt ta những chân trời mới.
- Trong bài học này, em sẽ làm quen với tác phẩm kí. Qua các bài kí, những nẻo đường của quê hương xứ sở, những miền đất xa xôi của Tổ quốc sẽ trở nên thân yêu và gần gũi hơn.

Ruộng bậc thang, ảnh của Bùi Trung Nguyên



MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí.
- Nhận biết được chủ đề của văn bản và tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt.
- Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến.
- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Kí

- Kí là thể loại văn học chú trọng ghi chép sự thực.
- Trong kí có kể sự việc, tả người, tả cảnh, cung cấp thông tin và thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết. Có những tác phẩm nghiêng về kể sự việc, có những tác phẩm nghiêng về thể hiện cảm xúc.
- Với một số tiểu loại kí, tác giả thường là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến sự việc. Sự việc thường được kể theo trình tự thời gian. Tác giả có thể xưng “tôi”, có vai trò như người kể chuyện. Khi kể, tác giả kết hợp trình bày suy nghĩ, cảm xúc, sự quan sát, liên tưởng, tưởng tượng của mình về sự việc.

Du kí

- Du kí là một tiểu loại của kí, ghi chép về những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình.

Dấu ngoặc kép

- Dấu ngoặc kép có nhiều công dụng. Bên cạnh việc dùng để đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp, lời đối thoại hoặc đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san,... được dẫn, dấu ngoặc kép còn được dùng để đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.

VĂN BẢN ĐỌC

- *Cô Tô* (trích *Cô Tô*), Nguyễn Tuân
- *Hang Én*, Hà My
- *Cửu Long Giang ta ơi* (trích *Cửu Long Giang ta ơi*), Nguyễn Hồng

Cô Tô⁽¹⁾

Trích *Cô Tô*, NGUYỄN TUÂN

Trước khi đọc

1. Kể tên những nơi em đã từng được đến tham quan. Chia sẻ một số điều em quan sát được từ những chuyến đi đó.
2. Tìm quần đảo Cô Tô trên bản đồ Việt Nam và nói về vị trí của quần đảo này.

Đọc văn bản

Hình như gió bão chờ chúng tôi lọt hết vào trận địa⁽²⁾ cánh cung bãi cát, rồi mới tăng thêm hoả lực⁽³⁾ của gió. Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này buốt như một viên đạn mũi kim. Gió bắn rát từng chập⁽⁴⁾. Chốc chốc gió ngừng trong tích tắc như để thay băng đạn⁽⁵⁾, thì đầu cổ lại bật lên khi gió giật. Gió liên thanh quạt lia lia vào gối vào ngang thắt lưng, đẩy cả người chạy theo luồng cát mà bạt ra phía sát bờ biển của một bãi dài ba ngàn thước⁽⁶⁾, rộng chừng trăm thước. Sóng cát đánh ra khơi, bể đánh bọt sóng vào, trời đất trắng mù mù toàn bãi như là

HÌNH DUNG Từ “trận địa” khiến em hình dung cơn bão biển như thế nào?

(1) *Cô Tô*: một quần đảo gồm hơn 50 đảo nhỏ, thuộc tỉnh Quảng Ninh, diện tích trên 47,3 km². Cô Tô nổi tiếng với cảnh biển đẹp và những đặc sản biển như ngọc trai, san hô, hải sâm,...

(2) *Trận địa*: khu vực địa hình dùng để bố trí lực lượng chiến đấu.

(3) *Hoả lực*: sức mạnh gây sát thương và phá hoại của bom đạn, chất nổ, chất cháy dùng trong chiến đấu; ở đây nói về sức mạnh của gió.

(4) *Chập*: khoảng thời gian tương đối ngắn, tương đương như *lúc*, *hồi*.

(5) *Băng đạn*: bộ phận dùng để kẹp đạn và tiếp đạn vào súng khi bắn.

(6) *Thước*: đơn vị đo độ dài cũ (một thước bằng khoảng 0,4 m).



kẻ thù đã bắt đầu thả hơi ngạt. [...] Sóng thúc lẫn nhau mà vào bờ âm âm rền rền như vua thủy⁽¹⁾ cho các loài thủy tộc⁽²⁾ rung thêm trống trận. [...]

Cuối canh một sang canh hai, bão thực sự bắt đầu. Gác đảo uỷ⁽³⁾ nhiều khuôn cửa kính bị gió vây và dồn, bung hết. Kính bị thứ gió cấp 11⁽⁴⁾ ép, vỡ tung. Tiếng gió càng ghê rợn mỗi khi nó thốc vào, vượt qua những gờ kính nhọn còn dắt ở ô cửa vỡ. Nó rít lên rú lên như cái kiếu người ta vẫn thường gọi là quỷ khốc⁽⁵⁾ thần linh. [...]

THEO DÕI Tác giả quan sát và cảm nhận trận bão bằng những giác quan nào?

Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo sáng sủa. Từ khi có vịnh Bắc Bộ và từ khi quần đảo Cô Tô mang lấy dấu hiệu của sự sống con người thì, sau mỗi lần dông bão, bao giờ bầu trời Cô Tô cũng trong sáng như vậy. Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa. Và nếu cá có vắng tăm biệt tích trong ngày động bão, thì nay lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi⁽⁶⁾. Chúng tôi leo dốc lên đồn Cô Tô hỏi thăm sức khỏe anh em bộ binh và hải quân cùng đóng sát nhau trong cái đồn khố xanh⁽⁷⁾ cũ ấy. Trèo lên nóc đồn, nhìn ra bao la Thái Bình Dương bốn phương tám hướng, quay gót 180 độ mà ngắm cả toàn cảnh đảo Cô Tô. Nhìn rõ cả Tô Bắc, Tô Trung, Tô Nam, mà càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng để ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây.

THEO DÕI Chú ý những từ ngữ miêu tả cảnh biển Cô Tô sau bão.

(1) *Vua thủy*: vua dưới nước (còn gọi là *vua Thủy Tề*, theo tín ngưỡng dân gian).

(2) *Thủy tộc*: những loài sống dưới nước.

(3) *Đảo uỷ*: trụ sở cơ quan hành chính của đảo.

(4) *Gió cấp 11*: mức độ gió bão mạnh, vận tốc khoảng 103 – 117 km/h.

(5) *Khốc*: khóc.

(6) *Giã đôi*: lưới hình túi (*giã*) do hai tàu hoặc thuyền kéo để đánh bắt hải sản tầng đáy biển.

(7) *Đồn khố xanh*: vị trí đóng quân của quân đội thuộc địa dưới chế độ thực dân Pháp (lính khố xanh canh giữ các công sở, địa phương, chân quần xà cạp màu xanh).

[...] Mặt trời lại rọi lên ngày thứ sáu của tôi trên đảo Thanh Luân một cách thật quá là đầy đủ. Tôi dậy từ canh tư. Còn tối đất, cố đi mãi trên đá đầu sư⁽¹⁾, ra thầu đầu mũi đảo. Và ngồi đó nhìn mặt trời lên. Điều tôi dự đoán, thật là không sai. Sau trận bão, chân trời, ngấn bể⁽²⁾, sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ⁽³⁾ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm⁽⁴⁾ tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ⁽⁵⁾ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa Biển Đông. Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mâm bể sáng dần lên cái chất bạc nén⁽⁶⁾. Một con hải âu bay ngang, là là nhíp cánh. [...]

HÌNH DUNG Cảnh bình minh trên biển.

Khi mặt trời đã lên một vài con sào, tức là lúc nó trở về sự bình dị hàng ngày, thì tôi đang múc gầu nước giếng dội lên đầu lên cổ lên vai lên lưng, nghĩa là tôi cũng đang đi tắm như mọi người lao động bình thường đang tắm quanh giếng. Cái giếng nước ngọt ở rìa⁽⁷⁾ một hòn đảo giữa biển, cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền.

Cái giếng nước ngọt đảo Thanh Luân sớm nay có không biết bao nhiêu là người đến gánh và múc. Múc nước giếng vào thùng gỗ, vào những cong⁽⁸⁾ những ang⁽⁹⁾ gốm màu da lươn. Lòng giếng vẫn còn rớt lại vài cái lá cam lá quýt của trận bão vừa rồi quăng vào. Chỗ bãi đá nuôi sáu mươi vạn con hải sâm⁽¹⁰⁾ ngoài kia, bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sạp đổ nước ngọt vào. Sau trận bão, hôm nay hợp tác xã Bắc Loan Đầu cho 18 thuyền

THEO DÕI Chú ý nơi đông vui và gọi sức sống nhất trên đảo.

(1) *Đá đầu sư*: đá có đầu tròn, nhẵn như đầu ông sư, thường quần tụ thành bãi.

(2) *Ngấn bể*: đường tiếp giáp giữa mặt biển và chân trời theo tầm nhìn của mắt.

(3) *Đường bệ*: dáng vẻ to lớn, vững vàng, uy nghi.

(4) *Lễ phẩm*: lễ vật dâng biếu.

(5) *Trường thọ*: sống lâu.

(6) *Bạc nén*: bạc đúc thành từng thỏi; *nén*: đơn vị đo khối lượng, tương đương 375 g.

(7) *Rìa*: rìa, ven.

(8) *Cong*: đồ đựng làm bằng đất nung, hông phình, miệng rộng.

(9) *Ang*: đồ đựng làm bằng đất nung, thành hơi phình, miệng rộng.

(10) *Hải sâm*: một loài động vật biển, thân hình dài, da có lông, dùng làm thức ăn, rất quý.

lớn nhỏ cùng ra khơi đánh cá hồng⁽¹⁾. Anh hùng Châu Hoà Mãn⁽²⁾ cùng bốn bạn xã viên đi chung một thuyền. Anh quấy nước bên bờ giếng, tôi né ra một bên. Anh quấy 15 gánh cho thuyền anh: “Đi ra khơi, xa lắm mà. Có khi mười ngày mới về. Nước ngọt cho vào sạp, chỉ để uống. Vo gạo thổi cơm cũng không được lấy nước ngọt. Vo gạo bằng nước biển thôi”.

Từ đoàn thuyền sắp ra khơi đến cái giếng ngọt, thùng và cong và gánh nối tiếp đi đi về về. Trông chị Châu Hoà Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành.

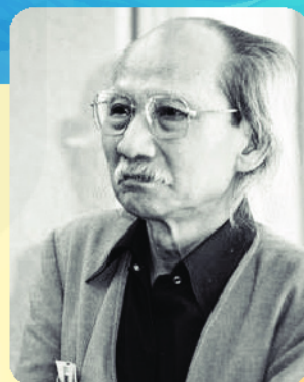
(Nguyễn Tuân, *Kí Nguyễn Tuân*, NXB Văn học, Hà Nội, 1986, tr. 116 – 122)

Sau khi đọc

NGUYỄN TUÂN

- Nguyễn Tuân (1910 – 1987) quê ở Hà Nội. Ông là nhà văn có phong cách độc đáo, lối viết tài hoa, cách dùng từ ngữ đặc sắc. Thể loại sở trường của ông là kí, truyện ngắn. Kí của Nguyễn Tuân cho thấy tác giả có vốn kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực đời sống. Một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân: *Vang bóng một thời* (tập truyện ngắn), *Sông Đà* (tuỳ bút),...

- *Cô Tô* được viết nhân một chuyến ra thăm đảo của nhà văn. Bài kí được in trong tập *Kí*, xuất bản lần đầu năm 1976.



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Qua bài kí *Cô Tô*, nhà văn đã đưa người đọc đến những nơi nào và gặp gỡ những ai?
2. Tìm những từ ngữ miêu tả sự dữ dội của trận bão. Những từ ngữ nào cho thấy rõ nhất việc tác giả chủ tâm miêu tả trận bão giống như một trận chiến?
3. Biển sau bão hiện lên như thế nào (qua hình ảnh bầu trời, cây, nước biển, mặt trời,...)?

(1) *Cá hồng*: một loài cá thân màu hồng, có sản lượng lớn và có giá trị kinh tế của vùng biển vịnh Bắc Bộ.

(2) *Châu Hoà Mãn*: Anh hùng Lao động ngành ngư nghiệp những năm 60 thế kỉ XX.

4. Theo em, để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ những vị trí nào?
5. Chỉ ra một câu văn thể hiện sự yêu mến đặc biệt của tác giả đối với Cô Tô trong đoạn văn từ *Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô... đến theo mùa sóng ở đây*.
6. Khung cảnh Cô Tô sẽ như thế nào nếu không có chi tiết miêu tả giếng nước ngọt và hoạt động của con người quanh giếng?
7. Kết thúc bài kí *Cô Tô* là suy nghĩ của tác giả về hình ảnh chị Châu Hoà Mãn: “Trông chị Châu Hoà Mãn dịu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành”. Cách kết thúc này cho thấy tình cảm của tác giả với biển và những con người bình dị trên đảo như thế nào?

Viết kết nối với đọc

Trong *Cô Tô*, mặt trời lúc bình minh được ví như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh so sánh đó (có thể liên hệ với cách miêu tả mặt trời lúc bình minh của các tác phẩm khác mà em biết).

Thực hành tiếng Việt

BIỆN PHÁP TU TỪ

1. Đọc các câu sau và trả lời câu hỏi:
 - **Quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ đặt lên một mâm bạc** đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng.
 - **Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mâm bệ sáng dần lên cái chất bạc nén.**
 - a. Những từ ngữ in đậm trong các câu trên ngầm chỉ những sự vật nào?
 - b. Trong những câu trên, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ đó.
2. Chỉ ra những biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong các câu sau:
 - a. *Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này buốt như một viên đạn mũi kim.*
 - b. *Hình như gió bão chờ chúng tôi lọt hết vào trận địa cánh cung bãi cát, rồi mới tăng thêm hoả lực của gió.*
3. Trong *Cô Tô*, Nguyễn Tuân sử dụng nhiều hình ảnh so sánh sinh động. Hãy tìm những câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong văn bản này và chỉ ra tác dụng trong từng trường hợp.
4. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên trong đó có sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ.

Hang Ên⁽¹⁾

HÀ MY

Trước khi đọc

1. Nhan đề *Hang Ên* gợi cho em liên tưởng gì?
2. Tưởng tượng mình là nhà thám hiểm đi khám phá những khu bảo tồn thiên nhiên kì thú. Hãy chia sẻ cảm giác của em về điều đó.

Đọc văn bản

Đường tới hang Ên phải xuyên qua rừng nguyên sinh⁽²⁾, vượt nhiều đoạn dốc cao, ngoằn ngoèo, lội khoảng ba mươi quãng suối và sông nên chỉ có một cách di chuyển: đi bộ. Tờ-réc-king⁽³⁾ hang Ên, đối với tôi là một hành trình khám phá thú vị.

THEO DÕI Chú ý cách thức di chuyển vào hang Ên.

Hành trình ấy khởi đầu từ con dốc Ba Giàn dài gần 2 km. Dốc cao và gập ghềnh. Đường mòn vừa một người đi, khá trơn, nhiều chặng có cây đổ chắn ngang hoặc những vòm dây leo giăng kín. Rất nhiều cây cổ thụ tán cao vút, thân đầy các loại苔藓, có cả phong lan đang nở hoa. Còn có sên, vắt, nhiều loài côn trùng và chim chóc tôi không biết tên... Cảm giác về một cuộc “ngược dòng” tìm về với thuở sơ khai đến với tôi ngay khi len lỏi qua cánh rừng nguyên sinh này.

THEO DÕI Việc đi bộ sẽ cho tác giả cơ hội trải nghiệm những điều kì thú của thiên nhiên như thế nào?

Đi hết dốc Ba Giàn là tới thung lũng Rào Thương, được bao quanh bởi con suối cùng tên. Con đường qua thung lũng trải theo tiếng suối róc rách, thảm cỏ, rồi cây cối rậm rạp, lúp xúp, từ đó vẳng ra tiếng chim kêu đủ giọng. Thích nhất là khi lội qua suối. Nước trong vắt, mát lạnh, thấy cả làn đá cuội nơi đáy suối. Nhiều quãng suối còn nhìn rõ đàn cá bơi liêu xiêu giữa dòng nước

(1) *Hang Ên*: nằm trong quần thể vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng của tỉnh Quảng Bình, là hang động lớn thứ ba thế giới (sau hang Sơn Đoòng ở Việt Nam và hang Đỉ-ơ (Deer) ở Ma-lai-xi-a (Malaysia). Hang có chiều dài hơn 1,6 km, gồm ba cửa. Trần hang có nơi cao 100 m, nơi rộng nhất 170 m. Trong lòng hang có con suối trong xanh chảy quanh co, uốn lượn, làm nên vẻ kì thú của thiên nhiên nơi đây.

(2) *Rừng nguyên sinh*: rừng tự nhiên, chưa bị hay chưa được khai thác.

(3) *Tờ-réc-king* (tiếng Anh: *trekking*): leo núi, đi bộ thám hiểm.

chảy xiết như những chiếc lá trúc khô. Yêu vô cùng những đàn bướm đủ màu – vàng, trắng, xanh đen – gặp ven đường, ven suối. Chúng đậu thành từng vạt như đám hoa lá ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất. Thấy động, chúng bay lên, lượn vòng, quần quýt cả vào chân người. Bước đi cùng đàn bướm, ngắm những cánh hồ điệp⁽¹⁾ mong manh giữa không gian trong trẻo, im vắng, tôi ngỡ mình đang đi trong một giấc mộng đẹp.

Hang Ên giống như cái tổ khổng lồ và an toàn mà Mẹ Thiên Nhiên ban tặng cho con người, với không gian trú ẩn, nước, không khí, ánh sáng,... Hang có ba cửa lớn: cửa trước có hai lớp, vòm cửa ngoài dẫn vào một “sảnh chờ” rộng rãi; cửa trong lại thấp hẹp, sát ngay dải sông ngầm khá rộng, sâu quá thất lũng. Muốn vào hang, phải lội qua sông; rồi trèo ngược vách đá hiểm trở, cao mấy chục mét. Đứng trên đỉnh dốc sẽ nhìn thấy lòng hang xa tít phía dưới, được bao bọc bằng một quãng sông rộng, nước sâu. Vịn đá lần xuống chân dốc, chúng tôi ngồi bè qua sông để đến lòng hang chính.

Lòng hang Ên phía trước, nơi rộng nhất khoảng 110 m², có thể chứa được hàng trăm người. Trần hang đẹp như mái vòm của một thánh đường, nơi cao nhất tương đương với toà nhà bốn mươi tầng (120 m). Cửa thứ hai thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ đón khí trời và ánh sáng. Quãng sông ngầm đổ lại êm đềm trước thềm hang chính, len lỏi quanh các hang phụ chừng 4 km, rồi đổ ra cửa hang sau. Ở hang chính, bờ sông cát mịn thoải dần, nước mát lạnh, trong veo,

THEO DÕI Chú ý các số liệu về diện tích, độ cao, chiều dài,... của hang Ên.



(1) Hồ điệp: con bướm.

đáy toàn sỏi, đá đã bào nhẵn tạo thành một bãi tắm thiên nhiên hoàn hảo. Nghe nói thời xa xưa, tộc người A-rem⁽¹⁾ đã sống trong hang Én. Trứng chim từng là một nguồn thực phẩm của họ. Giờ họ đã rời ra ngoài sống thành bản nhưng vẫn còn giữ lễ hội “ăn én”. Cũng nghe kể rằng, trong bản A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt – dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét.

Trong hang Én, hàng vạn con chim én vẫn hỗn nhiên cư ngụ và chưa phải biết sợ con người. Bốn vách hang, trần hang – nơi nào cũng dày đặc chim én. Cộng đồng én thoải mái sống “cuộc đời” của chúng, không mấy may để ý đến sự hiện diện của nhóm du khách. Én bố mẹ tập nập đi, về, mái mốt mớm mồi cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én ra ràng⁽²⁾ chấp chới vỗ cánh bên rìa hốc đá... Nhiều bạn én thiếu niên ngủ nướng, say giấc ngay trên những mỏm đá thấp dọc lối đi. Nếu đặt lên vai, bạn sẽ rúc vào tóc hoặc đầu trên đầu mình để... ngủ tiếp! Bữa tối, một chú én tò mò sa xuống bàn ăn, cánh bị thương không bay lên được. Khi mắt đã quen với ánh đèn, nó ung dung mổ cơm ăn trong lòng tay tôi. Sáng hôm sau, tôi vẫn thấy nó thản nhiên đi lại quanh lều với một bên cánh còn hơi sã xuống. Có lẽ chỉ ngày mai thôi, đôi cánh ấy sẽ lành hẳn.

Vòng ra sau hang Én là bạn có thể bước chậm chậm qua vài trăm triệu năm. Bạn sẽ thấy hàng trăm dải đá san hô uốn lượn thành bao nhiêu tầng, bậc lớn nhỏ, đọng đầy nước nguồn trong vắt tựa như những thửa ruộng bậc thang tuyệt đẹp vào mùa nước đổ. Bạn sẽ thấy những “thương hải tang điền”⁽³⁾ còn hiện hữu trên dải hoá thạch sò, ốc, san hô,... nơi vách đá. Rồi nhũ đá⁽⁴⁾, măng đá⁽⁵⁾, ngọc động giăng đầy bên những vách núi, sàn hang,... Hô-oát Lim-bơ⁽⁶⁾ (Howard Limbert), người tìm ra hơn 500 hang động ở Việt Nam, trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới, khẳng định rằng: mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên. Và tất cả măng đá, nhũ đá, ngọc động ấy vẫn “sống” trong hành trình tạo tác của tự nhiên. [...]

(1) *Người A-rem*: còn gọi là người Chút, một tộc người thiểu số. Năm 1959, tộc người này được phát hiện còn 34 người sống trong hang sâu tại khu Phong Nha – Kẻ Bàng.

(2) *Ra ràng*: (chim non) mọc đủ lông, đủ cánh, có thể tập bay.

(3) *Thương hải tang điền*: bãi bể (biển thành) nương dâu, chỉ những biến đổi lớn lao.

(4) *Nhũ đá*: thạch nhũ (vú đá), mọc từ trần hang xuống.

(5) *Măng đá*: chất đá vôi kết đọng hình măng, nón thấp nhỏ.

(6) *Hô-oát Lim-bơ*: chuyên gia Hiệp hội Hang động Hoàng gia Anh.

Khi bóng tối trùm kín lòng hang Én, thì khoảng trời phía trên cửa hang thứ hai vẫn sáng rất lâu nên có thể nhìn rõ từng đàn én chao liệng không dứt. Đàn én cuối cùng bay về hang khi nền trời đã sẫm hẳn. Tôi ngồi bệt trên cát, trước mặt là khoảng sông lấp lánh, trên cao là trần hang tối thẫm và một khoảng trời thăm thẳm đầy sao. Tứ bề tiếng chim líu ríu như ru nhau và ru người. Nửa đêm thức dậy, vẫn nghe tiếng chim chiu chít, tiếng nước chảy âm âm – và cả tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều.

Năm giờ, đã thấy sáng bừng cả lòng hang, tưởng người ta bật điện – hoá ra luồng nắng ban mai vàng rờ rọi chéo từ khoảng trời cao xuống. Trên mặt sông, nắng hoà với hơi nước mỏng, tan dần thành lãng đăng khói mơ. Ai nấy nhào ra khỏi lều, chân trần chạy quanh sông, rồi ngồi ngay bên bờ cát vực nước rửa mặt, hít căng lồng ngực thứ không khí mát lành, tinh khiết...

THEO DÕI Chú ý những từ ngữ diễn tả sự hoà mình của du khách với thiên nhiên.

(Theo Hà My, Trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, ngày 14/10/2020)

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nhân vật “tôi” đã kể về hành trình khám phá hang Én theo trình tự nào?
2. Liệt kê những chi tiết về địa hình, cây cối, loài vật trên đường đến hang Én. Những chi tiết này gợi cho em cảm nhận gì về rừng nguyên sinh?
3. Qua bài kí, em hiểu được gì về sự “sống” của đá và cuộc sống của loài én chưa “biết sợ con người”?
4. Hình ảnh nào trong bài thể hiện sự trân trọng, lòng biết ơn và tình yêu của con người với tự nhiên?
5. Tâm trạng của du khách khi sống trong không gian hang Én, thiếu thốn các tiện nghi thông thường được miêu tả qua những chi tiết nào?
6. Cách tác giả cảm nhận về cuộc sống hoang dã có làm cho người đọc khiếp sợ tự nhiên không? Vì sao?
7. Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức những điều gì ở con người?

Viết kết nối với đọc

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về hang Én.

Thực hành tiếng Việt

DẤU CÂU

1. Giải thích lí do dùng dấu ngoặc kép trong các câu sau:

- Cảm giác về một cuộc “ngược dòng” tìm về với thuở sơ khai đến với tôi ngay khi len lỏi qua cánh rừng nguyên sinh này.*
- Hang có ba cửa lớn: cửa trước có hai lớp, vòm cửa ngoài dẫn vào một “sảnh chờ” rộng rãi; cửa trong lại thấp hẹp, sát ngay dải sông ngầm khá rộng, sâu quá thất lung.*

Nhận biết công dụng của dấu ngoặc kép

Đọc câu sau: *Cộng đồng én thoải mái sống “cuộc đời” của chúng, không mấy may để ý đến sự hiện diện của nhóm du khách.*

Trong câu trên, tác giả đã dùng từ “cuộc đời” vốn chỉ dùng cho con người để nói về loài én. Từ “cuộc đời” ở đây được hiểu theo nghĩa đặc biệt.

2. Cho biết công dụng của các dấu câu được dùng trong các đoạn trích sau:

- Giờ họ đã rời ra ngoài sống thành bản nhưng vẫn còn giữ lễ hội “ăn én”. Cũng nghe kể rằng, trong bản A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt – dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trèo hang cao hàng trăm mét.*
- Hô-oát Lim-bơ, người tìm ra hơn 500 hang động ở Việt Nam, trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới, khẳng định rằng: mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên. Và tất cả mảng đá, nhũ đá, ngọc động ấy vẫn “sống” trong hành trình tạo tác của tự nhiên.*

3. Tìm thêm những câu văn có sử dụng dấu ngoặc kép trong các văn bản *Cô Tô*, *Hang Én* và giải thích công dụng của chúng.

BIỆN PHÁP TU TỪ

4. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá trong những câu sau:

- Bữa tối, một chú én tò mò sa xuống bàn ăn, cánh bị thương không bay lên được.*
- Sáng hôm sau, tôi vẫn thấy nó thản nhiên đi lại quanh lều với một bên cánh còn hơi sã xuống.*

5. Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu sau và phân tích tác dụng:

- Nhiều bạn én thiếu niên ngủ nướng, say giấc ngay trên những mỏm đá thấp dọc lối đi.*
- Chúng đậu thành từng vạt như đám hoa lá ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất.*
- Cửa thứ hai thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ đón khí trời và ánh sáng.*

Cửu Long Giang ta ơi

Trích *Cửu Long Giang ta ơi*, NGUYỄN HỒNG

Đọc văn bản

Ngày xưa ta đi học
Mười tuổi thơ nghe gió thổi mùa thu
Mắt ngẩng lên trông bản đồ rực rỡ
Như đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ.

Bản đồ mới tường vôi cũng mới
Thầy giáo lớn sao, thước bảng cũng lớn sao
Gậy thần tiên⁽¹⁾ và cánh tay đạo sĩ⁽²⁾
Đưa ta đi sông núi tuyết vời.

Tim đập mạnh hồn ngây không sao hiểu
Mê Kông⁽³⁾ sông dài hơn hai ngàn cây số mộng mênh

[...]

Mê Kông chảy

Cây lao đá đỏ

Lan hoang đưa mật thông nhựa lên hương

(1) *Gậy thần tiên*: hình ảnh ẩn dụ chỉ cây thước (đồ dùng dạy học) của thầy giáo trong cái nhìn mơ mộng của học trò.

(2) *Đạo sĩ*: ở đây chỉ hình ảnh người thầy được ngưỡng mộ trong mắt học trò.

(3) *Mê Kông*: một trong những con sông lớn nhất thế giới, bắt nguồn từ cao nguyên Thanh Tạng, chảy qua địa phận Trung Quốc, Lào, Mi-an-ma (Myanmar), Thái Lan, Cam-pu-chia (Cambodia), Việt Nam và đổ ra Biển Đông. Đoạn sông Mê Kông chảy qua Việt Nam gọi là sông Cửu Long (Cửu Long Giang).



Sông nước Hậu Giang, ảnh của Nguyễn Tuấn Anh

Những trưa hè ngọn ngút⁽¹⁾ nắng Trường Sơn⁽²⁾

Ngắm nghĩ voi đi

Thác Khôn⁽³⁾ cười trắng xoá

[...]

Ta đi... bản đồ không nhìn nữa...

Sáng mùa thu lại còn bướm với trời xanh

Trúc đào tươi chim khuyên rìa cánh sương đọng long lanh

Ta cười áo lội dòng sông ta hát

Mê Kông chảy, Mê Kông cũng hát

Rừng núi lùi xa

Đất phẳng thở chan hoà.

Sóng toả chân trời buồm trắng.

Nam Bộ

Nam Bộ

(1) *Ngọn ngút*: hơi nóng bốc lên và toả ra không ngớt (nghĩa trong văn cảnh).

(2) *Trường Sơn*: dãy núi dài nhất Việt Nam, kéo dài từ thượng nguồn sông Cả trên đất Lào giáp Nghệ An tới cực nam Trung Bộ; Trường Sơn được chia thành Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam, ngăn cách bởi dãy núi Bạch Mã.

(3) *Thác Khôn*: một thác nước trên sông Mê Kông, nằm ở phía tây nam Lào.

Chín nhánh Mê Kông phù sa⁽¹⁾ nổi váng
Ruộng bãi Mê Kông trồng không hết lúa
Bến nước Mê Kông tôm cá ngộp thuyền
Sầu riêng thơm dậy đất Thủ Biên⁽²⁾
Suối mát dội trong lòng dừa trầu quả.

Mê Kông quận đê
Chín nhánh sông vàng
Nông dân Nam Bộ gởi đất nằm sương
Mồ hôi vã bãi lầy thành đồng lúa
Thành những tên đọc lên nước mắt đều muốn ứa
Những Hà Tiên⁽³⁾, Gia Định⁽⁴⁾, Long Châu⁽⁵⁾
Những Gò Công⁽⁶⁾, Gò Vấp⁽⁷⁾, Đồng Tháp⁽⁸⁾, Cà Mau⁽⁹⁾
Những mặt đất
Cha ông ta nhắm mắt
Truyền cháu con không bao giờ chia cắt.

*
* *

Ta đã lớn
Thầy giáo già đã khuất
Thước kẻ to nay thành cán cờ sao
Những tên làm man mác tuổi thơ xưa
Đã thấm máu của bao hồn bất tử.

(Nguyễn Hồng, *Trời xanh*, NXB Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 5 – 9)

(1) *Phù sa*: đất cát nhỏ mịn cuốn trôi theo dòng sông hoặc lắng đọng lại ở bờ sông, bãi bồi.

(2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9) *Thủ Biên, Hà Tiên, Gia Định, Long Châu, Gò Công, Gò Vấp, Đồng Tháp, Cà Mau*: các địa danh quen thuộc ở Nam Bộ xưa và nay.

Sau khi đọc

NGUYỄN HỒNG

- Nguyễn Hồng (1918 – 1982) sinh ra ở Nam Định và sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng. Nguyễn Hồng sáng tác ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ,... Những trang viết của ông tràn đầy cảm xúc chân thành, mãnh liệt với con người và cuộc sống. Các tác phẩm chính của ông gồm: *Những ngày thơ ấu* (hồi kí), *Bỉ vỏ* (tiểu thuyết), *Trời xanh* (thơ), *Cửa biển* (tiểu thuyết), *Bước đường viết văn* (hồi kí),...
- Bài thơ *Cửu Long Giang ta ơi* trích trong tập thơ *Trời xanh*.



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Theo em, nhan đề bài thơ có gì đặc biệt? Nhan đề ấy gợi lên ấn tượng, cảm xúc gì?
2. Em hình dung thế nào về “tám bản đồ rực rỡ”? Nhân vật trong bài thơ có cảm xúc như thế nào khi nhìn tám bản đồ ấy?
3. Liệt kê những chi tiết miêu tả về đẹp của dòng sông Mê Kông.
4. Hình ảnh người nông dân Nam Bộ được tác giả khắc hoạ qua những chi tiết nào? Những chi tiết đó gợi cho em cảm nhận gì về con người nơi đây?
5. Bài thơ *Cửu Long Giang ta ơi* có nhiều hình ảnh sinh động, giàu sức gợi. Em thích những hình ảnh nào? Vì sao?
6. Nêu những cảm nhận của em về tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông, với quê hương đất nước được thể hiện trong bài thơ.

Viết

Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt

Trong hai văn bản *Cô Tô* và *Hang Én*, các tác giả đã viết về những trải nghiệm của mình, miêu tả khung cảnh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt và những con người họ đã gặp gỡ. Cuộc sống thật là phong phú. Xung quanh ta, biết bao sự việc đang diễn ra trong những khung cảnh khác nhau. Em hãy quan sát và miêu tả những cảnh sinh hoạt mà mình đã chứng kiến hoặc tham gia và chia sẻ với người đọc.

Yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt:

- Giới thiệu được cảnh sinh hoạt.
- Tả bao quát quang cảnh chung (không gian, thời gian, hoạt động chính).
- Tả hoạt động cụ thể của con người.
- Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.
- Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt.

Phân tích bài viết tham khảo

Chợ phiên vùng cao

Bạn đã đi chợ phiên vùng cao bao giờ chưa? Cảnh chợ phiên rất thú vị nhé. Chợ được họp vào sáng thứ Bảy hằng tuần.

Giới thiệu cảnh sinh hoạt.

Ngay từ sáng sớm, từng tốp người đi bộ hoặc cưỡi ngựa từ các nẻo đường mòn xuống chợ. Bóng họ còn lẫn trong sương mù. Đó là những người dân tộc Mông, Dao, Giáy... sống trên những triền núi cao, đến chợ phiên để trao đổi nông sản và giao lưu, gặp gỡ nhau.

Chợ họp trên sườn núi, ven con đường liên huyện đã được trải nhựa. Từ trên cao nhìn xuống, cả khu chợ như miếng thổ cẩm⁽¹⁾ sặc sỡ khảm vào tấm áo của rừng núi và mây trời. Vào chợ, bạn sẽ vui như lạc vào một ngày hội. Ai xuống chợ cũng mặc những bộ trang phục riêng của dân tộc mình. Phụ nữ váy áo xúng xính đủ mọi hoa văn, màu sắc, đeo trên cổ, trên tay những chiếc vòng bạc lấp lánh, đội những chiếc khăn xanh đỏ tím vàng. Đàn ông cầm trên tay những chiếc khèn hoặc chiếc chạc⁽²⁾ trâu bò, túm tụm quanh những hũ rượu, bàn tán xôn xao. Những em bé được mẹ địu sau lưng mắt cứ tròn xoe, toét

Tả quang cảnh chung.

(1) *Thổ cẩm*: loại vải dệt thủ công của một số dân tộc thiểu số miền núi, có nhiều hoa văn sặc sỡ nổi lên bề mặt.

(2) *Chạc*: dây bện bằng lát tre, lát nứa, nhỏ và ngắn hơn dây thừng, dùng để buộc.

miệng cười, má căng mọng và hồng rực. Tiếng nói cười rộn rã, tiếng sáo, tiếng khèn diu dặt, tiếng còi xe thỉnh thoảng lại ré lên, tiếng trâu bò ậm ò,...

Chợ chia thành nhiều khu. Người ta mua bán đủ loại mặt hàng, phần nhiều là những sản vật núi rừng: những mớ rau tươi còn ướt sương, những giò phong lan rừng mộc mạc, khoẻ khoắn, những nhánh cây rừng khẳng khiu dùng làm thảo dược; những gùi mận, đào chín đỏ đầy ắp, ... Nếu đi qua dãy bán đồ ăn, bạn sẽ không cưỡng nổi ý muốn sà vào một hàng thắng cố⁽¹⁾. Chảo thắng cố to như cái thùng, luôn sôi sùng sục, nghi ngút khói, toả mùi thơm rất đặc biệt. Đây đó các cô các bà bán xôi ngũ sắc, mở chỗ xôi nóng hổi, lần lượt bóc xôi trắng, xôi tím, xôi vàng, ... vào những mảnh lá non rồi đưa cho khách với nụ cười tươi tắn. Đặc biệt, chợ dành hẳn một khu rất rộng để mua bán gia súc. Bầy trâu hung hăng như muốn giằng mình khỏi sợi dây thừng. Mấy chú bò thông thả, bình thản nằm nhai cỏ như chẳng quan tâm đến người mua kẻ bán. Lũ dê bị cột vào vách núi, thỉnh thoảng lại nhảy cẫng lên. Kẻ bán người mua, tiếng mặc cả, tiếng quát trâu bò ồn ã, vang động cả một góc chợ.

Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.

Tả hoạt động cụ thể của con người.

Chợ tan vào tầm quá trưa. Người đi chợ lại tản về các bản làng xa xôi, lòng thầm hẹn tuần sau xuống chợ.

Chợ phiên là nơi lưu giữ bản sắc văn hoá trong sinh hoạt cộng đồng các dân tộc thiểu số phía bắc Việt Nam. Bạn hãy đến đó một lần để cảm nhận vẻ đẹp và sự sống động của nó.

Thể hiện thái độ, suy nghĩ của người viết.

(Nhóm biên soạn)

⁽¹⁾ *Thắng cố*: món ăn của người Mông, thường nấu từ thịt và nội tạng ngựa, đựng trong một cái chảo lớn.

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn đề tài

Hãy nhớ lại những cảnh sinh hoạt để lại cho em ấn tượng sâu sắc hoặc khiến em nhận ra những ý nghĩa mới của cuộc sống. Có thể tham khảo một số đề tài sau:

- Cảnh chợ cá bên bờ biển
- Ngày tết Trung thu ở quê em
- Cảnh thu hoạch mùa màng
- Cảnh gói bánh chưng ngày Tết
- Cảnh một lễ hội của địa phương.

b. Tìm ý

Sau khi đã lựa chọn được đề tài, hãy tìm ý cho bài viết bằng các cách sau:

- Hình dung các chi tiết về cảnh sinh hoạt theo trí nhớ của em (viết ngắn gọn dưới hình thức cụm từ):
- Thời gian, địa điểm
- Quang cảnh chung và những hoạt động cụ thể
- Những người tham gia và hành động, lời nói của họ.
- Sưu tầm các tư liệu (vật dụng, tranh ảnh, vi-đi-ô cò-líp) liên quan đến cảnh sinh hoạt.

c. Lập dàn ý

Sắp xếp các ý đã tìm được cho bài viết thành một dàn ý như sau:

Dàn ý

1. Mở bài: Giới thiệu cảnh sinh hoạt.
2. Thân bài: Miêu tả cảnh sinh hoạt.
 - Tả bao quát khung cảnh và ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt.
 - Tả cụ thể cảnh sinh hoạt theo trình tự thời gian; hoạt động cụ thể của những người tham gia.
 - Thể hiện cảm xúc khi quan sát, chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt.
3. Kết bài: Nêu suy nghĩ, đánh giá của người viết.

Mục đích viết

Chia sẻ những quan sát và cảm nhận của em, giúp người đọc hình dung rõ về cảnh sinh hoạt.

Người đọc

Bạn bè, thầy cô và những người quan tâm, yêu thích cảnh sinh hoạt mà em miêu tả.

2. VIẾT BÀI

Khi viết bài, em cần lưu ý:

- Tả những gì em đã quan sát.

- Nên tả cụ thể hình dáng, màu sắc, âm thanh, mùi vị,... Chú ý dùng các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá để bài viết thêm sinh động.
- Sử dụng những từ ngữ thể hiện chân thực tình cảm, suy nghĩ của em.

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Hãy rà soát bài viết của em theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu cảnh sinh hoạt và tả quang cảnh chung.	Chỉnh sửa, bổ sung nếu bài viết chưa giới thiệu được cảnh sinh hoạt cần miêu tả và quang cảnh chung.
Tả hoạt động cụ thể của những người tham gia cảnh sinh hoạt. Cung cấp một số thông tin có liên quan đến cảnh sinh hoạt.	Bổ sung những chi tiết về các hoạt động cụ thể của những người tham gia cảnh sinh hoạt (nếu cần). Có thể thêm các thông tin về lịch sử, địa lí, văn hoá,... có liên quan đến cảnh sinh hoạt.
Sử dụng các từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.	Đánh dấu những từ ngữ miêu tả cảnh sinh hoạt. Nếu cần thiết, hãy bổ sung để cảnh sinh hoạt hiện ra một cách rõ nét, sinh động.
Thể hiện cảm nghĩ của bản thân về cảnh sinh hoạt.	Đánh dấu những từ ngữ thể hiện cảm nghĩ của bản thân đối với cảnh sinh hoạt. Nếu chưa có, hãy bổ sung.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... trong bài viết và chỉnh sửa (nếu có).

Nói và nghe

Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến

Hẳn là em có nhiều trải nghiệm thú vị về nơi mình sống hoặc từng đến thăm. Hãy chia sẻ những trải nghiệm ấy với mọi người để chúng ta có cơ hội làm giàu thêm đời sống tâm hồn của mình, mở mang hiểu biết và được truyền cảm hứng khám phá vẻ đẹp của cuộc sống xung quanh.

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

- Hãy nhớ lại những trải nghiệm về nơi em sống hoặc về một vùng đất mà em từng đến thăm. Chọn nói về một trải nghiệm để lại cho em nhiều ấn tượng và cảm xúc nhất.

Gợi ý: Em có thể kể về những điều đã thấy trên con đường tới trường hay những lần theo cha mẹ, ông bà ra đồng ruộng, lên nương rẫy, đi chợ phiên, dạo phố phường,... Có thể chia sẻ cảm nhận về một khung cảnh thiên nhiên hay một

cảnh sinh hoạt mà em trực tiếp quan sát hoặc tham gia nhân một lần về thăm quê hay một chuyến du lịch cùng với gia đình, một buổi tham quan cùng với lớp,... Có thể sử dụng một số chi tiết trong bài tả cảnh sinh hoạt đã thực hiện trong phần Viết để làm cho nội dung bài nói thêm phong phú.

- Viết ra giấy các ý chính của bài nói. Cần có nội dung giới thiệu hoàn cảnh dẫn đến trải nghiệm mà em muốn chia sẻ (đi tới trường, đi chợ hay dạo phố cùng người thân, về thăm quê hay đi du lịch cùng gia đình, đi tham quan cùng với lớp,...); tả khung cảnh mà em quan sát được (nhộn nhịp, rộn rã, náo nhiệt hay yên tĩnh, bình lặng, hoang sơ,...); nêu những trải nghiệm và ấn tượng nổi bật của em về khung cảnh nơi em nói đến.
- Chuẩn bị tranh ảnh, vi-đi-ô cò-líp,... liên quan đến trải nghiệm (nếu có).

b. Tập luyện

Tập trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân và nhờ họ nhận xét, góp ý. Tập luyện nhiều sẽ giúp em hoàn thiện bài nói và tự tin hơn khi trình bày trước lớp.

Mục đích nói

Chia sẻ trải nghiệm của bản thân về một vùng đất.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, người thân hoặc những người đang muốn đến thăm vùng đất mà em nói tới.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

- Trình bày bài nói một cách rõ ràng, nhấn mạnh những điểm quan trọng.
- Nêu câu hỏi để lôi cuốn người nghe tham gia tương tác.
- Có thể bày tỏ sự hào hứng khi tái hiện, kể về những cảnh, những sự việc mà em đã chứng kiến hoặc trực tiếp tham gia. Khi nói, có thể kết hợp sử dụng ngôn ngữ cơ thể (cử chỉ, biểu cảm của nét mặt) để thu hút sự chú ý của người nghe.
- Trong khi nói, có thể sử dụng những bức ảnh hay vi-đi-ô cò-líp minh hoạ vào thời điểm thích hợp.

3. SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
Cùng hình dung đặc điểm của sự vật, sự việc được người nói kể, tả, từ đó nêu ý kiến nhận xét hoặc cảm xúc của mình về bài nói.	Lắng nghe và phản hồi những chia sẻ của người nghe một cách tích cực.
Nêu câu hỏi về những điều cần làm rõ thêm: thông tin về lịch sử, địa lí, văn hoá có liên quan đến không gian được nói tới.	Giải thích những điều người nghe cần làm rõ.
Góp ý về cách trình bày (ngữ điệu, cách diễn đạt, sự tương tác với người nghe).	Cảm ơn và tiếp thu những góp ý với tinh thần cầu thị.

Củng cố, mở rộng

1. Kê bảng vào vở theo mẫu và điền các thông tin về hai văn bản *Cô Tô*, *Hang Én*.

	<i>Cô Tô</i>	<i>Hang Én</i>
Hành trình khám phá của người kể chuyện		
Những thông tin xác thực được ghi chép (địa danh, con người, số liệu,...)		
Những biện pháp nghệ thuật nổi bật		

2. Tìm đọc thêm các tác phẩm kí hoặc thơ viết về các vùng miền của đất nước. Chỉ ra một vài nét tương đồng và khác biệt của những tác phẩm đó với các tác phẩm đã học trong bài.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Những dấu hiệu cho thấy văn bản này thuộc tiểu loại du kí.
- Vẻ đẹp của tháp Khương Mỹ.
- Những thông tin hữu ích về lịch sử và văn hoá trong bài kí.

Ngàn năm tháp Khương Mỹ

LAM LINH

Trong suốt cuộc hành trình dài hơn 20 tháp lớn nhỏ, xa gần suốt dọc chiều dài gần nghìn cây số, tôi đặc biệt thích nhóm tháp Khương Mỹ. Thích không phải vì nó có giá trị lịch sử đặc biệt, không phải vì nó nằm ở một vị trí đẹp mắt. Đơn giản thích chỉ bởi vì cụm tháp này vẫn còn giữ được khá nguyên vẹn “nhan sắc” thuở sơ khai của nó vào hơn một nghìn năm về trước, chưa bị bàn tay con người đục chạm hay sửa sang như hầu hết các cụm tháp khác, một vẻ đẹp thách thức với thời gian.

Trời lất phất mưa khi chúng tôi tìm đường vào cụm tháp Khương Mỹ.

Di tích tháp Chăm⁽¹⁾ Khương Mỹ thuộc thôn 4, xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam được xây dựng vào cuối thế kỉ IX đầu thế kỉ X, bao gồm ba tháp: tháp Bắc, tháp Giữa, tháp Nam. Cụm tháp Khương Mỹ được công nhận là di tích quốc gia năm 1989.

Mưa đã dứt. Bước qua những thân cỏ rậm rạp và ướt đẫm nước mưa, tôi ghé thăm những ngọn tháp đang lấp lánh dưới ánh mặt trời. Nếu như trong mưa, những tháp cổ toát lên một vẻ đẹp lộng lẫy, trầm mặc, suy tư, u buồn thì trong nắng, vẻ đẹp của tháp được phô diễn bởi màu gạch nung óng ả nổi bật giữa trời xanh. Hơn một ngàn năm, trải qua bao thăng trầm của lịch sử, những ngọn tháp trở nên trầm tư, lặng lẽ, uy nghiêm.

Ba tháp được xếp theo trục bắc – nam, kiến trúc theo lối tháp Chăm truyền thống với mặt bằng gần vuông, cửa ra vào hướng đông, mái ba tầng. Cửa giả của các tầng tháp trang trí hình lá đề. Một số tác phẩm điêu khắc gắn vào chân tháp có hình chim thần Ga-ru-đa⁽²⁾ (Garuda), rắn Na-ga⁽³⁾ (Naga), người cưỡi voi, người cưỡi ngựa⁽⁴⁾,... Bên trong tháp trống trơn, chỉ có rêu xanh phủ đầy ở những nơi mà ánh sáng có thể lọt vào.

(1) *Tháp Chăm*: một dạng đền tháp thuộc kiến trúc quen thuộc của dân tộc Chăm (còn gọi là dân tộc Chăm, sinh sống chủ yếu ở vùng Nam Trung Bộ ngày nay).

(2), (3) *Chim thần Ga-ru-đa, rắn Na-ga*: những con vật trong truyền thuyết Ấn Độ giáo.

(4) *Người cưỡi voi, người cưỡi ngựa*: các họa tiết trang trí liên quan đến Ấn Độ giáo từng ảnh hưởng đến văn hoá Chăm.

Bức tường của tháp thứ hai là cả một tác phẩm nghệ thuật đồ sộ vẫn còn được giữ khá nguyên vẹn. Từ dưới chân tháp đến đỉnh tháp là hoa văn điêu khắc trực tiếp trên gạch với những nét uyển chuyển khó tin. Trải qua cả nghìn năm, những nét hoa văn vẫn duyên dáng lạ thường. Màu sắc thắm sau mưa của gạch càng làm hoa văn thêm sắc nét. Mảng gạch lộ ra ngoài giúp ta có thể nhìn thấy được những viên gạch với mối nối đặc biệt. Cách xây dựng các tháp Chăm vẫn khiến các nhà khoa học đau đầu. Người Chăm cổ đã xây dựng nên những toà tháp bằng cách nào? Những viên gạch được mài phẳng rồi xếp lên nhau vừa khít, được gắn bởi một loại keo dán đặc biệt hay họ đã xếp gạch chưa nung thành toà tháp rồi nung lên cho chúng gắn kết tự nhiên trong quá trình nung? Chưa ai trả lời được câu hỏi đó.

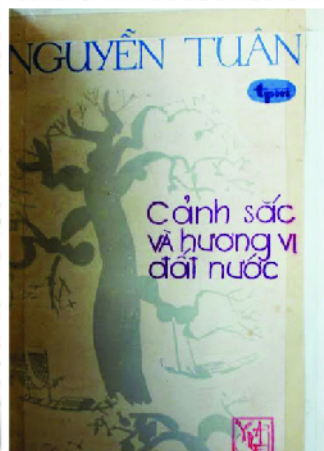
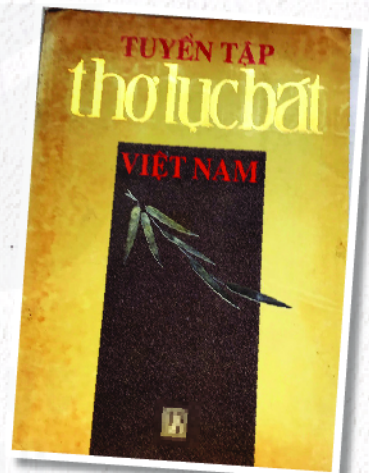
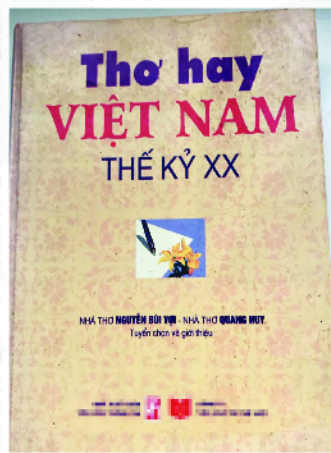
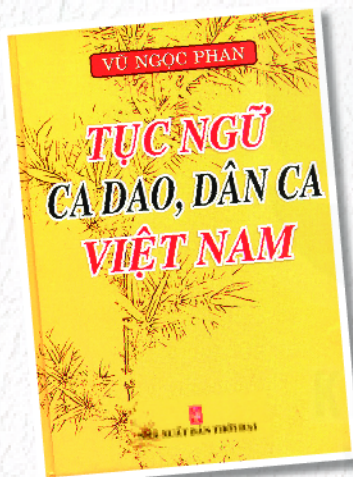
Xung quanh chân tháp, tôi vô cùng thích thú với những mảng điêu khắc có hình các chú khỉ đáng yêu đang bận rộn, mỗi chú một việc. Những tượng khỉ này có lẽ liên quan đến trường ca *Ra-mai-a-na (Ramayana)*, một pho sử thi nổi tiếng của Ấn Độ. Vài chú khỉ đội hành lí lên đầu, có lẽ chúng đang lội nước. Có cảnh khá tình nghịch diễn tả khỉ bị rùa cắn, có cảnh diễn tả sự mệt mỏi của các chú khỉ với cái lưng còng xuống, hai tay ôm bầu nước, có cảnh ba chú khỉ đang đánh trống, nhảy múa...

Tháp Chăm Khương Mỹ để lại cho tôi ấn tượng đặc biệt bởi những hoa văn điêu khắc tinh xảo. Tiếc là những tháp Chăm còn giữ lại những vẻ đẹp như thế này không nhiều, nếu không nói là đến hôm nay chỉ còn duy nhất tháp Khương Mỹ. Rời tháp Chăm Khương Mỹ khi trời đã về chiều, tôi và cô bạn không khỏi nuối tiếc vì vẫn muốn đắm mình lâu hơn nữa với những ngọn tháp cổ, để được cảm nhận sâu hơn nữa những giá trị văn hoá mà tháp Chăm đem lại cho con người hôm nay.

(Theo Lam Linh, *Yếm đào du kí, Phụ nữ và những chuyến đi*, NXB Phụ nữ & An-pha-bút (Alphabooks), Hà Nội, 2017, tr. 286 – 293)

ĐỌC MỞ RỘNG

- Tìm đọc một số bài thơ lục bát và bài du kí về quê hương đất nước.
- Trao đổi với các bạn về:
 - ✓ Chủ đề của các tác phẩm mà em đã đọc.
 - ✓ Số tiếng, số dòng, vần, nhịp và những nét độc đáo trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ của các bài thơ lục bát.
 - ✓ Hình thức ghi chép, cách kể sự việc của các bài du kí.
- Đọc diễn cảm một bài thơ lục bát hoặc một đoạn văn trong một bài du kí.
- Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ mà em yêu thích.



ÔN TẬP HỌC KÌ I

A. HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

1. Trong học kì I, em đã học các bài: *Tôi và các bạn*, *Gõ cửa trái tim*, *Yêu thương và chia sẻ*, *Quê hương yêu dấu*, *Những nẻo đường xứ sở*. Hãy chọn mỗi bài một văn bản và lập bảng theo mẫu sau:

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật	
				Nghệ thuật	Nội dung

2. Em đã thực hành viết các kiểu bài: kể lại một trải nghiệm của bản thân, nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả, tập làm thơ lục bát, tả cảnh sinh hoạt. Hãy thực hiện những yêu cầu sau đây:
- Trình bày yêu cầu đối với mỗi kiểu bài.
 - Nêu đề tài mà em lựa chọn nếu thực hành viết một trong các kiểu bài.
3. Nhắc lại những nội dung mà em đã thực hành nói và nghe ở mỗi bài trong học kì vừa qua. Những nội dung đó có liên quan như thế nào với những gì đã đọc hay đã viết?
4. Tóm tắt các kiến thức tiếng Việt đã học theo mẫu gợi ý sau:

Bài	Hiện tượng, đơn vị ngôn ngữ	Khái niệm	Ví dụ minh họa

B. LUYỆN TẬP

1. ĐỌC

a. Đọc đoạn trích

[...] Tôi là đứa con bé nhất của mẹ Dẻ Gai trong rừng già, trên sườn núi cao cheo leo.

Mùa xuân đến, từ trên cánh tay và mái tóc của mẹ, từng nụ hoa dẻ nhú ra như quả cầu xanh có tua gai nhỏ. Rồi hoa lớn dần thành những trái dẻ xù xì gai góc. Anh chị em chúng tôi ra đời như thế đó.

Chúng tôi lớn lên trong mùa hè nắng lửa, mưa giông. Những cơn mưa ào đến gội ướt đầm tóc mẹ và tắm mát cho chúng tôi. Nắng làm bỏng rát cả làn da và mái tóc của mẹ.

Khi thu về, trái dẻ khô đi, lớp áo gai đã chuyển sang màu vàng cháy. Hạt dẻ căng tròn làm nứt bung cả tấm áo gai xù bông đã quá chật chội.

[...] Tôi vẫn nằm im trong lớp áo gai xù bông, nép vào một cánh tay của mẹ. Tôi chẳng muốn chui khỏi tấm áo ấm áp, an toàn đó chút nào.

Nhưng rồi những ngày thu mơ mộng cũng trôi qua.

Gió lạnh buốt bắt đầu thổi ù ù qua khu rừng. Gió vụn vụn những cánh tay dẻo dai của mẹ. Gió lay giật tấm thân vững chãi của mẹ. Nhưng mẹ vẫn bền gan đứng trên sườn núi cheo leo.

[...] Khi mùa đông đến, tôi cứ thu mình mãi trong tấm áo gai xù bông ấm áp của họ nhà dẻ gai và nép mãi vào tay mẹ, tóc mẹ. Tôi sợ phải xa mẹ, sợ phải tự sống một mình. Tôi sợ những gì lạ lẫm trong rừng già. Nhưng tôi nghe tiếng mẹ thì thầm:

– Bé Út của mẹ, con nhỏ nhất nhà so với các anh chị nhưng con cũng đã lớn rồi đấy. Con là một bé dẻ gai rất khỏe mạnh. Hãy dũng cảm lên nào, con sẽ bay theo gió và sẽ trở thành một cây dẻ cường tráng trong cánh rừng này nhé!

Tôi cố quấy mình... Tấm áo gai dày và ấm bắt chột bung ra. Và tôi nhìn rõ cả cánh rừng già, cả sườn núi cao, cả bầu trời mây gió lồng lộng ào ạt trôi trên đầu mẹ. Hoá ra tôi là trái dẻ cuối cùng đang nép trên cánh tay vươn cao nhất của mẹ. Mẹ đưa tay theo chiều gió và thì thầm với riêng tôi: “Tạm biệt con yêu quý,

hạt dẻ bé bỏng nhất của mẹ. Dù thế nào con cũng sẽ lớn lên, hãy dũng cảm và đón nhận cuộc sống mới nhé!”.

Tôi bỗng thấy mình bay nhẹ theo làn gió, tung mình vào khoảng không bao la rồi rơi êm xuống thảm lá ẩm sục của rừng già... “Tạm biệt mẹ! Con yêu mẹ!” – tôi gọi với theo gió trước khi chìm vào giấc ngủ đông ấm áp. Và tôi mơ...

(Trích *Câu chuyện của hạt dẻ gai*, Phương Thanh Trang,
Văn học và tuổi trẻ, số 12 (465)/ 2020)

b. Chọn câu trả lời đúng

Câu 1. Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào?

- A. Mẹ Dẻ Gai
- B. Một cây dẻ trong rừng già
- C. Một nhân vật trong câu chuyện
- D. Nhân vật “tôi” – đứa con bé nhất của mẹ Dẻ Gai

Câu 2. Từ “chúng tôi” trong câu chuyện được dùng để chỉ những nhân vật nào?

- A. Mẹ, hạt dẻ gai và các anh chị em
- B. Nhân vật “tôi” và các anh chị em
- C. Nhân vật “tôi” và các bạn trong rừng già
- D. Những hạt dẻ gai trong rừng già

Câu 3. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu: “Và tôi nhìn rõ cả cánh rừng già, cả sườn núi cao, cả bầu trời mây gió lồng lộng ào ạt trôi trên đầu mẹ”?

- A. Ẩn dụ
- B. Điệp ngữ
- C. Hoán dụ
- D. So sánh

Câu 4. Vì sao khi mùa đông đến, “tôi” cứ mãi thu mình trong tấm áo gai xù bông ấm áp?

- A. Vì “tôi” nhỏ nhất nhà và chưa đủ lớn.
- B. Vì “tôi” rất thích tấm áo gai xù bông ấm áp.

C. Vì “tôi” sợ gió lạnh, sợ mùa đông đến.

D. Vì “tôi” sợ xa mẹ, sợ tự lập và những gì lạ lẫm.

c. Thực hiện bài tập

Câu 5. Nhân vật “tôi” thể hiện được những đặc điểm gì của nhân vật trong truyện đồng thoại?

Câu 6. Hãy tìm ba từ mà em cho là phù hợp để nêu bật đặc điểm của nhân vật “tôi”.

Câu 7. Nêu bài học cuộc sống mà em có thể rút ra từ câu chuyện của hạt dẻ gai trong đoạn trích.

2. VIẾT

Chọn một trong hai đề sau:

Đề 1. Em hãy tưởng tượng những điều hạt dẻ gai gặp trong giấc mơ và sau giấc ngủ đông ấm áp. Hãy giúp bạn ấy kể tiếp câu chuyện của mình trong rừng già theo cách của em.

Đề 2. Những trải nghiệm của nhân vật “tôi” trong đoạn trích có thể gợi liên tưởng đến điều gì trong cuộc sống của em? Hãy chia sẻ điều đó với mọi người.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

PHỤ LỤC 1

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Bài
1	(biện pháp tu từ) ẩn dụ	2, 4, 5
2	biện pháp nghệ thuật	5
3	biện pháp tu từ	1, 2, 4, 5
4	ca dao	4
5	chủ đề	4, 5
6	cốt truyện	1
7	cụm danh từ	3
8	cụm động từ	3
9	cụm tính từ	3
10	cụm từ	3, 5
11	dấu câu	5
12	dấu ngoặc kép	5
13	dị bản	4
14	du kí	5
15	đặc điểm nhân vật	1, 3
16	đề tài	1, 2, 3, 4, 5
17	điệp ngữ	2
18	điệp từ	2
19	(lời) độc thoại	1, 3
20	(lời) đối thoại	1, 3
21	gieo vần	4
22	hành động (của nhân vật)	1, 2, 3
23	hình ảnh	1, 2, 3, 4, 5
24	(biện pháp tu từ) hoán dụ	4
25	kí	5
26	lời đối thoại	1, 3
27	lời người kể (chuyện)	1
28	lời nhân vật	1
29	lời nói	1, 2, 3, 5
30	lời nói trực tiếp	1, 2
31	lời thơ	4
32	lục bát biến thể	4
33	miêu tả	1, 2, 3, 4, 5
34	mục đích nói	1, 2, 3, 4, 5
35	mục đích viết	1, 2, 3, 4, 5
36	ngắt nhịp	4

37	ngoại hình nhân vật	1, 3
38	ngôn ngữ thơ	2
39	người kể chuyện	1, 2, 3, 5
40	người kể chuyện ngôi thứ ba	1, 3
41	người kể chuyện ngôi thứ nhất	1, 5
42	nhạc điệu	2, 4
43	(biện pháp tu từ) nhân hoá	1, 5
44	nhân vật	1, 2, 3
45	nhịp (điệu)	2, 4
46	nhịp thơ	2, 4
47	nội dung nói	1, 2, 3, 4, 5
48	(biện pháp tu từ) so sánh	2, 5
49	(chuỗi) sự kiện	1, 3
50	thanh điệu	4
51	thành ngữ	1, 4
52	thành phần chính của câu	3
53	thế giới nội tâm (của nhân vật)	3
54	thể loại	1, 3, 5
55	thể thơ	2, 4
56	thể thơ lục bát	4
57	thơ	1, 2, 3, 4, 5
58	thơ lục bát	4
59	truyện	1, 2
60	truyện đồng thoại	1
61	truyện kể	1, 2, 3
62	trữ tình	4
63	từ đa nghĩa	4
64	từ đồng âm	4
65	từ đơn	1
66	từ ghép	1
67	từ láy	1
68	từ phức	1
69	văn bản	1, 2, 3, 4, 5
70	vần (điệu)	2
71	vần thơ	2, 4

PHỤ LỤC 2

GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Giải thích
1	ẩn dụ	biện pháp tu từ lấy tên gọi của sự vật, hiện tượng này để chỉ sự vật, hiện tượng khác dựa trên đặc điểm tương đồng để (giống nhau) giữa các sự vật, hiện tượng
2	ca dao	những bài thơ trữ tình dân gian, thường là phần lời của những bài dân ca
3	cốt truyện	câu chuyện được kể tóm lược dựa trên chuỗi sự kiện quan trọng, thường sắp xếp theo trình tự thời gian
4	cụm danh từ	cụm từ có danh từ làm trung tâm
5	cụm động từ	cụm từ có động từ làm trung tâm
6	cụm tính từ	cụm từ có tính từ làm trung tâm
7	du kí	thể loại kí ghi chép sự việc qua những chuyến đi
8	đặc điểm nhân vật	tổng hợp những nét chính của nhân vật trong tác phẩm, được biểu hiện thông qua hình dáng, hành động, ngôn ngữ,...
9	hoán dụ	biện pháp tu từ dùng từ ngữ chỉ sự vật, hiện tượng này để gọi tên sự vật, hiện tượng khác dựa trên quan hệ tương cận (gần nhau) của các sự vật, hiện tượng: bộ phận – toàn thể, vật chứa – vật được chứa, công cụ – nghề nghiệp,...
10	kí	thể loại văn học chú trọng ghi chép sự thực
11	lời độc thoại	lời của nhân vật hoặc một người tự nói với chính mình (nghĩ trong đầu hoặc nói thành tiếng)
12	lời nhân vật	lời nói của nhân vật trong tác phẩm, có thể là đối thoại hoặc độc thoại
13	lời người kể (chuyện)	lời của nhân vật được tác giả giao vai trò kể, dẫn dắt câu chuyện
14	(thơ) lục bát	thể thơ 6/8, được sắp xếp thành từng cặp: một dòng sáu tiếng (câu lục) và một dòng tám tiếng (câu bát)
15	lục bát biến thể	một dạng của thể thơ lục bát, có biến đổi ít nhiều về số tiếng, vị trí gieo vần và cách ngắt nhịp

16	người kể chuyện	nhân vật do tác giả sáng tạo ra để kể câu chuyện (có thể xuất hiện trực tiếp hoặc ẩn mình trong tác phẩm)
17	nhân vật	hình tượng được nhà văn sáng tạo trong tác phẩm, có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,...
18	thơ	một thể loại văn học có cách tổ chức ngôn ngữ khác với ngôn ngữ giao tiếp thông thường, có quy định riêng về vần điệu, nhịp điệu, số tiếng trong câu, số câu trong bài,...
19	truyện đồng thoại	truyện sáng tác cho trẻ em, nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hoá
20	từ đồng âm	các từ có hình thức âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau
21	từ đơn	từ được cấu tạo bởi một tiếng
22	từ ghép	một loại từ phức, được cấu tạo bởi các tiếng có mối quan hệ về nghĩa
23	từ láy	một loại từ phức, được cấu tạo bởi các tiếng có mối quan hệ về âm thanh
24	từ phức	từ được cấu tạo bởi hai hoặc nhiều hơn hai tiếng

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: TRẦN MAI THANH HẰNG – THÂN THUỖ TRANG

Biên tập mỹ thuật: NGUYỄN BÍCH LA

Thiết kế sách: PHAN THỊ THANH HOA

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Minh họa: BÙI VIỆT DUY

Sửa bản in: TRỊNH ĐÌNH DỰNG

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2020) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGŨ VĂN 6 - TẬP MỘT

Mã số: ...

In ... bản, (QĐ 01) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: ...

Địa chỉ: ...

Số ĐKXB: .../CXBIPH/.../GD.

Số QĐXB: .../QĐ-GD - HN ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: ...



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ NGÂN HOA (Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG - PHẠM ĐẶNG XUÂN HƯƠNG
ĐẶNG LƯU - NGUYỄN THANH TÙNG

NGŨ VĂN

6

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang		
Bài 6. Chuyện kể về những người anh hùng	4	<i>Vua chích choè</i>	42
Đọc	5	Viết	48
<i>Thánh Gióng</i>	6	Viết bài văn nhập vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích	48
Thực hành tiếng Việt	12	Nói và nghe	53
<i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i>	13	Kể lại một truyện cổ tích qua lời một nhân vật	53
Thực hành tiếng Việt	16	Củng cố, mở rộng	55
<i>Ai ơi mồng chín tháng tư</i>	17	Thực hành đọc	55
Viết	19	Đọc mở rộng	59
Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện	19	Bài 8. Khác biệt và gần gũi	60
Nói và nghe	23	Đọc	61
Kể lại một truyền thuyết	23	<i>Xem người ta kia! (Lạc Thanh)</i>	62
Củng cố, mở rộng	25	Thực hành tiếng Việt	66
Thực hành đọc	25	<i>Tiếng cười không muốn nghe (Minh Đăng)</i>	67
Bài 7. Thế giới cổ tích	28	Thực hành tiếng Việt	72
Đọc	29	<i>Bài tập làm văn (trích Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể, Rơ-nê Gô-xi-nhi và Giăng-giắc Xăng-pê)</i>	73
<i>Thạch Sanh</i>	30	Viết	77
Thực hành tiếng Việt	35	Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm	78
<i>Cây khế</i>	37		
Thực hành tiếng Việt	41		

Nói và nghe	80
Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm	80
Củng cố, mở rộng	82
Thực hành đọc	83
Bài 9. Trái Đất – ngôi nhà chung	87
Đọc	88
<i>Trái Đất – cái nôi của sự sống</i> (Hồ Thanh Trang)	89
Thực hành tiếng Việt	94
<i>Các loài chung sống với nhau như thế nào?</i> (Ngọc Phú)	95
Thực hành tiếng Việt	99
<i>Trái Đất</i> (Ra-xun Gam-da-tốp)	100
Viết	101
Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận	101
Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản	104
Nói và nghe	106
Trình bày ý kiến về một vấn đề môi trường	106
Củng cố, mở rộng	108
Thực hành đọc	109
Đọc mở rộng	112

Bài 10. Cuốn sách tôi yêu	113
Thách thức đầu tiên: Mỗi ngày một cuốn sách	115
Hoạt động 1: Sách hay chung đọc	115
Hoạt động 2: Cuốn sách yêu thích	115
Hoạt động 3: Gặp gỡ tác giả	116
Hoạt động 4: Phiêu lưu cùng trang sách	118
Thách thức thứ hai: Sáng tạo cùng tác giả	119
Giới thiệu về một nhân vật trong cuốn sách yêu thích	119
Sáng tạo sản phẩm nghệ thuật	121
Dựng hoạt cảnh để biểu diễn	122
Về đích: Ngày hội với sách	123
ÔN TẬP HỌC KÌ II	124
Phụ lục 1: Bảng tra cứu thuật ngữ	128
Phụ lục 2: Giải thích một số thuật ngữ	130
Phụ lục 3: Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt	132

CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG

*Và con phải kể cho con của con nghe
những truyền thuyết mà mẹ đã kể cho con – giống như
bà đã kể cho mẹ và bà cố đã kể cho bà...*

Bét-ti Xmit (Betty Smith)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Cộng đồng hình thành và phát triển được là nhờ sự đóng góp của các cá nhân, trong đó có những con người kiệt xuất. Họ có những cống hiến lớn lao cho cộng đồng không chỉ do năng lực của bản thân mà còn do được sinh trưởng trong lòng cộng đồng, nhận được sự trợ giúp tích cực của cộng đồng. Đó chính là những người anh hùng.
- Trong bài học về truyền thuyết này, em sẽ được gặp những nhân vật anh hùng huyền thoại – những “tượng đài” mang sức mạnh và ý chí của tập thể được lưu giữ trong kí ức cộng đồng qua nhiều thế hệ.



Gióng, tranh sơn mài của Nguyễn Tư Nghiêm

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo.
- Nhận biết được văn bản thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai văn bản theo trật tự thời gian.
- Bước đầu biết viết văn bản thông tin thuật lại một sự kiện.
- Biết kể lại một truyện truyền thuyết.
- Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyện truyền thuyết

- Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử thông qua sự tưởng tượng, hư cấu.

Thế giới nghệ thuật của truyện truyền thuyết

- Truyện truyền thuyết thường kể lại cuộc đời và chiến công của nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc các phong tục, sản vật địa phương theo quan điểm của tác giả dân gian.
- Truyền thuyết được kể theo mạch tuyến tính. Nội dung thường gồm ba phần gắn với cuộc đời của nhân vật chính: hoàn cảnh xuất hiện và thân thế; chiến công phi thường; kết cục.
- Nhân vật chính của truyện truyền thuyết là những người anh hùng. Họ thường phải đối mặt với những thử thách to lớn, cũng là thử thách của cả cộng đồng. Họ lập nên những chiến công phi thường nhờ có tài năng xuất chúng và sự hỗ trợ của cộng đồng.
- Lời kể của truyện truyền thuyết cô đọng, mang sắc thái trang trọng, ngợi ca, có sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật nhằm gây ấn tượng về tính xác thực của câu chuyện.
- Yếu tố kì ảo (lạ, không có thật) xuất hiện đậm nét ở tất cả các phần nhằm tôn vinh, lí tưởng hoá nhân vật và chiến công của họ.

Văn bản thông tin thuật lại một sự kiện

- Văn bản thông tin là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin.
- Văn bản thông tin thuật lại một sự kiện dùng để trình bày những gì mà người viết chứng kiến hoặc tham gia. Diễn biến của sự kiện thường được sắp xếp theo trình tự thời gian.

Dấu chấm phẩy

- Dấu chấm phẩy thường được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp.

VĂN BẢN ĐỌC

- *Thánh Gióng*
- *Sơn Tinh, Thủy Tinh*
- *Ai ơi mồng chín tháng tư, Anh Thư*

Thánh Gióng⁽¹⁾

Trước khi đọc

Anh hùng là những người được ngưỡng mộ vì những phẩm chất cao quý hay thành tích phi thường. Họ có thể là những người nổi tiếng hoặc là những người bình thường sống xung quanh ta.

1. Đối với em, ai là người anh hùng? Người đó có những phẩm chất và thành tích gì khiến em ngưỡng mộ?
2. Thiết kế bản giới thiệu ngắn về một người anh hùng với các nội dung: tên, phẩm chất, chiến công. Trang trí bản giới thiệu bằng các hình ảnh phù hợp và sử dụng bản giới thiệu để nói về người anh hùng.

Đọc văn bản

Vào thời Hùng Vương⁽²⁾ có một người đàn bà đã nhiều tuổi nhưng sống một thân một mình. Một hôm sáng dậy bà đi thăm nương, bỗng nhìn thấy

(1) *Giống*: còn có cách viết là “Dống”.

(2) *Hùng Vương*: vua Hùng.

một vết chân giẫm nát cả mấy luống cà. Bà kinh ngạc kêu lên:

– Ôi! Bàn chân ai mà to thế này!

HÌNH DUNG Hình dáng, sức mạnh của chủ nhân vết chân to lớn ấy.

Bỗng bà cảm thấy rung mình khi đưa bàn chân ướm thử vào dấu chân lạ. Từ đó bà có mang. Đủ ngày tháng, bà sinh được một đứa con trai bụ bẫm, đặt tên là Gióng. Nhưng thằng bé lên ba tuổi rồi mà vẫn nằm ngửa đòi ăn, không biết ngồi biết lẫy, cũng không biết nói biết cười gì cả.

Ngày ấy có giặc Ân⁽¹⁾ kéo vào cướp nước ta. Giặc Ân rất hung hăng tàn ác, cầm đầu là một viên tướng tên gọi Ân Vương, hình dung cổ quái dữ tợn. Chúng nó đi đến đâu là đốt phá nhà cửa, giết người cướp của đến đấy. Quân đội Hùng Vương nhiều phen xuất trận, nhưng đánh không nổi. Vua Hùng lấy làm lo lắng vội phái sứ giả⁽²⁾ đi khắp nơi trong nước tìm bậc tướng tài để giúp vua cứu nước.

Một hôm sứ giả đi đến làng chú bé Gióng. Nghe tiếng loa rao nói đến việc nhà vua cầu người tài, bà mẹ Gióng đang ru con, liền bảo đùa con rằng:

– Con ơi! Con của mẹ chậm đi chậm nói làm vậy, thì biết bao giờ mới đi đánh giặc giúp vua được đây?

Không ngờ Gióng nhìn mẹ mở miệng bật lên thành tiếng:

– Mẹ cho gọi sứ giả vào đây cho con!

Nói xong lại im bặt. Bà mẹ vừa mừng vừa sợ, vội đi kể chuyện với xóm giềng. Mọi người đổ tới, ai nấy cho là một sự lạ. Sau cùng một người nói:

– Ta cứ đi mời sứ giả đến xem thử nó muốn cái gì.

Khi sứ giả của nhà vua bước vào nhà nhìn thấy chú bé Gióng liền hỏi rằng:

– Mày là đứa trẻ lên ba mới học nói, mày định mời ta đến để làm gì?

(1) Ân: tên một triều đại trong lịch sử Trung Quốc (còn gọi là Thương, Ân Thương). Ở đây chỉ giặc phương Bắc.

(2) Sứ giả: người được vua phái đi giao thiệp với nước ngoài hoặc kết nối thông tin giữa triều đình và các địa phương trong nước.

Gióng trả lời rất chững chạc:

– Về bảo với vua rèn cho ta một con ngựa sắt, một thanh gươm sắt, một giáp⁽¹⁾ sắt và một nón sắt, ta sẽ đánh đuổi giặc dữ cho!

Ai nấy đứng nghe khôn xiết⁽²⁾ lạ lùng. Cho là thần nhân xuất hiện, sứ giả lập tức phi ngựa về tâu⁽³⁾ vua. Nghe nói, Hùng Vương mừng rỡ liền ra lệnh cho thợ rèn gọt tất cả sắt lại rèn ngựa, gươm, áo giáp và nón như lời xin của chú bé. Mọi thứ rèn xong nặng không thể tưởng tượng nổi. Hàng chục người mót vào mà thanh gươm không nhúc nhích. Vua Hùng phải cho hàng ngàn quân sĩ tìm mọi cách chở đến cho chú bé Gióng.

Khi được tin quân sĩ khiêng ngựa sắt sắp đến làng, mẹ Gióng sợ hãi chạy về bảo con:

– Con ơi! Việc nhà vua đâu phải là chuyện chơi. Hiện quân sĩ đang kéo đến ầm ầm ngoài bãi, biết làm thế nào bây giờ?

Nghe nói thế, Gióng vụt ngồi dậy, nói:

– Việc đánh giặc thì mẹ đừng lo. Nhưng mẹ phải cho con ăn thật nhiều mới được!

Mẹ vội thổi cơm cho con ăn, nhưng nấu lên được nồi nào Gióng ngốn⁽⁴⁾ hết ngay nồi ấy. Mỗi lần ăn một nồi cơm thì Gióng lại lớn thêm một ít và đòi ăn thêm. Mẹ càng cho con ăn thì con lại càng lớn như thổi, bỗng chốc đã thành một chàng thanh niên khoẻ mạnh. Hết gạo, bà mẹ đi kêu gọi xóm làng. Mọi người nô nức đem gạo khoai, trâu rượu, hoa quả, bánh trái đến đầy một sân. Nhưng đưa đến bao nhiêu, Gióng ăn vội hết bấy nhiêu, mà vẫn đòi ăn không nghỉ.

Sau đó, Gióng lại bảo tiếp:

– Mẹ kiếm vải cho con mặc.

Người ta lại đua nhau mang vải lụa tới may áo quần cho Gióng mặc. Nhưng thân thể Gióng lớn vượt một cách kì lạ, áo quần vừa may xong

THEO DÕI Lời của một “đứa trẻ lên ba mới học nói” có gì đặc biệt?

SUY LUẬN Vì sao người mẹ sợ hãi khi quân sĩ khiêng ngựa sắt sắp đến làng?

(1) *Giáp*: bộ đồ mặc ngoài được làm bằng chất liệu bền chắc (da thú, kim loại,...) thường được người ta dùng trong chiến trận, có khả năng chống được các loại binh khí, sự tấn công từ bên ngoài.

(2) *Khôn xiết*: không thể kể hết.

(3) *Tâu*: chỉ việc bề tôi nói với vua (thời xưa).

(4) *Ngốn*: ăn rất nhanh và nhiều.



đã thấy chật, thấy ngán, lại phải mang vải lụa tới để chắp nối thêm. Không mấy chốc đầu Gióng đã chạm nóc nhà. Ai nấy chưa hết kinh ngạc thì vừa lúc quân sĩ đã hì hục khiêng được ngựa, gươm, áo giáp và nón sắt tới. Gióng bước ra khỏi nhà vươn vai một cái, người bỗng cao to sừng sững, chân dài hơn trượng⁽¹⁾, hét lên một tiếng như tiếng sấm:

– Ta là tướng nhà Trời!

Thế rồi Gióng mặc giáp sắt, đội nón sắt, tay cầm gươm múa quanh mấy vòng. Đoạn từ biệt mẹ và dân làng, nhảy lên lưng ngựa. Ngựa sắt bỗng chồm lên, phun thẳng ra đằng trước một luồng lửa đỏ rực. Gióng thúc chân, ngựa phi như bay, sải từng bước dài hàng chục con sào, rung chuyển cả trời đất. Chỉ trong chớp mắt, ngựa đã xông đến đồn trại giặc bấy giờ đang đóng la liệt cả mấy khu rừng. Lưỡi gươm của Gióng vung lên loang loáng như chớp giật. Quân giặc xông ra chùng nào chết chừng ấy. Ngựa thét ra lửa thiêu cháy từng dãy đồn trại, lửa thiêu luôn cả mấy khu rừng. Khói bụi mịt mù, tiếng la hét kêu khóc như rì.

Nhưng tướng giặc Ân Vương vẫn cố gào thét hô quân xáp tới, Gióng càng đánh càng khoẻ, thầy giặc nằm ngổn ngang đầy rừng. Bỗng chốc gươm gãy⁽²⁾. Không bối rối, Gióng thuận tay nhổ những bụi tre hai bên đường quật tới tấp

HÌNH DUNG Tốc độ lớn lên của Gióng.

(1) *Trượng*: đơn vị đo độ dài (khoảng 3,33 m).

(2) Theo một dị bản khác, Gióng đã bỏ khúc roi gãy ở làng Cáo hay làng Xuân Tảo (nay là phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội), sau đó xuống Hồ Tây tắm mát rồi về Sóc Sơn. Ở Xuân Tảo hiện nay vẫn còn đền thờ Thánh Gióng.



vào các toán giặc đang cố gắng trụ lại theo lệnh chủ tướng. Chẳng mấy chốc quân giặc đã tẩu tán khắp nơi, Ân Vương bị quật chết tan xác. Bọn tàn binh giặc lạy lục xin hàng. Quân đội của Hùng Vương cũng như dân các làng chỉ còn việc xông ra trời nghiêng chúng lại. Không đầy một buổi, Gióng đã trừ xong nạn nước. Lúc bấy giờ ngựa Gióng đã tiến đến chân núi Sóc Sơn⁽¹⁾. Đến đây, Gióng bèn cởi giáp bỏ nón lại, rồi cả người lẫn ngựa bay thẳng lên trời.

Sau khi thắng trận, để nhớ ơn người anh hùng, vua Hùng sai lập đền thờ Gióng ở làng quê, phong làm Phù Đổng Thiên Vương.

Ngày nay chúng ta còn thấy dấu vết những dây ao tròn nối nhau kéo dài suốt từ Kim Anh, Đa Phúc⁽²⁾ cho đến Sóc Sơn, người ta bảo đó là những vết chân ngựa của Thánh Gióng. Khu rừng bị ngựa sắt phun lửa thiêu cháy nay còn mang cái tên là làng Cháy.

Những cây tre mà Gióng nhổ quật vào giặc bị lửa đốt màu xanh ngả thành màu vàng và có những vết cháy lốm đốm, ngày nay giống ấy vẫn còn, người ta gọi là tre la ngà (hay đằng ngà).

HÌNH DUNG Những dây ao tròn nối nhau kéo dài và những bụi tre ngà.

(Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*⁽³⁾, tập 1, NXB Giáo dục, 2000, tr. 972 – 975)

(1) *Núi Sóc Sơn*: dãy núi Phù Mã, nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Tương truyền, Thánh Gióng bay lên trời từ đỉnh Vây Rồng. Cây mà Thánh Gióng vắt áo lên được gọi là cây Dịch Phục (cởi áo).

(2) *Kim Anh, Đa Phúc*: tên huyện cũ, sau hợp nhất thành huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

(3) Trong sách này, Nguyễn Đồng Chi sưu tầm và kể lại cả truyện cổ tích lẫn truyền thuyết.

Sau khi đọc



Tượng đài Thánh Gióng
ở Sóc Sơn, Hà Nội

Em có biết?

- Truyện *Thánh Gióng* được lưu hành rộng rãi ở nước ta (đặc biệt là ở miền Bắc) từ nhiều thế kỉ nay với một số dị bản. Văn bản truyện *Thánh Gióng* trên đây chỉ là một trong số các dị bản đó.
- Thánh Gióng được thờ ở nhiều nơi, trong đó nổi tiếng nhất là ở làng Phù Đổng (xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội); thôn Vệ Linh (xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội); làng Xuân Tảo (nay là phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội).

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nêu thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu chuyện.
2. Gióng đã ra đời một cách kì lạ như thế nào?
3. Chỉ ra ý nghĩa của các chi tiết sau:
 - a. Câu nói của Gióng: “Về bảo với vua rèn cho ta một con ngựa sắt, một thanh gươm sắt, một giáp sắt và một nón sắt, ta sẽ đánh đuổi giặc dữ cho!”.
 - b. Bà con hàng xóm vui lòng góp gạo, thổi cơm cho Gióng ăn, may quần áo cho Gióng mặc.
 - c. Gióng vươn vai trở thành một tráng sĩ khổng lồ.
 - d. Ngựa sắt phun ra lửa, gươm sắt loang loáng như chớp giật và bụi tre hai bên đường đã hỗ trợ Gióng trong quá trình đánh giặc.
 - e. Gióng đánh giặc xong, cởi giáp bỏ nón lại và bay thẳng lên trời.
4. Chiến công phi thường mà Gióng đã làm nên là gì? Em hãy nêu ý nghĩa của hình tượng Gióng.
5. Theo em, chủ đề của truyện *Thánh Gióng* là gì?
6. Lời kể nào trong truyện *Thánh Gióng* hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ? Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó.

Viết kết nối với đọc

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một hình ảnh hay hành động của Gióng đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

1. *Giả* trong *sứ giả* có nghĩa là *người, kẻ*. Hãy tìm một số từ có yếu tố *giả* được dùng theo nghĩa như vậy và giải thích nghĩa của những từ đó.
2. Trong truyện *Thánh Gióng* (Nguyễn Đồng Chi kể) có nhiều cụm từ chỉ đặc điểm của sự vật như: ***nặng không thể tưởng tượng nổi*** (miêu tả ngựa sắt và những vật dụng được rèn cho Gióng), ***cao to sừng sững*** (miêu tả Gióng).

Tìm những từ ngữ phù hợp để thay thế cho các từ ngữ in đậm.

3. Trong truyện *Thánh Gióng* (Nguyễn Đồng Chi kể) có nhiều cụm từ chỉ hoạt động của sự vật như: ***kéo đến ầm ầm*** (miêu tả quân sĩ của vua khi đến nhà Gióng), ***hì hục khiêng*** (miêu tả hành động của quân sĩ nhà vua khi mang ngựa, gươm, giáp và nón cho Gióng), ***nằm ngổn ngang*** (miêu tả xác của quân giặc), ***tróí nghiêng*** (miêu tả hành động của quân dân vua Hùng đối với quân giặc).

Tìm những từ ngữ phù hợp để thay thế cho các từ ngữ in đậm.

BIỆN PHÁP TU TỪ

4. Trong truyện *Thánh Gióng* (Nguyễn Đồng Chi kể) có những cụm từ dùng biện pháp tu từ so sánh như: ***lớn như thổi*** (miêu tả Gióng), ***hét lên một tiếng như tiếng sấm*** (miêu tả tiếng hét của Gióng), ***phi như bay*** (miêu tả ngựa của Gióng), ***loang loáng như chớp giạt*** (miêu tả lưỡi gươm của Gióng), ***khóc như ri*** (miêu tả tiếng kêu khóc của quân giặc). Giải thích nghĩa của mỗi cụm từ và cho biết tác dụng của việc dùng biện pháp tu từ so sánh trong những cụm từ trên.

TỪ LÁY

5. Tìm từ láy trong đoạn trích từ *Thế rồi Gióng mặc giáp sắt đến bay thẳng lên trời*. Cho biết quan hệ láy âm giữa các tiếng trong những từ láy tìm được.

Sơn Tinh, Thủy Tinh

Trước khi đọc

1. Đối với cuộc sống của con người, tùy từng thời điểm cụ thể, các hiện tượng tự nhiên có thể bộc lộ một trong hai mặt: ích lợi và tác hại. Nêu một số ích lợi và tác hại của các hiện tượng đó.
2. Hãy nêu những hoạt động của con người nhằm hạn chế tác hại của các hiện tượng tự nhiên mà em biết.

Đọc văn bản

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương Mị Nương rất mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.

THEO DÕI Chú ý thời gian diễn ra câu chuyện.

Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn⁽¹⁾. Một người ở vùng núi Tản Viên⁽²⁾ có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thủy Tinh.



Một người là chúa miền non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng. Vua Hùng băn khoăn, không biết

(1) Cầu hôn: xin được lấy làm vợ hoặc chồng.

(2) Tản Viên: một ngọn núi ở huyện Ba Vì, Hà Nội, cũng gọi là núi Ba Vì. Núi có ba đỉnh, đỉnh cao nhất 1281 m, có hình thắt cổ bồng, trên toả ra tròn như cái tán nên gọi là Tản Viên.

nhận lời ai, từ chối ai, bèn cho vùi các Lạc hầu⁽¹⁾ vào bàn bạc. Xong, vua phán⁽²⁾:

– Hai ngài đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho ngài nào? Thôi thì ngày mai, ai đem sình lễ⁽³⁾ đến trước, ta sẽ cho cưới con ta.

Hai chàng tâu hỏi đồ sình lễ cần sắm những gì, vua bảo: "Một trăm ván⁽⁴⁾ cơm nếp, một trăm nệp⁽⁵⁾ bánh chưng và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao⁽⁶⁾, mỗi thứ một đôi".

THEO DÕI Sình lễ ở đây có gì đặc biệt?

Hôm sau, mới tờ mờ sáng, Sơn Tinh đã đem đầy đủ lễ vật đến rước Mị Nương về núi.

Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được vợ, dùng đòn nôi giận, đem quân đuổi theo, đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuốn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước.

THEO DÕI Điều gì đã xảy ra khi Thuỷ Tinh tức giận? Sơn Tinh đã ngăn chặn dòng nước lũ bằng cách nào?

Sơn Tinh không hề nao núng⁽⁷⁾. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thuỷ Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.

Từ đó, oán nặng, thù sâu, hằng năm Thuỷ Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, vị Thần Nước đánh mỗi một, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.

(Theo Huỳnh Lý, *Văn 6*, tập một, NXB Giáo dục, 1994, tr. 7 – 9)

(1) *Lạc hầu*: quan văn giúp việc cho vua Hùng.

(2) *Phán*: (bề trên) nói với bề dưới.

(3) *Sình lễ*: lễ vật (ở đây là lễ vật nhà trai mang đến biếu nhà gái để xin cưới).

(4) *Ván*: tấm gỗ phẳng và mỏng, ở đây có lẽ là cái mâm gỗ để đựng cơm nếp. Cũng có thể hiểu là cơm nếp được dàn ra thành từng tấm.

(5) *Nệp* (hoặc *đệp*): đồ được đan bằng tre nứa, dùng để đựng, tương tự như cái rổ, cái thúng.

(6) *Hồng mao*: lông màu hồng. "Ngựa chín hồng mao" ý chỉ một loài ngựa quý hiếm.

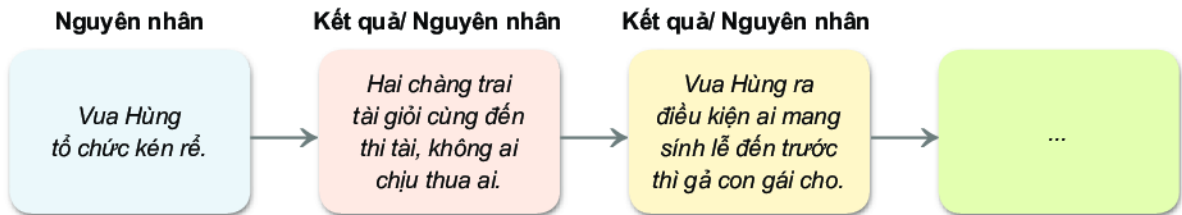
(7) *Nao núng*: dao động, lung lay.

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Các sự kiện trong một câu chuyện dân gian thường được kết nối với nhau bởi quan hệ nguyên nhân và kết quả.

Hãy tóm lược cốt truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* theo chuỗi quan hệ *nguyên nhân – kết quả* và thể hiện chuỗi quan hệ đó theo mẫu sau:



2. Trong câu chuyện này, những nhân vật nào được gọi là thần? Hãy chỉ ra những đặc điểm khiến cho họ được coi là những vị thần.
3. Cuộc thi tài kén rể trong câu chuyện này có gì đặc biệt?
4. Sơn Tinh phải giao tranh với Thủy Tinh vì lí do gì? Ai là người thắng cuộc và vì sao người thắng cuộc xứng đáng được xem là một anh hùng?
5. Chủ đề của truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* là gì?
6. Truyền thuyết cũng thường lí giải nguồn gốc các sự vật, hiện tượng hoặc nguyên nhân của một hiện tượng thời tiết trong năm. Theo em, truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* lí giải hiện tượng tự nhiên nào? Tác giả dân gian cho rằng do đâu mà có hiện tượng tự nhiên đó?
7. Thử tưởng tượng em là Thủy Tinh và nêu những suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật sau khi bị thua cuộc.

Viết kết nối với đọc

Đây là tưởng tượng của nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp về hình ảnh Sơn Tinh và Thủy Tinh:

Sơn Tinh có một mắt ở trán

Thủy Tinh râu ria quăn xanh rì

Một thần phi bạch hổ trên cạn

Một thần cưỡi lưng rồng uy nghi.

(Nguyễn Nhược Pháp, *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, trích trong tập *Ngày xưa*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1996, tr. 9)

Điều này cho thấy, từ những thông tin về nhân vật trong câu chuyện, mỗi chúng ta đều có thể tưởng tượng ra ngoại hình của nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh theo cách riêng. Hãy ghi lại tưởng tượng của em bằng một đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu).

Thực hành tiếng Việt

DẤU CÂU

1. Đọc lại đoạn văn sau trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*:

Một người ở vùng núi Tân Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thủy Tinh.

Tìm và cho biết công dụng của dấu chấm phẩy trong đoạn văn.

2. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) có dùng dấu chấm phẩy.

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

3. Trong tiếng Việt có nhiều từ có yếu tố *thủy* như *Thủy* trong *Thủy Tinh*, có nghĩa là *nước*. Tìm một số từ có yếu tố *thủy* được dùng theo nghĩa như vậy và giải thích ngắn gọn nghĩa của những từ đó.
4. Giải thích nghĩa của các thành ngữ sau: *hô mưa gọi gió, oán nặng thù sâu*. Trong mỗi thành ngữ, các từ ngữ được sắp xếp theo kiểu đan xen: *hô – gọi, mưa – gió, oán – thù, nặng – sâu*. Hãy tìm thêm một số thành ngữ được tạo nên bằng cách đan xen các từ ngữ theo cách tương tự.

BIỆN PHÁP TU TỪ

5. Tìm những câu văn có sử dụng biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ trong văn bản *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (Huỳnh Lý kể) và nêu tác dụng của biện pháp tu từ này.

Nhận biết công dụng của dấu chấm phẩy

Đọc câu sau: *Én bố mẹ tấp nập đi về, mãi một móm mõi cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én ra ràng chập chới vỗ cánh bên rìa hốc đá.*

Đây là một câu ghép được tạo thành từ ba vế câu. Giữa *đi về*, *mãi một móm mõi* trong vế câu thứ nhất đã có dấu phẩy nên ranh giới giữa ba vế trong câu ghép cần được đánh dấu bằng dấu chấm phẩy.

Ai ơi mong chín tháng tư

ANH THU'

Độc văn bản

Từ xưa, người Kẻ Chợ⁽¹⁾ đã có câu ngạn ngữ⁽²⁾: “Nắng ông Từa, mưa ông Gióng”. Có nghĩa là cứ vào ngày hội thánh Từa (tức Từ Đạo Hạnh)⁽³⁾ mồng 7 tháng 3 âm lịch thì thế nào cũng nắng to; còn vào hội Gióng, mồng 9 tháng 4 âm lịch thì có mưa, vì bắt đầu mùa mưa đông. Lễ hội Gióng hay còn gọi là hội làng Phù Đổng là một trong những lễ hội lớn nhất ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ.

[...] Lễ hội Gióng diễn ra trên một khu vực rộng lớn xung quanh những vết tích còn lại của Thánh⁽⁴⁾ tại quê hương. Cổ Viên, tức vườn cũ, nay ở giữa đồng thôn Đồng Viên, tương truyền là vườn cà của mẹ Gióng, tại đây bà đã giẫm phải vết chân ông Đổng, tảng đá có dấu chân kì lạ cũng ở vườn này. Miếu Ban, thuộc thôn Phù Dực, tên cũ là rừng Trại Nòn, là nơi Thánh được sinh ra. Hiện tại sau toà miếu còn có một ao nhỏ, giữa ao có gò nổi, trên gò có một bể con bằng đá tượng trưng cho bốn tấm và một chiếc liềm bằng đá là dụng cụ cắt rốn người anh hùng. Đền Mẫu (còn gọi là đền Hạ), nơi thờ mẹ Gióng, xây ở ngoài đê. Đặc biệt, đền Thượng là nơi thờ phụng Thánh, vốn được xây cất từ vị trí ngôi miếu tương truyền có từ thời Hùng Vương thứ sáu, trên nền nhà cũ của mẹ Thánh. Trong đền có tượng Thánh, sáu tượng quan văn, quan võ châu hai bên cùng hai phỗng⁽⁵⁾ quỳ và bốn viên hầu cận.

Từ mồng 1 tháng 3 đến mồng 5 tháng 4 âm lịch là thời gian chuẩn bị lễ hội. Hội bắt đầu từ ngày mồng 6. Trong những ngày này, dân làng tổ chức lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay (cơm cà) lên đền Thượng. Mồng 8

(1) *Kẻ Chợ*: từ cổ, chỉ nơi đô thị đông đúc, thường là kinh đô. Ở đây chỉ Thăng Long – Hà Nội.

(2) *Ngạn ngữ*: lời nói hay, có ý nghĩa sâu sắc (thường đúc rút một kinh nghiệm, bài học) từ xưa truyền lại.

(3) *Từ Đạo Hạnh* (1072 – 1116): thiền sư nổi tiếng thời Lý, được thờ ở chùa Thầy, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Hà Nội.

(4) *Thánh*: nhân vật có tài năng, đức độ, trí tuệ vượt lên trên người thường đến mức siêu phàm, ở đây chỉ bậc thần thánh theo tín ngưỡng của Đạo giáo (tức những vị thần bất tử, có năng lực siêu phàm, có phép thần thông).

(5) *Phỗng*: tượng người đứng (hoặc quỳ) hầu tại một số nơi thờ tự.

có lễ rước nước từ đền Hạ về đền Thượng, tượng trưng cho việc tôi luyện vũ khí trước khi đánh giặc. Mồng 9 vào chính hội có múa hát thờ⁽¹⁾, có hội trận và lễ khao quân. Hát thờ diễn ra trước thủy đình⁽²⁾ ở đền Thượng, chủ yếu là hát dân ca. Hội trận⁽³⁾ mô phỏng lại cảnh Thánh Gióng đánh giặc tại một cánh đồng rộng lớn. 28 cô tướng từ 9 đến 12 tuổi mặc tướng phục đẹp, tượng trưng cho 28 đạo quân thù. 80 phù giá⁽⁴⁾ lưng đeo túi dết⁽⁵⁾, chân quấn xà cạp⁽⁶⁾ là quân ta. Đi đầu đám rước là đám ba bé trai cầm roi rồng⁽⁷⁾, mặc áo đỏ đi dọn đường, tượng trưng cho đạo quân mục đồng⁽⁸⁾. Theo sau là ông Hồ từng giúp Thánh phá giặc. Trong đám rước còn có cả ông Trống, ông Chiêng và 3 viên Tiểu Cỗ⁽⁹⁾ mặc áo xanh lĩnh xướng⁽¹⁰⁾. Ngoài ra còn có cả đánh cờ người. Trong khi ông hiệu cờ⁽¹¹⁾ đang say sưa múa cờ thì dân chúng xem hội chia nhau những đồ tế lễ. Họ tin rằng như vậy là được Thánh ban lộc, những vật dụng kia sẽ đem lại may mắn cho cả năm. Đám rước đi đến tận Đồng Viên, đi đến đâu cờ quạt tung bừng đến đấy. Vào ngày mồng 10, văn hội có lễ duyệt quân, tạ ơn Thánh. Ngày 11 làm lễ rửa khí giới và ngày 12 làm lễ rước cờ báo tin thắng trận với trời đất.

Lễ hội Gióng không chỉ giúp người xem được chứng kiến các nghi thức lễ với những thao tác thuần thực, mang tính nghệ thuật và biểu trưng cao mà còn là dịp để mỗi người Việt Nam có thể cảm nhận mối quan hệ nhiều chiều: cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, thiêng liêng và trần thế,... Tất cả đều được gìn giữ như một tài sản vô giá lưu truyền mãi về sau. [...]

(Theo Anh Thư, báo điện tử Hà Nội mới, ngày 07/4/2004)

(1) *Múa hát thờ*: ca hát và vũ đạo dùng trong nghi lễ thờ cúng thần linh.

(2) *Thủy đình*: đình được xây trên mặt nước.

(3) *Hội trận*: hội tổ chức theo hình thức chiến trận để ca ngợi chiến công của thần linh (người anh hùng được thờ).

(4) *Phù giá*: những người đi theo kiệu thờ để bảo vệ.

(5) *Túi dết*: túi bằng vải hoặc bằng da dày, có quai đeo dài.

(6) *Xà cạp*: dải vải dài quấn quanh ống chân hoặc ngoài ống quần để bảo vệ chân.

(7) *Roi rồng*: roi được làm như hình con rồng (con vật trong tưởng tượng của người xưa).

(8) *Mục đồng*: trẻ chăn trâu, bò.

(9) *Tiểu Cỗ*: cái trống con.

(10) *Lĩnh xướng*: hát đơn ca một câu, một đoạn trước hoặc sau phần hát của tập thể (trong tốp ca, dàn đồng ca, dàn hợp xướng).

(11) *Hiệu cờ*: người cầm cờ, múa cờ chỉ huy.

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo.
- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích.
- Kể được một truyện cổ tích một cách sinh động.
- Sống vị tha, yêu thương con người và sự sống; trung thực, khiêm tốn.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyện cổ tích

Truyện cổ tích là loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận và cuộc đời của nhân vật trong các mối quan hệ xã hội. Truyện cổ tích thể hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa.

Đặc điểm nghệ thuật của truyện cổ tích

- Truyện cổ tích thường kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thể hiện ước mơ đổi thay số phận của chính họ.
- Nhân vật trong truyện cổ tích đại diện cho các kiểu người khác nhau trong xã hội, thường được chia làm hai tuyến: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu, ác).
- Các chi tiết, sự việc thường có tính chất hoang đường, kì ảo.
- Truyện được kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thể hiện rõ quan hệ nhân quả giữa các sự kiện.
- Lời kể trong truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ không gian, thời gian không xác định. Tùy thuộc vào bối cảnh, người kể chuyện có thể thay đổi một số chi tiết trong lời kể, tạo ra nhiều bản kể khác nhau ở cùng một cốt truyện.

VĂN BẢN ĐỌC

- Thạch Sanh
- Cây khế
- Vua chích choè

Thạch Sanh

Trước khi đọc

1. Trong thế giới tưởng tượng, những con vật kì ảo thường được hình dung là có nhiều đặc điểm kì lạ, biết nói tiếng người, có nhiều phép thần thông, biến hoá, có thể hại người hoặc giúp ích cho người.

Việc sáng tạo ra những con vật kì ảo thường đem lại sự hấp dẫn, thú vị cho câu chuyện. Hãy tưởng tượng, vẽ một con vật kì ảo và giới thiệu về con vật đó.

2. Em cũng có thể làm tương tự với việc tưởng tượng ra các đồ vật kì ảo. Trình bày về đặc điểm và chức năng của đồ vật đó.

Đọc văn bản

Ngày xưa, có một chàng trai nghèo tên là Thạch Sanh. Thạch Sanh sống lủi thủi một mình trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa. Cả gia tài chỉ có một lưỡi búa, hằng ngày lên rừng đốn củi kiếm ăn.

THEO DÕI Chú ý thời gian, không gian bắt đầu câu chuyện.

Một hôm có người hàng rượu tên là Lý Thông đi qua đó, nghỉ ở gốc đa. Thấy Thạch Sanh gánh về một gánh củi lớn, hắn nghĩ bụng: “Người này khoẻ như voi. Nếu nó về ở cùng ta thì lợi bao nhiêu”. Lý Thông lần la gọi chuyện rồi gạ cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em. Vì sớm mồi côi cha mẹ, tứ cố vô thân⁽¹⁾, nay lại có người sẵn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời và chàng từ già gốc cây đa đến sống chung với mẹ con Lý Thông.

DỰ ĐOÁN Điều gì sẽ xảy ra tiếp sau đó?

⁽¹⁾ *Tứ cố vô thân*: nhìn bốn phía không có ai là người thân thích.

Bấy giờ trong vùng có con trăn tinh⁽¹⁾ có nhiều phép lạ, thường ăn thịt người. Quan quân đã nhiều lần đến bủa vây⁽²⁾ định diệt trừ nhưng không thể làm gì được. Dân trong vùng phải lập cho nó một cái miếu thờ, hằng năm nộp một mạng người cho nó ăn thịt để nó đỡ phá phách.

Năm ấy đến lượt Lý Thông nộp mình. Mẹ con hắn nghĩ kế lừa cho Thạch Sanh đi chết thay. Chiều hôm đó, Thạch Sanh đi kiếm củi về, Lý Thông dọn một mâm rượu thịt ê hề mời ăn, rồi bảo:

– Đêm nay anh đến phiên đi canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó đi thay anh một đêm, đến sáng lại về.

Thạch Sanh thật thà nhận lời đi ngay.

Nửa đêm hôm ấy, Thạch Sanh đang mơ màng nửa thức nửa ngủ, bỗng nghe thấy có tiếng động mạnh sau miếu. Chàng vừa xách búa đứng dậy thì trăn tinh đã hiện ra, nhe nanh vuốt xông vào con mồi. Thạch Sanh không hề sợ hãi, giơ cao búa giáng thật mạnh vào đầu trăn tinh. Thạch Sanh đã xả xác nó ra làm hai mảnh. Trăn tinh hiện nguyên hình là một con trăn khổng lồ và để lại bên mình một bộ cung tên bằng vàng. Thạch Sanh ung dung chặt đầu con quái vật và nhặt bộ cung tên vàng xách về nhà. Lúc ấy đã gần về sáng. Mẹ con Lý Thông còn đang ngủ bỗng nghe tiếng gọi cửa. Ngờ là oan hồn Thạch Sanh hiện về báo oán, chúng hoảng sợ van lạy rồi rít. Khi Thạch Sanh vào nhà kể chuyện giết trăn tinh, mẹ con Lý Thông mới hoàn hồn. Nhưng những kẻ độc ác thì trong đầu bao giờ cũng có sẵn những mưu thâm. Lý Thông nói với Thạch Sanh:

– Con trăn ấy vốn là của nhà vua nuôi từ lâu. Nay em giết nó chắc không tránh khỏi tội nặng. Thôi bây giờ nhân trời chưa sáng, em hãy trốn ngay đi. Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu!

Thạch Sanh thật thà tin ngay, vội từ giã mẹ con Lý Thông ra đi. Chàng lại trở về với túp lều cũ dưới gốc đa, kiếm củi nuôi thân. Còn Lý Thông hí hửng đem

THEO DÕI Chú ý hành động của Thạch Sanh và Lý Thông sau khi Thạch Sanh bị Lý Thông lừa.

(1) *Trăn tinh*: con trăn đã tu luyện, trở thành yêu quái.

(2) *Bủa vây* (hoặc *bủa vây*): dùng lực lượng với số đông để ngăn chặn khắp mọi phía, không cho đối tượng thoát.

thủ cấp⁽¹⁾ của con yêu quái vào kinh đô nộp cho nhà vua. Vua khen ngợi và phong cho làm Quận công.

Nhà vua có một cô công chúa vừa đến tuổi lấy chồng. Một hôm công chúa đang ngồi trên lầu cao bỗng bị một con đại bàng khổng lồ bay đến quắp đi. Con đại bàng bay qua phía trên túp lều của Thạch Sanh, Thạch Sanh trông thấy liền dùng cung tên vàng bắn theo một phát. Mũi tên trúng vào cánh đại bàng. Nó đau đớn, quần quai nhưng gắng sức bay về đến hang trong núi sâu. Thạch Sanh lần theo vết máu, tìm được chỗ ở của đại bàng.

Nhà vua vô cùng đau đớn, bèn sai Lý Thông đi tìm, hứa sẽ gả công chúa và nhường ngôi cho. Vừa mừng, vừa lo, Lý Thông lại tìm đến túp lều dưới gốc đa của Thạch Sanh. Thạch Sanh thật thà kể cho hắn nghe chàng đã bắn đại bàng bị thương và lần ra được hang ổ của nó như thế nào. Lý Thông mừng quá liền nhờ Thạch Sanh dẫn đường cho quân sĩ đến hang đá. Hang sâu thăm thẳm, nhìn vào ai cũng thấy rùng mình, hoảng sợ.

Thạch Sanh xin cho mình được xuống hang cứu công chúa. Quân sĩ lấy dây dài buộc vào lưng chàng rồi dõng xuống. Đại bàng nguyên là một con yêu tinh ở trên núi có nhiều phép lạ. Tuy bị thương nặng nhưng khi thấy Thạch Sanh xuất hiện nó cũng đã vùng ngay dậy được, vùng cánh chĩa vuốt, lao vào kẻ thù mạnh như một cơn bão lớn. Thạch Sanh dùng cung tên vàng bắn mù hai mắt đại bàng, rồi vùng búa chặt đứt vuốt sắc, bổ vỡ đôi đầu đại bàng. Sau khi giết được chim dữ, Thạch Sanh lấy dây buộc vào người công chúa rồi ra hiệu cho



TUỞNG TƯỢNG Hang của đại bàng rộng và sâu như thế nào?

(1) Thủ cấp: đầu bị cắt lìa khỏi thân (thường dùng cho người).

quân Lý Thông kéo lên trước. Sau khi đưa được công chúa lên tới mặt đất, Lý Thông liền ra lệnh cho quân sĩ vãn những tảng đá lớn lấp kín cửa hang lại, rồi kéo nhau về. Thạch Sanh đi sâu vào hang, để tìm lối ra khác. Đến cuối hang, chàng thấy có một chiếc cũi sắt. Một chàng trai khôi ngô tuấn tú bị nhốt trong đó, chàng trai đó chính là Thái tử con vua Thủy Tề. Thạch Sanh bèn dùng cung vàng bắn tan cũi sắt cứu Thái tử ra. Thái tử thoát nạn hết lời cảm tạ chàng và mời chàng xuống chơi Thủy phủ⁽¹⁾. Vua Thủy Tề sung sướng được gặp lại con, đãi chàng rất hậu. Khi chàng về, vua biếu rất nhiều vàng bạc nhưng Thạch Sanh không nhận, chỉ xin có một cây đàn. Rồi chàng lại trở về gốc đa sinh nhai⁽²⁾ bằng nghề cũ.

TƯỜNG TƯỢNG Thế giới do vua Thủy Tề cai trị có những đặc điểm gì?

Hồn trần tinh và đại bàng lang thang, một hôm gặp nhau bàn cách báo thù Thạch Sanh. Chúng vào kho của nhà vua ăn trộm của cải mang tới quảng ở gốc đa để vu vạ cho Thạch Sanh. Thạch Sanh bị bắt hạ ngục.

Về phần nàng công chúa bất hạnh, từ khi được cứu thoát đưa về cung thì bị câm. Suốt ngày nàng chẳng nói, chẳng cười, mặt buồn rười rượi. Vua đành hoãn việc cưới xin và bảo Lý Thông mời thầy thuốc về chạy chữa. Không biết bao nhiêu thầy thuốc giỏi trong nước đã được mời đến nhưng không ai chữa được bệnh câm và tâm trạng sầu não của công chúa.

Một hôm, Thạch Sanh ngồi trong ngục tối, đem đàn của vua Thủy Tề cho ra gảy. Tiếng đàn vang lên như những lời trách oán, trách sự hờ hững của công chúa và oán sự độc ác của Lý Thông. Tiếng đàn vẳng đến hoàng cung, lọt vào tai công chúa. Vừa nghe tiếng đàn, công chúa bỗng cười nói vui vẻ. Nàng xin vua cha cho gọi người đánh đàn vào cung.

Nhà vua lấy làm lạ, cho đòi Thạch Sanh đến. Trước mặt mọi người, chàng kể hết đầu đuôi chuyện của mình, từ chuyện kết bạn với Lý Thông đến chuyện chém trần tinh, từ chuyện giết đại bàng, cứu công chúa đến chuyện bị lấp cửa hang và cuối cùng là chuyện bị bắt oan vào ngục thất của hoàng cung. Mọi người bấy giờ mới hiểu ra tất cả sự thật. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lý Thông lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng rộng lượng tha thứ cho chúng về quê làm ăn. Nhưng về đến nửa đường thì chúng bị sét đánh chết.

(1) *Thủy phủ*: dinh thự ở dưới nước, nơi ở của thủy thần.

(2) *Sinh nhai*: kiếm sống.



Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh, lễ cưới của họ từng bùng nhất kinh kì, chưa bao giờ và chưa ở đâu có lễ cưới từng bùng như thế. Thấy vậy, bọn hoàng tử các nước chư hầu⁽¹⁾ trước kia bị công chúa từ hôn lấy làm tức giận. Họ hội họp binh lính cả mười tám nước lại kéo sang đánh. Thạch Sanh xin nhà vua dừng động binh⁽²⁾. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ của mười tám nước bủn rủn tay chân, không còn nghĩ gì được tới chuyện đánh nhau nữa. Cuối cùng, các hoàng tử phải cuốn giáp ra về. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu thì ai nấy đều ngạc nhiên, toan bỏ về. Thạch Sanh thân chinh⁽³⁾ đến mời họ cầm đũa và hứa sẽ trọng thưởng cho những ai ăn hết nồi cơm đó. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng nồi cơm bé xíu vậy mà cứ ăn hết lại đây. Sau khi ăn no nê, quân sĩ mười tám nước cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh và kéo nhau về nước.

TUÔNG TƯỢNG Cảnh mấy vạn tướng sĩ các nước chư hầu ngồi ăn cơm quanh chiếc niêu bé xíu.

Về sau, vua không có con trai nên đã nhường ngôi cho Thạch Sanh lên làm vua.

(Bùi Mạnh Nhị, *Văn học dân gian: những tác phẩm chọn lọc*, NXB Giáo dục, 2008, tr. 244 – 247)

(1) *Nước chư hầu*: nước nhỏ, bị phụ thuộc và phải phục tùng, cống nạp các nước lớn hơn, mạnh hơn.

(2) *Động binh*: sử dụng quân đội để tiến hành chiến tranh.

(3) *Thân chinh*: tự mình.

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Em có thích truyện *Thạch Sanh* không? Vì sao?
2. Gia cảnh của Thạch Sanh có gì đặc biệt?
3. Truyện *Thạch Sanh* có những con vật kì ảo nào? Chúng có đặc điểm gì khác thường?
4. Sau khi được Lý Thông kéo lên từ hang của đại bàng và đưa trở lại cung, công chúa đã bị câm. Theo em, điều gì sẽ xảy ra nếu công chúa không bị như vậy?
5. Truyện *Thạch Sanh* có nhiều đồ vật kì ảo. Hãy liệt kê các đồ vật đó và nêu đặc điểm, tác dụng của chúng.
6. Trong truyện, hai nhân vật Thạch Sanh và Lý Thông luôn đối lập nhau về hành động. Lập bảng so sánh để thấy rõ sự đối lập đó. Qua đó, em có nhận xét gì về đặc điểm của hai nhân vật này?
7. Kết thúc truyện, Thạch Sanh được nhà vua gả công chúa và nhường ngôi. Qua cách kết thúc này, tác giả dân gian muốn thể hiện điều gì?
- 8*. Về kết cục của mẹ con Lý Thông, ở văn bản do Huỳnh Lý và Nguyễn Xuân Lân kể có chi tiết: “Mẹ con Lý Thông về quê đến nửa đường thì bị Thiên Lôi giáng sấm sét đánh chết, rồi bị hoá kiếp làm con bọ hung”. Bản của Anh Động (và nhân dân một số vùng Nam Bộ) kể: “Lý Thông được tha nhưng y về dọc đường mưa to, sấm sét đánh tan thân ra từng mảnh, mỗi mảnh hoá thành một con ếch ương. Cho nên bây giờ mỗi khi có mưa to sấm sét, ếch ương sợ, kêu lên những tiếng man dã...”.

Em có nhận xét gì về những cách kết thúc này?

Viết kết nối với đọc

Dũng sĩ là người có lòng dũng cảm, chiến đấu diệt trừ cái ác, bảo vệ cuộc sống của cộng đồng. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể về một dũng sĩ mà em gặp ngoài đời hoặc biết qua sách báo, truyện kể.

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

1. Khi gặp một từ ngữ mới trong văn bản, trước khi dùng từ điển để tra cứu, có thể dựa vào nghĩa của những yếu tố tạo nên từ ngữ đó để suy đoán nghĩa của nó. Chẳng hạn, nhờ biết được *gia* là *nhà*, *tài* là *của cải*, có thể suy đoán được *gia tài* là *của cải riêng của một người hay một gia đình*.

Vận dụng cách trên để suy đoán nghĩa của các từ ngữ sau: *gia cảnh*, *gia bảo*, *gia chủ*, *gia dụng*, *gia đạo*, *gia sản*. Lí giải cách suy đoán của em để biết được nghĩa của những từ ngữ đó.

2. Khi gặp một từ ngữ mới trong văn bản, trước khi dùng từ điển để tra cứu, cũng có thể dựa vào những từ ngữ xung quanh để suy đoán nghĩa của nó. Chẳng hạn, khi đọc câu: *Cô chị rất khéo léo, còn cô em thì rất hậu đậu*, có thể có người không biết *hậu đậu* nghĩa là gì, nhưng *khéo léo* thì nhiều người biết. Nhờ biết nghĩa của *khéo léo* và sự xuất hiện trong câu có ý đối lập *hậu đậu* với *khéo léo*, có thể suy đoán được *hậu đậu* là *không khéo léo*, nghĩa là vụng về.

Đọc những đoạn trích sau, vận dụng phương pháp đã được hướng dẫn để suy đoán nghĩa của các từ ngữ in đậm. Lí giải cách suy đoán của em để biết được nghĩa của các từ ngữ đó.

- a. Thạch Sanh đã xẻ xác nó ra làm hai mảnh. Trăn tinh **hiện nguyên hình** là một con trăn khổng lồ và để lại bên mình một bộ cung tên bằng vàng.
 - b. Hồn trăn tinh và đại bàng lang thang, một hôm gặp nhau bàn cách báo thù Thạch Sanh. Chúng vào kho của nhà vua ăn trộm của cải mang tới quảng ở góc đa để **vu vạ** cho Thạch Sanh. Thạch Sanh bị bắt hạ ngục.
 - c. Mọi người bấy giờ mới hiểu ra tất cả sự thật. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lý Thông lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng **rộng lượng** tha thứ cho chúng về quê làm ăn.
 - d. Thạch Sanh xin nhà vua đừng động binh. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ của mười tám nước **bùn rùn tay chân**, không còn nghĩ gì được tới chuyện đánh nhau nữa.
3. Tìm từ ngữ có nghĩa tương đồng để thay thế cho những từ ngữ in đậm trong các trường hợp sau:
- a. Một hôm có người hàng rượu tên là Lý Thông đi qua đó, nghỉ ở gốc đa. Thấy Thạch Sanh gánh về một gánh củi lớn, hắn nghĩ bụng: “Người này **khỏe như voi**. Nếu nó về ở cùng ta thì lợi bao nhiêu”. Lý Thông **lân la** gọi chuyện rồi **gạ** cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em.
 - b. Còn Lý Thông **hí hửng** đem thủ cấp của con yêu quái vào kinh đô nộp cho nhà vua.
 - c. Đến cuối hang, chàng thấy có một chiếc cũi sắt. Một chàng trai **khô ngô tuấn tú** bị nhốt trong đó, chàng trai đó chính là Thái tử con vua Thủy Tề.
 - d. Về phần nàng công chúa **bất hạnh**, từ khi được cứu thoát đưa về cung thì bị cầm. Suốt ngày nàng chẳng nói, chẳng cười, mặt **buồn rười rượi**.
4. Trong tiếng Việt có thành ngữ *niều cơm Thạch Sanh*. Căn cứ vào truyện Thạch Sanh, hãy suy đoán nghĩa của thành ngữ trên. Em biết những thành ngữ nào khác được hình thành từ nội dung của các truyện kể?

Cây khế

Trước khi đọc

Hẳn nhiều em có ước muốn được đặt chân đến một hòn đảo ngoài khơi xa lắc, chưa ai biết đến và thường hình dung ở đó có nhiều điều thú vị, kì diệu chờ được khám phá.

Hãy tưởng tượng em đang ở vào tình huống đó. Em có thể chia sẻ với các bạn những điều kì diệu mà em được chứng kiến.

Đọc văn bản

Ngày xưa ngày xưa ở một nhà kia có hai anh em, cha mẹ mất sớm. Hai anh em chăm lo làm lụng nên trong nhà cũng đủ ăn. Nhưng từ khi có vợ, người anh sinh ra lười biếng, bao nhiêu công việc khó nhọc đều trút cho vợ chồng em. Hai vợ chồng người em thức khuya, dậy sớm, cố gắng làm lụng. Thấy thế người anh sợ em tranh công, liền bàn với vợ cho hai vợ chồng em ở riêng.

THEO DÕI Thời gian, địa điểm diễn ra câu chuyện có gì đặc biệt?

Người anh chia cho em được một gian nhà lợp xúp ở trước cửa có một cây khế ngọt. Còn người anh có bao nhiêu ruộng cho làm rẫy⁽¹⁾ và ngồi hưởng sung sướng với vợ. Thấy em không ta thán⁽²⁾, lại cho là đần độn và không đi lại với em nữa.

Những ngày sung sướng nhất của hai vợ chồng người em là những ngày khế chín. Quanh năm hai vợ chồng chăm chút cho nên cây khế xanh mơn mớn, quả lúc lỉu sát đất, trể lên ba cũng với tay được.

Một buổi sáng, hai vợ chồng ra hái khế đi bán thì thấy trên cây có tiếng rung mạnh như có người. Hai vợ chồng nhìn lên thì thấy có một con chim lớn đang ăn khế chín. Hai người đợi cho chim ăn xong bay đi mới lên cây hái. Từ đó ròng rã một tháng trời, hằng ngày chim cứ đến ăn vào lúc sáng sớm làm quả vợ hẳn đi.

DỰ ĐOÁN Điều gì sẽ xảy ra tiếp theo?

(1) *Làm rẫy*: (người nghèo) nhận đất, ruộng,... để sản xuất sau đó nộp một phần sản phẩm, hoa lợi,... cho người chủ đất.

(2) *Ta thán*: than thở, than vãn.



Một hôm đứng đợi chim ăn, người vợ nói:

– Ông chim ơi, ông ăn như thế còn gì là khế của nhà cháu nữa! Cây khế nhà cháu cũng sắp hết quả rồi đấy, ông ạ!

Chim nói:

– Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang⁽¹⁾, mang đi mà đựng!

Nói đi nói lại ba lần, chim mới vỗ cánh bay đi. Hai vợ chồng nghe lời chim may một túi vải, bế dọc bể ngang vừa đúng ba gang.

Sáng hôm sau, hai vợ chồng vừa ăn cơm xong thì thấy gió mù mịt và một con chim rất lớn hạ xuống giữa sân, quay mặt vào nhà kêu mấy tiếng như chào hỏi. Người chồng xách túi ra, chim rạp mình xuống đất cho anh trèo lên lưng rồi vỗ cánh bay lên. Chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả... Ra tới giữa biển, chim rẽ vào một cái đảo toàn đá trắng, đá xanh, đá đỏ, đá ngũ sắc⁽²⁾. Chim bay một vòng quanh đảo, rồi từ từ hạ xuống một cái hang.

Chim ra hiệu cho anh vào lấy gì thì lấy. Ngay cửa hang anh thấy toàn những thứ đá trong như thủy tinh

TUỞNG TƯỢNG Một hang lớn đầy vàng, kim cương, thủy tinh, hổ phách,... trông thế nào?

(1) Gang (hay gang tay): khoảng cách tối đa giữa đầu ngón tay cái và đầu ngón tay giữa khi bàn tay được căng ra, dùng làm đơn vị đo độ dài, thường khoảng 20 cm.

(2) Ngũ sắc: năm màu chính thường được dùng trong trang trí (xanh, đỏ, vàng, đen, trắng).

và hổ phách đủ các màu. Anh thấy hang sâu và rộng nên không dám vào, chỉ dám nhặt ít vàng, kim cương ở ngoài rồi ra hiệu cho chim bay về.

Chim lại cất cánh trở về, bay qua hết biển cả đến rừng xanh, hết rừng xanh đến đồng ruộng, tới khi mặt trời đứng bóng thì chim đưa anh về đến nhà. Từ đấy, vợ chồng người em trở nên giàu có.

Tiếng đồn người em giàu có đến tai vợ chồng người anh. Hai vợ chồng người anh vội đến chơi hỏi chuyện. Nghe em thật thà kể hết đầu đuôi, người anh gạ đổi gia sản lấy túp lều và cây khế. Người em ưng thuận.

Hai vợ chồng người anh mừng quýnh dọn đến ở túp lều. Họ chỉ ăn và chờ ngày chim đến. Một buổi sáng, hai vợ chồng thấy luồng gió mạnh nổi lên và ngọn cây khế rung chuyển. Hai người hốt hải chạy ra thì quả nhiên thấy một con chim lớn đang ăn khế. Họ vội tru tréo⁽¹⁾ lên:

– Cả nhà tôi trông vào cây khế, bây giờ chim ăn ráo ăn tiệt⁽²⁾ thì tôi cậy vào đâu.

Chim liền đáp:

– Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng!

Rồi bay vụt đi.

Hai vợ chồng cuống quýt bàn cãi may túi. Mới đầu họ định mang nhiều túi, sau lại sợ chim không ưng, bèn chỉ mang một túi như em nhưng to gấp ba lần, thành ra như một cái tay nải⁽³⁾ lớn.

DỰ ĐOÁN Cái túi của vợ chồng người anh sẽ gây ra điều gì?

Sáng hôm sau, chim đến. Người chồng tót ngay lên lưng chim, còn người vợ vái lấy vái để chim thân. Chim cũng bay mãi, bay mãi hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả rồi cuối cùng cũng đưa người anh đến cái đảo vàng giữa biển.

Trên lưng chim bước xuống, anh ta đã hoa mắt vì của quý. Vào trong hang, anh ta lại càng mê mẩn tâm thần, quên đói, quên khát, cố nhặt vàng và

(1) Tru tréo: la hét rất to, để nhiều người cùng biết, có ý ăn vạ.

(2) Ăn ráo ăn tiệt: ăn hết, không còn gì.

(3) Tay nải: túi vải may theo lối xưa, có quai đeo, có dạng như một cái bọc, dùng để đựng đồ đi đường.

kim cương cho thật đầy tay nải. Tay nải đã đầy, anh ta còn lấy thêm vàng đồn cả vào ống tay áo, ống quần đến nỗi nặng quá phải lê mãi mới ra khỏi hang.

Chim chờ lâu chốc chốc lại kêu lên mấy tiếng thúc giục. Mãi gần chiều anh ta mới lê được đến chỗ chim đợi. Muốn khỏi rơi, anh ta đặt tay nải dưới cánh chim rồi lấy dây buộc chặt vào lưng chim và cổ mình.

Chim lấy đà mãi mới cất cánh nổi. Trời đã về chiều, chim còn đang bay phía trên biển cả thì bỗng nổi cơn gió mạnh. Mang nặng, bay ngược gió, chim yếu dần, hai cánh rũ xuống. Tay nải vàng thốt nhiên⁽¹⁾ bị gió bật mạnh vào cánh chim. Chim buông xuôi hai cánh đâm bổ xuống biển.

Trong chớp mắt, người anh đã bị ngọn sóng cuốn đi với tay nải vàng và châu báu đầy người. Còn chim chỉ bị ướt lông, ướt cánh, chim lại vùng lên bay về núi về rừng.

(Bùi Mạnh Nhị, *Văn học dân gian: những tác phẩm chọn lọc*,
Sdd, tr. 209 – 211)

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. *Cây khế* kể về chuyện gì? Em thích nhất chi tiết nào trong truyện?
2. Hãy tóm tắt truyện *Cây khế*.
3. Truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ quen thuộc chỉ thời gian quá khứ, không gian không xác định. Hãy tìm các từ ngữ đó trong truyện *Cây khế*.
4. Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang có phải là con vật kì ảo không? Vì sao?
5. Trong lời kể của truyện cổ tích, tác giả dân gian thường xen vào những câu có dáng dấp ca dao, tục ngữ, lời có vần dễ thuộc, dễ nhớ. Trong truyện này, có câu nói nào như thế? Nhân vật nào đã nói câu nói đó?
6. Đảo xa nơi con chim đưa người em đến có điều gì kì diệu? Điều kì diệu này đã giúp gì cho cuộc sống của người em sau đó?
7. Trong truyện, hai nhân vật người anh và người em luôn đối lập nhau về hành động. Hãy chỉ ra sự đối lập giữa họ và nêu nhận xét về đặc điểm của hai nhân vật này.
8. Từ những kết cục khác nhau đối với người anh và người em, tác giả dân gian muốn gửi gắm bài học gì trong truyện này?

⁽¹⁾ *Thốt nhiên* (như *đột nhiên*): bất ngờ, bất chợt.

Viết kết nối với đọc

Tưởng tượng ra một kết thúc khác cho truyện *Cây khế*. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể về kết thúc đó.

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

1. Đọc những câu sau trong truyện *Cây khế* (Bùi Mạnh Nhị kể).

- Quanh năm hai vợ chồng chăm chút cho nên cây khế xanh **mơn mớn**, quả **lúc liu** sát đất, trề lên ba cũng với tay được.*
- Từ đó **ròng rã** một tháng trời, hằng ngày chim cứ đến ăn vào lúc sáng sớm làm quả **vội hẫ** đi.*

Tìm những từ ngữ phù hợp để thay thế cho các từ ngữ in đậm.

2. Tìm những từ ngữ thể hiện sự khác biệt giữa vợ chồng người em và vợ chồng người anh trong hai đoạn trích sau:

- Đoạn trích kể lại cảnh vợ chồng người em thấy chim ăn khế:

Một buổi sáng, hai vợ chồng ra hái khế đi bán thì thấy trên cây có tiếng rung mạnh như có người. Hai vợ chồng nhìn lên thì thấy có một con chim lớn đang ăn khế chín. Hai người đợi cho chim ăn xong bay đi mới lên cây hái. Từ đó ròng rã một tháng trời, hằng ngày chim cứ đến ăn vào lúc sáng sớm làm quả vội hẫ đi.

Một hôm đứng đợi chim ăn, người vợ nói:

– Ông chim ơi, ông ăn như thế còn gì là khế của nhà cháu nữa! Cây khế nhà cháu cũng sắp hết quả rồi đấy, ông ạ!

- Đoạn trích kể lại cảnh vợ chồng người anh thấy chim ăn khế:

Họ chỉ ăn và chờ ngày chim đến. Một buổi sáng, hai vợ chồng thấy luồng gió mạnh nổi lên và ngọn cây khế rung chuyển. Hai người hốt hải chạy ra thì quả nhiên thấy một con chim lớn đang ăn khế. Họ vội tru tréo lên:

– Cả nhà tôi trông vào cây khế, bây giờ chim ăn ráo ăn tiệt thì tôi cậy vào đâu.

3. So sánh những lời kể về vợ chồng người em và vợ chồng người anh khi chuẩn bị theo chim ra đảo và khi lấy vàng bạc trên đảo. Sự khác biệt giữa vợ chồng người em và vợ chồng người anh được thể hiện bằng những từ ngữ nào?

Vợ chồng người em	Vợ chồng người anh
Hai vợ chồng nghe lời chim may một túi vải, bẻ dọc bẻ ngang vừa đúng ba gang.	Hai vợ chồng cuống quýt bàn cãi may túi. Mới đầu họ định may nhiều túi, sau lại sợ chim không ưng, bèn chỉ mang một túi như em nhưng to gấp ba lần, thành ra như một cái tay nải lớn.
Người chồng xách túi ra, chim rạp mình xuống đất cho anh trèo lên lưng rồi vỗ cánh bay lên.	Người chồng tót ngay lên lưng chim, còn người vợ vái lấy vái để chim thần.
Anh thấy hang sâu và rộng nên không dám vào, chỉ dám nhặt ít vàng, kim cương ở ngoài rồi ra hiệu cho chim bay về.	Trên lưng chim bước xuống, anh ta đã hoa mắt vì của quý. Vào trong hang, anh ta lại càng mê mẩn tâm thần, quên đói, quên khát, cố nhặt vàng và kim cương cho thật đầy tay nải. Tay nải đã đầy, anh ta còn lấy thêm vàng dồn cả vào ống tay áo, ống quần đến nỗi nặng quá phải lê mãi mới ra khỏi hang.

BIỆN PHÁP TU TỪ

4. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu văn sau và nêu tác dụng:
 - a. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy.
 - b. Chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả.
5. Đặt một câu có sử dụng biện pháp tu từ được chỉ ra ở bài tập 4.

Vua chích choè

Đọc văn bản

Nhà vua chỉ có một người con gái. Công chúa đẹp tuyệt trần, nhưng vì vậy công chúa kiêu ngạo và ngông cuồng, không một ai vừa mắt nàng cả. Nàng chối từ hết người này đến người khác, không những vậy lại còn chế giễu, nhạo báng họ. Có một lần, nhà vua cho mời các chàng trai ở khắp các nước xa gần

tới thết tiệc linh đình để chọn phò mã⁽¹⁾. Khách đứng thành hàng theo ngôi thứ, đứng trên cùng là vua các nước rồi các công tước, các ông hoàng, các bá tước, các nam tước, cuối cùng là những người dòng dõi quý tộc. Công chúa được dẫn đi xem mặt. Chẳng ai được công chúa tha, người nào nàng cũng có cớ để giễu cợt. Người thì nàng cho là quá mập, nàng đặt tên là *Thùng tô - nô*⁽²⁾, người quá mảnh khảnh thì nàng nói: “mảnh khảnh thế thì gió thổi bay”, người thứ ba thì lại lùn, nàng chê: “lùn lại mập thì vụng về lắm”, người thứ tư mặt mày xanh xao, bị đặt tên *Nhọt nhạt như chết đuối*, người thứ năm mặt đỏ như gấc, nàng gọi *Xung đồng đỏ*, người thứ sáu đứng dáng hơi cong, nàng chê là *Cây non sẩy lò cong cớn*, nhìn ai nàng cũng tìm cách nhạo báng. Nàng lấy làm khoái chí khi thấy một người có cằm hơi cong như mỏ chim chích choè, nàng nói giỡn, chà, anh ta có cái cằm chẳng khác gì chim chích choè có mỏ, khiến cho từ đó trở đi ông vua tốt bụng ấy có tên là *Vua chích choè*.

Thấy con mình chỉ giễu cợt, nhạo báng, chối từ và chê tất cả mọi người có mặt trong buổi kén phò mã, nhà vua nổi cơn thịnh nộ⁽³⁾ và ban truyền: vua sẽ gả công chúa cho người ăn mày đầu tiên đi qua hoàng cung.

Vài hôm sau, có một người hát rong đi qua, đứng ngậy dưới cửa sổ cất tiếng hát, mong sẽ được ban thưởng cho vài xu. Nghe thấy vậy nhà vua truyền:

– Hãy gọi tên hát rong vào cung.

Trong bộ quần áo rách, bẩn thỉu, người hát rong đi vào cung vua, hát cho vua và công chúa nghe, rồi đưa tay xin tiền thưởng. Nhà vua bảo:

– Ta rất thích tiếng hát của người, vì vậy ta gả con gái ta cho người.

Công chúa sợ hãi, nhưng nhà vua vẫn nói:

– Cha đã thề rằng sẽ gả con cho người ăn mày đầu tiên đi qua cung vua, cha muốn giữ lời thề đó.

Mọi van xin đều không có ích gì. Linh mục được mời ngay tới để làm hôn lễ công chúa lấy người hát rong. Hôn lễ cử hành xong, nhà vua bảo:

(1) *Phò mã*: con rể của vua.

(2) *Thùng tô - nô*: thùng lớn hình ống, có đai đóng quanh, phình ở giữa, dùng để chứa chất lỏng.

(3) *Thịnh nộ*: nổi giận, giận dữ cao độ.



– Theo tục lệ, vợ một người hát rong không được ở lại trong cung vua, giờ thì con phải theo chồng ra khỏi cung.

Người hát rong cầm tay nàng, cả hai đi ra khỏi cung vua, nàng phải đi bộ theo chồng. Tới một khu rừng lớn, nàng lên tiếng hỏi:

– Chà, rừng đẹp này của ai?

– Rừng của Vua chích choè

Nàng lấy người đó, rừng kia của nàng.

– Tôi cô gái dịu hiền đáng thương

Đáng ra nên lấy ông Vua chích choè.

Một lúc sau họ tới một thảo nguyên, công chúa lại hỏi:

– Thảo nguyên xanh đẹp của ai?

– Thảo nguyên của Vua chích choè.

Nàng lấy người đó, thảo nguyên của nàng.

– Tôi cô gái dịu hiền đáng thương

Đáng ra nên lấy ông Vua chích choè.

Rồi họ tới một thành phố lớn, công chúa lại hỏi:

– Thành phố mỹ lệ này của ai?

– Thành phố mỹ lệ của Vua chích choè

Nàng lấy người đó, thành kia của nàng.

– Tôi cô gái dịu hiền đáng thương

Đáng ra nên lấy ông Vua chích choè.

Người hát rong nói:

– Tôi chẳng hài lòng tí nào cả, tại sao nàng lại cứ luôn luôn mong có người chồng khác, thế tôi không xứng đáng hay sao?

Cuối cùng họ tới trước một túp lều nhỏ xíu, công chúa thốt lên:

– Trời ơi, nhà gì mà bé ảm ương⁽¹⁾,

Nhà ai mà nhỏ, thảm thương thế này?

Người hát rong đáp:

– Nhà của anh, của nàng

Nơi chàng thiếp sống chung.

Công chúa phải cúi gập người xuống mới đi qua được chiếc cửa ra vào thấp lè tè. Công chúa hỏi:

– Người hầu của anh đâu?

Người hát rong đáp:

– Người hầu nào? Muốn làm gì thì tự mình làm lấy. Giờ em hãy nhóm bếp nấu ăn đi, anh mệt lắm rồi.

Nhưng công chúa đâu có biết nhóm bếp và nấu ăn, người hát rong đành phải nhúng tay vào làm công việc mới xong. Bữa ăn thật là đạm bạc, ăn xong cả hai mệt mỏi lăn ra ngủ ngay.

Hôm sau, khi trời mới hừng sáng chồng đã đánh thức vợ dậy để làm việc nhà. Cứ như vậy họ sống được với nhau mấy ngày thì lương ăn dự trữ hết. Người chồng nói với vợ:

– Mình ạ, chỉ ngồi ăn không kiếm được thêm gì cả, cứ như thế này mãi chắc không được lâu. Hay là em đan sọt bán?

Chồng vào rừng lấy tre nứa về, vợ chẻ lạt đan sọt. Nhưng bàn tay mềm mại của nàng bị cạnh sắc của tre nứa cửa rí máu. Chồng nói:

(1) *Ảm ương*: dở, không bình thường.

– Thế thì không được, có lẽ dệt vải hợp với em hơn.

Nàng ngồi tập quay sợi, nhưng rồi những ngón tay mềm mại của nàng lại bị sợi cửa, máu chảy rơi xuống nền nhà. Người chồng nói:

– Em thấy không, em chẳng được việc gì cả, sống với em thật là khổ. Giờ thì chắc ta phải xoay ra đi buôn nôi và bát đĩa. Em ngồi ở chợ và bán hàng.

Nàng nghĩ bụng: “Nếu như người dân nước mình họ tới đây mua bán, nhìn thấy mình ngồi bán hàng ở chợ chắc họ sẽ dè bủ nhạo báng mình”.

Việc không thể tránh được nên nàng đành phải làm, nếu không thì chắc chắn sẽ chết đói. Thoạt đầu mọi chuyện đều tốt lành, thấy người bán hàng hiền lành dễ thương nên khách mua đông. Họ trả tiền hàng mà không hề mặc cả, thậm chí có người trả tiền nhưng không lấy hàng. Với số lời do bán hàng, hai vợ chồng sống cũng sung túc. Có lần hàng bán hết, chồng lấy hàng mới về cho vợ bán ở chợ. Nàng đang ngồi coi hàng thì có một anh chàng hiệp sĩ⁽¹⁾ từ xa phi ngựa lao thẳng vào chợ làm cho đồng hàng sành sứ của nàng đổ vỡ hết cả ra thành hàng nghìn mảnh lớn nhỏ ngổn ngang ở chợ. Nàng ngồi ôm mặt khóc nức nở, không biết cuộc đời sẽ ra sao, nàng la khóc:

– Trời, khổ thân tôi thế này, còn mặt mũi nào mà nhìn chồng nữa?

Về nhà, nàng kể cho chồng nghe chuyện chẳng may ấy. Nghe xong chuyện, chồng nói:

– Đời thuở nhà ai lại thế, bán sành sứ mà lại ngồi ngay đầu chợ chỗ người ta qua lại, khóc làm gì nữa. Anh thấy em chẳng làm gì cho đến đầu đến cuối. Lúc này anh có đến cung vua hỏi xem nhà bếp có cần người phụ không, họ hứa sẽ nhận em vào làm và nuôi cơm.

Giờ đây công chúa là một chị phụ bếp, thôi thì thượng vàng hạ cám⁽²⁾ việc gì cũng phải làm. Hai bên tập để nàng buộc chặt hai chiếc nôi con, nàng bỏ phần cơm của mình vào đó và mang về nhà để hai vợ chồng cùng ăn.

Lần ấy trong cung vua tổ chức hôn lễ của nhà vua, tò mò chị phụ bếp cũng

(1) *Hiệp sĩ*: người đàn ông có tài võ nghệ, có vị trí nhất định trong xã hội xưa. Hiệp sĩ cũng chỉ người hành động vì nghĩa, bênh vực kẻ yếu thế.

(2) *Thượng vàng hạ cám*: đủ các thứ, từ cái quý giá đến cái tầm thường.

len vào đứng trước cửa ngõ vào. Khi đèn lần lượt được thắp sáng, cảnh đẹp lộng lầy trong cung vua mới hiện lên hết, khách lần lượt bước vào phòng đại tiệc, cảnh cũng như người nom thật huy hoàng, tráng lệ, ai thấy cũng phải vui mắt. Lúc này, chị phụ bếp thấy lòng buồn tủi thay cho số phận của mình, thầm trách tính kiêu căng, ngông cuồng của mình, cũng chính những tính ấy đã làm nàng trở nên thấp hèn và khổ cực như bây giờ. Kẻ hầu người hạ ra vào tới tấp, bưng lên cho khách toàn sơn hào hải vị, mùi thơm nức mũi. Thỉnh thoảng kẻ hầu người hạ ném cho ít đồ ăn thừa, nàng cúi nhặt cho vào nồi. Bỗng nhiên nhà vua bước vào, lựa là châu báu đầy người, cổ đeo dây chuyền vàng. Nhìn thấy người đẹp đứng ngõ bên cửa, nhà vua nắm tay nàng, muốn cùng nàng vui nhảy, nhưng nàng sợ hãi giật tay lại.

Nàng nhận ra đó chính là Vua chích choè, người đã từng muốn làm phò mã và bị nàng nhạo báng, từ chối. Nàng cố sức giật tay lại nhưng chẳng ăn thua gì cả, vẫn bị chàng kéo vào tới giữa phòng làm dây buộc nổi đứt, hai cái nồi rơi xuống đất, súp và bánh mì vung ra khắp nền nhà. Khách khứa và những người đứng đó thấy cảnh tượng ấy đều bật cười và chêm pha những lời nhạo báng. Xấu hổ quá, nàng ước gì độn thổ⁽¹⁾ xuống sâu một ngàn sải tay. Nàng giật mạnh một cái khỏi tay Vua chích choè, lao thẳng ra phía cửa để chạy trốn, nhưng mới tới được cầu thang lại bị một người đàn ông lôi lại, khi định thần lại được, nàng thấy người đó chính là Vua chích choè. Chàng vui vẻ nói nhỏ vào tai nàng:

– Em đừng có sợ hãi, người hát rong sống chung với em trong căn lều lụp xụp chính là anh. Vì yêu em nên anh đóng giả người hát rong. Chính anh cũng là kị sĩ cho ngựa chạy đỡ vỡ hết hàng sành sứ của em. Tất cả những việc đó chỉ nhằm uốn nắn tính kiêu ngạo của em và để trừng phạt tính ngông cuồng thích nhạo báng người khác của em.

Lúc ấy nàng bật oà lên khóc nức nở và nói:

– Em đã làm những điều sai trái, thật không xứng đáng là vợ của anh.

(1) *Độn thổ*: trốn, ẩn xuống đất.

Chàng đáp:

– Em đừng buồn nữa, những ngày cay đắng đã qua, giờ chúng ta hãy làm đám cưới.

Nàng vào thay quần áo, toàn thể triều đình đều có mặt, chúc mừng công chúa kết hôn với Vua chích choè. Nỗi vui mừng thật sự cũng bắt đầu từ đây. Tôi tin rằng, tôi và bạn đều có mặt trong buổi lễ cưới.

(*Truyện cổ Gờ-rim (Grimm)*, Lương Văn Hồng dịch,
NXB Văn học, Hà Nội, 2018, tr. 625 – 630)

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Trong bữa tiệc kén chọn phò mã, công chúa đã giấu cọt mọi người ra sao? Điều đó thể hiện đặc điểm gì của nhân vật?
2. Nhà vua đã dùng hình phạt nào dành cho công chúa? Hình phạt này đã dẫn đến những thay đổi gì trong cuộc đời của công chúa?
3. Ai đã đóng giả thành “người hát rong”? Người hát rong này đã yêu cầu công chúa làm những việc gì và mục đích của những yêu cầu đó?
4. Trong nhiều truyện kể, chủ đề của truyện chính là bài học cuộc sống mà nhân vật nhận ra từ câu chuyện của cuộc đời mình. Theo em, chủ đề của truyện này là gì?
5. Kết thúc truyện, người kể chuyện nói: “Tôi tin rằng, tôi và bạn đều có mặt trong buổi lễ cưới.” Theo em, điều này có hợp lí không? Vì sao?

Viết

Viết bài văn nhập vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích

Một câu chuyện có thể được nhiều người chứng kiến, đánh giá và kể lại theo những cách khác nhau. Hãy hình dung xem những truyện cổ tích mà em đã đọc có thể được kể lại như thế nào. Nhập vai một nhân vật trong câu chuyện là một trong những cách làm cho truyện kể trở nên khác lạ, thú vị và tạo ra hiệu quả bất ngờ. Em có muốn trải nghiệm những điều khác lạ, thú vị và bất ngờ như vậy không?

Yêu cầu đối với bài văn nhập vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích:

- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện nhập vai một nhân vật trong truyện.
- Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; nội dung được kể không làm sai lệch nội dung vốn có của truyện.
- Cần có sự sắp xếp hợp lí các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo.
- Có thể bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật.

Phân tích bài viết tham khảo

Nhập vai nhân vật kể lại một phần truyện *Thạch Sanh*

Xin chào mọi người! Mọi người có nhận ra ta không? Bây giờ ta đã là vua, chắc mọi người khó nhận ra ta vốn là ai. Ta chính là chàng trai nghèo Thạch Sanh đây. Mọi người vẫn không tin ta sao? Vậy để ta kể lại một phần cuộc đời ta trước đây cho mọi người nghe. Nghe xong mọi người sẽ nhận ra ta thôi.

Kể lại câu chuyện từ người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng "ta", nhập vai Thạch Sanh sau khi lên ngôi vua).

Ta mồ côi cha mẹ từ tấm bé, phải sống cô đơn trong một túp lều nhỏ dưới gốc đa. Gia tài của ta chỉ có mỗi chiếc búa cha ta để lại. Thấy ta côi cút, tên Lý Thông đã gạ ta kết nghĩa anh em với y. Ta tưởng y thật lòng nên vui vẻ nhận lời về sống chung với mẹ con y. Nào ngờ, Lý Thông là kẻ gian xảo, đã lợi dụng ta làm việc không công cho y. Rồi y lừa ta đến nộp mình cho trăn tinh – con quái vật đã hoành hành bao nhiêu năm trong vùng, mỗi năm bắt một mạng người. Nhờ có võ nghệ và phép thần thông, ta đã đánh chết trăn tinh, chặt đầu nó mang về nhà cùng với một bộ cung tên bằng vàng mà nó để lại. Mẹ con Lý Thông lại tiếp tục lừa ta rằng ta đã giết con vật quý của nhà vua. Lúc ấy, ta ngây thơ

Các chi tiết được sắp xếp theo trình tự thời gian, tập trung vào các chi tiết kì ảo.

tin là thật nên vội vã trở lại túp lều cũ để nương thân, không hề biết rằng mẹ con Lý Thông đã mang đầu trần tinh vào cung vua lĩnh thưởng.

Kể theo diễn biến chính của truyện gốc, có sáng tạo thêm (lời kể, một số chi tiết,...)

Một hôm, ta đang ngồi trong lều thì nghe thấy có tiếng kêu khóc trên trời. Ta nhìn lên thì thấy một con đại bàng khổng lồ đang quắp một cô gái bay qua. Tức thì, ta dùng cung tên vàng nhắm bắn theo. Con đại bàng bị trúng tên vào cánh, lảo đảo nhưng vẫn cố gắng bay về hang. Ta lần theo vết máu mà tìm được chỗ nó ẩn náu, nhưng hang sâu quá ta không xuống được. Lúc ấy, ta nghĩ đại bàng bị thương nặng, chắc chưa thể làm hại cô gái nên đánh dấu chỗ nó trốn rồi quay về lều.

Mấy hôm sau, nghe tin có hội hát xướng, ta tò mò đến xem, tình cờ gặp lại Lý Thông. Lúc bấy giờ, ta nghe y kể chuyện được phong Quận công và đang phụ trách việc tìm kiếm công chúa. Ta thật thà kể lại chuyện bắn đại bàng và chỗ ở của nó. Lý Thông liền nhờ ta dẫn y và binh lính đến hang đại bàng.

Tập trung khai thác những suy nghĩ, hành động cụ thể của nhân vật được nhập vai.

Đến nơi, Lý Thông và binh lính không dám xuống. Ta bèn bảo y và binh lính dùng dây thừng đưa ta xuống. Đến đáy hang, ta gặp ngay đại bàng đang nằm trị thương trên một tảng đá còn công chúa bị nhốt trong một cái cũi sắt. Công chúa thấy ta thì vui mừng khôn xiết, đưa ánh mắt yếu ớt cầu cứu. Còn thấy ta, con đại bàng quắc mắt, vùng ngay dậy, đập cánh, giương vuốt sắc lao đến hòng quắp lấy ta. Ta nhanh chân né được, rút ngay cung tên vàng bắn nó mù mắt. Nó loạng choạng rớt xuống nền hang. Ta liền dùng búa chặt đứt bộ vuốt sắc rồi bổ đôi đầu nó ra. Diệt xong con quái vật, ta giải thoát cho công chúa rồi buộc dây vào người nàng, ra hiệu cho quân lính kéo lên khỏi hang. Công chúa vừa ra khỏi hang, ta thấy hang bỗng nhiên tối sầm, rồi nghe tiếng Lý Thông hò hét quân lính lấp thêm đá vào cửa hang. Lúc bấy giờ, ta mới hiểu Lý Thông đã cố tình hại ta và từ trước đến giờ y đều lừa ta, lợi dụng ta.

Chuyện cũng đã dài mà giờ thì ta đang rất bận rộn chuyện triều chính nên không có thời gian để kể tiếp. Chuyện sau đó diễn ra thế nào thì hẳn mọi

người cũng đã biết rồi đấy. Ta đã trở lại cung vua, trị tội mẹ con Lý Thông, giải phóng đất nước khỏi sự bao vây của các nước chư hầu, kết hôn cùng công chúa và kế tục ngôi vua. Vậy nên, ta chỉ muốn nói một điều ta rất tâm đắc: ở hiền gặp lành, ác giả ác báo!

(Nhóm biên soạn)

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

a. Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng

Khi nhập vai nhân vật kể lại câu chuyện, ngôi kể sẽ là ngôi thứ nhất. Tuy nhiên, em có thể chọn những từ khác nhau để chỉ ngôi thứ nhất: *ta, tôi, mình, tớ,...* phù hợp với địa vị, giới tính,... của nhân vật em nhập vai cũng như bối cảnh kể.

b. Chọn lời kể phù hợp

- Khi kể lại truyện trong vai một nhân vật cụ thể, em cần xác định được giới tính, tuổi tác, địa vị,... của nhân vật để lựa chọn lời kể phù hợp (cách xưng hô, dùng từ ngữ,...).
- Tính chất lời kể (vui, buồn, thân mật, nghiêm trang,...) cũng cần phù hợp với nội dung câu chuyện được kể, bối cảnh kể.

c. Ghi những nội dung chính của câu chuyện

- Cần ghi nhớ và tôn trọng những chi tiết đã biết về nhân vật cũng như cốt truyện gốc.
- Dự kiến những yếu tố, chi tiết sẽ được sáng tạo thêm.
- Có thể lập một bản tóm tắt các sự kiện, tình tiết theo thứ tự trước sau để dễ dàng ghi nhớ và kể lại.

d. Lập dàn ý

Sau khi đã chuẩn bị theo các bước như trên, hãy lập một dàn ý cho bài viết theo gợi ý dưới đây:

Mục đích viết

Kể lại truyện cổ tích một cách sáng tạo, sinh động, hấp dẫn để truyền đạt được nội dung cơ bản của câu chuyện dưới một hình thức mới.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến câu chuyện mà em kể lại.

Dàn ý

1. Mở bài: Nhập vai nhân vật để tự giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.
2. Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện.
 - Xuất thân của các nhân vật
 - Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện
 - Diễn biến chính:
 - Sự việc 1
 - Sự việc 2
 - Sự việc 3
 - ...
3. Kết bài: Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện.

2. VIẾT BÀI

Khi viết bài, cần lưu ý:

- Nhất quán về ngôi kể: Trong bài này, em sẽ vào vai người kể chuyện ngôi thứ nhất để kể lại câu chuyện.
- Kể lại câu chuyện: Dựa vào truyện gốc (nhân vật, sự kiện, ngôn ngữ,...) nhưng hãy cố gắng sáng tạo ở những chỗ cho phép (chi tiết hoá, cụ thể hoá những chỗ truyện gốc còn chung chung; gia tăng yếu tố kì ảo, tưởng tượng; tăng cường bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc, đánh giá của người kể chuyện; gia tăng việc miêu tả, bình luận, liên tưởng;...).

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Xem lại và chỉnh sửa bài viết theo một số gợi ý sau đây:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện nhập vai một nhân vật trong truyện.	Rà soát để bảo đảm sự chính xác và thống nhất về người kể chuyện, ngôi kể, từ ngữ xưng hô. Nếu chưa chính xác và thống nhất, cần chỉnh sửa.
Có sự tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; nội dung được kể không làm sai lệch nội dung vốn có của truyện.	Đánh dấu các diễn biến chính, các chi tiết được lấy từ truyện gốc; kiểm tra tính chính xác của chúng. Nếu chưa chính xác thì cần sửa lại cho đúng với truyện gốc. Kiểm tra tính hợp lí, nhất quán giữa các chi tiết được sáng tạo thêm với truyện gốc (quan hệ nhân quả, trật tự thời gian,...). Nếu chưa phù hợp, cần sửa lại.

Cần có sự sắp xếp hợp lí các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giữa các phần.	Rà soát trình tự lô-gíc và sự kết nối giữa các chi tiết, các đoạn, các phần. Chỉnh sửa nếu chưa hợp lí.
Cần bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật.	Kiểm tra các yếu tố miêu tả, biểu cảm. Nếu chưa có hoặc chưa đủ thì cần bổ sung.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt	Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt (dùng từ, đặt câu,...). Chỉnh sửa nếu phát hiện có lỗi.

Nói và nghe

Kể lại một truyện cổ tích bằng lời một nhân vật

Sau một thời gian làm việc chăm chỉ, em đã có bài viết kể lại một truyện cổ tích bằng lời một nhân vật. Nhiệm vụ của em bây giờ là tiếp tục “nhập vai” nhân vật để kể lại câu chuyện bằng giọng nói, cử chỉ, điệu bộ,... phù hợp. Nhưng làm thế nào để câu chuyện hay hơn, hấp dẫn hơn và nhận được những phản hồi tích cực từ phía người nghe? Và nếu có những góp ý cho phần trình bày của em, em sẽ đón nhận và hồi đáp ra sao? Khi nghe bạn trình bày, em cần lắng nghe và phản hồi như thế nào cho phù hợp, hiệu quả?

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

Em cần đọc lại nhiều lần bài viết đã có của mình; tóm tắt thành đề cương, đánh dấu những chi tiết, sự kiện quan trọng không thể bỏ qua khi nói.

Mục đích nói

Kể lại truyện cổ tích (một phần hoặc toàn bộ) trong vai một nhân vật của truyện.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến câu chuyện em kể.

b. Tập luyện

- Để kể tốt câu chuyện, em có thể tập luyện một mình hoặc cùng bạn bè, người thân. Tập kể như thể em đang kể chuyện thực sự trước lớp. Thử nhiều cách khác nhau để tìm ra cách trình bày tốt nhất. Tập luyện nhiều giúp em tự tin hơn. Em có thể lựa chọn một trong hai hoặc kết hợp cả hai hình thức tập luyện sau:
- Tập luyện một mình trước khi kể trên lớp.
- Tập luyện trước nhóm bạn hoặc người thân và nhờ họ nhận xét, góp ý để hoàn thiện bài nói.
- Một số lưu ý khi tập luyện: xác định giọng kể khi nhập vai nhân vật (thân mật, hồi tưởng, nghiêm nghị, sôi nổi,...); lựa chọn thêm các phương tiện hỗ trợ nếu cần thiết (bản nhạc, tranh ảnh, bản trình chiếu, đạo cụ,...); nắm chắc cốt truyện, sự kiện, chi tiết hay đối thoại; nhập vai (lên giọng, xuống giọng khi kể, phối hợp sử dụng cử chỉ, điệu bộ).

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Khi trình bày bài nói, ngoài một số kĩ năng đã được học ở các bài trước, em nên chú ý một số điều sau:

- Tuỳ theo nhân vật được nhập vai, nội dung câu chuyện được kể mà có cách trình bày (giọng kể, cử chỉ,...) phù hợp.
- Cố gắng nhập vai nhân vật mà em lựa chọn, sử dụng hiệu quả ngôn ngữ cơ thể (động tác, điệu bộ, khẩu hình, nét mặt,...) để câu chuyện được kể sinh động, hấp dẫn. Tăng cường tương tác để lôi cuốn người nghe vào câu chuyện.
- Giọng kể cần thay đổi linh hoạt cho phù hợp với lời người kể chuyện và lời của mỗi nhân vật; nội dung kể cần tập trung vào những sự việc, chi tiết độc đáo, thú vị, tránh cách kể chuyện đều đều, gây cảm giác buồn tẻ.

3. SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
• Trao đổi lại với người nói về nội dung và cách trình bày câu chuyện. • Nhận xét về bài kể (về nội dung hay cách thức kể chuyện) và đề xuất cách giải quyết theo hướng: Nếu là người nói, em sẽ kể những gì và kể như thế nào?	• Giải thích thêm về ý tưởng, cách tổ chức cốt truyện, cách nhập vai hoặc cách kể lại câu chuyện của mình; tiếp thu ý kiến góp ý về bài kể; nêu những ý tưởng, cách thức mới sau khi được nghe góp ý. • Trao đổi lại với các ý kiến nhận xét của người nghe.

Củng cố, mở rộng

1. Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin về các đặc điểm của truyện cổ tích:

STT	Các yếu tố	Đặc điểm
1	Chủ đề	
2	Nhân vật	
3	Cốt truyện	
4	Lời kể	
5	Yếu tố kì ảo	

2. Sưu tầm một số bản kể hoặc các hình thức kể khác (truyện thơ, kịch, phim hoạt hình,...) của các truyện cổ tích *Thạch Sanh* và *Cây khế*. So sánh và nêu nhận xét về sự giống nhau và khác nhau giữa các bản kể hoặc các hình thức kể đó.

3. Hãy thử phác hoạ “thế giới cổ tích” như em biết bằng một đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu).

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Sức hấp dẫn của các yếu tố kì ảo trong câu chuyện.
- Quan hệ giữa hình dáng và phẩm chất của nhân vật Sọ Dừa.
- Ước mơ của tác giả dân gian qua kết thúc truyện.

Sọ Dừa

Hai vợ chồng nhà nọ đã nghèo lại hiếm⁽¹⁾, mãi về già mới được mụn con⁽²⁾. Khốn thay, đứa con ấy lại dị hình dị dạng⁽³⁾, lọt lòng mẹ chỉ là cục thịt đỏ hồng⁽⁴⁾, có mắt, có mũi, nhưng không có mình mẩy, tay chân. Người ta kể, người vợ vào rừng hái củi. Trời nắng to, bà ta khát nước quá, thấy một cái sọ dừa có đựng ít nước mưa. Không chần chừ, bà ta bưng lấy uống. Thế rồi về nhà có mang⁽⁵⁾.

Thấy con không ra hình người, bà ta buồn lắm, định vứt đi. Nhưng nghĩ lại cũng thương, dù sao cũng là khúc ruột đứt ra, bà ta cứ để nuôi, đặt tên là Sọ Dừa.

Lớn lên, Sọ Dừa vẫn không khác lúc nhỏ, cứ lẩn lóc trong nhà, chẳng làm được việc gì. Một hôm bà mẹ than phiền:

– Con nhà người ta bằng ấy tuổi đầu đã đi ở chăn bò, lấy tiền về nuôi cha mẹ, còn mày thì chẳng được tích sự⁽⁶⁾ gì!

Sọ Dừa nói:

– Gì chứ chăn bò thì con cũng chăn được. Mẹ cứ xin phú ông⁽⁷⁾ cho con đến ở chăn bò vậy.

Bà mẹ đến xin phú ông, phú ông ngần ngại. Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao? Nhưng mà nuôi nó thì được cái ít tốn cơm, công sá chẳng bao lăm⁽⁸⁾, rẻ hơn đứa khác nhiều. Thôi cứ thử xem! Thế là Sọ Dừa đến ở.

Sọ Dừa chăn bò rất giỏi. Hằng ngày, hễ lặn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lặn sau đàn bò về chuồng. Bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm. Tiết nông nhàn⁽⁹⁾, phú ông làm trại trên núi thả bò ăn cỏ, bảo Sọ Dừa ở

(1) *Hiếm*: (người lập gia đình đã lâu) ít hoặc mãi chưa có con.

(2) *Mụn con*: đứa con (ngầm ý ít con).

(3) *Dị hình dị dạng*: hình dạng khác biệt, không bình thường.

(4) *Đỏ hồng*: màu đỏ của da đứa trẻ mới sinh.

(5) *Có mang*: có thai.

(6) *Tích sự*: việc có ích, việc có thành quả.

(7) *Phú ông*: người đàn ông giàu có ở nông thôn thời trước.

(8) *Bao lăm*: bao nhiêu (dùng trong câu có ý phủ định).

(9) *Tiết nông nhàn*: khoảng thời gian rảnh rỗi của nhà nông trong năm.

lại trông, cơm nước có người đưa lên tận nơi. Phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa. Hai cô chị xinh đẹp nhưng kiêu kì, thường hắt hủi Sọ Dừa, còn cô em út hiền lành, tính hay thương người, đối đãi với Sọ Dừa rất tử tế.

Một hôm, cô ta vừa mang cơm đến dưới chân đồi thì nghe tiếng sáo véo von. Cô ta lấy làm lạ, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây, rình xem, thì thấy một chàng trai, mặt mũi khôi ngô, đang ngồi trên chiếc võng đào⁽¹⁾ mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Có tiếng động, chàng trai biến mất, chỉ thấy Sọ Dừa nằm lẩn lóc ở đấy. Nhiều lần như thế. Cô gái biết Sọ Dừa không phải người phàm trần⁽²⁾. Cô đem lòng yêu, có của ngon vật lạ đều giấu đem lên cho.



Cuối mùa ở, Sọ Dừa về, bảo mẹ đến hỏi con phú ông làm vợ. Bà mẹ hết sức sung sướng, nhưng thấy con năn nỉ, cũng chiều lòng, đành kiếm buồng cau đến gặp phú ông. Phú ông cười mỉa:

– Ừ được! Muốn hỏi con gái tôi, hãy về sắm đủ mười mâm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm⁽³⁾ và một chính vàng cốm⁽⁴⁾, đem sang đây làm lễ vấn danh⁽⁵⁾!

Tưởng thách thế cho mẹ con Sọ Dừa bẽ mặt, không ngờ sáng hôm sau, Sọ Dừa mang lễ sang đầy đủ. Phú ông lúng túng, nhưng thấy của hoa mắt, mới gọi ba cô con gái lên hỏi xem ý con ra sao. Hai cô chị bĩu môi,

(1) *Võng đào*: võng nhuộm màu đỏ hồng như hoa đào.

(2) *Phàm trần*: cõi đời bình thường, thế tục.

(3) *Vò rượu tăm*: bình chứa rượu ngon, nồng độ cao, khi rót thường sủi tăm.

(4) *Chính vàng cốm*: hũ bằng gốm sứ, đựng vàng vụn, nhỏ.

(5) *Lễ vấn danh*: lễ nhà trai sang dặm hỏi nhà gái việc cưới xin theo phong tục xưa.

nguyt Sọ Dừa một cái rỗ dài, rồi đi vào. Cô em út e lệ, cúi mặt xuống, tỏ ý bằng lòng. Thế là thành đôi lứa.

Từ hôm cưới, Sọ Dừa không còn là Sọ Dừa nữa mà hiện thành một chàng trai lịch sự. Vợ chồng ăn ở với nhau rất đầm ấm. Không những thế, Sọ Dừa tỏ ra thông minh khác thường, ngày đêm miệt mài đèn sách, chờ khoa thi. Năm ấy, Sọ Dừa đỗ Trạng nguyên⁽¹⁾. Chẳng bao lâu, có chiếu⁽²⁾ nhà vua sai quan trạng đi sứ. Khi chia tay, quan trạng đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và hai quả trứng gà, dặn phải giắt luôn trong người phòng khi dùng đến.

Từ ngày cô em út lấy được chồng Trạng nguyên, hai cô chị sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà trạng. Nhân quan trạng đi sứ vắng, hai cô chị sang chơi, rủ em chèo thuyền ra biển, rồi đẩy em rơi xuống nước. Một con cá kình⁽³⁾ nuốt chửng vào bụng. Sẵn có con dao, cô em đâm chết cá, xóc cá nổi lên bề mặt biển rồi dạt vào một hòn đảo. Cô em lại lấy dao khoét bụng cá chui ra, lấy hai hòn đá đánh, bật lửa lên, rồi xẻ thịt cá nướng ăn, sống qua ngày, chờ có thuyền đi qua thì gọi vào cứu. Hai quả trứng cũng nở thành một đôi gà đẹp làm bạn với cô ta giữa cảnh đảo hoang vắng.

Một hôm có chiếc thuyền cắm cờ đuôi nheo lướt qua đảo. Con gà trống thấy, gáy to ba bốn lần:

O... o... o... o

Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về.

Quan trạng cho thuyền vào xem. Vợ chồng gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Nghe vợ kể chuyện lại, quan trạng mới hay vợ mình gặp nạn thế ấy, và hai cô chị độc ác thế kia. Về nhà, quan trạng mở tiệc mừng, mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ trong buồng không cho ra mắt. Hai cô chị không hay biết gì hết, khắp khởi mừng thăm, chắc chuyến này được thay em làm bà trạng. Hai cô chị tranh nhau kể chuyện cô em rủi ro rồi khóc nức nở ra chiều thương tiếc lắm. Quan trạng không nói gì. Tiệc xong, quan trạng cho gọi vợ ra. Hai người chị xấu hổ quá, lên ra về lúc nào không ai hay và từ đó bỏ đi biệt xứ⁽⁴⁾.

(Trương Chính, *Truyện cổ dân gian Việt Nam*,
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1983, tr. 53 – 55)

(1) *Trạng nguyên*: học vị cao nhất trong hệ thống thi cử thời xưa.

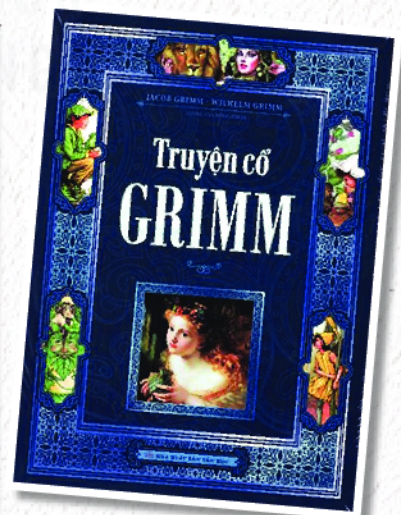
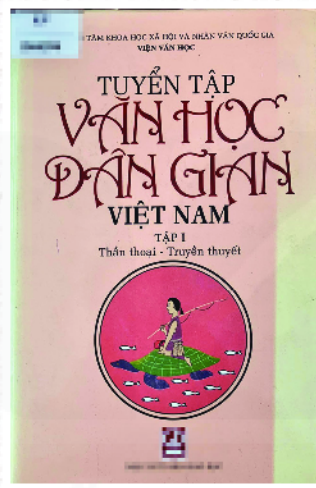
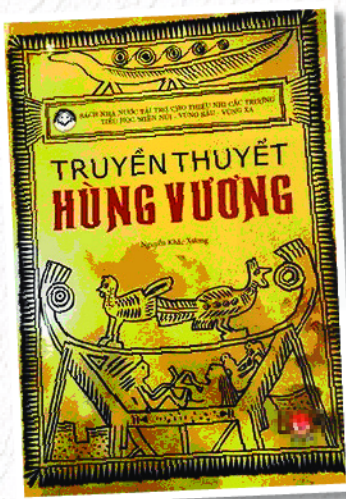
(2) *Chiếu*: một loại văn bản do vua ban hành.

(3) *Cá kình*: cá voi.

(4) *Đi biệt xứ*: đi xa hẳn khỏi nơi sinh sống.

ĐỌC MỞ RỘNG

- Tìm đọc một số truyền thuyết và truyện cổ tích.
- Trao đổi về những cảm nhận, suy nghĩ của em khi đọc những truyền thuyết, truyện cổ tích đó. Tập trung vào những yếu tố cơ bản của mỗi thể loại như chủ đề, cốt truyện, nhân vật, lời kể và yếu tố kì ảo,...
- Kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích mà em thích.



KHÁC BIỆT VÀ GẦN GŨI

Trên đời chẳng có người tẻ nhạt.

Ép-ghê-nhi Ép-tu-sen-cô (Evgheni Evtushenko)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Hãy nhìn xem, cuộc sống quanh ta đa dạng và phong phú biết bao. Mỗi người đều có những đặc điểm riêng về thể chất và tâm hồn. Nhưng bên cạnh những khác biệt, giữa mọi người vẫn có nhiều điều gần gũi, nhiều điểm chung. Nhờ đó, chúng ta mới có khả năng thấu hiểu nhau, để hợp tác và chia sẻ.
- Vì sao giữa mọi người vừa có sự khác biệt lại vừa có nét gần gũi? Sự khác biệt và gần gũi như vậy có ý nghĩa gì? Để trả lời những câu hỏi này, cần phải đưa ra những lí lẽ, bằng chứng để bàn luận một cách thuyết phục.



Học nhóm, tranh sơn dầu của Nguyễn Thị Hiền

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.
- Tóm tắt được nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.
- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.
- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.
- Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng (vấn đề); tóm tắt được ý kiến của người khác và biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.
- Sống trung thực, thể hiện đúng những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Văn bản nghị luận

Văn bản nghị luận là văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.

Các yếu tố cơ bản trong văn bản nghị luận

Văn bản nghị luận thường bàn về một hiện tượng, một vấn đề nhằm khẳng định ý kiến của người viết (người nói) về hiện tượng (vấn đề) đó. Để có sức thuyết phục, người viết (người nói) cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng. Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình. Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.

Trạng ngữ

Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, có thể được đặt ở đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu, nhưng phổ biến là ở đầu câu. Trạng ngữ được dùng để nêu thông tin về thời gian, địa điểm,

mục đích, cách thức,.... của sự việc được nói đến trong câu. Ngoài ra, trạng ngữ còn có chức năng liên kết câu trong đoạn.

Tác dụng của lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của văn bản

Để thể hiện một ý, có thể dùng những từ ngữ khác nhau, những kiểu cấu trúc câu khác nhau. Khi tạo lập văn bản, người viết thường xuyên phải lựa chọn từ ngữ hoặc cấu trúc câu phù hợp để biểu đạt chính xác, hiệu quả nhất điều muốn nói.

VĂN BẢN ĐỌC

- *Xem người ta kia!*, Lạc Thanh
- *Tiếng cười không muốn nghe*, Minh Đăng
- *Bài tập làm văn* (trích *Nhóc Ni-cô-la (Nicolas): những chuyện chưa kể*), Rơ-nê Gô-xi-nhi (René Goscinny) và Giăng-giắc Xăng-pê (Jean-Jacques Sempé).

Xem người ta kia!

LẠC THANH

Trước khi đọc

1. Có bao giờ em phải cố gắng để giống với một người bạn mà em ngưỡng mộ?
2. Trong cuộc sống, mỗi người có quyền thể hiện cái riêng của mình hay không? Vì sao?

Đọc văn bản

“Xem người ta kia!” – đó là câu mẹ tôi thường thốt lên mỗi khi không hài lòng với tôi về một điều gì đó. Cùng với câu này, mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”, “Có ai như thế không?”, “Có ai làm vậy không?”, “Ai đời lại thế?”,... Tôi là đứa trẻ được dạy

THEO DÕI Chú ý cách vào bài bằng lời kể. Phải chăng, kể chuyện cũng là một cách để nêu vấn đề cần bàn luận?

nhiều về hiếu thuận⁽¹⁾, tôi đã cố sức vâng lời để mẹ vui lòng. Nhưng mỗi lần như vậy, thú thật, tôi không thấy thoải mái chút nào.

Giờ đây, mẹ tôi đã khuất⁽²⁾ và tôi cũng đã lớn. Tôi luôn nhớ về mẹ với niềm xúc động khôn nguôi⁽³⁾. Tôi đã hiểu ra, mỗi lần bảo tôi: “Xem người ta kia!” là một lần mẹ mong tôi làm sao để bằng người, không thua em kém chị, không làm xấu mặt gia đình, dòng tộc, không để ai phải phàn nàn, kêu ca điều gì. Mà có lẽ không riêng gì mẹ tôi. Có người mẹ nào trên đời không ước mong điều đó?

Mẹ tôi không phải không có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực⁽⁴⁾ để noi theo. Trên đời, mọi người giống nhau nhiều điều lắm. Ai chẳng muốn thông minh, giỏi giang? Ai chẳng muốn được tin yêu, tôn trọng? Ai chẳng muốn thành đạt?

Thành công của người này có thể là niềm ao ước của người kia. Vì lẽ đó, xưa nay, đã có không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng⁽⁵⁾. Mẹ muốn tôi giống người khác, thì “người khác” đó trong hình dung của mẹ nhất định phải là người hoàn hảo⁽⁶⁾, mười phần vẹn mười.

Tuy vậy, trong thâm tâm⁽⁷⁾, tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.

Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ, tôi dần dần hiểu ra rằng, thế giới này là muôn màu muôn vẻ, vô tận và hấp dẫn lạ lùng. Chim thú trên rừng, cá tôm dưới biển cũng thế mà xã hội con người cũng thế. Kia, các bạn trong lớp tôi mỗi người một vẻ, sinh động biết bao. Ngoại hình cao thấp, béo gầy, đen trắng khác nhau, giọng nói khác nhau đã đành, mà thói quen, sở thích cũng có giống nhau đâu. Tùng thích vẽ vời; Nhung ưa ca hát, nhảy múa. Hoài thì sôi nổi, nhí nhảnh;

THEO DÕI Lí do khiến mẹ muốn con giống người khác?

THEO DÕI Những bằng chứng nào chứng tỏ thế giới này là muôn màu muôn vẻ?

(1) *Hiếu thuận*: có lòng kính yêu và biết nghe lời cha mẹ.

(2) *Khuất*: chết.

(3) *Khôn nguôi*: không thể quên.

(4) *Chuẩn mực*: cái được chọn làm căn cứ để theo đó mà làm cho đúng.

(5) *Xuất chúng*: nổi bật, hơn hẳn mọi người về tài năng, trí tuệ.

(6) *Hoàn hảo*: tốt đẹp về mọi mặt.

(7) *Thâm tâm*: nơi sâu kín trong lòng.

Thơ lúc nào cũng kín đáo, trầm tư. Trần Long nổi tiếng là một “danh hài”, Minh Diệu thì hơn người ở trí nhớ siêu việt⁽¹⁾,... Người ta thường nói học trò “nghịch như quỷ”, ai ngờ “quỷ” cũng là cả một thế giới, chẳng “quỷ” nào giống “quỷ” nào! Tôi đã đọc đâu đó một câu rất hay: “Chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này là... không ai giống ai cả”. Chính chỗ “không giống ai” nhiều khi lại là một phần rất đáng quý trong mỗi con người.



Những bí ẩn của chân trời, tranh sơn dầu của Ro-nê Ma-grit (René Magritte)

Tôi muốn trở lại với dòng hồi ức⁽²⁾ được khai mở ở đầu bài. Dù có ý định tốt đẹp, những người thân yêu của ta đôi lúc cũng không hẳn đúng khi ngăn cản, không để ta được sống với con người thực của mình. Ai cũng cần hoà nhập, nhưng sự hoà nhập có nhiều lối chứ không phải một. Mỗi người phải được tôn trọng, với tất cả những cái khác biệt vốn có. Sự độc đáo của từng cá nhân làm cho tập thể trở nên phong phú. Nếu chỉ ao ước được giống người khác, thì làm sao ta có hi vọng đóng góp cho tập thể, cho cộng đồng một cái gì đó

(1) *Siêu việt*: vượt lên hẳn so với người bình thường.

(2) *Hồi ức*: nhớ lại điều bản thân đã trải qua.

của chính mình? Đòi hỏi chung sức chung lòng không có nghĩa là gạt bỏ cái riêng của từng người.

Càng lớn, tôi càng hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn. Tôi không còn cái cảm giác khó chịu nữa bởi đã nhận thức được rằng, những lời trách cứ⁽¹⁾ mẹ dành cho tôi cũng có thể là câu mà bao người mẹ trên đời đã nói với con. Tôi muốn đổi nội dung câu nói “Xem người ta kia!” thành một lời khích lệ: Người ta đã khác, đã hay như thế, sao mình lại không khác, không hay, theo cách của mình? Biết hoà đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lại cái riêng và tôn trọng sự khác biệt. Chẳng phải vậy sao?

SUY LUẬN Việc kết thúc văn bản bằng các câu hỏi có ý nghĩa gì?

(Theo Lạc Thanh, tạp chí Sông Lam, số 8/2020)

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Khi thốt lên “Xem người ta kia!”, người mẹ muốn con làm gì?
2. Chỉ ra ở văn bản:
 - a. Đoạn văn nêu vấn đề bằng cách kể một câu chuyện.
 - b. Đoạn văn là lời diễn giải của người viết.
 - c. Đoạn văn dùng bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề.
3. Nội dung văn bản nhấn mạnh ý nghĩa của sự khác nhau hay giống nhau giữa mọi người?
4. Đọc lại đoạn văn có câu: *Mẹ tôi không phải không có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực để noi theo.* Hãy cho biết người mẹ có lí ở chỗ nào.
5. Chính chỗ “không giống ai” nhiều khi lại là một phần rất đáng quý trong mỗi con người. Tác giả đưa ra những ví dụ nào để làm sáng tỏ ý ở câu trên? Qua tìm hiểu các ví dụ đó, em học được gì về cách sử dụng bằng chứng trong bài nghị luận?
6. *Biết hoà đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lại cái riêng và tôn trọng sự khác biệt* – em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?
7. Nếu được đặt lại tên cho văn bản, em sẽ đặt như thế nào?
- 8*. Bức tranh *Những bí ẩn của chân trời* của Rơ-nê Ma-grit đã được sử dụng để minh hoạ cho văn bản *Xem người ta kia!* Theo em, điều đó có hợp lí không? Vì sao?

⁽¹⁾ Trách cứ: nói ra điều thể hiện sự không bằng lòng.

Viết kết nối với đọc

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: *Mỗi người cần có cái riêng của mình.*

Thực hành tiếng Việt

TRẠNG NGỮ

1. Chỉ ra trạng ngữ trong các câu sau và cho biết chức năng của trạng ngữ ở từng câu:

a. *Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ, tôi dần dần hiểu ra rằng, thế giới này là muôn màu muôn vẻ, vô tận và hấp dẫn lạ lùng.*

b. *Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi cũng đã lớn.*

c. *Dù có ý định tốt đẹp, những người thân yêu của ta đôi lúc cũng không hẳn đúng khi ngăn cản, không để ta được sống với con người thực của mình.*

2. Thử lược bỏ trạng ngữ trong các câu sau và chỉ ra sự khác nhau về nội dung giữa câu có trạng ngữ với câu không còn trạng ngữ:

a. *Cùng với câu này, mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”.*

b. *Trên đời, mọi người giống nhau nhiều điều lắm.*

c. *Tuy vậy, trong thâm tâm, tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.*

3. Thêm trạng ngữ cho các câu sau:

a. *Hoa đã bắt đầu nở.*

b. *Bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước.*

c. *Mẹ rất lo lắng cho tôi.*

Nhận biết trạng ngữ

- Đọc câu sau để biết vị trí của trạng ngữ: **Hồi nhỏ**, chúng tôi cùng học một lớp. Trong câu này, **hồi nhỏ** là trạng ngữ. Trạng ngữ đứng ở đầu câu như thế rất phổ biến trong tiếng Việt.

- Đọc các câu sau để hiểu chức năng của trạng ngữ:

- **Vi lẽ đó, xưa nay**, đã có không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng. (**Vi lẽ đó** là trạng ngữ vừa chỉ nguyên nhân, vừa để liên kết với câu trước; **xưa nay** là trạng ngữ chỉ thời gian.)

- **Để nói tốt ngoại ngữ**, các bạn nên mạnh dạn giao tiếp với người nước ngoài. (**Để nói tốt ngoại ngữ** là trạng ngữ chỉ mục đích.)

- Nhiều người thường cãi nhau **chỉ vì những bất đồng nhỏ**. (**Chỉ vì những bất đồng nhỏ** là trạng ngữ chỉ nguyên nhân.)

Trạng ngữ trong mỗi câu có một chức năng riêng (chỉ thời gian, chỉ mục đích, chỉ nguyên nhân, liên kết với câu trước,...).

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

4. Thành ngữ trong các câu sau có những cách giải thích khác nhau. Theo em, cách giải thích nào hợp lí?

a. Đòi hỏi **chung sức chung lòng** không có nghĩa là gạt bỏ cái riêng của từng người.

Chung sức chung lòng có nghĩa là:

- Nhất trí
- Đoàn kết
- Quyết tâm cao độ.

b. Mẹ muốn tôi giống người khác, thì “người khác” đó trong hình dung của mẹ nhất định phải là người hoàn hảo, **mười phân vẹn mười**.

Mười phân vẹn mười có nghĩa là:

- Tài giỏi
- Toàn vẹn, không có khiếm khuyết
- Đầy đủ, toàn diện.

5. Hãy xác định nghĩa của thành ngữ (in đậm) trong các câu sau:

a. Tôi đã hiểu ra, mỗi lần bảo tôi: “Xem người ta kia!” là một lần mẹ mong tôi làm sao để bằng người, không **thua em kém chị**.

b. Kia, các bạn trong lớp tôi **mỗi người một vẻ**, sinh động biết bao.

c. Người ta thường nói học trò “**ngịch như quỷ**”, ai ngờ quỷ cũng là cả một thế giới, chẳng “quỷ” nào giống “quỷ” nào!

Tiếng cười không muốn nghe

MINH ĐĂNG

Trước khi đọc

1. Em đã từng bị cười nhạo hay chứng kiến cảnh bạn mình bị cười nhạo chưa?
Em có nhận thấy hành động cười nhạo người khác là vô lí không?
2. Cần ứng xử như thế nào khi bị người ta cười nhạo?

Đọc văn bản

Mỗi khi được nghe tiếng cười tươi trẻ, hồn nhiên của bạn bè trong lớp hay của ai đó bên ngoài, tôi đều cảm thấy ấm lòng. Nó như truyền thêm cho tôi niềm vui sống, sự yêu đời. Hoá ra, tiếng cười cũng có nhiều

âm sắc⁽¹⁾, chứa nhiều hàm ý. Có tiếng cười trao gửi một niềm tin yêu; có tiếng cười thay cho một lời cảm ơn, một tình cảm chân thành muốn nói; có tiếng cười hài hước, dí dỏm khiến người ta quên cả mệt nhọc; có tiếng cười phê phán những thói hư tật xấu. Tuy nhiên, tôi cũng biết rằng, trong cuộc sống hằng ngày, còn có những tiếng cười mà người ta không bao giờ muốn nghe, không bao giờ chờ đợi. Những tiếng cười khiến ta phải phiền lòng, khó chịu và ước sao nó không hướng vào mình. Ấy là kiểu cười được nói đến trong câu tục ngữ: *Cười người chớ vội cười lâu/ Cười người hôm trước, hôm sau người cười.*

THEO DÕI Những tiếng cười có sự khác nhau như thế nào về ý nghĩa?

Câu tục ngữ nêu lên bài học: không nên mãi cười cợt người khác, bởi biết đâu bản thân mình rồi cũng có lúc lộ ra những nét đáng chê cười.

THEO DÕI Câu văn nào khái quát ý nghĩa của câu tục ngữ được dẫn ra ở phần mở đầu?

Kiểu cười mà câu tục ngữ nhắc nhở đồng nghĩa với chê bai, mỉa mai, dè bêu. Người cười cảm thấy mình ở một vị trí rất cao, tự cho mình cái quyền phán xét⁽²⁾, cợt nhạo⁽³⁾ kẻ khác. Lí do để cười thì muôn hình vạn trạng⁽⁴⁾: một sai phạm, một lỗi lầm, một dị tật⁽⁵⁾, một tính cách, một sở thích⁽⁶⁾,... của người nào đó. Hay đơn giản hơn: cười vì người khác có những điều không giống ta.

Trên đời, không ai hoàn hảo cả. Ai cũng có mặt tốt, mặt xấu, có ưu điểm, khiếm khuyết, khó tránh được va vấp, sai lầm. Điều quan trọng là biết nhận ra những điểm yếu của mình để tự khắc phục. Cười cợt về lỗi lầm, khuyết điểm của người ta, kẻ cười chỉ cốt thoả mãn ý thích không mấy tốt đẹp. Đó còn là cách tự đề cao mình. Nhưng họ có biết đâu rằng, nhiều khi bản thân cũng vướng phải những điều mà mình đã từng chê bai. Hãy nghĩ xem, lúc ấy, mình có đáng bị chê cười không!

(1) Âm sắc: tính chất riêng biệt của một âm thanh nào đó.

(2) Phán xét: xem xét, đánh giá có tính chất quyết định.

(3) Cợt nhạo: giống nghĩa từ *cười cợt*, *chế nhạo*.

(4) Muôn hình vạn trạng: rất nhiều kiểu khác nhau.

(5) Dị tật: hiện tượng biến đổi bất thường của bộ phận nào đó trên cơ thể khi sinh ra.

(6) Sở thích: ý thích riêng của mỗi người.

Sự khác biệt về gia cảnh⁽¹⁾, ngoại hình, thể chất⁽²⁾, sở thích, sở trường⁽³⁾,... giữa người này với người kia là điều tất yếu. Nhờ đó mà cộng đồng mới có sự đa dạng, phong phú. Cái khác, cái riêng không phải là nhược điểm mà là bản chất của mỗi cá thể⁽⁴⁾. Hơn thế, nó còn là yếu tố quyết định giá trị của mỗi con người. Vậy thì, ta lấy quyền gì, lấy cớ gì để cười cợt những người không giống ta? Nếu ai đó chế nhạo cái khác biệt của ta, ta có thấy dễ chịu không?

THEO DÕI Hai câu hỏi khái quát lí lẽ trong đoạn.

Bị cười, không phải mọi người đều phản ứng giống nhau. Có người tỏ thái độ mặc kệ, bất cần, ai cười, người ấy nghe. Có người, nhân bị thiên hạ cười mà nghiêm túc soi xét bản thân, lặng lẽ sửa mình. Nhưng cũng có những người, bị tiếng cười của đám đông nhắm tới, do thiếu bản lĩnh⁽⁵⁾, nên hoảng hốt, lo âu và tưởng rằng khiếm khuyết của mình là rất nghiêm trọng. Rơi vào bế tắc, họ tìm lối thoát trong hành vi tiêu cực. Như vậy, sự cười nhạo chẳng phải đã vô tình làm hại người ta đó sao?

THEO DÕI Khi bị cười cợt, người ta có thể có những phản ứng gì?



Trước những sai lầm, khiếm khuyết của người khác, thái độ đúng đắn là nói rõ sự thật, góp ý chân thành chứ không phải cất lên tiếng cười hả hê, thể hiện một tâm địa⁽⁶⁾ hẹp hòi, không muốn thấy người ta tiến bộ.

Viết đến đây, tôi bỗng nhớ tới hình ảnh chú Nam – một người dị tật có bước đi khập khiễng, khó khăn. Chú là con út trong một gia đình ở quê tôi.

(1) *Gia cảnh*: hoàn cảnh riêng của gia đình.

(2) *Thể chất*: cơ thể, sức khỏe con người.

(3) *Sở trường*: những điểm mạnh vốn có.

(4) *Cá thể*: ở đây có nghĩa là từng con người riêng biệt.

(5) *Bản lĩnh*: khả năng tự quyết một cách độc lập, dứt khoát, không chịu sự chi phối của bên ngoài.

(6) *Tâm địa*: lòng dạ không tốt của con người.

Rất nhiều bạn cùng lứa thường bắt chước dáng đi nghiêng nghiêng của chú để làm hề. Có người còn đá bóng vào chân chú và thách chú đá trả lại. Những lúc như vậy, chú chỉ cười trừ⁽¹⁾. Nhiều buổi trưa, khi mọi người nghỉ cả, chú Nam lúi húi đẽo, gọt. Hoá ra chú đang tự chế chiếc đàn bầu. Nghe những tiếng “bật bông” ban đầu, ai cũng cười cợt. Chỉ có bố chú luôn nhìn con với ánh mắt khích lệ⁽²⁾, tin tưởng. Chú kiên trì tập. Tiếng đàn bầu của chú ngày càng “ngọt” hơn, khiến mọi người không khỏi ngạc nhiên. Được bố đồng ý, chú đã dự thi vào trường trung cấp âm nhạc. Cùng thi đợt ấy, còn có con của một cô hàng xóm. Tự hào về con trai khoẻ mạnh, giỏi giang, nhìn sự tật nguyên⁽³⁾ của chú Nam, cô ta đã từng có lúc buông ra những lời “ác khẩu”⁽⁴⁾: *Chuông khánh còn chả ăn ai/ Nữa là mảnh chĩnh vứt ngoài bờ tre*. Vậy mà, bạn biết không, kì thi đó, chú Nam đã đậu, trong khi con cô kia lại trượt. Bây giờ, chú Nam đã là cây độc tấu⁽⁵⁾ đàn bầu có hạng trong một đoàn nghệ thuật. Sự cười nhạo ngày nào của mấy người giờ đây đã phải thay bằng thái độ thán phục.

THEO DÕI Cách chọn bằng chứng để tăng sức thuyết phục.

Bạn đã bao giờ cười chê một người có khiếm khuyết chưa? Bất cứ ai được hỏi như thế, hẳn chẳng dám trả lời rằng chưa. Chê bai người khác là một nhược điểm phổ biến trong tính cách con người. Tuy nhiên, đây không phải là điều quá nghiêm trọng, và càng không phải là “căn bệnh” hết cách chữa. Lòng nhân ái, sự cảm thông, ấy là “phương thuốc” hữu hiệu⁽⁶⁾ để trị “căn bệnh” này. Thật vậy, khi mà khả năng yêu thương, đồng cảm, chia sẻ đối với người khác dần dần được bồi đắp trong ta, khi ta biết đặt mình vào hoàn cảnh người khác để nghĩ suy và thức tỉnh, thì lúc ấy, tiếng cười ngạo mạn vô lối sẽ không có lí do gì để bật ra.

THEO DÕI “Phương thuốc” nào được xem là hữu hiệu dùng để trị “căn bệnh” cười cợt người khác?

(Minh Đăng, tạp chí *Hồng Lĩnh*, số 170/2020)

(1) *Cười trừ*: lấy tiếng cười thay cho hành động hay lời nói có tính chất phản ứng trước cách đối xử của người khác với mình.

(2) *Khích lệ*: tác động đến tinh thần làm cho hăng hái, mạnh mẽ thêm.

(3) *Tật nguyên*: bị một tật nghiêm trọng trong cơ thể.

(4) *Ác khẩu*: lời cay độc.

(5) *Độc tấu*: biểu diễn âm nhạc một mình, dùng một loại nhạc cụ là chính.

(6) *Hữu hiệu*: có hiệu quả.

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Những đặc điểm nào cho thấy *Tiếng cười không muốn nghe* là một văn bản nghị luận?
2. Đoạn mở đầu nói đến nhiều ý nghĩa khác nhau của tiếng cười. Ý nghĩa nào được bàn luận trong văn bản này?
3. Người viết có thái độ, suy nghĩ như thế nào trước hiện tượng cười cợt khiếm khuyết của người khác? Thái độ, suy nghĩ đó dựa trên những lí lẽ nào?
4. Nhận xét các bằng chứng tác giả sử dụng để chứng minh cho lí lẽ đã nêu.
5. Lòng nhân ái, sự cảm thông là “phương thuốc” hữu hiệu để trị “căn bệnh” cười nhạo người khác. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?
- 6*. Em có lí lẽ hay bằng chứng nào có thể bổ sung cho văn bản? Hãy tìm một số câu tục ngữ nói về cách ứng xử trong cuộc sống.

Viết kết nối với đọc

Với câu mở đầu *Tôi không muốn bị người khác cười nhạo...*, em hãy viết tiếp khoảng 5 – 7 câu để hoàn thành đoạn văn.

Thực hành tiếng Việt

LỰA CHỌN TỪ NGỮ

1. Trả lời các câu hỏi sau:
 - a. Với câu: *Mỗi khi được nghe tiếng cười tươi trẻ, hồn nhiên của bạn bè trong lớp hay của ai đó bên ngoài, tôi đều cảm thấy ấm lòng, theo em, có thể dùng từ tự nhiên để thay cho hồn nhiên được không? Vì sao?*
 - b. Từ *khuất* được dùng trong câu: *Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi cũng đã lớn có phù hợp hơn so với một số từ khác cũng có nghĩa là chết như: mất, từ trần, hi sinh?*
 - c. Theo em, vì sao trong câu: *Điều quan trọng là biết nhận ra những điểm yếu của mình để tự khắc phục*, không thể dùng từ *tồn tại* thay cho từ *điểm yếu*?

Nhận biết tác dụng của lựa chọn từ ngữ

Đọc câu sau để biết tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ trong câu: *Vì lẽ đó, xưa nay, đã có không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng. Ở vị trí của từ noi gương, có một số từ gần nghĩa như: học đòi, làm theo, bắt chước,...* Người viết đã chọn từ *noi gương*. Lựa chọn từ này là phù hợp nhất cho câu trên.

2. Chọn từ phù hợp nhất trong ngoặc đơn để đặt vào khoảng trống ở các câu sau và giải thích lí do lựa chọn:
- Bị cười, không phải mọi người đều ... giống nhau.* (phản ứng, phản xạ, phản đối, phản bác)
 - Rơi vào ..., họ tìm lối thoát trong hành vi tiêu cực.* (tắc tị, bế tắc, cùng đường, cùng quẫn)
 - Đi đường phải luôn luôn ... để tránh tai nạn.* (nhìn, dòm ngó, quan sát, ngó nghiêng)
 - Ngoài ... của bản thân, tôi còn được bạn bè, thầy cô thường xuyên động viên, khích lệ.* (phấn đấu, sức lực, khả năng, nỗ lực)

LỰA CHỌN CẤU TRÚC CÂU

3. Thực hiện các yêu cầu sau:

- Chỉ ra ý nghĩa của cụm từ in đậm trong câu sau và cho biết, nếu bỏ thành phần đó, câu thay đổi như thế nào về cấu trúc.

Nhiều buổi trưa, khi mọi người nghỉ cả, chú Nam lúi húi đẽo, gọt.

- Văn bản *Tiếng cười* không muốn nghe có câu: *Nếu ai đó chế nhạo cái khác biệt của ta, ta có thấy dễ chịu không?* Giả sử câu này được viết lại thành: *Ta có thấy dễ chịu không nếu ai đó chế nhạo cái khác biệt của ta?* thì ý nghĩa sẽ thay đổi như thế nào?

- Câu *Ai chẳng muốn thông minh, giỏi giang?* có thể đổi cấu trúc: *Thông minh, giỏi giang thì ai chẳng muốn.* Chỉ ra sự khác nhau về ý nghĩa giữa câu gốc và câu biến đổi.

4. Sau đây là những câu được thay đổi cấu trúc so với câu gốc trong văn bản đã học. Nghĩa của câu được thay đổi cấu trúc khác như thế nào so với nghĩa của câu gốc?

- Câu trong văn bản: *“Xem người ta kia!”* – đó là câu mẹ tôi thường thốt lên mỗi khi không hài lòng với tôi về một điều gì đó.
– Câu được thay đổi: *Mỗi khi không hài lòng với tôi về một điều gì đó, mẹ tôi thường thốt lên: “Xem người ta kia!”*.
- Câu trong văn bản: *Khi nghe những tiếng “bật bông” ban đầu, ai cũng cười cợt.*
– Câu được thay đổi: *Ai cũng cười cợt khi nghe những tiếng “bật bông” ban đầu.*
- Câu trong văn bản: *Tuy nhiên, đây không phải là điều quá nghiêm trọng, và càng không phải là “căn bệnh” hết cách chữa.*
– Câu được thay đổi: *Tuy nhiên, đây không phải là “căn bệnh” hết cách chữa và càng không phải là điều quá nghiêm trọng.*

Nhận biết tác dụng của lựa chọn cấu trúc câu

Đọc câu sau để biết tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu phù hợp: *Càng lớn, tôi càng hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn.* Cặp quan hệ từ *càng... càng* là một kiểu cấu trúc của câu tiếng Việt. Sử dụng cấu trúc này giúp người viết biểu đạt được ý quan trọng: sự nhận thức của con về tình mẹ là một quá trình, nó đầy đặn hơn theo thời gian và sự trưởng thành của con.

Bài tập làm văn

Trích *Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể*,
RƠ-NÊ GÔ-XI-NHI và GIĂNG-GIẮC XĂNG-PÊ

Đọc văn bản

Bố đi làm đã về đến nhà, bố ôm mẹ, ôm tôi và bố nói rằng: “Giờ ả, sao mà một ngày làm việc ở văn phòng nó lại mệt mỏi đến thế không biết”, rồi bố xỏ giày păng-túp⁽¹⁾, bố vớ lấy báo, bố ngồi xuống ghế phô-tơ⁽²⁾, còn tôi thì nói với bố rằng bố cần phải giúp tôi làm bài tập.

[...] Bố thật sự là rất khá. Bố bế tôi đặt tôi lên đầu gối, bố lau mặt cho tôi bằng cái khăn mùi soa⁽³⁾ to của bố, bố nói với tôi rằng bố của bố ấy thì chẳng bao giờ giúp bố làm bài tập cả, nhưng mà bố thì khác, bố sẽ giúp, nhưng mà là lần cuối cùng. Bố tôi í à, rất là tuyệt!

Chúng tôi chuyển sang cái bàn nhỏ trong phòng khách.

– Xem nào, bố hỏi tôi, xem cái bài tập lấy lòng này nó ra làm sao nào?

Tôi trả lời bố rằng đó là một bài tập làm văn, đầu bài là: “Tình bạn; hãy miêu tả người bạn thân nhất của em”.

– Ô, đầu bài ra hay, rất hay đấy chứ, bố nói, mà bố lại còn rất giỏi về tập làm văn chứ lì, các thầy giáo bố còn nói là có cả một Ban-dắc⁽⁴⁾ (Balzac) ở trong bố nữa kia.

Tôi không hiểu tại sao các thầy giáo bố lại nói thế với bố, nhưng đã nói thế thì chắc là phải oách lắm, cho nên bố mới có vẻ tự hào đến vậy.

Bố bảo tôi cầm lấy bút và bắt đầu viết.

– Phải bố cục⁽⁵⁾ một tí, bố nói. Trước tiên, ai là bạn thân nhất của con?

– Con có hàng đồng bạn thân, tôi trả lời bố. Còn những đứa khác thì chẳng bạn bè gì sất⁽⁶⁾.

⁽¹⁾ *Giày păng-túp*: giày vải, để đi trong nhà.

⁽²⁾ *Ghế phô-tơ*: ghế bành.

⁽³⁾ *Khăn mùi soa*: khăn nhỏ và mỏng, thường bỏ túi để lấy lau mặt cho tiện.

⁽⁴⁾ *Ban-dắc*: Hô-nô-rê đơ Ban-dắc (Honoré de Balzac) (1799 – 1850), nhà văn Pháp.

⁽⁵⁾ *Bố cục*: sắp xếp các ý, các phần trước sau cho hợp lí.

⁽⁶⁾ *Sất*: nhấn mạnh sự phủ định. Nói “chẳng bạn bè gì sất” cũng giống như nói: “chẳng bạn bè gì hết”.

Bố nhìn tôi như thể là bố hơi ngạc nhiên một tí, rồi bố nói: “Rồi, rồi” và bố yêu cầu tôi chọn một đứa bạn thân nhất trong cả đồng và ghi ra những đức tính mà tôi thích ở thằng đó. Làm thế sẽ lập được dàn ý bài tập làm văn của chúng tôi, sau đó, viết sẽ rất dễ.

Thế là tôi bèn giới thiệu với bố thằng An-xe-xơ (Alceste), cái thằng lúc nào cũng ăn luôn miếng và chẳng bao giờ bị ốm. Nó là thằng to béo nhất cả bọn, và nó rất là hay. Sau thằng An-xe-xơ, tôi lại nói với bố thằng Giơ-phroa (Geoffroy), cái thằng có hàng đồng đức tính hay: bố nó giàu ời là giàu và toàn mua cho nó đồ chơi, và Giơ-phroa thỉnh thoảng lại mang cho bọn bạn mượn rồi làm vỡ mất. Rồi cả thằng Ơt-đơ (Eudes), cực khỏe, và rất là thích đấm đá, nhưng mà chỉ đấm bạn bè thôi, bởi vì nó rất dút. Rồi còn cả thằng Ruy-phus (Rufus) nữa, như những đứa khác, cũng có rất nhiều đức tính: nó có một cái còi thổi nẩy hột, và bố nó thì là cảnh sát. Rồi đến thằng Me-xăng (Maixent), chạy nhanh ời là nhanh, và đầu gối thì vừa to vừa bần. Rồi đến thằng Gioa-chim (Joachim), không bao giờ muốn cho ai mượn gì, nhưng mà lúc nào thì cũng có hàng đồng tiền trong túi để mua kẹo ca-ra-men⁽¹⁾ mà ngậm; còn chúng tôi thì chỉ được chầu⁽²⁾ mồm nó. Rồi tôi ngừng lại, bởi vì bố tôi cứ tròn mắt ra mà nhìn tôi.

– Thế thì sẽ khó hơn là bố tưởng rồi đây, bố nói.

Có ai đó nhấn chuông cửa ra vào và bố đi ra mở cửa. Bố quay vào cùng với ông Blê-đúc (Blédurt). Ông Blê-đúc là ông hàng xóm rất thích gây sự với bố.

– Tôi sang với anh, ta làm một ván cờ nhé, ông Blê-đúc nói.

– Không được rồi, bố trả lời, tôi phải làm bài tập cùng với thằng bé.

Bài tập của tôi lại có vẻ khiến ông Blê-đúc hết sức quan tâm, và khi ông biết chủ đề bài tập làm văn của tôi, ông liền nói là để ông làm cho, và đảm bảo sẽ cực nhanh.

– Hãy gượng⁽³⁾, bố nói, tôi sẽ làm bài tập cho con tôi.

– Đừng cãi nhau nữa, ông Blê-đúc nói; cả hai người mà cùng làm thì càng nhanh hơn, hay hơn chứ sao.

(1) Kẹo ca-ra-men: một loại kẹo có màu nâu nhạt, làm từ đường được nung nóng cho chảy ra.

(2) Chầu: hướng về, nhìn.

(3) Gượng: chờ một lát.

Thế rồi ông ấy ngồi xuống cái bàn nhỏ cùng với chúng tôi, ông gãi gãi cái đầu, ông nhìn ngơ ngẩn ra phía trước, và ông nói: “Xem nào, xem nào, xem nào”, rồi ông hỏi ai là bạn thân nhất của tôi. Tôi đang định trả lời thì bố đã ngắt lời không để tôi kịp nói. Bố nói với ông Blê-đúc rằng hãy để chúng tôi yên, rằng chúng tôi không cần gì ông cả.

– Tốt thôi, ông Blê-đúc nói, tôi ấy à, tôi có bảo gì thì cũng chỉ là muốn cho con anh được điểm tốt hơn mà thôi, chả lẽ cứ lệt đệt⁽¹⁾ mãi.

Điều này lại khiến bố phật ý⁽²⁾.

[...] Vì tôi thấy bố không bằng lòng nên tôi muốn bênh bố, tôi bèn nói với ông Blê-đúc rằng bố viết văn giỏi lắm và rằng các thầy giáo bố đã nói rằng có hàng đồng Ban-dắc ở trong bố. Ông Blê-đúc bắt đầu cười rữ. Thế là bố đã vẩy mực vào ca-vát⁽³⁾ của ông Blê-đúc.

Ông Blê-đúc rất tức giận.

– Ra ngoài kia, nếu anh còn là đàn ông, ông ta nói với bố.

[...] Tôi hiểu rằng bài tập làm văn của tôi thì tốt nhất là tôi tự làm một mình, bởi vì bây giờ thì nó chỉ là cơ để bố và ông Blê-đúc huých⁽⁴⁾ nhau mà thôi. Nhưng đã thế thì càng tiện cho tôi, bởi vì phòng khách thì rất là yên tĩnh và tôi đã làm được một bài tập làm văn ra trò, trong đó tôi bảo rằng thằng Ác-nhăng (Agnan) là người bạn thân nhất.



Minh họa của Giảng-giác Xăng-pê

(1) *Lệt đệt*: chậm chạp, kém cỏi, không theo kịp người khác.

(2) *Phật ý*: không vui, không được vừa ý.

(3) *Ca-vát*: một vật dụng thuộc trang phục, dùng để quàng quanh cổ áo sơ mi, thắt nút, buông xuống trước ngực, thường làm bằng vải hoặc lụa.

(4) *Huých*: cố tình xô đẩy do tức nhau.

[...] Tôi được điểm rất cao với bài tập làm văn ở trường, và cô giáo còn viết vào vở của tôi: “Bài viết rất cá tính, đề tài độc đáo”.

Chỉ có một vấn đề duy nhất là, từ cái bài tập làm văn về tình bạn, ông Blê-đúc và bố không nói chuyện với nhau nữa.

(Rơ-nê Gô-xi-nhi & Giảng-giắc Xăng-pê, *Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể*, tập 1, Trác Phong và Hương Lan dịch, NXB Hội Nhà văn & Nhã Nam, Hà Nội, 2016, tr. 340 – 347)

Sau khi đọc

RƠ-NÊ GÔ-XI-NHI VÀ GIẢNG-GIẮC XĂNG-PÊ

- Rơ-nê Gô-xi-nhi (1926 – 1977) là nhà văn Pháp, chuyên sáng tác truyện tranh, viết kịch, làm phim.

Giảng-giắc Xăng-pê (sinh năm 1932) là họa sĩ người Pháp, chuyên vẽ truyện tranh và tranh biếm họa.

- *Bài tập làm văn* trích trong *Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể*, xuất bản lần đầu năm 2004.



Nhà văn
RƠ-NÊ GÔ-XI-NHI



Họa sĩ
GIẢNG-GIẮC XĂNG-PÊ

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Do đâu khi làm bài tập làm văn, Ni-cô-la phải nhờ đến bố?
2. Vì sao bố Ni-cô-la lại tỏ ra sốt sắng giúp cậu con trai làm bài văn?
3. *Ai là người bạn thân nhất của cậu bé?* – đó là điều cả bố Ni-cô-la và ông Blê-đúc cần phải biết khi muốn làm hộ bài tập làm văn. Vì sao vậy?
4. Vì sao sau khi Ni-cô-la đã kể ra nhiều người bạn của mình mà bố của cậu vẫn thấy khó viết?
5. *Tôi hiểu rằng bài tập làm văn của tôi thì tốt nhất là tôi tự làm một mình* – nhân vật trong câu chuyện rút ra một kinh nghiệm như thế qua những gì đã xảy ra khi nhờ bố làm bài. Em có đồng ý với điều đó không? Vì sao?
6. Nếu gặp một đề văn như của Ni-cô-la, theo em, việc đầu tiên phải làm là gì?

Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm

Xem người ta kia! và Tiếng cười không muốn nghe là những văn bản nghị luận. Vấn đề được nêu và bàn luận trong đó rất gần gũi với đời sống của mỗi người. Hằng ngày, xung quanh chúng ta còn có bao nhiêu điều đáng suy nghĩ. Nắm được đặc điểm của văn bản nghị luận qua các bài đã đọc, em hãy viết một bài văn bàn về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.

Yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề):

- Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.
- Thể hiện được ý kiến của người viết.
- Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc.

Phân tích bài viết tham khảo

Câu chuyện đồng phục

Lên lớp 6, trong buổi tập trung đầu tiên, cô giáo chủ nhiệm lớp tôi đã dặn: “Bắt đầu từ ngày khai giảng, trừ những lúc lao động hoặc tham gia các hoạt động ngoài giờ, mỗi khi đi học, các em đều cần phải mặc đồng phục. Điều này thuộc nội quy của nhà trường, không em nào được vi phạm đấy nhé”. Một cậu thốt lên: “Tưởng đồng phục là chuyện của tiểu học, nào ngờ...” Một vài người hưởng ứng cậu ấy. Tôi không tán thành thái độ đó của các bạn, bởi vì, theo suy nghĩ của tôi, mặc đồng phục khi đến trường là điều cần thiết.

Nêu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận: quy định mặc đồng phục đối với học sinh khi đến trường.

Thể hiện ý kiến của người viết: tán thành quy định mặc đồng phục đối với học sinh.

Đồng phục có đẹp không? Không biết các bạn khác nghĩ thế nào, riêng tôi, tôi thấy đồng phục toát lên cái đẹp chung của cả tập thể. Buổi sáng, các bạn tôi đều mặc đồng phục đến trường, sát cánh bên nhau, vừa hài hoà vừa đẹp mắt. Mỗi khi tập trung toàn trường, hàng trăm học sinh xếp hàng ngay ngắn, mọi người đều mặc đồng phục, từ trên cao nhìn xuống, giống như những mảng màu lớn trong một bức tranh khổng lồ.

Đồng phục không chỉ đẹp mà còn góp phần tạo nên bản sắc riêng của mỗi trường. Cậu này là học sinh Trường THCS Lê Quý Đôn, bạn ấy thuộc Trường THCS Lương Thế Vinh, còn cô bé kia học ở Trường THCS Đặng Thai Mai,... tất cả đều được nhận ra nhờ bộ đồng phục mà họ mặc. Trong cuộc thi “Nhóm bạn lí tưởng” ở huyện, “màu cờ sắc áo” không chỉ thể hiện ở tài trí của năm bạn trong đội hình thi đấu trên sân khấu, mà còn ở các nhóm cổ động viên tung bừng, nổi bật trong bộ đồng phục của trường mình trên khán đài.

Trong lớp tôi, hoàn cảnh của từng bạn rất khác nhau. Đây là Hoàn, bố mẹ làm kinh doanh, gia đình khá giả. Kia là Lê, bố mẹ làm công nhân, kinh tế gia đình bình thường. Còn Phương, bố mất sớm, mẹ làm việc ở một công ti nhỏ, cuộc sống hằng ngày còn nhiều khó khăn,... Vì các bạn đều mặc đồng phục nên khoảng cách giàu nghèo giữa người này với người kia không còn nhận thấy nữa, mọi người trở nên bình đẳng, gần gũi nhau hơn.

Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc.

Đồng phục có làm cho tính cách, suy nghĩ của mọi người giống hệt nhau? Hẳn có người sợ điều đó xảy ra, nhưng tôi thì không nghĩ vậy. Ở lớp tôi, mỗi bạn có tính cách riêng, không ai giống ai. Bích Hiền trầm lặng, ít nói; Cẩm Vân thì như sáo sậu, ca hát luôn miệng; Văn Hoạt khéo léo, nhẹ nhàng,... Trí thông minh, tính cách riêng của những bạn ấy không hề bị xoá nhoà bởi bộ đồng phục.

Như vậy, các trường quy định học sinh mặc đồng phục là một việc cần thiết. Qua một số chương trình ti vi, tôi thấy các trường học ở nước ngoài, học sinh cũng mặc đồng phục. Bộ đồng phục còn nhắc nhở tôi về tính ngăn nắp, ý thức kỉ luật. Mỗi buổi tối, học bài xong, trước khi đi ngủ, bao giờ tôi cũng chuẩn bị sẵn bộ đồng phục để sáng mai mặc đến trường. Tôi cho rằng đó là một thói quen tốt. Còn bạn, bạn nghĩ sao?

(Bài làm của học sinh)

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn đề tài

Đề tài có thể được ấn định (đề kiểm tra, đề thi) hoặc do người viết lựa chọn. Nếu được tự chọn đề tài, em hãy suy nghĩ xem trong cuộc sống hằng ngày, có hiện tượng (vấn đề) nào khiến em quan tâm và muốn thể hiện ý kiến.

Tham khảo một số đề tài sau:

- Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng
- Thái độ đối với người khuyết tật
- Noi gương những người thành công
- Đánh giá khả năng của bản thân
- Tệ bắt nạt trong trường học hiện nay

Ngoài những đề tài nêu trên, em cũng có thể tự tìm một đề tài mà mình am hiểu và cảm thấy thú vị để thực hiện bài viết.

b. Tìm ý

- Cần hiểu như thế nào về hiện tượng (vấn đề) này?
- Những khía cạnh cần bàn bạc.
- Bài học rút ra từ vấn đề bàn luận.

c. Lập dàn ý

Sắp xếp các ý đã tìm được thành một dàn ý.

Mục đích viết

Thuyết phục người đọc về ý kiến của em trước một hiện tượng (vấn đề) gần gũi trong đời sống.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến hiện tượng (vấn đề) đời sống được bàn luận.

Dàn ý

1. Mở bài: Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.
2. Thân bài: Đưa ra ý kiến bàn luận.
 - Nêu ý 1 (lí lẽ, bằng chứng)
 - Nêu ý 2 (lí lẽ, bằng chứng)
 - Nêu ý 3 (lí lẽ, bằng chứng)
 - ...
3. Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của bản thân.

2. VIẾT BÀI

Bám sát dàn ý để viết bài. Khi viết cần chú ý:

- Có thể mở bài trực tiếp: nêu thẳng hiện tượng (vấn đề), hoặc mở bài gián tiếp bằng cách kể một câu chuyện ngắn để giới thiệu hiện tượng (vấn đề).
- Mỗi ý trong bài phải trình bày thành một đoạn văn, có lí lẽ và bằng chứng cụ thể.

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Đọc lại bài viết, rà soát từng phần, từng đoạn để chỉnh sửa theo gợi ý sau đây:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.	Đọc lại phần mở bài, nếu chưa thấy hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận thì phải nêu cho rõ.
Thể hiện được ý kiến (tình cảm, thái độ, cách đánh giá,...) của người viết về hiện tượng (vấn đề).	Bổ sung những câu thể hiện tình cảm, thái độ, cách đánh giá về hiện tượng (vấn đề) nếu thấy còn thiếu.
Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng để bài viết có sức thuyết phục.	Kiểm tra lại các lí lẽ và bằng chứng, nếu lí lẽ chưa chắc chắn, bằng chứng chưa tiêu biểu hoặc còn thiếu thì phải chỉnh sửa, thay thế, bổ sung.
Bảo đảm các yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Tự phát hiện các lỗi về chính tả và diễn đạt để sửa lại cho phù hợp.

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống

Trong sinh hoạt, học tập hằng ngày, có nhiều hiện tượng (vấn đề) nảy sinh, chẳng hạn: quan hệ bạn bè, cách chọn sách để đọc, yêu cầu bảo vệ môi trường,... Những hiện tượng (vấn đề) đó tác động đến đời sống của em, đòi hỏi em phải tìm hiểu và phát biểu ý kiến. Tuy nhiên, trước một hiện tượng (vấn đề), các ý kiến được nêu ra có thể rất khác nhau. Vì thế, trao đổi, thảo luận là điều cần thiết. Khi trao đổi, thảo luận, mỗi người cần biết cách trình bày ý kiến của mình và phản hồi về ý kiến của người khác.

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

- Tóm lược nội dung bài viết thành dạng đề cương.
- Chú ý sự khác nhau về cách mở đầu, cách triển khai, cách kết thúc giữa bài viết và bài nói để trình bày các nội dung bằng ngôn ngữ nói phù hợp.
- Đánh dấu những chỗ cần nhấn mạnh, ghi chú thêm các số liệu, các bằng chứng,...

b. Tập luyện

Đối với bài nói trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống, hình thức tập luyện tốt nhất là theo nhóm. Các thành viên luân phiên nói, nghe và góp ý cho nhau để rút kinh nghiệm.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

a. Mở đầu

Nêu hiện tượng (vấn đề) cần bàn một cách gọn, rõ. Thu hút sự chú ý của người nghe bằng cách dùng câu chuyện để giới thiệu hiện tượng (vấn đề).

b. Triển khai

- Lần lượt trình bày các ý theo nội dung đã chuẩn bị. Khi nói, cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng.
- Nhấn mạnh ý kiến riêng của bản thân.

c. Kết luận

- Tóm lược nội dung đã trình bày.
- Gợi suy nghĩ và kích thích sự đối thoại của người nghe.

Chú ý:

- Điều chỉnh giọng nói và tốc độ nói phù hợp (không nói to hay nhỏ quá; không nói nhanh hay chậm quá; lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết).
- Giọng nói truyền cảm; cách nói nghiêm túc nhưng vui vẻ.
- Ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp, thể hiện sự tương tác với người nghe.

3. SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Mục đích nói

Thuyết phục người nghe về ý kiến của em trước một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống.

Người nghe

Thầy cô giáo, các bạn học sinh trong lớp và những người quan tâm đến hiện tượng (vấn đề) được trao đổi.

Người nghe	Người nói
• Trao đổi lại với người nói về hiện tượng (vấn đề) đời sống được bàn luận, về cách trình bày bài nói. • Thảo luận bằng cách nêu thắc mắc, yêu cầu người nói giải đáp thêm. Nhận xét về lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.	• Lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe. • Giải thích thêm những chỗ người nghe thắc mắc. • Bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng.

Củng cố, mở rộng

- Qua việc học các văn bản trong bài, hãy trả lời các câu hỏi sau:
 - Vì sao việc khẳng định cái riêng của mỗi người luôn là điều cần thiết?
 - Vì sao trong cuộc sống, giữa mọi người cần có sự thấu hiểu, chia sẻ?
- Sau đây là hai đoạn văn có mục đích giao tiếp khác nhau. Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền các thông tin thể hiện sự khác nhau giữa hai đoạn văn.
 - Thế rồi ông ấy ngồi xuống cái bàn nhỏ cùng với chúng tôi, ông gãi gãi cái đầu, ông nhìn ngơ ngẩn ra phía trước, và ông nói: “Xem nào, xem nào, xem nào”, rồi ông hỏi ai là bạn thân nhất của tôi. Tôi đang định trả lời thì bố đã ngắt lời không để tôi kịp nói. Bố nói với ông Blê-đúc rằng hãy để chúng tôi yên, rằng chúng tôi không cần gì ông cả.*
 - Bị cười, không phải mọi người đều phản ứng giống nhau. Có người tỏ thái độ mặc kệ, bất cần, ai cười, người ấy nghe. Có người, nhân bị thiên hạ cười mà nghiêm túc soi xét bản thân, lặng lẽ sửa mình. Nhưng cũng có những người, bị tiếng cười của đám đông nhắm tới, do thiếu bản lĩnh, nên hoảng hốt, lo âu và tưởng rằng khiếm khuyết của mình là rất nghiêm trọng. Rơi vào bế tắc, họ tìm lối thoát trong hành vi tiêu cực. Như vậy, sự cười nhạo chẳng phải đã vô tình làm hại người ta đó sao?*

Những vấn đề cần xác định	Đoạn (a)	Đoạn (b)
Nội dung của đoạn văn		
Mục đích của đoạn văn (kể chuyện, bộc lộ cảm xúc, miêu tả, thuyết phục, thuyết minh)		
Kiểu văn bản có chứa đoạn văn (tự sự, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận,...)		

3. Văn bản nghị luận thường bàn về những hiện tượng (vấn đề) gì của cuộc sống? Hãy nêu hai hiện tượng (vấn đề) đời sống được bàn trong hai văn bản nghị luận mà em biết.
4. Trong các đề tài sau, theo em, những đề tài nào phù hợp với yêu cầu viết bài văn nghị luận? Vì sao?
- Trải nghiệm một chuyến đi biển cùng bố mẹ.
 - Cây bàng trong sân trường kể chuyện về mình.
 - Bàn về ý nghĩa của việc trồng cây.
 - Kỉ niệm về người bạn thân nhất.
 - Vai trò của tình bạn.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Sự khác biệt có ý nghĩa.
- Kiểu văn bản.

Hai loại khác biệt

GIONG MUN⁽¹⁾ (YOUNGME MOON)

Khi tôi còn học trung học, một trong những giáo viên của tôi đã giao cho cả lớp một bài tập mà chúng tôi buộc phải hoàn thành trong 24 tiếng đồng hồ. Bài tập là trong suốt 24 tiếng đồng hồ chúng tôi phải cố gắng trở nên khác biệt. Theo lời giáo viên, mục đích của bài tập là tạo cơ hội để chúng tôi bộc lộ một phiên bản⁽²⁾ chân thật hơn về bản thân trước những người xung quanh. Quy định duy nhất là chúng tôi không được làm bất cứ điều gì gây hại, làm phiền người khác, hoặc vi phạm nội quy nhà trường.

(1) Giong Mun sinh năm 1964, người Hàn Quốc, Tiến sĩ Trường Đại học Kinh doanh Ha-vớt (Harvard)(Mỹ).

(2) *Phiên bản*: bản sao lại từ một bản chính.

Vào buổi sáng thực hiện bài tập, tôi quyết định tỏ ra khác biệt bằng cách mặc một bộ trang phục kì dị đến trường, với đồ pi-gia-ma⁽¹⁾ kết hợp với áo thun dài tay. Trông tôi như thể vừa lăn ra khỏi giường ngủ. Khi đến trường, tôi phát hiện ra rằng rất nhiều bạn cùng lớp cũng chọn cách tương tự – họ sử dụng quần áo để biểu lộ cá tính; hành lang trường đầy những học sinh mặc quần áo quái lạ. Một số bạn để kiểu tóc kì quặc, trong khi một số khác lại làm trò quái đản⁽²⁾ với trang sức⁽³⁾ hoặc phấn trang điểm. Một số lại quyết định tham gia vào những hoạt động ngu ngốc, gây chú ý. Tôi còn nhớ có một nhóm con gái nắm tay nhau, vừa đi dọc theo hành lang qua các lớp học, vừa cười, vừa hát như một nhóm trẻ mẫu giáo. Tôi còn nhớ có một bạn nữ, một vận động viên, đã nhào lộn trong phòng ăn trưa.

Giờ đây khi hồi tưởng lại, tôi đoán bạn có thể nói rằng bài tập là một kỉ niệm khó quên. Xin đừng hiểu sai, ý tôi là, khi ấy, không ai trong chúng tôi *thật sự* thể hiện con người thật của mình, hay ít nhất tôi cũng nghĩ như thế. Ngấm lại, tôi thậm chí không chắc rằng giáo viên thật sự trông đợi điều đó; vì bài tập này quá sức những cô cậu thanh niên luôn chú trọng hình ảnh cá nhân. Hầu hết chúng tôi chỉ hòa theo trào lưu⁽⁴⁾, làm một vài trò lố⁽⁵⁾ để mua vui đôi chút.

Duy nhất, có một bạn – hãy tạm gọi bạn ấy là J – tạo ấn tượng trong tôi. Nhân tiện, bạn không thể hình dung một người như cậu ấy có thể làm được điều đó. J là người ít nói, không đặc biệt quái dị⁽⁶⁾ cũng như không đặc biệt nổi tiếng. Chắc chắn cậu càng không phải là loại thích chơi trội. Thế rồi, sáng hôm đó, J đến trường, ăn mặc như bình thường và trông hết như mọi ngày. Nhưng khi cậu giơ tay trong tiết đầu tiên – tôi không còn nhớ tiết học về môn gì, có lẽ là Lịch sử hay Vật lí gì đó – cậu đã làm một điều bất ngờ khi giáo viên gọi cậu phát biểu: Cậu đã đứng lên trả lời câu hỏi.

Đúng vậy, cậu đã *đứng lên*. Để trả lời câu hỏi. Và khi phát biểu, cậu nói một cách thật từ tốn, dõng dạc và lễ độ. Như thể không có gì quan trọng hơn,

(1) *Pi-gia-ma*: bộ đồ mặc ở nhà.

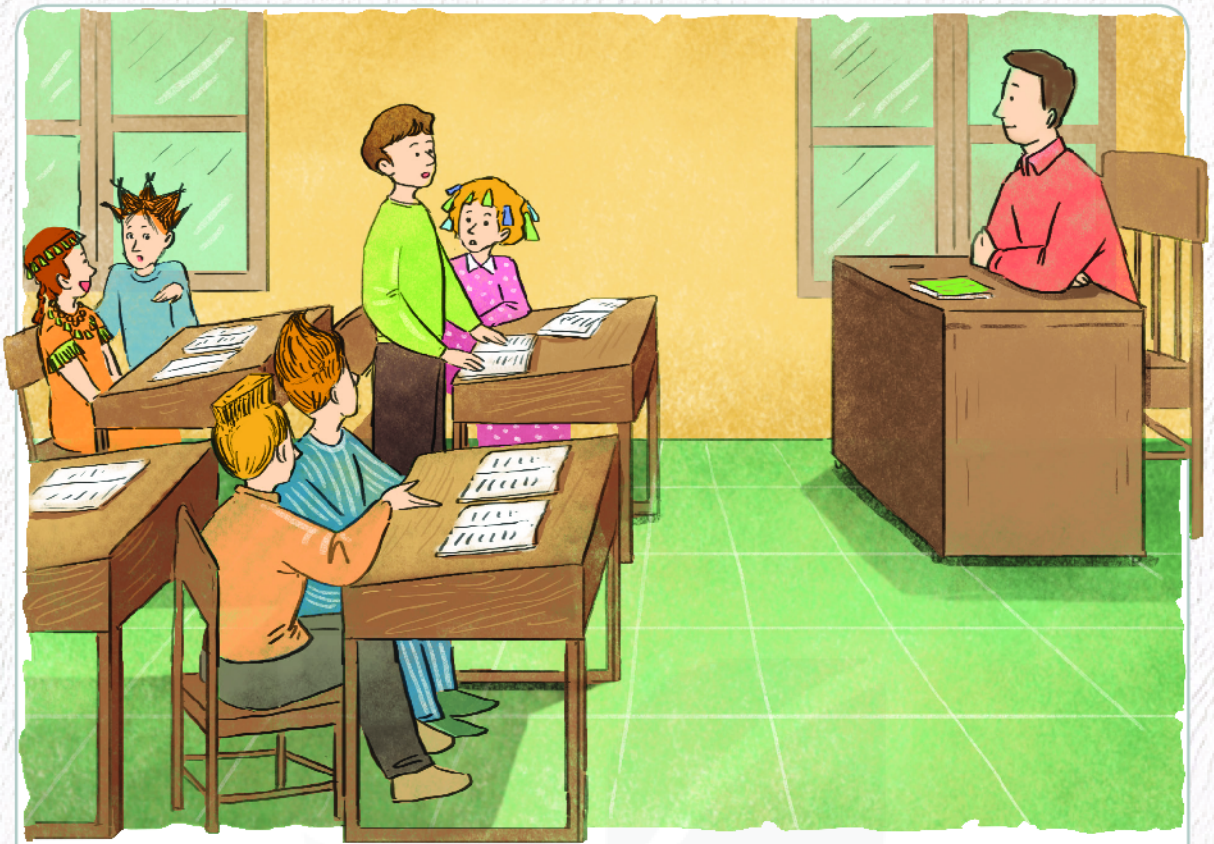
(2) *Quái đản*: kì quái đến mức khó tin là có thật.

(3) *Trang sức*: những vật được đeo vào để làm tôn thêm vẻ đẹp của con người.

(4) *Trào lưu*: xu hướng đang lôi cuốn nhiều người theo.

(5) *Trò lố*: điều diễn ra không hợp với lễ thường, đáng chê cười.

(6) *Quái dị*: rất khác với những gì thường thấy, gây cảm giác khó coi.



không có gì ý nghĩa hơn tiết học này, câu trả lời này đây. Tôi còn nhớ khi đó tôi và những bạn khác trong lớp nhìn nhau như tự hỏi, *Cậu ấy nghiêm túc thật đấy ư?*

Rồi tiết học tiếp theo cũng như vậy. Bất cứ khi nào J được gọi, cậu đều đứng lên trả lời câu hỏi. Và mỗi lần phát biểu, cậu sẽ nói với giọng hoàn toàn chân thành. Như thể cậu rất quan tâm đến câu hỏi, như thể cậu thật sự muốn câu trả lời của mình có một giá trị nhất định. Không những thế – cậu còn nói với giáo viên là *Thưa thầy/ cô*. Cậu gọi tất cả chúng tôi bằng *anh chị*. Và đến cuối tiết học, cậu tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng.

Lần đầu tiên khi J làm như thế, cả bọn chúng tôi cứ cười khúc khích, và thành thật mà nói, ai cũng sẽ cười thôi. Hành động của cậu thật kì quặc và dường như tất cả chúng tôi đều trông đợi một trò đùa nào đó. Nhưng khi ngày dần trôi qua, tiếng cười khúc khích vơi đi, vì – tôi cũng chẳng biết nữa – chúng tôi bắt đầu nhận ra điều J đang làm mới tuyệt làm sao. Một điều gì đó trang trọng, một điều gì đó chắc chắn, thậm chí có phần dũng cảm. Và cậu làm rất tốt – lại thêm một điểm nữa. Cậu hiểu rõ mình đang làm gì, cậu hành

xử rất mực nghiêm trang. Tôi không thể đại diện cho cả lớp, nhưng đến cuối ngày, chúng tôi đều nhất trí rằng những điều J đã làm khá là mẫu mực.

Điều tôi học được từ bài tập này là: sự khác biệt chia làm hai loại. Một loại khác biệt vô nghĩa, và một loại khác biệt có ý nghĩa. Khi tôi quyết định mặc bộ đồ quái dị đến trường, tôi biết rằng mình không phải là người duy nhất, nhưng tôi đã chọn trò đơn giản nhất vì không quan tâm tìm kiếm một thứ ý nghĩa hơn. Và thành thật mà nói, tôi đoán rằng mình thật sự chẳng hề cố tỏ ra khác biệt, hoặc nếu có, tôi chỉ chọn loại khác biệt vô nghĩa. Về vấn đề này, tôi cũng chẳng đơn độc; đa số chúng tôi đều chọn loại vô nghĩa.

Chỉ có J là ngoại lệ. Trong 24 tiếng đồng hồ đó, cái nhìn của tôi về J đã hoàn toàn thay đổi; tất cả chúng tôi đều nhận thấy điều đó. Tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế; có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhấn nhủ với chúng tôi. Bất kể vì lý do gì, J là người duy nhất chọn loại khác biệt có ý nghĩa. Kết quả là vào cuối ngày hôm đó, tôi cảm giác rằng không một ai trong chúng tôi lại không nể phục cậu.

Khi nói đến việc thu hút sự chú ý, sẽ có những người chọn cách dễ dàng, không tốn chút tâm sức. Họ cố thu hút chúng ta bằng cách gây náo động hoặc tỏ ra ngu ngốc, hoặc bằng cách mặc đồ pi-gia-ma nhàu nhĩ đến trường. Nhưng khi điều này xảy ra, hoá ra nếu chúng ta có đủ thời gian để suy nghĩ, thì đây chính là điều chúng ta sẽ làm: Chúng ta chỉ đơn thuần tách những người vô nghĩa ra khỏi những người có ý nghĩa, và chúng ta bỏ qua nhóm đầu tiên vì họ chẳng có gì khác biệt. Với nhóm thứ hai, họ là những người khiến chúng ta đặc biệt chú ý, những người chúng ta cho là khác biệt thật sự.

(Giorgio Agamben, *Khác biệt – thoát khỏi bầy đàn cạnh tranh*, Dương Ngọc Lâm dịch, NXB Khoa học xã hội & An-pha-bút, Hà Nội, 2017, tr. 242 – 246)

TRÁI ĐẤT - NGÔI NHÀ CHUNG

Chúng ta phải học cách “có mặt” trên hành tinh này.

Êt-ga Mô-ranh (Edgar Morin)



Hòn bi ve xanh – Bức ảnh Trái Đất chụp từ tàu vũ trụ A-pô-lô (Apollo) 17, ngày 07 tháng 12 năm 1972

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Chúng ta ai cũng có ý thức chăm chút, bảo vệ ngôi nhà riêng mà gia đình mình sinh sống. Nhưng với ngôi nhà chung Trái Đất, chúng ta đã thực sự thấu hiểu và quan tâm chưa? Chúng ta đã làm gì để Trái Đất mãi an toàn và tươi đẹp?
- Đến với bài học này, em sẽ có thêm những hiểu biết về văn bản thông tin và cách truyền đạt thông tin, thông qua những văn bản cụ thể nói về sự sống trên Trái Đất, về trách nhiệm của chúng ta đối với việc bảo vệ Trái Đất – ngôi nhà chung.

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.
- Nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản; hiểu được tác dụng của nhan đề, sa-pô⁽¹⁾, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng, hình ảnh, số liệu.
- Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách; tóm tắt được nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc bằng sơ đồ.
- Trình bày được ý kiến (dưới hình thức nói) về một vấn đề trong đời sống.
- Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân; thể hiện được thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài; có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

Đọc

TRI THỨC NGŨ VĂN

Văn bản

Văn bản là một đơn vị giao tiếp, có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc,...

Đoạn văn trong văn bản

Đoạn văn là bộ phận quan trọng của văn bản, có sự hoàn chỉnh tương đối về ý nghĩa và hình thức, gồm nhiều câu (có khi chỉ một câu) được tổ chức xoay quanh một ý nhỏ. Đoạn văn bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng một dấu chấm câu.

Các yếu tố và cách triển khai của văn bản thông tin

- Một văn bản thông tin thường có các yếu tố như: nhan đề (một số văn bản có sa-pô dưới nhan đề), đề mục (tên gọi của các phần), đoạn văn, tranh ảnh,...
- Mỗi văn bản thông tin có một cách triển khai riêng. Bên cạnh cách triển khai theo trật tự thời gian, văn bản thông tin có thể được triển khai theo quan hệ nhân quả, nguyên nhân được nêu trước, tiếp sau đó là kết quả, tất cả tạo thành một chuỗi liên tục.

(1) *Sa-pô*: đoạn văn nằm giữa nhan đề và phần chính của bài báo hay văn bản thông tin nhằm mục đích giới thiệu, tóm tắt nội dung của văn bản.

Văn bản đa phương thức

Văn bản đa phương thức là loại văn bản có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh,...

Từ mượn và hiện tượng vay mượn từ

- Từ mượn là từ có nguồn gốc từ một ngôn ngữ khác. Tiếng Việt từng vay mượn nhiều từ của tiếng Hán và tiếng Pháp. Hiện nay, tiếng Việt có xu hướng vay mượn nhiều từ của tiếng Anh.
- Trong sự tiếp xúc, giao lưu ngôn ngữ giữa các dân tộc, các ngôn ngữ thường vay mượn từ của nhau để làm giàu cho vốn từ của mình.

VĂN BẢN ĐỌC

- *Trái Đất – cái nôi của sự sống*, Hồ Thanh Trang
- *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*, Ngọc Phú
- *Trái Đất*, Ra-xun Gam-da-tốp (Rasul Gamzatov)

Trái Đất – cái nôi của sự sống

HỒ THANH TRANG

Trước khi đọc

1. Em từng nghe, đọc hay đã thuộc những ca khúc, bài thơ nào viết về Trái Đất? Chúng đã gọi lên trong em ấn tượng, cảm xúc gì? Theo em, để hiểu biết và yêu quý hơn hành tinh xanh này, chúng ta còn cần phải tìm đến những nguồn thông tin hay loại tài liệu nào khác?
2. Người ta thường nói: “Sự sống muôn màu”. Em hiểu điều này như thế nào?

Đọc văn bản

Vì sao Trái Đất thường được gọi là hành tinh xanh? Trên hành tinh xanh ấy, sự sống đã nảy nở tốt đẹp như thế nào? Con người có thể làm gì để bảo vệ Trái Đất?

THEO DÕI *Phân sa-pô với những dòng chữ in đậm.*

Trái Đất trong hệ Mặt Trời

Trái Đất là một trong tám hành tinh của hệ Mặt Trời (gồm sao Thủy, sao Kim, sao Mộc, sao Thổ, sao Hỏa, Trái Đất, sao Thiên Vương, sao Hải Vương – tính theo thứ tự từ Mặt Trời ra ngoài). Trái Đất vừa tự quay quanh trục của nó, mỗi vòng quay hết trọn một ngày (23,934 giờ), vừa quay quanh Mặt Trời theo quỹ đạo hình e-líp⁽¹⁾ với vận tốc xấp xỉ 30 km/s. Một vòng quay của Trái Đất quanh Mặt Trời hết trọn một năm (365,25 ngày).

THEO DÕI Văn bản được triển khai với nhiều đề mục in đậm.

“Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất

Nhờ có nước, đặc biệt là nước ở dạng lỏng, Trái Đất trở thành nơi duy nhất trong hệ Mặt Trời có sự sống. Do vậy, khi khẳng định hành tinh này là cái nôi của sự sống, ta không thể không nói đến nước.

THEO DÕI Những miêu tả về sự hiện diện của nước trên Trái Đất.

Hành tinh của chúng ta quả là giàu nước. Nước bao phủ trên 2/3 bề mặt Trái Đất. Nước dào dạt trong lòng các đại dương; nước đông cứng thành những khối băng trùng điệp, khổng lồ ở hai địa cực⁽²⁾; nước ngưng⁽³⁾ trắng loá trên những chóp núi được ví là nóc nhà của thế giới; nước tuôn chảy không ngừng với hệ thống sông ngòi được phân bố ở khắp bề mặt các lục địa⁽⁴⁾;... Chính nước đã tạo cho Trái Đất một vẻ đẹp lộng lẫy. Những bức ảnh chụp từ các tàu vũ trụ cho thấy Trái Đất không khác gì giọt nước xanh khổng lồ giữa không gian vũ trụ đen thẳm bao la.

Nếu không có nước thì Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi. Nước chính là “vị thần hộ mệnh” của sự sống, là tác nhân⁽⁵⁾ quan trọng thúc đẩy quá trình tiến hoá của các vật chất sống trên hành tinh này. Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển dưới nhiều dạng phong phú, từ vi sinh vật mang cấu tạo đơn giản đến động vật bậc cao có hệ thần kinh vô cùng phức tạp.

(1) *E-líp*: một loại hình bầu dục, có hai trục đối xứng.

(2) *Địa cực*: cực của Trái Đất, bao gồm Bắc Cực và Nam Cực.

(3) *Ngưng*: ngưng ở nơi cao nhất, trang trọng nhất với vẻ uy nghi.

(4) *Lục địa*: đất liền, phân biệt với biển, đại dương.

(5) *Tác nhân*: yếu tố thúc đẩy một quá trình nào đó.

Trái Đất – nơi cư ngụ của muôn loài

Trong số muôn loài tồn tại trên Trái Đất, có loài chỉ có thể quan sát được bằng kính hiển vi như vi sinh vật. Có loài mang kích thước khổng lồ như cây bao báp⁽¹⁾ ở vùng hoang mạc châu Phi, cá voi xanh hay các động vật thuộc họ khủng long mà giờ ta chỉ còn được biết chúng ở dạng hoá thạch⁽²⁾,... Những bộ xương khủng long mà các nhà khoa học phục dựng⁽³⁾ cho biết từ xa xưa đã từng có một loài thú khổng lồ tung hoành giữa bầu trời, dưới nước hay trên mặt đất này. Trên những cánh rừng nguyên sinh trùng điệp hay giữa lòng đại dương bao la, có vô số loài thực vật, động vật khác nhau sinh sôi nảy nở, trở thành đối tượng được con người khai thác hằng ngày để phục vụ cho cuộc sống của mình. Rồi những hoa cỏ trong vườn, những loài gia súc, gia cầm gần bó thân thiết với mỗi gia đình,... Tất cả mọi dạng sự sống đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học lạ lùng, bí ẩn.

THEO DÕI Sự sống trên Trái Đất phong phú như thế nào?

Con người trên Trái Đất

Đỉnh cao kì diệu của sự sống trên Trái Đất chính là con người. Là động vật bậc cao, con người có bộ não và hệ thần kinh phát triển nhất, có ý thức,

THEO DÕI Vì sao có thể khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên Trái Đất?



(1) *Bao báp*: một loại cây thân gỗ có kích thước lớn, xuất hiện nhiều ở châu Phi.

(2) *Hoá thạch*: di tích hoá đá của thực vật, động vật cổ xưa còn lưu lại ở các tầng đất đá.

(3) *Phục dựng*: làm đúng lại như hình dáng ban đầu của hiện vật.

có tình cảm, có ngôn ngữ, biết tổ chức cuộc sống theo hướng tích cực. Bằng bàn tay lao động sáng tạo, con người đã cải tạo lại bộ mặt của Trái Đất, khiến cho nó “người” hơn, thân thiện hơn. Nhưng đáng buồn thay, con người cũng đã khai thác thiên nhiên – món quà quý giá mà tạo hoá ban tặng – một cách bừa bãi, gây ảnh hưởng xấu đến quá trình tồn tại và phát triển của sự sống trên Trái Đất.



Tháp Ba-ben (Babel), tranh sơn dầu trên gỗ sồi của Pi-tơ Bru-e-ghen già (Pieter Bruegel the Elder)

Tình trạng Trái Đất hiện ra sao?

Hiện tại, hành tinh xanh – ngôi nhà chung của nhân loại – đang từng ngày từng giờ bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức hay bất chấp tất cả của con người. Thiên nhiên đang bị tàn phá. Theo đó, màu xanh trải rộng của rừng bị co hẹp lại, nhường chỗ cho sự xâm lấn của màu xám hoang mạc nhức nhối. Nhiều loài thú bị giết vô tội vạ giờ đã hoặc gần như tuyệt chủng⁽¹⁾. Biển bị khai thác quá mức không kịp hồi sinh, cá tôm không kịp sinh sôi nảy nở, rác thải nhựa tràn ngập giết dần giết mòn bao sinh vật biển,... Do kế hoạch phát triển công nghiệp thiếu bền vững, Trái Đất đang nóng dần lên, băng ở Bắc Cực và Nam Cực đang tan chảy, khiến nước biển dâng cao, nhấn chìm nhiều thành phố, làng mạc, nhiều cánh đồng màu mỡ. Tầng ô-dôn⁽²⁾ bị thủng

(1) *Tuyệt chủng*: bị mất hẳn nòi giống.

(2) *Tầng ô-dôn*: một khu vực trong tầng bình lưu (một lớp thuộc khí quyển) của Trái Đất, hấp thụ hầu hết các bức xạ cực tím của Mặt Trời.

nhiều chỗ, đất đai, nước, không khí bị ô nhiễm nặng nề, đe dọa sự sống của muôn loài.

Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Đó là câu hỏi nhức nhối, khiến nhân loại không thể làm ngơ. Sự sống trên hành tinh xanh, trong đó có con người, đang đứng trước những thách thức to lớn.

SUY LUẬN Ý sau cùng của bài có lạc đề không?

(Hồ Thanh Trang, báo điện tử *Đất Việt* –
Diễn đàn của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, tháng 9/2020)

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Liệt kê theo hình thức gạch đầu dòng những thông tin chủ yếu mà văn bản đã đưa đến cho người đọc.
2. Các bức tranh minh họa đã hỗ trợ gì cho em trong việc nắm bắt thông tin của văn bản?
3. Phần 2 ("*Vị thần hộ mệnh*" của *sự sống trên Trái Đất*) tập trung thông tin về vấn đề gì? Việc nói về vấn đề đó liên quan như thế nào đối với hướng triển khai những nội dung khác ở các phần kế tiếp?
4. Văn bản đã nói được đầy đủ về sự kì diệu của sự sống trên Trái Đất chưa? Em có thể bổ sung điều gì xung quanh vấn đề này?
5. Bằng hiểu biết của mình, em hãy nêu thêm bằng chứng để khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên Trái Đất.
6. Làm rõ lí do xuất hiện câu hỏi: *Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ?* trong đoạn cuối của văn bản. Câu hỏi đó gợi lên trong em những suy nghĩ gì?
7. Bức tranh ở trang 92 lấy cảm hứng từ huyền thoại về tháp Ba-ben, thể hiện cảnh con người thực hiện ý đồ xây một toà tháp cao đến tận trời. Bức tranh đó gợi lên trong em suy nghĩ gì về khát vọng và khả năng của con người?
8. Từ việc đọc hiểu văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống*, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách đọc một văn bản thông tin?

Viết kết nối với đọc

Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về chủ đề: *Để hành tinh xanh mãi xanh...*

Thực hành tiếng Việt

VĂN BẢN VÀ ĐOẠN VĂN

1. Nêu bằng chứng cụ thể để khẳng định *Trái Đất – cái nôi của sự sống* là một văn bản.
2. Hãy liệt kê những bộ phận tạo thành văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống*.
3. Có thể cắt bỏ các tranh ảnh có trong văn bản hay không? Vì sao?
4. Nhắc lại những thông tin, thông điệp mà em tiếp nhận được từ văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống*.

Nhận biết đặc điểm và chức năng văn bản

- Căn cứ vào sự có mặt hay không có mặt của các phương tiện phi ngôn ngữ để xác định tính chất văn bản: văn bản thông thường hay văn bản đa phương thức.
- Những nhu cầu giao tiếp đa dạng dẫn đến việc hình thành nhiều loại văn bản khác nhau: văn bản thông tin, văn bản nghị luận, văn bản văn học. Có thể căn cứ vào chức năng chính mà một văn bản phải đảm nhiệm như thông tin, thuyết phục, hay thẩm mỹ để biết được văn bản thuộc loại nào.

Nhận biết chức năng đoạn văn trong văn bản

Một đoạn văn có thể đảm nhiệm một trong các chức năng: mở đầu văn bản; trình bày một khía cạnh nào đó của nội dung chính; kết thúc văn bản hoặc mở rộng, liên kết vấn đề. Cần dựa vào vị trí (thứ tự) và nội dung của đoạn văn để xác định đúng chức năng của nó trong văn bản.

5. Chọn một đoạn văn trong văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống* và điền thông tin cần thiết vào bảng theo mẫu sau (làm vào vở):

Thứ tự đoạn văn trong văn bản	Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn	Ý chính của đoạn văn	Chức năng của đoạn văn trong văn bản
.....			
.....			

Các loài chung sống với nhau như thế nào?

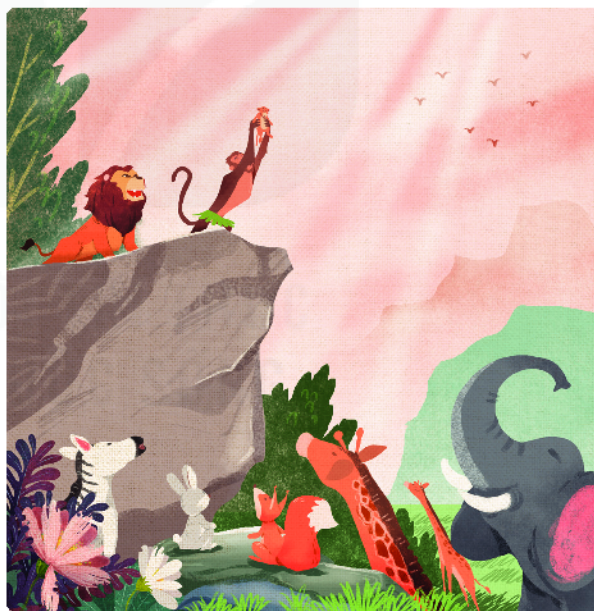
NGỌC PHÚ

Trước khi đọc

1. Em biết những chương trình nào trên các phương tiện truyền thông, in-tơ-nét cung cấp nhiều thông tin thú vị, bổ ích về đời sống của muôn loài trên Trái Đất? Em suy nghĩ gì về việc chúng ta phải thường xuyên tìm hiểu các tài liệu nói về sự đa dạng của thế giới tự nhiên?
2. Trong số những tài liệu, bộ phim kể về các loài sinh vật mà em đã đọc, đã xem, tài liệu, bộ phim nào để lại cho em nhiều ấn tượng nhất? Vì sao?

Đọc văn bản

Trong bộ phim hoạt hình *Vua sư tử* sản xuất năm 1994 của hãng Oan Di-xnây (Walt Disney), khi giới thiệu với đứa con Xim-ba (Simba) bé bỏng của mình về vương quốc hoang dã mà nó sắp tiếp quản, vua sư tử Mu-pha-sa (Mufasa) đã nói: “Tất cả những gì con thấy, cùng nhau tồn tại trong một sự cân bằng rất mong manh. Là vua, con cần phải hiểu rõ về sự cân bằng ấy và tôn trọng muôn loài, từ đàn kiến lúc nhúc cho



đến bầy linh dương nhảy nhót”. Khi Xim-ba thắc mắc: “Nhưng cha ơi, chẳng phải chúng ta ăn thịt linh dương hay sao?”, Mu-pha-sa trả lời: “Đúng vậy, nhưng để cha giải thích đã. Khi chết đi, thân xác chúng ta trở về với cỏ, và linh dương lại ăn cỏ. Vì thế, tất cả chúng ta đều thuộc về vòng đời bất tận”. Cuộc đối thoại trên đã gợi lên trong chúng ta biết bao suy nghĩ về đời sống muôn loài trên Trái Đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó.

*

Theo ước tính của nhiều nhà khoa học, trên Trái Đất hiện có khoảng trên 10 000 000 loài sinh vật, bao gồm cả động vật và thực vật. Hiện nay, con người mới chỉ nhận biết được khoảng trên 1 400 000 loài, trong đó có hơn 300 000 loài thực vật và hơn 1 000 000 loài động vật. Rõ ràng, phải rất lâu nữa chúng ta mới lập được một danh sách sát thực tế hơn về những cư dân của hành tinh này. Dù vậy, điều đó không ngăn cản các nhà khoa học đưa ra những nhận định khái quát nhất về lịch sử tiến hoá⁽¹⁾ hay sự phụ thuộc lẫn nhau của muôn loài.

THEO DÕI Số lượng các loài sinh vật hiện tồn tại trên Trái Đất và số lượng loài đã được con người nhận biết.

*

Các loài động vật và thực vật thường tồn tại và phát triển thành từng quần xã⁽²⁾, trong những bai-ôm⁽³⁾ khác nhau. Mỗi quần xã có thể được xem như một thế giới riêng, trong đó có sự chung sống của một số loài nhất định với số lượng cá thể hết sức khác nhau ở riêng từng loài.

*

Tính đa dạng ở mỗi quần xã phụ thuộc vào sự cạnh tranh giữa các loài, mối quan hệ con mồi – vật ăn thịt và mức độ thay đổi của các yếu tố vật lý – hoá học của môi trường,...

THEO DÕI Những điều gây ảnh hưởng đến sự đa dạng ở từng quần xã.

*

Bên cạnh việc nhận diện các loài theo đặc điểm sinh học riêng của chúng, khi dựa vào tính chất của loài trong quần xã, ta có thể nói tới: loài ưu thế, loài thứ yếu, loài ngẫu nhiên, loài chủ chốt, loài đặc trưng,... Loài ưu thế (như cây thông trong quần xã rừng thông) đóng vai trò quan trọng trong quần xã do số lượng nhiều và có khả năng hoạt động mạnh.

THEO DÕI Trật tự trong cuộc sống của muôn loài được thể hiện như thế nào?

(1) *Tiến hoá*: biến đổi dần dần theo hướng phát triển đi lên.

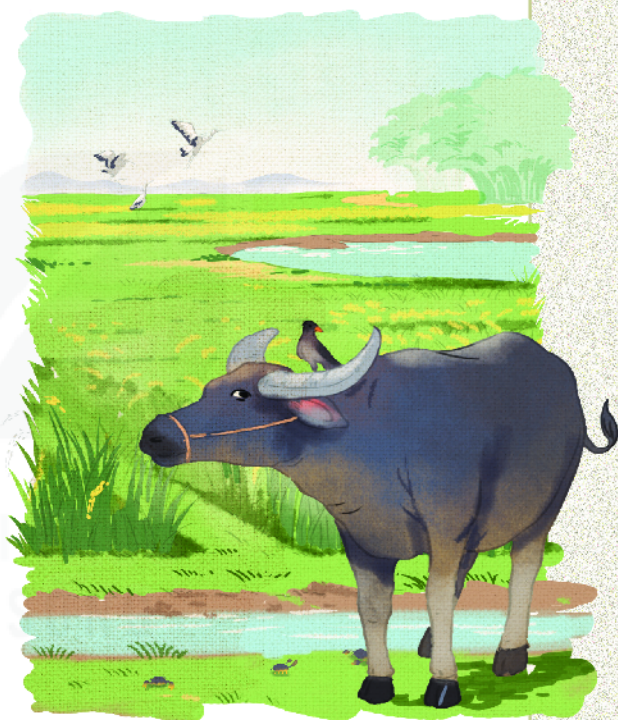
(2) *Quần xã*: tập hợp tất cả các sinh vật cùng loài và khác loài, cùng sống trong một khu vực xác định vào một thời gian nhất định.

(3) *Bai-ôm*: chỉ tập hợp sinh vật cùng môi trường sống mang những nét đặc thù của chúng, thường được dịch là *khu sinh học*. Tên gọi của các bai-ôm luôn thể hiện rõ đặc điểm của từng hệ sinh thái riêng biệt.

Loài chủ chốt (như sư tử ở các đồng cỏ hay cá sấu ở đầm nước châu Phi) đóng vai trò kiểm soát, khống chế hoạt động của các loài khác và duy trì sự phát triển ổn định của quần xã. Như vậy, trong quần xã luôn tồn tại một trật tự. Ngoài những điều kể trên, trật tự này còn được thể hiện ở sự phân bố các loài trong không gian sống chung, hoặc theo chiều thẳng đứng (như sự phân tầng của thực vật trong rừng mưa nhiệt đới), hoặc theo chiều ngang (trải ra theo bề rộng của địa hình), để giảm bớt sự cạnh tranh giữa các loài và giúp từng loài có thể sử dụng nguồn sống của môi trường một cách hiệu quả nhất.

✱

Giữa các loài trong quần xã luôn tồn tại mối quan hệ hỗ trợ và đối kháng. Quan hệ hỗ trợ gắn liền với việc chia sẻ cùng nhau cơ hội sống. Quan hệ đối kháng được biểu hiện qua việc cạnh tranh, kí sinh⁽¹⁾, ăn thịt lẫn nhau. Với sự tồn tại song song của các quan hệ đó, thiên nhiên đã tạo nên một sự cân bằng tuyệt hảo, đảm bảo cho loài nào cũng có được “chỗ đứng dưới mặt trời”, cũng có đủ điều kiện để sinh trưởng. Như vậy, có một nhịp điệu chung trong quá trình tiến hoá của các loài, mà sự sinh sôi mạnh mẽ hay suy giảm số lượng của loài này dẫn đến sự phát triển theo hướng nhiều thêm hay bớt đi tương ứng của loài kia.



✱

Trên Trái Đất, con người cũng chỉ là một loài sinh vật. Qua quá trình lịch sử dài lâu, con người đã bộc lộ khả năng sáng tạo vô tận và xã hội loài người ngày càng phát triển phức tạp. Con người trở nên quá tự kiêu, thấy mình là chúa tể của cả thế giới, có thể tùy ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hoá đã bền bỉ gây dựng. Chính vì điều này mà

SUY LUẬN Hành động của con người có ảnh hưởng đến cuộc sống của muôn loài không?

⁽¹⁾ Kí sinh: sống bằng cách hút chất dinh dưỡng từ cơ thể những sinh vật khác.

sự cân bằng trong đời sống của muôn loài ít nhiều bị xáo trộn, phá vỡ, thêm vào đó, những yếu tố vô sinh của môi trường⁽¹⁾ cũng phải chịu những tác động xấu. Hiện nay, có vẻ như con người bắt đầu tỉnh ngộ, biết nhìn nhận vấn đề một cách sáng suốt hơn, biết tìm cách chung sống hài hoà với muôn loài và nói chung là với tất cả những gì làm nên thế giới đẹp đẽ này.

✱

“Tất cả chúng ta đều thuộc về vòng đời bất tận”. Vua sư tử Mu-pha-sa đã nói với Xim-ba – kẻ kẻ nghiệp – như thế. Một câu nói thông thái, cho thấy sự am hiểu bản chất cuộc sống và cách ứng xử khôn ngoan đối với đời sống của muôn loài.

(Ngọc Phú, báo điện tử *Đất Việt* –

Diễn đàn của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, tháng 9/2020)

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Những con số, dữ liệu nào trong đoạn (2) (*Theo ước tính... lẫn nhau của muôn loài*) thể hiện sự phong phú của các loài trên Trái Đất?
2. Đoạn (3) (*Các loài động vật... riêng từng loài*) đã nói gì về sự đa dạng của các quần xã sinh vật?
3. Nêu những căn cứ giúp ta hiểu được tính trật tự trong đời sống của muôn loài. Theo em, việc thiên nhiên duy trì trật tự ấy có ý nghĩa như thế nào?
4. Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng, sự cân bằng trong từng quần xã sinh vật sẽ bị ảnh hưởng ra sao?
5. Theo em, đoạn nào trong văn bản thể hiện rõ nhất cách trình bày văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả?
6. Cách mở đầu và kết thúc của văn bản thông tin này có gì đặc sắc?
7. Con người có thể làm gì để bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật?

Viết kết nối với đọc

Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về chủ đề: *Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài luôn cần thiết cho nhau.*

⁽¹⁾ *Yếu tố vô sinh của môi trường*: phần không sống, không sinh sản trong không gian bao quanh sinh vật.

Thực hành tiếng Việt

TỪ MƯỢN

Đọc đoạn văn và thực hiện các yêu cầu sau:

Các loài động vật và thực vật thường tồn tại và phát triển thành từng quần xã, trong những bai-ôm khác nhau. Mỗi quần xã có thể được xem như một thế giới riêng, trong đó có sự chung sống của một số loài nhất định với số lượng cá thể hết sức khác nhau ở riêng từng loài.

1. Trong đoạn văn trên có nhiều từ là từ mượn, chẳng hạn: *động vật, thực vật, tồn tại, bai-ôm,...* Theo em, từ nào được vay mượn từ tiếng Hán, từ nào được vay mượn từ tiếng Anh? Dấu hiệu nào giúp em nhận biết được điều đó?
2. Tìm thêm những từ phức có yếu tố *tồn, phát*, cá tương tự các từ sau đây: *tồn tại, phát triển, cá thể*.
3. Trong số những từ mượn, có rất nhiều từ đã được Việt hoá (khó nhận biết là từ mượn). So sánh các từ *động vật, thực vật, tồn tại, bai-ôm* với nhau, em thấy từ nào đã được Việt hoá, từ nào vẫn còn mang vẻ xa lạ?
4. Thử thay thế một số từ mượn trong đoạn văn trên bằng những từ khác em cho là dễ hiểu và đơn giản hơn mà không làm sai lệch điều tác giả muốn nói.
5. Qua việc thực hiện các yêu cầu trên, em rút ra nhận xét gì về đặc điểm của vốn từ tiếng Việt?

Nhận biết và sử dụng từ mượn

- Các từ mượn tiếng Hán có cách đọc và hình thức chính tả giống các từ thuần Việt. Do vậy, cần dựa vào tính chất khái quát, trừu tượng về nghĩa của từ hay màu sắc trang trọng của hoàn cảnh sử dụng để nhận biết chúng.
- Các từ mượn tiếng Pháp và tiếng Anh thường có cách đọc và hình thức chính tả khác biệt so với từ thuần Việt (ví dụ: sa-pô, vét-tông, smartphone, internet,...). Có thể nhận biết chúng nhờ những gạch nối giữa các âm tiết hay hình thức viết liền khối các âm tiết tạo nên từ.
- Lưu ý: chỉ nên dùng từ mượn trong hoàn cảnh giao tiếp phù hợp, không gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe, người đọc. Tránh dùng từ mượn một cách tùy tiện, làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.

Trái Đất

RA-XUN GAM-DA-TÓP

Đọc văn bản

Trái Đất! Có bọn xem người là quả dưa
Họ bổ, cắn người thành muôn mảnh nhỏ
Lũ khác nhìn người như quả bóng trên sân
Để giành giật, họ lao vào, đá, đá.

Trái Đất với tôi – chẳng là dưa là bóng
Với tôi, người – khuôn mặt thân thương
Nước mắt người tôi lau – xin đừng khóc nữa
Rửa sạch máu cho người đây, tôi hát, dịu dàng.

Minh Tâm dịch (theo bản tiếng Nga của Na-um Grép-nhi-ốp (Naum Grebniov⁽¹⁾))

(Báo điện tử Đất Việt – Diễn đàn của Liên hiệp các hội khoa học và kĩ thuật Việt Nam, tháng 9/2020)

Sau khi đọc

RA-XUN GAM-DA-TÓP

- Ra-xun Gam-da-tốp (1923 – 2003), người dân tộc A-va (Avar) nước Cộng hoà Đa-ghe-xtan (Daghestan) (thuộc Liên bang Nga). Thơ ông tràn đầy tình yêu đối với quê hương, con người, sự sống và luôn hướng tới việc xây đắp tình hữu nghị giữa các dân tộc. Các tác phẩm chính của ông: *Năm tôi sinh*, *Mùa xuân Đa-ghe-xtan*, *Trái tim tôi trên núi*, *Những ngôi sao xa*, *Đa-ghe-xtan của tôi*,...
- Bài thơ *Trái Đất* viết năm 1987 bằng tiếng A-va, được phổ biến rộng rãi qua bản dịch ra tiếng Nga của Na-um Grép-nhi-ốp.



⁽¹⁾ Nguồn: <http://pakhmutova.ru/songs/gamzatov.shtml>

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Bốn câu đầu của bài thơ tập trung nói về điều gì?
2. Bốn câu sau cho biết thái độ của nhà thơ đối với Trái Đất như thế nào?
3. Nhắc đến nước mắt và máu, nhà thơ muốn nói lên tình trạng gì của Trái Đất?
4. Chỉ ra sự khác nhau giữa các cách hình dung về Trái Đất và thái độ cư xử với Trái Đất được thể hiện trong bài thơ.
5. Hãy tìm ra điểm chung về mặt nội dung giữa bài thơ của Ra-xun Gam-da-tốp với hai văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống* và *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*
- 6*. Theo em, để cùng “lau nước mắt” và “rửa sạch máu” cho Trái Đất, mỗi người chúng ta cần phải làm gì?
7. Cùng đưa ra một thông điệp giống nhiều văn bản khác, nhưng bài thơ *Trái Đất* của Ra-xun Gam-da-tốp vẫn có được sự độc đáo, sức hấp dẫn riêng. Theo em, những gì đã tạo nên sự độc đáo, sức hấp dẫn riêng ấy?

Viết

A. VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN

Văn bản thông tin có nhiều loại, trong đó có văn bản nhật dụng. Biên bản là một loại nhỏ của văn bản nhật dụng, dùng để ghi chép về một vụ việc hay một cuộc họp, cuộc thảo luận, giúp ta nắm bắt được đầy đủ, chính xác về điều đã diễn ra. Nó có thể được lưu lại như một hồ sơ quan trọng, lúc cần được đưa ra như bằng chứng để đánh giá một vụ việc, vấn đề nào đó. Biên bản đòi hỏi được viết đúng thể thức, theo một quy cách riêng.

Thể thức của biên bản thông thường:

- Đầu biên bản, phía bên phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên cơ quan chức năng đứng ra xử lý vụ việc hay tổ chức cuộc họp, cuộc thảo luận,...
- Dưới từ “Biên bản”, ghi khái quát nội dung của vụ việc cần xử lý hay vấn đề mà cuộc họp, cuộc thảo luận cần giải quyết, làm thành tên gọi của biên bản.
- Ghi thời gian và địa điểm diễn ra cuộc xử lý vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận,...
- Ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, người thư kí.
- Ghi diễn biến của cuộc xử lý vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận,... với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra (bao gồm các ý kiến tường trình, phát biểu và kết luận).
- Ghi thời gian kết thúc cuộc xử lý vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận,...
- Người chủ trì và thư kí (tùy trường hợp, có thể thêm người làm chứng) kí tên.

TRƯỜNG THCS P. H. C.
LỚP 6C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Bản về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày Chủ nhật xanh”

Thời gian: bắt đầu từ lúc 11h ngày 13 tháng 02 năm 2019

Địa điểm: phòng học lớp 6C

Thành phần tham dự: toàn thể học sinh lớp 6C. Vắng: 01 (bạn Trần Văn Th., có lí do)

Chủ trì: lớp trưởng Lê Tiến H.

Thư kí: Nguyễn Thị Thanh T.

Nội dung: bản kế hoạch tổ chức hoạt động “Ngày Chủ nhật xanh” do nhà trường phát động, diễn ra vào ngày 17 tháng 02 năm 2019.

1. Lớp trưởng trình bày ý nghĩa của “Ngày Chủ nhật xanh” và nội dung hoạt động hưởng ứng “Ngày Chủ nhật xanh” theo sự phân công của trường.
2. Bố trí công việc:
 - a. Làm băng rôn, căng ở vị trí quy định: tổ 1 (hoàn thành vào chiều thứ Bảy).
 - b. Chuẩn bị loa đài: bạn N. (tham gia cùng các bạn lớp 6A, hoàn thành vào chiều thứ Bảy).
 - c. Tham gia soạn nội dung phát thanh: bạn L. (tập đọc vào chiều thứ Bảy).
 - d. Chuẩn bị dụng cụ lao động: các tổ nắm công việc được giao và phân công dụng cụ phù hợp:
 - Tổ 1: tham gia quét dọn phòng học và không gian trong trường.
 - Tổ 2: tham gia tưới và xén tỉa cây cảnh ở vườn hoa trong trường.
 - Tổ 3: tham gia khơi thông cống rãnh xung quanh trường.
 - Tổ 4: tham gia làm vệ sinh các công trình công cộng gần trường: phòng truyền thống xã, đài tưởng niệm.
 - e. Bộ phận kiểm tra công việc: lớp trưởng, lớp phó phụ trách lao động.

3. Thảo luận về kế hoạch:

- Ý kiến 1: đề nghị tiến hành hoạt động sớm, lúc 6h30.
- Ý kiến 2: đề nghị điều chỉnh phân công công việc cho một số bạn.
- Ý kiến 3: đề nghị chọn người chụp ảnh làm tư liệu (sau này sẽ đưa vào tập san).

4. Kết luận: Lớp trưởng tóm tắt những nội dung chính đã được thống nhất.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 11h30, ngày 13 tháng 02 năm 2019.

THƯ KÍ

(Đã kí)

Nguyễn Thị Thanh T.

CHỦ TRÌ

LỚP TRƯỞNG

(Đã kí)

Lê Tiến H.

Phân tích:

1. Nêu nhận xét chung về việc tuân thủ thể thức biên bản trong văn bản trên.
2. Vì sao biên bản phải có tên gọi và phải ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí?
3. Khi làm biên bản, nội dung nào cần được ghi chi tiết, cụ thể hơn cả?
4. Vì sao cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí?
5. Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm gì dễ nhận biết?

Thực hành viết biên bản

1. TRƯỚC KHI VIẾT

- Hình dung lại các buổi họp, thảo luận cần được ghi biên bản (cuộc họp bàn kế hoạch tổ chức một hoạt động; cuộc họp kiểm điểm tình hình thực hiện một dự án chung của lớp,...).

Mục đích viết

Ghi chép trung thực nội dung, diễn biến của cuộc họp, cuộc thảo luận nhằm xây dựng hồ sơ đáng tin cậy về cuộc họp, cuộc thảo luận đó.

- Xác định tên gọi của biên bản, đồng nghĩa với việc lựa chọn nội dung cho biên bản sắp viết.

Người đọc

Tất cả những người tham gia cuộc họp, cuộc thảo luận và những cá nhân, cơ quan muốn nắm thông tin về cuộc họp, cuộc thảo luận đó.

2. VIẾT BIÊN BẢN

- Viết phần mở đầu theo đúng thể thức.
- Viết phần chính của biên bản dựa theo trình tự hợp lí cần có trong buổi họp, thảo luận với những nội dung cụ thể (có đánh số rõ ràng).
- Viết chi tiết về những nội dung quan trọng của buổi họp, thảo luận như kế hoạch triển khai, giải pháp dự kiến, phân công công việc,...
- Thuật lại đầy đủ các ý kiến bàn đúng về vấn đề cần bàn, nhất là những ý kiến có giá trị.
- Viết đầy đủ nội dung kết luận của người chủ trì.
- Ghi thời gian kết thúc buổi họp, thảo luận và viết đầy đủ họ tên của người có trách nhiệm kí vào biên bản.

3. CHỈNH SỬA BIÊN BẢN

Dựa vào phần *Thể thức của biên bản thông thường* để tự kiểm tra và chỉnh sửa:

- Xem xét lại sự phù hợp giữa nội dung biên bản và tên biên bản.
- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của việc ghi chép những vấn đề quan trọng nhất được bàn bạc, triển khai trong cuộc họp, cuộc thảo luận.
- Lược bỏ những ghi chép về các chi tiết không liên quan tới vấn đề chính của cuộc họp, cuộc thảo luận.
- Sửa lại ngôn ngữ diễn đạt nhằm bảo đảm sự chính xác và tính khách quan.

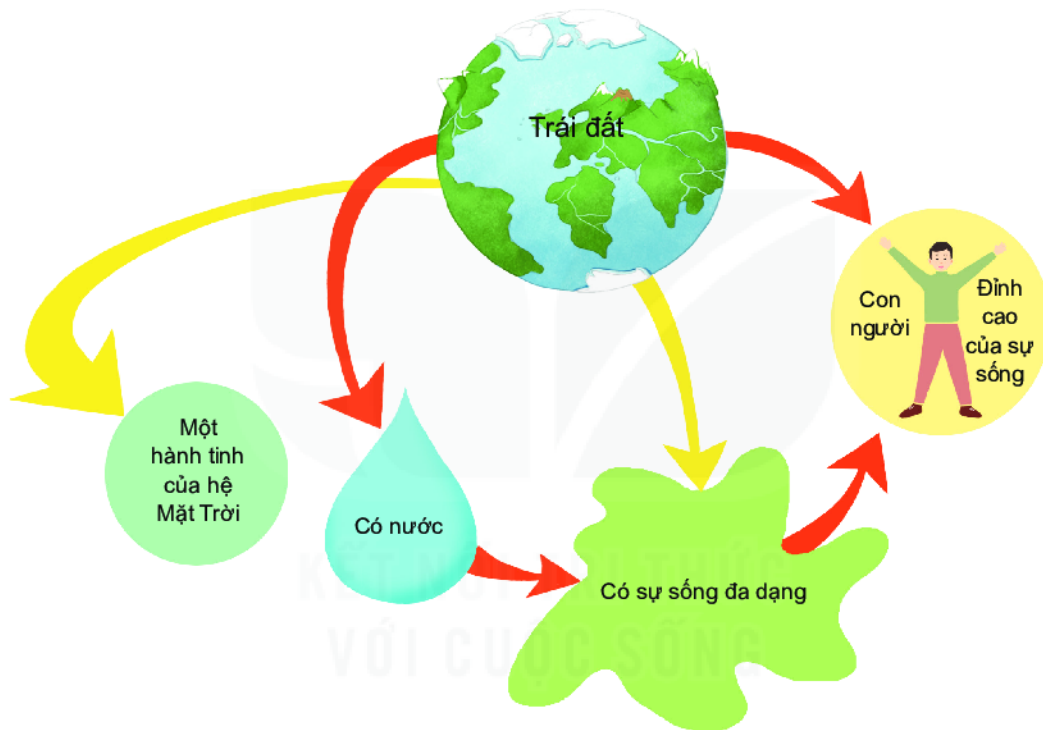
B. TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN

Tóm tắt nội dung một văn bản đã đọc bằng sơ đồ là việc làm cần thiết để từng bước nâng cao, hoàn thiện kĩ năng đọc. Nếu thường xuyên thực hiện việc tóm tắt, người đọc sẽ rèn luyện được khả năng nắm bắt nhanh những thông tin chủ yếu của văn bản, bao quát tốt mối quan hệ giữa các bộ phận (các đoạn) trong văn bản. Những sơ đồ hợp lí có thể giúp ta nhớ lại khá dễ dàng nội dung cốt lõi của những văn bản từng đọc.

Yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản:

- Làm nổi bật được nội dung chủ yếu của văn bản.
- Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản.
- Bảo đảm tính trực quan, thẩm mỹ, gây được ấn tượng tích cực về mặt thị giác để có thể hỗ trợ tốt cho trí nhớ.

Tham khảo sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống*



Thực hành tóm tắt văn bản bằng sơ đồ

1. TRƯỚC KHI TÓM TẮT

- Xác định đúng nội dung cốt lõi của văn bản và hệ thống ý triển khai nội dung đó.
- Lựa chọn từ khoá phản ánh nội dung cốt lõi và các ý triển khai đã xác định được.
- Xác định mối liên hệ giữa các từ khoá.

Ví dụ: Khi tóm tắt quan niệm của vua sư tử Mu-pha-sa về “vòng đời bất tận” (trong đoạn đầu văn bản *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*), em cần thực hiện các bước sau:

- a. Xác định nội dung cốt lõi của đoạn văn: những mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau giữa các loài trong cuộc sống, tạo thành một “vòng đời bất tận”.
- b. Xác định các từ khoá: *chúng ta, linh dương, chết, cỏ.*

- c. Xác định mối liên hệ giữa các từ khoá: *chúng ta ăn linh dương; chúng ta chết; chúng ta trở về với cỏ; linh dương ăn cỏ.*

2. TÓM TẮT

- Vẽ các hình cụ thể chứa các từ khoá.
- Sắp xếp các hình (chứa từ khoá) theo trật tự thích hợp.
- Vẽ các đường cong, thẳng hoặc mũi tên nối các hình (chứa từ khoá) với nhau.

3. CHỈNH SỬA

- Kiểm tra xem sơ đồ đã phản ánh đúng cách hiểu của bản thân về nội dung văn bản chưa.
- Xoá hay chỉnh sửa những chi tiết khiến người đọc sơ đồ có thể hiểu sai lệch điều bản thân muốn thể hiện hay chia sẻ về nội dung văn bản.
- Xem xét tính chính xác, phù hợp của việc xếp đặt vị trí các hình và việc thiết lập đường nối giữa chúng.

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về vấn đề môi trường

Trong cuộc sống, ta thường xuyên phải trình bày ý kiến của bản thân về một vấn đề nào đó. Để ý kiến của mình được trình bày một cách rõ ràng và có tính thuyết phục, người nói phải có hiểu biết về vấn đề được trình bày, tiếp nhận những ý kiến trái chiều với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Với yêu cầu trình bày ý kiến về một vấn đề môi trường, em sẽ học được cách chọn vấn đề, cách tổng hợp và xử lý những thông tin có liên quan kết hợp với việc nêu ý kiến cá nhân trước những nỗ lực bảo vệ môi trường.

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

- *Lựa chọn vấn đề:* Trước hết, có thể lựa chọn vấn đề do chính em phát hiện ra khi chứng kiến thực trạng môi trường hay khi trực tiếp tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường. Cũng có thể chọn vấn đề được gợi ý từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau về môi trường mà em đã chủ động cập nhật.

Mục đích nói

Chia sẻ mối quan tâm chung về vấn đề môi trường.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè và những người không thờ ơ với việc bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

– *Tìm ý và sắp xếp ý:*

- Để có chất liệu xây dựng bài nói, có thể thu thập và tổng hợp những thông tin cụ thể từ nhiều nguồn như sách báo, in-tơ-nét, người thân, bạn bè,... Nếu tìm kiếm thông tin trên in-tơ-nét, có thể dùng các từ khoá sau: *vấn đề môi trường, ô nhiễm môi trường, giải pháp cho vấn đề môi trường,...*
- Từ những thông tin đã thu thập được, cần chọn ra các thông tin phù hợp, tiêu biểu nhất và xây dựng ý tưởng cho bài nói trên cơ sở đó. Các ý cụ thể thường nảy sinh trên cơ sở trả lời một số câu hỏi nhất định. Chính vì vậy, cần tự đặt ra một hệ thống câu hỏi và lần lượt giải đáp. Chẳng hạn, khi chọn vấn đề “Ngày Chủ nhật xanh” để trình bày ý kiến, các câu hỏi có thể tự đặt ra là: *Thực chất của “Ngày Chủ nhật xanh” là gì? Người ta đề xướng “Ngày Chủ nhật xanh” dựa trên cơ sở nào? Chúng ta có thể làm gì trong “Ngày Chủ nhật xanh”? Những việc cụ thể chúng ta làm trong “Ngày Chủ nhật xanh” có tác dụng như thế nào trong việc bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khoẻ Trái Đất? Làm sao để “Ngày Chủ nhật xanh” trở thành thói quen hằng ngày của mọi người?...*
- Sắp xếp các ý cụ thể theo trật tự phù hợp, có thể theo quan hệ thời gian, quan hệ nhân quả hay quan hệ thực trạng và giải pháp,...

b. Tập luyện

- Nói một mình (nói thầm; nói to; nói kèm theo điệu bộ, cử chỉ,...).
- Nói trước nhóm học tập.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Ngoài việc tuân thủ những yêu cầu chung (về nội dung nói, ngữ điệu, sử dụng từ ngữ, tương tác với người nghe, đảm bảo thời gian,...), em cần lưu ý thêm các điểm sau đây khi trình bày ý kiến về một vấn đề môi trường:

a. Mở đầu

Có nhiều hình thức khác nhau, chẳng hạn:

- Nêu câu hỏi, tạo áp lực phải suy nghĩ.
Ví dụ: Bạn nghĩ sao nếu một ngày nào đó toàn bộ công viên trong thành phố của bạn bỗng nhiên biến mất? Hay: Vì sao những lúc cần thư giãn, nghỉ ngơi, người ta thường đến với thiên nhiên?,...
- Nêu một mệnh đề ngắn gọn, độc đáo để gây chú ý.
Ví dụ: “Con quái vật” rác thải nhựa đang nhe nanh đe dọa cuộc sống của chúng ta. Hay: Lá phổi của Trái Đất đang bị cháy đen...
- Kể một tình huống mới gặp hoặc cung cấp những số liệu cập nhật, buộc người nghe ngay lập tức đối diện với một thực trạng môi trường.
Ví dụ: Hôm trước, khi đi qua..., tôi thấy... Hay: Theo những số liệu thống kê mới nhất của Chương trình môi trường Liên hợp quốc (UNEP), hiện nay, diện tích rừng...

b. Triển khai

- Trình bày các thông tin và ý tưởng theo trình tự đã được sắp xếp trong phần chuẩn bị nội dung nói.

- Có thể nhìn nhanh vào đề cương đã chuẩn bị sẵn mỗi khi cần viện dẫn những bằng chứng, số liệu khó nhớ.

c. Kết luận

- Khái quát lại nội dung ý kiến vừa trình bày.
- Liên hệ tới việc phải làm của từng thành viên trong lớp trên vấn đề đang bàn.

3. SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
• Đặt mình vào vị trí người nói để thấu hiểu lí do khiến người nói chọn vấn đề và trình bày. • Các nhận xét, trao đổi hướng vào trọng tâm, không sa vào những chi tiết vụn vặt. • Nêu được điểm tâm đắc của em về bài nói. • Nêu những điều em chưa đồng tình với bài nói. • Bổ sung những điều mà bài nói chưa đề cập đầy đủ.	• Tiếp nhận mọi trao đổi với tinh thần học hỏi, cầu tiến. • Làm rõ một số điểm mà người nghe có thể thắc mắc. • Bảo vệ những ý kiến của bản thân mà em cho là đúng. • Tự rút ra những kinh nghiệm cần thiết trong việc trình bày bài nói.

Củng cố, mở rộng

1. Trong bài học này, em đã được đọc ba văn bản hoàn chỉnh. Kẻ bảng sau vào vở, đánh dấu x vào các ô trống thích hợp.

Tên văn bản	Nội dung	Loại văn bản		Hình thức văn bản	
	Trái Đất – môi trường	Văn bản thông tin	Văn bản văn học	Văn bản chỉ có kênh chữ	Văn bản đa phương thức
<i>Trái Đất – cái nôi của sự sống</i>					

Các loài chung sống với nhau như thế nào?					
Trái Đất					

Trả lời câu hỏi

- Theo em, lí do nào khiến ba văn bản này được xếp chung vào một bài học?
 - Bài học giúp em hiểu thêm gì về vấn đề bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất?
 - Nêu những kiến thức mà em đã học được về văn bản thông tin.
2. Kẻ bảng sau vào vở. Điền thông tin vào ô trống, xem như chuẩn bị ý tưởng và dữ liệu cho một văn bản thông tin (có thể dưới dạng văn bản đa phương thức) viết về một vấn đề mà em quan tâm.

Vấn đề em định viết là:

Đoạn	Ý lớn	Các ý nhỏ	Số liệu	Tranh ảnh	Những từ khoá
Đoạn 1					
Đoạn 2					
Đoạn 3					
Đoạn n					

Lưu ý: có thể bỏ trống một số ô ở hai cột *Số liệu* và *Tranh ảnh*.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Văn bản này thuộc thể loại nào? Nội dung của nó cho em biết thêm điều gì về sự sống trên Trái Đất?
- Từ mượn đã được dùng khá nhiều trong văn bản. Đó là những từ nào? Theo em, có thể thay thế chúng bằng các từ khác được không? Vì sao?
- Sự sống được hình thành qua một quá trình dài đằng đẵng, nhưng việc huỷ diệt sự sống có thể chỉ diễn ra trong chớp mắt. Điều này gợi lên trong em cảm xúc và suy nghĩ gì?

Sinh vật trên Trái Đất được hình thành như thế nào?

NGUYỄN QUANG RIỆU⁽¹⁾

Trái Đất khi mới được hình thành cách đây 4,6 tỉ năm, đã có một khí quyển⁽²⁾ nguyên thủy chứa hi-đrô⁽³⁾, a-mô-ni-ắc⁽⁴⁾, mê-tan⁽⁵⁾ và hơi nước. Có ý kiến cho rằng khí nguyên thủy⁽⁶⁾ có thể tạo ra những loại phân tử hữu cơ trong tế bào. Quan niệm này đã được minh hoạ bằng cuộc thí nghiệm nổi tiếng thực hiện bởi nhà hoá học Min-lơ (Miller, người Mỹ) cách đây đã nửa thế kỉ. Nhà nghiên cứu Min-lơ đã điều chế được a-xít a-min⁽⁷⁾, thành phần của chất đạm trong cơ thể, bằng cách tổng hợp những loại khí nguyên thủy trong phòng thí nghiệm. Có giả thuyết⁽⁸⁾ khác cho rằng, bụi từ những sao chổi⁽⁹⁾ và thiên thạch⁽¹⁰⁾ đã gieo rắc trên hành tinh của chúng ta, mầm mống của sự sống dưới dạng vi sinh vật. Vấn đề liên quan đến nguồn gốc của sự sống trên Trái Đất và khả năng có sự sống trên các hành tinh khác vẫn còn đang được tranh luận. Đối tượng nghiên cứu này huy động các nhà khoa học trong nhiều lĩnh vực: thiên văn, vật lí, hoá học và sinh học.

Nước, một thành phần thiết yếu của những phản ứng hoá học, là dung môi⁽¹¹⁾ có khả năng hoà tan những phân tử, dẫn đến sự nảy nở của sự sống.

(1) *Nguyễn Quang Riệu*: sinh năm 1932, là nhà vật lí thiên văn gốc Việt, hiện định cư tại Cộng hoà Pháp.

(2) *Khí quyển*: lớp không khí dày bao ngoài Trái Đất.

(3) *Hi-đrô*: một nguyên tố hoá học tồn tại ở thể khí.

(4) *A-mô-ni-ắc*: một hợp chất vô cơ. Ở điều kiện tiêu chuẩn, là một chất khí độc, có mùi khai, tan nhiều trong nước.

(5) *Mê-tan*: thành phần chính của khí tự nhiên, khí dầu mỏ, khí bùn ao và đầm lầy.

(6) *Khí nguyên thủy*: chất khí có mặt sớm nhất khi khí quyển mới hình thành.

(7) *A-xít a-min*: những hợp chất hữu cơ, có tính dinh dưỡng, thường được sử dụng trong công nghệ thực phẩm, bổ sung dinh dưỡng và chế tạo phân bón.

(8) *Giả thuyết*: điều tạm nêu ra để giải thích một hiện tượng nào đó.

(9) *Sao chổi*: thiên thạch giống như những tảng nước đá khổng lồ trộn với bụi. Khi chúng di chuyển gần Mặt Trời thì nước đá và các khí phân tử bốc hơi. Một luồng gió từ Mặt Trời thổi vào sao chổi tạo thành một cái đuôi khí và bụi trông như cái chổi (chú thích của Nguyễn Quang Riệu).

(10) *Thiên thạch*: những mảnh hành tinh nhỏ quay xung quanh Mặt Trời và rơi xuống Trái Đất (chú thích của Nguyễn Quang Riệu).

(11) *Dung môi*: chất lỏng hoà tan được chất khác để tạo thành dung dịch.

Dưới ánh sáng Mặt Trời, khí các-bô-níc kết hợp với nước để biến thành glu-cô (đường) và ô-xi. Khí ô-xi bốc lên khí quyển và duy trì sự sống trên Trái Đất. Sự hô hấp của sinh vật dùng ô-xi để “đốt” glu-cô và sản xuất ra hơi nước và khí các-bô-níc cần thiết cho thực vật. Sự cộng sinh⁽¹⁾ giữa giới động vật và thực vật trên Trái Đất đã được thực hiện nhờ tác động hữu ích của Mặt Trời.

Điều đáng ngạc nhiên là sự phát hiện những vi sinh vật loại côn trùng nhỏ li ti, sống bên cạnh những suối nước nóng bỏng chìm sâu hàng nghìn mét dưới đáy biển, trong một môi trường tối tăm và nóng hàng trăm độ C! Bình thường ta không thể ngờ là môi trường này thích hợp với đời sống của sinh vật. Đây là những vùng rạn nứt trên vỏ Trái Đất có những miệng núi lửa phun vật chất mang tính dinh dưỡng⁽²⁾. Chính những vi sinh vật lại được sinh sản trong môi trường khắc nghiệt này và được nuôi dưỡng bằng những vật chất phun ra từ trong lòng Trái Đất. Hiện nay các nhà khoa học đang phân vân và cho rằng sinh vật trên Trái Đất cũng có thể xuất phát từ những vi sinh vật sinh sống tận dưới đáy biển.

(Nguyễn Quang Riệu, *Bầu trời tuổi thơ*, NXB Giáo dục, 2002, tr. 75 – 76)

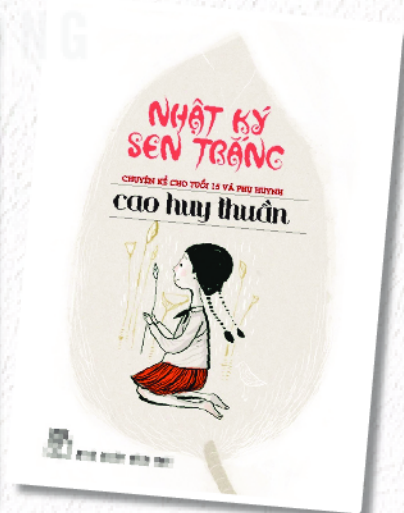
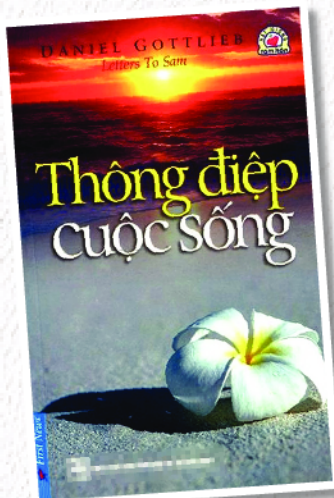
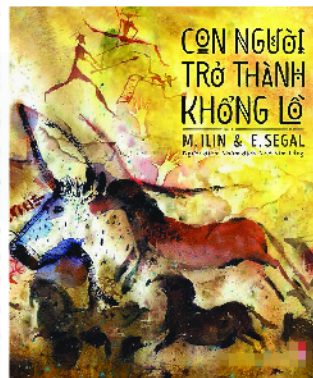
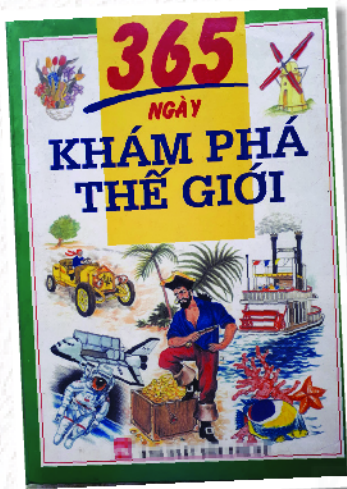


(1) *Cộng sinh*: hiện tượng sống chung cùng có lợi, hỗ trợ lẫn nhau giữa các loài động vật hay thực vật tồn tại trong cùng một môi trường.

(2) *Dinh dưỡng*: chất cần thiết trong việc nuôi sống cơ thể sinh vật.

ĐỌC MỞ RỘNG

- Tìm đọc một số văn bản nghị luận và văn bản thông tin có nội dung gần gũi với những văn bản mà em đã học ở các bài *Khác biệt và gần gũi*, *Trái Đất – ngôi nhà chung*. Khi đọc những văn bản này, cần chú ý những đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận và văn bản thông tin để đọc hiểu một cách hiệu quả.
- Trao đổi, thảo luận về những văn bản mà em đã đọc.



CUỐN SÁCH TÔI YÊU

Thiên nhiên và sách thuộc về những đôi mắt thấy chúng.

Ơ-mơ-son (R.W. Emerson)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Trong những bài học trước, em đã được tìm hiểu các tác phẩm văn học về nhiều chủ đề. Những tác phẩm đó đã giúp em cảm nhận sâu sắc hơn về tình bạn, tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước,... Để có thể hiểu đầy đủ hơn về các đoạn trích, tác phẩm, tác giả, em hãy tìm đọc trọn vẹn một số cuốn sách như: *Đế Mèn phiêu lưu kí* (Tô Hoài), *Ra vườn nhật nắng* (Nguyễn Thế Hoàng Linh), *Hoàng tử bé* (Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri),... Em cũng có thể tìm đọc thêm một số tác phẩm văn học phù hợp với những chủ đề đã học.
- Các văn bản nghị luận, văn bản thông tin đã học cũng giúp em hiểu biết nhiều hơn về đời sống xã hội, thiên nhiên: ý nghĩa của sự khác biệt và tôn trọng sự khác biệt, sự cần thiết của việc khẳng định cái riêng ở mỗi người, môi trường sống và vấn đề bảo vệ môi trường. Em hãy cùng các bạn tìm đọc thêm một số văn bản nghị luận và văn bản thông tin có nội dung tương tự.
- Qua những trang sách mới, em sẽ được tự mình khám phá thế giới và cảm nhận niềm vui của việc đọc sách.



Một trang trong cuốn *Hướng dẫn thư pháp và hội họa*⁽¹⁾

⁽¹⁾ Một trong những cuốn sách đầu tiên trên thế giới có sử dụng kĩ thuật in màu, xuất bản năm 1633 tại Trung Quốc, hiện đang được lưu tại Thư viện Cam-brit (Cambridge) (Anh).

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Phát triển kĩ năng tự đọc sách trên cơ sở vận dụng những điều đã học.
- Nhận ra được đặc điểm của bài nghị luận văn học (bàn về một tác giả).
- Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong cuốn sách yêu thích.
- Biết trình bày ý kiến, thảo luận về một cuốn sách hoặc trình diễn một nội dung trong cuốn sách đó dưới hình thức: đóng kịch, ngâm thơ,...
- Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

Em có biết?

1. Sách có từ bao giờ? Sách đã được làm bằng những cách nào?

Theo các nhà khảo cổ, cuốn sách đầu tiên là của người Ai Cập, xuất hiện vào khoảng thế kỉ XXV trước Công nguyên. Ban đầu, “sách” được làm bằng hình thức khắc trên đá, thân cây, xương, đất sét, gỗ,... hoặc viết, vẽ trên lá cây, vải,... Cuốn sách in theo cách sắp chữ đầu tiên ra đời ở châu Âu vào thế kỉ XV (1440). Hiện nay, ngoài sách in chúng ta còn có sách điện tử với nhiều hình thức khác nhau.

2. Những kỉ lục thế giới liên quan đến sách

Theo Tổ chức Kỉ lục Thế giới Ghi-nét (Guinness), tính đến năm 2015, cuốn sách có kích thước lớn nhất là cuốn viết về vương quốc Bu-tan (Bhutan) do nhà khoa học Mỹ Ha-li (M. Hawlay) vận động gây quỹ để làm ra. Cuốn sách này có kích cỡ tương đương... một cái bàn ăn, dày 112 trang và nặng 59 kg. Còn cuốn sách nhỏ nhất thế giới cho đến nay vẫn được cho là cuốn *Ti-ni Tét (Teeny Ted)* ở thị trấn *Tơ-níp (Turnip)*, ra đời năm 2007, có kích thước 0,1 mm x 0,07 mm. Em có thể tìm thêm những kỉ lục khác liên quan đến sách. Chắc hẳn sẽ có nhiều điều thú vị.

3. Thư viện đầu tiên và thư viện lớn nhất

Thư viện đầu tiên được xác định là thư viện A-lếch-xan-đrì-a (Alexandria) ở Ai Cập. Thư viện này tồn tại từ thế kỉ III trước Công nguyên, có kho sách gồm 700 000 bản chép tay về các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, tôn giáo, triết học, lịch sử, khoa học tự nhiên,... Đến năm 47 trước Công nguyên thì thư viện bị thiêu huỷ trong một vụ hoả hoạn.

Thư viện rất cần thiết và thật quý giá vì nơi ấy lưu trữ những cuốn sách – lịch sử tinh thần và tri thức của nhân loại. Em và các bạn hãy tự lập một thư viện nhỏ để cùng đọc những cuốn sách yêu thích và bổ ích.

THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN

Mỗi ngày một cuốn sách

Trước khi đọc

1. Cùng thiết kế một góc đọc sách nhỏ trong lớp học. Hãy mang đến lớp một vài cuốn sách mà em muốn cùng đọc với các bạn.
2. Chia sẻ những điều thú vị nhất mà em cảm nhận được từ cuốn sách mới đọc.
3. Kể tên một cuốn sách mà em cho là cần đọc trong tuần này và thuyết phục các bạn cùng đọc.

Đọc

1. HOẠT ĐỘNG 1: SÁCH HAY CHÚNG ĐỌC

- a. Chọn hai trong số các chủ đề sau để định hướng cho việc đọc sách: *Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xứ sở, Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích, Khác biệt và gần gũi, Trái Đất – ngôi nhà chung.*
- b. Với mỗi chủ đề đã chọn, tìm một cuốn sách có nội dung liên quan, cùng đọc và viết lời giới thiệu ngắn về cuốn sách đó bằng pô-xtơ⁽¹⁾ hoặc phiếu đọc (tự thiết kế), với các yêu cầu sau:
 - Nêu rõ tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản hoặc tái bản;
 - Tóm tắt nội dung: đề tài, chủ đề, bố cục, nhân vật, sự kiện, chi tiết;
 - Liệt kê những câu văn, đoạn văn yêu thích được trích dẫn từ cuốn sách hoặc những câu nhận định về cuốn sách;
 - Tự thiết kế một sản phẩm minh họa cho cuốn sách: tranh vẽ, sơ đồ,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: CUỐN SÁCH YÊU THÍCH

Chọn một cuốn sách yêu thích, có thể là sách văn học hoặc sách khoa học, đọc và ghi chép những điều thu hoạch được vào nhật kí đọc sách theo các nội dung gợi ý sau:

- Nhan đề: Vì sao cuốn sách có nhan đề như vậy?
- Mở đầu: Phần mở đầu của cuốn sách có điều gì đáng chú ý? Vì sao?
- Thế giới từ trang sách: Em đã gặp những ai và đến nơi đâu qua trang sách đã đọc?
- Bài học từ trang sách: Những gì còn đọng trong tâm trí em? Vì sao em thích cuốn sách này?

⁽¹⁾ Pô-xtơ (tiếng Anh: poster): bản viết bằng chữ to trên giấy, bìa, gỗ,... với những hình thức thiết kế, vẽ phù hợp nhằm giới thiệu hay quảng bá về một sản phẩm nào đó (ở đây là sách).

3. HOẠT ĐỘNG 3: GẶP GỠ TÁC GIẢ

Thật thú vị khi được gặp ngoài đời chính nhà văn, nhà thơ mà mình yêu thích phải không? Nhưng nếu chưa có dịp đó, chúng ta vẫn vẹn nguyên niềm hạnh phúc khi được tiếp xúc, giao lưu với tác giả qua những trang sách. Tác phẩm chính là đời sống tâm hồn, là gương mặt tinh thần của nhà văn, nhà thơ. Để viết được một tác phẩm khiến bạn đọc yêu thích, luôn nhớ tới, thật chẳng dễ dàng. Mỗi khi phải trần trụi với bài viết của mình, chắc hẳn em thường tự hỏi: Làm thế nào mà nhà văn, nhà thơ có thể viết được những tác phẩm như vậy? Đã có nhiều câu hỏi tương tự và cũng có vô vàn câu trả lời khác nhau. Nhưng điều đó vẫn còn là một bí ẩn.

Bài đọc sau đây là một cách trả lời câu hỏi đó. Điều gì đã khiến một chú bé sinh ra ở một bản làng biên giới, một “người con của núi” trở thành nhà thơ Lò Ngân Sủn với những bài thơ vang vọng mãi trong tâm trí người đọc: *Chiều biên giới*, *Trời và đất*, *Chín khúc Bản Xèo*, *Ngôi nhà rông*, ...?

TRI THỨC NGŨ VĂN

Văn bản nghị luận văn học

- Là một loại của văn nghị luận, có nội dung bàn về một vấn đề văn học như tác giả, tác phẩm, thể loại, ... Nghị luận văn học sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề văn học được nói tới.
- Lí lẽ trong nghị luận văn học chính là những nhận xét cụ thể của người viết về tác giả, tác phẩm, thể loại, ... Bằng chứng thường được lấy từ tác phẩm văn học.

a. Đọc văn bản

Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi

Đọc thơ Lò Ngân Sủn ta như được khám phá những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt. Núi không chỉ là hình ảnh thường được nói đến trong thơ ông mà còn hiện lên như là một phần hồn thơ Lò Ngân Sủn. Những bài thơ tiêu biểu của Lò Ngân Sủn như *Chiều biên giới*, *Trời và đất*, *Chín khúc Bản Xèo*, *Ngôi nhà rông*, ... đều mang âm vọng của núi, mệnh mang lời của núi. Vậy điều gì đã nuôi dưỡng và bồi đắp nên vẻ đẹp thơ mộng và mãnh liệt ấy trong thơ ông?

Trước khi trở thành nhà thơ, Lò Ngân Sủn đích thực là một “người con của núi”. Ông sinh ra và lớn lên ở bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Từ nhỏ, chú bé Lò Ngân Sủn đã đắm mình trong hơi thở của cỏ cây, hoa lá núi rừng biên cương, đã biết thả hồn cùng vẻ đẹp thanh thoát, hùng vĩ của dốc dựng, thác đổ, suối tuôn,... nơi “tận cùng bờ cõi”:

Những đỉnh núi xa
Rừng thông gọi đàn dê hiện gọi mơ núi
Nâng niu hạt mạch
Rừng sa mộc vạm vỡ
Quay mình những vòng đường.

(*Đỉnh núi xa vùng mãnh liệt*)

Khi lớn lên, thế giới của cậu bé sinh ra từ bản Qua không chỉ giới hạn ở bản làng biên giới. Mặt đất và bầu trời đã rộng mở, muôn dặm non sông từ bắc vào nam, từ miền ngược đến miền xuôi, từ đầu non đến bãi biển,... đã ùa vào tâm hồn mộc mạc, thiết tha, phóng khoáng của Lò Ngân Sủn. Nhưng vùng đất Hoàng Liên Sơn hùng vĩ, miền biên cương phía bắc của Tổ quốc vẫn là mảnh đất mẹ nuôi dưỡng, bồi đắp nên chất hào sảng, trầm hùng và mãnh liệt của thơ ông, mà *Chiều biên giới* là một ví dụ tiêu biểu:

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào cao hơn
Như đầu sông đầu suối
Như đầu mây đầu gió
Như quê ta ngọn núi
Như đất trời biên cương.

(*Chiều biên giới*)

Dù có đi khắp mọi nẻo đường, những sườn non, dốc núi, những miền thác đổ réo sôi, vắt vẻo như dây leo của quê hương vẫn là con đường quyến rũ nhất với người con của núi. Đường như đó cũng chính là con đường thơ ca của Lò Ngân Sủn:

Ta đi trên chín khúc Bản Xèo
con đường là cái hạt ta gieo
con đường là cái rễ lan toả
dệt nên hoa trái, tiếng chim ca.

(Đi trên chín khúc Bản Xèo)

Núi rừng xứ sở muốn cất tiếng bằng thơ và nhà thơ Lò Ngân Sủn đã phần nào đáp ứng được mong mỏi ấy, bằng tình yêu thương thuần khiết của mình.

Không có tình yêu tha thiết với núi rừng, với quê hương, với “chồi non cỏ biếc”, với “đầu sông đầu suối”, với những “bậc thang mây”... chắc hẳn không thể có nhà thơ Lò Ngân Sủn với những câu thơ “vạm vỡ” mà âm vang như “con suối thác đổ”, khiến trái tim của bao độc giả phải bồi hồi.

(Theo Minh Khoa, báo điện tử giaoduc.net.vn, tháng 12/2020)

b. Trả lời câu hỏi

1. Vì sao nhà thơ Lò Ngân Sủn được tác giả bài viết gọi là “người con của núi”?
2. Xác định câu văn nêu vấn đề chính được bàn luận trong bài.
3. Những câu thơ được dẫn đóng vai trò gì trong bài viết?
4. Câu cuối cùng của bài viết có mối quan hệ như thế nào với những câu mở đầu?

c. Giới thiệu tác giả yêu thích

Tìm kiếm thông tin về một tác giả mà em yêu thích để giới thiệu với các bạn.

4. HOẠT ĐỘNG 4: PHIÊU LƯU CÙNG TRANG SÁCH

- a. Cùng xem một bộ phim được chuyển thể từ một cuốn sách hoặc một tác phẩm văn học có nội dung liên quan đến các chủ đề đã học.
- b. Thảo luận và so sánh để thấy những điểm tương đồng, khác biệt giữa nội dung, hình thức của phim và sách hoặc tác phẩm đã đọc.
- c. Cùng thiết kế một pô-xtơ nhằm giới thiệu bộ phim đã xem hoặc vẽ lại bìa cuốn sách yêu thích.



Pô-xtơ phim hoạt hình (trái) và bìa cuốn sách *Hoàng tử bé* (phải)⁽¹⁾

⁽¹⁾ Nguồn: <http://cand.com.vn/Giai-tri-van-hoa/Ra-mat-phim-Hoang-tu-be-378509/>

THÁCH THỨC THỨ HAI

Sáng tạo cùng tác giả

Để có được một cuốn sách thú vị, cuốn hút người đọc, tác giả không chỉ cần tài năng mà còn phải rất đam mê, có cảm hứng, tâm huyết và dành nhiều thời gian, công sức vào việc viết. Cuốn sách là đứa con tinh thần của tác giả. Đọc sách là để hiểu biết về con người, đời sống xã hội, thế giới tự nhiên và cũng là để hiểu thêm về người viết.

Khi đọc sách, chúng ta không chỉ thưởng thức, cảm nhận mà còn có thể sáng tạo cùng tác giả. Có nhiều cách thể hiện kết quả thưởng thức, cảm nhận, sáng tạo cùng cuốn sách và tác giả yêu thích. Hãy lựa chọn một hoạt động phù hợp:

- Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong cuốn sách yêu thích.
- Sáng tạo sản phẩm nghệ thuật lấy ý tưởng từ một cuốn sách.
- Dựng một hoạt cảnh từ tác phẩm đã đọc và biểu diễn hoạt cảnh đó.

A. GIỚI THIỆU VỀ MỘT NHÂN VẬT TRONG CUỐN SÁCH YÊU THÍCH

Em có thể tự mình hoặc cùng các bạn viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật yêu thích.

Yêu cầu đối với đoạn văn giới thiệu cuốn sách, tác phẩm văn học:

- Nêu được tên nhân vật, tên sách và tác giả.
- Trình bày những đặc điểm chính (về hình dáng, tính nết, hành động, suy nghĩ,...) của nhân vật.
- Thể hiện rõ suy nghĩ, tình cảm của người viết đối với nhân vật.

Nhóc Ni-cô-la – người bạn của tôi

Nhóc Ni-cô-la – cậu học trò trạc tuổi chúng tôi trong những cuốn truyện *Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể, Nhóc Ni-cô-la và các bạn, Những kì nghỉ của nhóc Ni-cô-la,...* đã trở thành người bạn thân thiết của tôi và các bạn. Từ trang sách của nhà văn Rơ-nê Gô-xi-nhi và họa sĩ Giăng-giắc Xăng-pê, chú nhóc ấy đã chạy thẳng vào sân trường và vui chơi cùng chúng tôi – lũ học trò “nhất quỷ nhì ma”... Tôi hình dung nhóc Ni-cô-la với cái đầu dài và mái tóc dựng đứng, gầy nhom đứng bên cạnh anh bạn thân nhất – An-xe-xtơ to béo, ăn luôn mồm. Cái anh chàng bé nhỏ ấy lại chúa hay nghịch ngợm, luôn nhìn thấy những điều buồn cười trong cả những chuyện tưởng như nghiêm túc nhất. Khi viết bài tập làm văn, tham gia chuyến dã ngoại, chuẩn bị một buổi đón đoàn kiểm tra ở trường học hoặc đón khách ở nhà, lúc nào chú nhóc ấy cũng rất cố gắng để làm được những gì thầy cô và bố mẹ mong muốn nhưng rốt cuộc chú ta và các bạn vẫn vô tình gây ra những chuyện bất ngờ... Không ít phen Ni-cô-la và các bạn phạm lỗi như những “học sinh cá biệt”, những đứa trẻ khó bảo ở trường và ở nhà. Câu cửa miệng của Ni-cô-la khi lỡ gây ra hoặc chứng kiến những chuyện chẳng ngờ ấy là: “Thật kinh khủng!”. Ni-cô-la không phải lúc nào cũng ngoan ngoãn, cũng nghe lời người lớn. Nhưng cậu ta lúc nào cũng chân thành muốn làm gì đó tốt hơn. Hình như Ni-cô-la và lũ bạn của cậu ta cũng chính là tôi và các bạn – tuy chẳng muốn làm thầy cô và bố mẹ phiền lòng nhưng lại lỡ gây ra những chuyện rắc rối tày trời kiểu: đá bóng làm vỡ cửa kính nhà ai đó, bị bắt quả tang khi nghĩ mình quá khoẻ và giải quyết chuyện quả bóng bằng một quả dấm,... Lớp học, trường học nào chẳng có những bạn như vậy? Nhưng dù sao, cậu bé ấy cũng thật đáng yêu, phải không các bạn?

Nêu tên nhân vật, tên sách và tác giả.

Trình bày đặc điểm của nhân vật: hình dáng, tính nết, hành động, suy nghĩ.

Nêu suy nghĩ, tình cảm của người viết đối với nhân vật.

(Bài làm của học sinh)

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

- *Lựa chọn đề tài*: Chọn một nhân vật em yêu thích.
- *Tìm ý*:
 - Nhân vật em yêu thích là ai?
 - Nhân vật đó xuất hiện trong cuốn sách nào?
 - Nhân vật đó có những đặc điểm gì đáng nhớ?
 - Em có suy nghĩ, tình cảm gì đối với nhân vật?
- *Lập dàn ý*: Sắp xếp các thông tin và ý tưởng theo một trật tự phù hợp.

Mục đích viết

Giới thiệu nhân vật yêu thích trong một cuốn sách.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến nhân vật trong cuốn sách.

Dàn ý

1. Mở đoạn: Nêu ngắn gọn tên nhân vật, tên sách, tác giả.
2. Thân đoạn: Trình bày lần lượt những đặc điểm thú vị của nhân vật.
3. Kết đoạn: Nêu suy nghĩ, tình cảm của người viết đối với nhân vật.

2. VIẾT BÀI

Khi viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật, cần lưu ý:

- Viết đúng tên nhân vật, tên sách, tên tác giả.
- Trình bày những chi tiết cụ thể khắc hoạ hình dáng, tính nết, hành động, suy nghĩ của nhân vật.
- Liên hệ với cuộc sống của em để nêu lên những suy nghĩ, tình cảm của bản thân đối với nhân vật một cách tự nhiên, sinh động.

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Đọc lại đoạn văn đã viết để bảo đảm:

- Viết đúng tên nhân vật, tên sách, tên tác giả.
- Nêu được những đặc điểm thực sự ấn tượng, đáng nhớ của nhân vật.
- Viết đúng chính tả, dùng từ chính xác, đặt câu linh hoạt và sắp xếp các ý hợp lí.

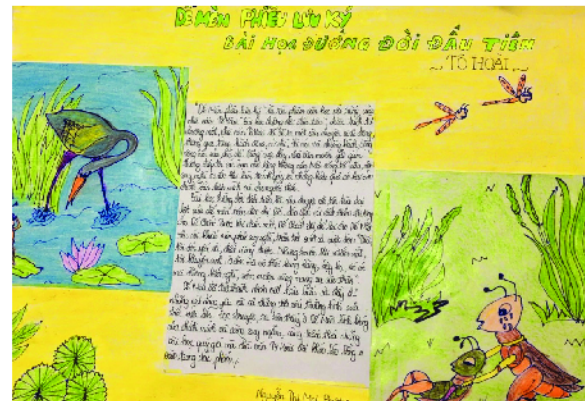
B. SÁNG TẠO SẢN PHẨM NGHỆ THUẬT

Từ cuốn sách yêu thích, có thể sáng tạo những sản phẩm nghệ thuật mới, chẳng hạn: sáng tác thơ, kể chuyện sáng tạo, vẽ tranh thể hiện một số chi tiết, nhân vật đáng nhớ hoặc minh hoạ cho chuỗi sự kiện (truyện tranh).

Tham khảo một số sản phẩm của các bạn học sinh:



Một cách cảm nhận, sáng tạo cùng *Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể* của Rơ-nê Gô-xi-nhi và Giăng-giắc Xăng-pê (Nguyễn Duy Bảo Minh)



Một cách cảm nhận, sáng tạo cùng *Đề Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài (Nguyễn Thị Mai Phương)



Một cách cảm nhận, sáng tạo cùng *Những câu chuyện thiên văn thú vị* của Lâm Lâm (Hoàng Ngọc Huyền)



Một cách cảm nhận, sáng tạo cùng *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* của Nguyễn Ngọc Thuần (Minh Minh)

C. DỰNG HOẠT CẢNH ĐỂ BIỂU DIỄN

Tham khảo một mẫu đề cương để dựng hoạt cảnh:

1. Cốt truyện: tóm tắt, có thể chỉnh lí và mở rộng từ một truyện đã học, đã đọc.
2. Nhân vật: liệt kê các nhân vật và vai trò của từng nhân vật trong câu chuyện.
3. Đối thoại: xác định mạch của các cuộc thoại chính gắn với cốt truyện và nhân vật.
4. Bối cảnh: tóm tắt bối cảnh chính và sự thay đổi của bối cảnh theo cốt truyện (nếu có).
5. Trang phục, đạo cụ: miêu tả ngắn gọn về quần áo, vật dụng phù hợp với các nhân vật và bối cảnh.

6. Nội dung, diễn biến

Trình tự	Bối cảnh, nhân vật	Hội thoại	Ghi chú (trang phục, diễn xuất, âm thanh, ánh sáng)
Cảnh 1	...	...	...

Nói và nghe

VỀ ĐÍCH Ngày hội với sách

Trong phần này, em và các bạn có thể lựa chọn giới thiệu các sản phẩm của dự án đọc sách phù hợp với năng lực và điều kiện học tập cụ thể theo một trong các hình thức sau đây:

1. HOẠT ĐỘNG 1: GIỚI THIỆU SẢN PHẨM MINH HOẠ SÁCH

Mỗi cá nhân, nhóm, lớp có thể đăng kí tham gia trưng bày, giới thiệu pô-xtơ, tranh ảnh, mô hình minh họa cho các nội dung của sách tại lớp học, thư viện hoặc một không gian phù hợp khác trong trường học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: NÓI VỀ CUỐN SÁCH YÊU THÍCH

Tham gia hoạt động giới thiệu nhân vật, nội dung, những đặc điểm thú vị trong cuốn sách yêu thích của cá nhân, nhóm, lớp tại lớp học, thư viện hay phòng đọc của trường.

3. HOẠT ĐỘNG 3: BIỂU DIỄN HOẠT CẢNH

Nếu có thể, em cùng các bạn trong lớp, nhóm phân vai và tập luyện để biểu diễn một hoạt cảnh được dựng từ câu chuyện đã học, đã đọc. Em và các bạn sẽ có một ngày hội thật vui với sách.

Hãy dành thời gian để cảm nhận, suy ngẫm và chia sẻ về một cuốn sách (tác phẩm) hoặc nhân vật yêu thích của em. Đơn giản hơn, hãy để một bài thơ, một giai điệu nào đó ngân lên trong tâm trí. Như vậy, cuốn sách đã trở thành một phần cuộc sống của em. Những gì em đã thấy trong những cuốn sách không chỉ tồn tại trên trang giấy mà sẽ theo em đi suốt cuộc đời. Đó là hành trang tri thức để em bước vào thế giới rộng lớn.

ÔN TẬP HỌC KÌ II

A. HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

1. Lập danh sách các thể loại hoặc kiểu văn bản đã được học trong *Ngữ văn 6*, tập hai. Với mỗi thể loại hoặc kiểu văn bản, chọn một văn bản và thực hiện các yêu cầu sau:
 - a. Chỉ ra đặc điểm cơ bản của thể loại hoặc kiểu văn bản được thể hiện qua văn bản ấy.
 - b. Trình bày điều em tâm đắc với một văn bản qua đoạn viết ngắn hay qua hình thức thuyết trình trước các bạn hoặc người thân.
2. Hãy nêu các kiểu bài viết mà em đã thực hành khi học *Ngữ văn 6*, tập hai. Với mỗi kiểu bài, cho biết:
 - a. Mục đích mà kiểu bài hướng tới.
 - b. Yêu cầu đối với mỗi kiểu bài.
 - c. Các bước cơ bản để thực hiện bài viết.
 - d. Các đề tài cụ thể mà em muốn viết hoặc có thể viết thêm với mỗi kiểu bài (ngoài đề tài em đã chọn trong quá trình học).
 - e. Những kinh nghiệm mà em tự rút ra được khi thực hiện viết từng kiểu bài.
3. Nhắc lại những nội dung mà em đã thực hành nói và nghe ở mỗi bài trong học kì vừa qua. Cho biết mục đích của hoạt động nói ở bài 6, 7, 8, 9 và 10 có gì giống và khác nhau.
4. Liệt kê những kiến thức tiếng Việt mà em đã được học trong *Ngữ văn 6*, tập hai. Hãy cho biết những kiến thức tiếng Việt ấy đã giúp em đọc, viết, nói và nghe như thế nào.

B. LUYỆN TẬP

1. ĐỌC

a. Đọc văn bản

(1) Năm 2009, Tổ chức Giáo dục, Khoa học, Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) đã chính thức lấy ngày 22 tháng 4 hằng năm làm Ngày Trái Đất. Từ mốc thời gian ấy, Ngày Trái Đất được coi là một sự kiện thường niên của các

quốc gia trên thế giới, hướng tới mục tiêu bảo vệ môi trường, bảo vệ hành tinh xanh. Điều gì đang diễn ra với môi trường sống trên Trái Đất và vì sao vấn đề bảo vệ môi trường lại trở nên cấp thiết đến thế?

(2) Cần nhìn thẳng vào một sự thực: môi trường trên Trái Đất đang bị huỷ hoại và xuống cấp nghiêm trọng. Những nghiên cứu và cảnh báo về môi trường hiện nay tập trung vào các vấn đề: biến đổi khí hậu; hiệu ứng nhà kính; tình trạng ô nhiễm không khí; rác thải nhựa; sự cạn kiệt các tài nguyên thiên nhiên; sự suy giảm tính đa dạng sinh học;... Nói riêng về sự suy giảm tính đa dạng sinh học, theo báo cáo của Liên đoàn Bảo tồn thế giới (IUCN), kể từ năm 1500, đã có 953 loài động vật, thực vật biến mất trên Trái Đất. Trung bình mỗi năm hành tinh của chúng ta chứng kiến từ 1 đến 5 loài tuyệt chủng. Không chỉ thế, theo ước tính của các nhà khoa học, tốc độ biến mất của các loài có thể diễn ra nhanh hơn, gấp 1 000 lần, thậm chí gấp 10 000 lần so với tốc độ bình thường. Nhìn chung, tất cả các vấn đề này đều có quan hệ với nhau và đều liên quan (tuỳ mức độ) tới những hoạt động của con người như: phát triển sản xuất công nghiệp và nông nghiệp thiếu bền vững; khai thác và sử dụng tài nguyên lãng phí; đánh bắt bừa bãi thuỷ hải sản và động vật hoang dã; xả khí thải, xả rác vô độ;...

(3) Trái Đất là mẹ của muôn loài. Phải nói rằng chúng ta đang làm mẹ đau đớn, đồng thời đẩy những “người anh em” của mình tới tình trạng diệt vong. Một khi những “người anh em” trong tự nhiên đã ra đi, loài người liệu còn được bao nhiêu cơ hội sống sót? Mỗi chúng ta có thể và cần phải làm gì để bảo vệ môi trường sống của muôn loài và cũng là của chính mình?

(Theo Trần Dương (tổng hợp), báo điện tử *Đất Việt* – Diễn đàn của Liên hiệp các hội khoa học và kĩ thuật Việt Nam, tháng 10/2020)

b. Chọn câu trả lời đúng

Câu 1. *Vấn đề chính của đoạn (1) đã được tác giả nêu lên theo cách nào?*

- A. Nêu bằng cách dẫn một ý kiến, nhận định tiêu biểu
- B. Nêu bằng cách đặt câu hỏi gợi mở
- C. Nêu bằng cách đưa ra những thông tin cụ thể về ngày tháng
- D. Nêu trực tiếp trong câu đầu tiên, có dẫn tên một tổ chức quốc tế lớn

Câu 2. Các số liệu được nêu trong đoạn (2) của văn bản cho biết điều gì?

- A. Số lượng các loài sinh vật bị tuyệt chủng và tốc độ biến mất của chúng
- B. Sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên trên Trái Đất
- C. Sự xuống cấp của môi trường sống trên Trái Đất
- D. Tốc độ biến mất ngày càng nhanh của các loài động vật hoang dã

Câu 3. Câu “Cần nhìn thẳng vào một sự thực: môi trường trên Trái Đất đang bị huỷ hoại và xuống cấp nghiêm trọng” được dùng để:

- A. Nêu bằng chứng về sự tổn thương của Trái Đất
- B. Nêu cảm xúc của người viết về vấn đề cần bàn luận
- C. Nêu lí do cần có Ngày Trái Đất
- D. Nêu ý kiến về vấn đề cần bàn luận trong đoạn văn

Câu 4. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu sau: “Phải nói rằng chúng ta đang làm mẹ đau đớn, đồng thời đẩy những “người anh em” của mình tới tình trạng diệt vong”?

- A. Ẩn dụ
- B. Điệp từ
- C. Nhân hoá
- D. So sánh

c. Thực hiện bài tập

Câu 5. Tìm trong văn bản:

- a. Một câu nêu thông tin cụ thể
- b. Một câu giải thích hoặc bàn luận về vấn đề.

Câu 6. Một khi những “người anh em” trong tự nhiên đã ra đi, loài người liệu còn được bao nhiêu cơ hội sống sót?

Dựa vào nội dung bài đọc, hãy viết câu trả lời cho câu hỏi trên đây.

Câu 7. Đọc câu “Các thảm hoạ môi trường nói trên không chỉ đe doạ huỷ diệt các loài động vật, thực vật mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự sống của con người”.

- a. Xác định các từ Hán Việt trong câu trên.
- b. Giải thích nghĩa của yếu tố “huỷ” trong từ “huỷ diệt”.
- c. Tìm ba từ có yếu tố “huỷ” với nghĩa được giải thích ở câu b.

2. VIẾT

Chọn một trong hai đề sau:

Đề 1. Cuối văn bản đọc, người viết đã nêu một câu hỏi: *Mỗi chúng ta có thể và cần phải làm gì để bảo vệ môi trường sống của muôn loài và cũng là của chính mình?*

Hãy viết đoạn văn (khoảng 10 – 12 câu) để bàn luận về vấn đề này.

Đề 2. *Không ai trong chúng ta là kẻ vô can, là người ngoài cuộc khi hành tinh xanh bị tàn phá.* Hãy viết đoạn văn (khoảng 10 – 12 câu) nêu suy nghĩ của em về vấn đề này.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

PHỤ LỤC 1

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Bài			
1	bằng chứng	8, 9, 10	16	hư cấu	6, 7
2	biện pháp tu từ	6, 7	17	kể	6, 7, 8, 9, 10
3	biện pháp tu từ so sánh	6	18	kể chuyện	6, 7, 8, 10
4	chi tiết (tiêu biểu)	6, 7, 9, 10	19	lí lẽ	8
5	chủ đề	6, 7, 9, 10	20	lời kể	6, 7, 8
6	cổ tích	7	21	lời người kể (chuyện)	6, 7
7	cốt truyện	6, 7, 10	22	miêu tả	7, 8, 9, 10
8	cụm từ	6, 8	23	mục đích giao tiếp	8
9	đề tài	6, 7, 8, 9, 10	24	mục đích nói	6, 7, 8, 9, 10
10	đoạn văn	6, 7, 8, 9, 10	25	mục đích viết	6, 7, 8, 9, 10
11	đồng nghĩa	9	26	ngôi kể	6, 7
12	giao tiếp	8	27	người kể chuyện	6, 7
13	giọng kể	7	28	nhân vật	6, 7, 8, 10
14	hành động	6, 7, 8, 9, 10	29	nhập vai	7
15	hình ảnh	6, 7, 9	30	phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	9
			31	sa-pô	9

32	sự kiện	6, 7, 8, 10
33	tác giả dân gian	6, 7
34	thành ngữ	6, 7, 8
35	thông điệp	8, 9
36	thông tin	6, 9, 10
37	thuyết minh	6
38	tính cách	8
39	trạng ngữ	8
40	truyền thuyết	6
41	truyện	6, 7, 8, 10

42	truyện dân gian	6, 7
43	truyện kể	7
44	từ mượn	9
45	văn bản	6, 7, 8, 9, 10
46	văn bản đa phương thức	9
47	văn bản nghị luận/ bài nghị luận	8, 10
48	văn bản nhật dụng	9
49	văn bản thông tin	6, 9, 10
50	văn bản văn học	10

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

PHỤ LỤC 2

GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Giải thích
1	bằng chứng	những ví dụ được lấy từ đời sống thực tế hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ
2	chi tiết tiêu biểu	yếu tố quan trọng được nhà văn sử dụng để làm nổi bật đặc điểm của nhân vật, sự việc, tình huống trong tác phẩm
3	đoạn văn	tập hợp nhiều câu có sự thống nhất về chủ đề, tương đối hoàn chỉnh về hình thức
4	giọng kể	sắc thái tình cảm, thái độ, đánh giá được lồng vào lời kể (có thể nhận ra qua cách sử dụng ngôn ngữ)
5	hư cấu	cách sáng tạo nghệ thuật chủ yếu dựa trên tưởng tượng
6	kiểu văn bản	các dạng văn bản dùng trong viết, được phân chia theo phương thức biểu đạt chính như văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận,...
7	lí lẽ	những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình
8	nhập vai	tưởng tượng mình là một người khác (trong vai khác) để kể, diễn lại sự việc, câu chuyện
9	phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	những hình ảnh, số liệu, đồ thị, bảng biểu,... góp phần thể hiện ý nghĩa trong giao tiếp
10	sa-pô	phần đứng sau nhan đề và đứng trước nội dung chính của một bài báo, có chức năng tóm lược ý chính và thu hút người đọc
11	tác giả dân gian	tập thể những người sáng tác và tái tạo tác phẩm văn học dân gian trong nhiều thời kì
12	trạng ngữ	thành phần phụ của câu, có chức năng liên kết câu và bổ sung thông tin về thời gian, địa điểm, cách thức, nguyên nhân, mục đích,...

13	truyền thuyết	truyện cổ dân gian kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử thông qua sự tưởng tượng, hư cấu
14	truyện cổ tích	truyện cổ dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo kể về số phận, cuộc đời nhân vật trong các mối quan hệ xã hội
15	từ mượn	từ có nguồn gốc từ một ngôn ngữ khác
16	văn bản	sản phẩm giao tiếp hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói
17	văn bản đa phương thức	văn bản có sự phối hợp của phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện khác như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh,...
18	văn bản nghị luận	văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề
19	văn bản nhật dụng	văn bản chủ yếu dùng để đáp ứng nhu cầu giao tiếp hằng ngày
20	văn bản thông tin	văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin
21	văn bản thuyết minh	văn bản chủ yếu dùng để giới thiệu một sự vật, hiện tượng

PHỤ LỤC 3

BẢNG TRA CỨU YẾU TỐ HÁN VIỆT

STT	Yếu tố Hán Việt	Nghĩa: từ Hán Việt (bài)
1	bản	– cội rễ, gốc gác, nền tảng: bản chất (9) , căn bản, cơ bản, nhân bản, ... – của mình: bản thân (8) , bản lĩnh (8) , bản quốc, bản sắc, ... – tập sách, vở, ghi chép: bản thảo, dị bản, nguyên bản, văn bản, ...
2	bảo	giữ gìn, duy trì: <i>bảo dưỡng, bảo hành, bảo hiểm, bảo toàn, bảo trì, bảo vệ (4), đảm bảo (9),...</i>
3	biệt	– xa cách, chia li: biệt tích (5) , li biệt, tiễn biệt, từ biệt (6) , vĩnh biệt (1) , ... – khác, riêng, tách riêng: <i>biệt đãi, biệt hiệu, biệt phái, đặc biệt (6, 9), phân biệt,...</i>
4	biểu	– bộc lộ, thể hiện ra bên ngoài: <i>biểu diễn, biểu hiện (9), biểu lộ, biểu quyết, biểu thị, biểu tình, phát biểu,...</i> – đại diện, mẫu mực: biểu trưng (6) , biểu tượng, dân biểu, đại biểu, tiêu biểu, ... – bảng, bảng kê: <i>biểu đồ, biểu giá, bảng biểu, thời khoá biểu, thời gian biểu,...</i>
5	bình	– bằng, bằng phẳng: <i>bình diện, bình địa, bình nguyên,...</i> – đều, bằng nhau: bình đẳng (8) , bình quân, bình quyền, ... – yên ổn, tĩnh lặng: <i>bình an, bình tĩnh, hoà bình (4), thái bình, thanh bình,...</i> – thông thường: bình dị (5) , bình thường (5) , ...
6	bố	– bày đặt, sắp xếp: bố cục (8) , bố phòng, bố trí, bài bố, phân bố (9) , ... – phân phát rộng rãi: <i>bố cáo, bố thí (3), ban bố, công bố, tuyên bố,...</i>
7	cầu	– tìm tòi: <i>cầu danh, cầu hiền, cầu thị, cầu tiến, cầu toàn, truy cầu,...</i> – xin, nhờ giúp: <i>cầu cứu, cầu hoà, cầu hôn (6), cầu viện, khẩn cầu,...</i> – đòi hỏi, cần có: <i>cung cầu, kích cầu, nhu cầu (8), yêu cầu (8),...</i>
8	chủ	– người có quyền quyết định, người lãnh đạo: <i>chủ nhân, chủ tịch, chủ trì, chủ tướng (6), dân chủ (4), quân chủ,...</i> – chính, cốt yếu: <i>chủ đạo, chủ đề, chủ yếu (6),...</i>
9	chung	đám đông, đông: <i>chung sinh, công chúng, dân chúng (6), đại chúng, xuất chúng (8),...</i>
10	cổ	xưa, cũ: <i>cổ đại, cổ điển, cổ kính (4), cổ quái (6), cổ thụ (5), cổ tích, cổ vật,...</i>

11	cư	ở, sinh sống ở một nơi nào đó: cư dân (9) , cư ngụ (5, 9) , cư trú , di cư , định cư , ngụ cư (1) , quần cư , tản cư , thổ cư ,...
12	cử	– phát động, động tác, việc làm: cử chỉ (1) , cử động (1) , cử hành (7) , nghĩa cử ,... – giới thiệu, nêu ra, bầu chọn: cử tri , bầu cử , đề cử , tiến cử , trúng cử ,...
13	cực	– chỗ đầu mút, về một phía: âm cực , Bắc cực (9) , dương cực , địa cực (9) , Nam cực (9) , tích cực (8) , tiêu cực (8) , vô cực ,... – tận cùng, cao nhất: cực điểm , cực độ , cực hạn , cực kì ,...
14	cường	mạnh, khoẻ: cường điệu , cường độ , cường quốc , cường tráng (1) , hùng cường , siêu cường , tăng cường (8) ,...
15	danh	– tên: danh hiệu , danh sách (9) , ẩn danh , địa danh , khuyết danh , vô danh ,... – tiếng tăm, nổi tiếng: danh dự , danh giá , danh hài (8) , danh nhân , danh tác , danh thắng ,...
16	diện	mặt, bề mặt: diện kiến , diện tích , đại diện , đối diện (1) , hãnh diện (1, 2) , hiện diện (5, 9) , nhận diện (9) , phương diện , thể diện ,...
17	du	chơi, đi chơi, đi xa nhà: du học , du khách (5) , du lãm , du lịch , du thuyền , chu du , ngao du (2) ,...
18	dự	sẵn, trước: dự báo , dự bị , dự định , dự đoán (5) , dự liệu , dự phòng , dự tính , dự trữ , dự trữ (7) ,...
19	đặc	riêng biệt, độc đáo: đặc biệt (6) , đặc điểm (9) , đặc khu , đặc san , đặc sắc , đặc thù , đặc trưng (9) ,...
20	địa	– đất, vùng đất: địa bàn , địa cầu , địa cực (9) , địa điểm , địa hình (9) , địa phương , bản địa , lục địa (9) , trận địa (5) ,... – vị trí, nơi: địa vị , tâm địa , đắc địa ,...
21	định	– không dời đổi, bất động: định cư , định kiến , định luật , định tính , ổn định (9) , nhất định (3, 8, 9) ,... – làm cho yên ổn: định thần (1, 7) , bình định ,... – suy tính và quyết một việc gì đó: khăng định (5) , nhận định (9) , phủ định , quyết định (2) , xác định , ý định (8) ,...
22	độ	mức, trạng thái của sự vật: cao độ (1) , cường độ , điều độ (1) , nhật độ , quá độ , tốc độ ,...
23	độc	một mình, riêng: độc chiếm , độc đáo (2, 8) , độc đạo , độc đoán , độc lập , độc nhất (3) , độc tài , độc thoại ,...
24	đối	– thừa, trả lời, phản ứng lại: đối chất , đối đáp , đối phó , đối thoại (8, 9) , ứng đối ,... – trái ngược, phía trước mặt: đối chiếu , đối diện (1) , đối kháng (9) , đối lập , đối tượng (9) , đối ứng , đăng đối ,...

25	đồng	giống nhau, cùng: <i>đồng âm, đồng bào, đồng ca, đồng chí (4), đồng loại, đồng nghĩa, đồng phục, đồng ý, cộng đồng (5, 6, 8), hoà đồng (8), tương đồng,...</i>
26	động	– không yên, thay đổi trạng thái, vị trí: <i>động tĩnh, cảm động (7), hoạt động, linh động, sinh động (8), xúc động (2, 8),...</i> – thao tác, hành động, thực hiện: <i>động thái, động thổ, hành động (8, 9), lao động (4),...</i> – sử dụng, dùng đến: <i>động binh (7), động bút, động não,...</i>
27	hải	biển: <i>hải chiến, hải dương, hải đảo, hải quân (5), hải sản, hải sâm (5), hải tặc, sơn hào hải vị (7),...</i>
28	hành	– làm, thực hiện: <i>hành động (9), hành vi, cử hành (7), thi hành, thực hành, tiến hành,...</i> – đi, di chuyển: <i>hành khách, hành tinh (1, 9), hành trang, hành trình (5), du hành, khởi hành,...</i>
29	hậu	dày dặng, đầy đặn: <i>hậu ân, hậu đãi, hậu lễ, hậu tạ, nhân hậu (2), phúc hậu (5), thuần hậu, trọng hậu,...</i>
30	hoá	– thay đổi, làm biến đổi: <i>hoá kiếp, hoá thạch (5, 9), biến hoá, tiến hoá (9),...</i> – dạy dỗ, làm cho tốt đẹp hơn: <i>giáo hoá, khai hoá, cảm hoá (1),...</i>
31	hoàng	vua, thuộc về vua: <i>hoàng cung (7), hoàng đế, hoàng gia, hoàng thân, hoàng thượng, hoàng tộc, hoàng tử (1, 7), Ngọc hoàng,...</i>
32	hồi	quay trở lại: <i>hồi âm, hồi đáp, hồi kí, hồi sinh (9), hồi tâm, hồi tố, hồi ức (8), khứ hồi, phản hồi,...</i>
33	kết	– gắn bó, hình thành, nối với nhau, gắn liền nhau: <i>kết giao, kết hôn (7), kết hợp (8), kết nghĩa (7), đoàn kết, liên kết,...</i> – tóm lại, chung cuộc: <i>kết luận, kết quả, kết thúc, bán kết, chung kết, tổng kết,...</i>
34	khai	– mở mang: <i>khai hoang (4), khai phóng, khai tâm, khai thác (9), khai trí,...</i> – bắt đầu: <i>khai bút, khai giảng, khai mạc, bán khai, sơ khai (5), triển khai,...</i>
35	kháng	chống lại: <i>kháng chiến (4), kháng cự, kháng khuẩn, kháng sinh, đề kháng, đối kháng (9),...</i>
36	khởi	– nổi lên: <i>khởi binh, khởi nghĩa, đồng khởi, quật khởi,...</i> – bắt đầu: <i>khởi công, khởi đầu (5), khởi động, khởi hành, khởi nghiệp, khởi tranh, khởi xướng,...</i>
37	kiến	– cái nhìn: <i>chứng kiến (2, 6), định kiến, thiên kiến, thiên kiến, viễn kiến,...</i> – ý tưởng, nhận thức: <i>kiến thức, kiến văn, chính kiến, sáng kiến, ý kiến,...</i>
38	lịch	trải qua, từng trải: <i>lịch lãm, lịch sự (1), lịch sử (9), lịch thiệp, lai lịch, lí lịch,...</i>

39	lưu	– dòng, dòng sông: <i>lưu lượng, lưu vực, bình lưu, đối lưu, hạ lưu, thượng lưu,...</i> – trôi chảy, chuyển dịch: <i>lưu chuyển, lưu hành, lưu loát, lưu truyền (6), phiêu lưu (1), phong lưu,...</i>
40	năng	– tài cán: <i>năng khiếu, năng lực, tài năng (6), trí năng,...</i> – có thể (làm gì đó), công dụng: <i>năng suất, chức năng, công năng, khả năng (9), tiềm năng,...</i> – sức mạnh do vật chất tạo ra: <i>năng lượng, điện năng, nhiệt năng, quang năng,...</i>
41	nghệ	– nghề (thường có yếu tố kĩ thuật): <i>điều nghệ, thiện nghệ, võ nghệ,...</i> – liên quan đến nghệ thuật: <i>nghệ danh, nghệ sĩ, nghệ thuật (6), mỹ nghệ, nghệ nhân,...</i>
42	ngữ	tiếng nói, lời nói: <i>ngữ cảnh, ngữ điệu, biệt ngữ, ngạn ngữ (6), ngoại ngữ, ngôn ngữ, thành ngữ, tục ngữ (8),...</i>
43	nhân	người, thuộc về người: <i>nhân cách, nhân dân (4, 5), nhân đạo, nhân loại (9), nhân tài, nhân văn, nhân vật, bệnh nhân, cá nhân (6, 7, 8), công nhân, thần nhân (6),...</i>
44	nhiên	– tồn tại khách quan, vốn có: <i>dĩ nhiên (1, 8), đương nhiên, tất nhiên (1, 8), thiên nhiên (5, 9), tự nhiên (5),...</i> – yếu tố thêm vào sau một tính từ, trạng từ để chỉ một trạng thái, tính chất của sự vật: <i>điềm nhiên, đột nhiên (3), hỗn nhiên (5, 8), ngẫu nhiên (9), ngẫu nhiên, thần nhiên (5),...</i>
45	quan	– liên hệ, dính líu: <i>quan hệ (9), quan hoài, quan tâm (1, 8), hữu quan, liên quan, tương quan,...</i> – có vai trò lớn, chủ đạo: <i>quan kiện, quan thiết, quan trọng (9), quan yếu,...</i>
46	quần	– bày, chùm, nhóm: <i>quần chúng, quần đảo (5), quần thể, quần xã (9), nhân quần, siêu quần,...</i> – tụ lại thành nhóm, thành chùm: <i>quần cư, quần sinh, quần tụ,...</i>
47	quốc	đất nước: <i>quốc ca, quốc gia, quốc khánh, quốc tế, quốc tịch, quốc vương, ái quốc, Tổ quốc (4), vương quốc (9),...</i>
48	sĩ	– người làm nghề nào đó, người có học thức: <i>sĩ phu, bác sĩ, ca sĩ, chí sĩ, dược sĩ, đạo sĩ (5), họa sĩ (2), nhạc sĩ, thạc sĩ, thi sĩ, tiến sĩ, y sĩ,...</i> – người lính, người theo binh nghiệp: <i>sĩ quan, binh sĩ, chiến sĩ, hiệp sĩ (7), kỵ sĩ (7), liệt sĩ, quân sĩ (6, 7), vệ sĩ,...</i>

49	sinh	– sống: <i>sinh linh</i>, sinh hoạt (5), sinh thái (9), <i>sinh thể</i>, sinh tồn (9), sinh trường (9), sinh vật (9), hồi sinh (9), kí sinh (9), <i>môi sinh</i>, vệ sinh (3), vô sinh (9),... – đẻ, cho ra đời: <i>sinh nhật</i>, <i>sinh sản</i>, bẩm sinh (1), <i>giáng sinh</i>, <i>khai sinh</i>,... – người đi học, liên quan đến việc học: <i>sinh viên</i>, <i>giáo sinh</i>, <i>học sinh</i>, <i>nhà nghiên cứu sinh</i>, thí sinh (2), <i>thực tập sinh</i>,...
50	tác	– làm, tạo nên: <i>tác giả</i>, <i>tác phẩm</i>, hợp tác (5), tạo tác (5), thao tác (6), <i>sáng tác</i>,... – ảnh hưởng, gây ra (cái gì đó): tác dụng (3), tác động (9), <i>tác hại</i>, tác nhân (9), <i>phát tác</i>,... – sản phẩm được làm ra: <i>danh tác</i>, <i>kiệt tác</i>, <i>nguy tác</i>, <i>sáng tác</i>, <i>trước tác</i>,...
51	tâm	– trái tim: <i>tâm can</i>, <i>tâm nhĩ</i>, <i>tâm thất</i>, <i>điện tâm đồ</i>,... – tình cảm, tấm lòng: tâm hồn (2, 8), tâm lí (8), <i>tâm sự</i>, <i>tâm trạng</i>, tâm tình (4), lương tâm (4), nhập tâm (2), quan tâm (1, 8), thâm tâm (8),... – ở chính giữa: <i>tâm điểm</i>, <i>trung tâm</i>, <i>trọng tâm</i>,...
52	tận	– hết, không còn gì, giới hạn cuối cùng: <i>tận thế</i>, <i>tận thu</i>, bất tận (9), vô tận (8, 9),... – hết mức: <i>tận hiếu</i>, <i>tận lực</i>, <i>tận tâm</i>, <i>tận trung</i>, <i>tận tụy</i>,...
53	thành	– xong, ổn định: <i>thành kiến</i>, <i>thành lập</i>, <i>thành phẩm</i>, <i>hoàn thành</i>, trưởng thành (8),... – đạt được kết quả (tốt): thành công (8), <i>thành danh</i>, thành đạt (8), <i>thành tích</i>, <i>thành tựu</i>,...
54	thân	– thuộc về cha mẹ: <i>thân mẫu</i>, <i>thân phụ</i>, <i>thân sinh</i>, <i>song thân</i>,... – bà con, họ hàng: <i>thân gia</i>, <i>thân nhân</i>, <i>thân thích</i>, tứ cố vô thân (7),... – gần gũi, quen thuộc: <i>thân cận</i>, <i>thân hữu</i>, thân mật (4), thân thuộc (2, 4), thân thiện (9), thân thiết (9),...
55	thần	– tinh thần: thần kinh (9), định thần (1, 7), <i>loạn thần</i>, tâm thần (7),... – thần linh, thiêng liêng: thần nhân (6), <i>thần thánh</i>, <i>thần thông</i>, thần tiên (5), <i>nhân thần</i>, <i>thiên thần</i>,...
56	thể	– thân mình, toàn thân: thể chất (8), <i>thể dục</i>, <i>thể hình</i>, <i>cơ thể</i>, thân thể (6),... – hình dạng, hình trạng tồn tại của sự vật, hiện tượng: toàn thể (7), thể hiện (9), cá thể (8, 9), <i>hình thể</i>, <i>quần thể</i>,...
57	thiên	– trời, tự nhiên: thiên hạ (8), <i>thiên mệnh</i>, Thiên Vương (9), <i>thiên bẩm</i>, <i>thiên lương</i>, thiên tài (2), <i>thiên tính</i>,...

58	thoại	– dùng lời nói, trò chuyện: <i>đàm thoại, điện thoại, độc thoại, đối thoại (8, 9), hội thoại,...</i> – lời kể, chuyện kể: <i>đồng thoại, giai thoại, huyền thoại, thần thoại, tiên thoại,...</i>
59	thuần	không pha tạp, đơn giản, thông thạo: <i>thuần dưỡng, thuần hậu, thuần khiết, thuần thực (6), thuần túy,...</i>
60	thủy	– nước, liên quan đến nước: <i>thủy canh, thủy đình (6), thủy phủ (7), thủy quái, thủy thủ, thủy tộc (5), thủy triều, thủy văn,...</i> – sông: <i>thủy chiến, thủy lộ, thủy sản, sơn thủy,...</i>
61	thức	suy nghĩ, biết, hiểu biết: <i>kiến thức, nhận thức (8), tri thức, trí thức, ý thức (9),...</i>
62	tinh	– không có tạp chất, trong: <i>tinh chất, tinh khiết (5), tinh túy,...</i> – thần linh, yêu quái: <i>hồ li tinh, Sơn Tinh (6), Thủy Tinh (6), yêu tinh (7),...</i>
63	tình	– cảm xúc, tâm tư: <i>tình cảm (9), tình ý, chân tình, đa tình (4), hữu tình, tâm tình (4), vô tình,...</i> – trạng huống, trạng thái sự vật: <i>tình cảnh, tình hình, tình huống, tình tiết, tình trạng (8, 9), bệnh tình, sự tình,...</i>
64	trần	cuộc sống thực tại, cõi con người đang sống: <i>trần gian, trần hoàn, trần thế (6), trần tục, phong trần, tuyết trần (7),...</i>
65	trình	– đường đi, đường lối: <i>hành trình (5), lộ trình, quá trình (9),...</i> – kế hoạch, thời gian biểu để thực hiện: <i>trình tự, chương trình, khoá trình, lịch trình, tiến trình,...</i>
66	trọng	– có giá trị, vai trò lớn: <i>trọng tâm, trọng yếu, quan trọng (1), ...</i> – đề cao, chú tâm: <i>cẩn trọng, chú trọng, quý trọng, thận trọng, tôn trọng (8), trân trọng, trịnh trọng (1),...</i> – nặng, nhiều: <i>trọng lượng, trọng lực, trọng thưởng (7), nghiêm trọng (9), trầm trọng,...</i>
67	trung	– dấu hiệu: <i>biểu trưng (6), đặc trưng (9),...</i> – tìm, thu lấy: <i>trung cầu, trung dụng, trưng thu,...</i>
68	tuyệt	– hết mức, ở mức cao nhất: <i>tuyệt bút, tuyệt diệu, tuyệt đối, tuyệt hảo (9), tuyệt tác, tuyết trần (7),...</i> – dứt, hết: <i>tuyệt tích, tuyết tình, cự tuyệt, đoạn tuyệt,...</i>
69	tượng	hình ảnh, liên quan đến hình ảnh: <i>tượng trưng (4, 6), ấn tượng, biểu tượng, cảnh tượng (7), đối tượng (9), hiện tượng (1), hình tượng, khí tượng, tường tượng (6),...</i>
70	ứng	– đáp lại, đối phó: <i>ứng đối, ứng phó, ứng xử (9), cảm ứng, nội ứng, phản ứng (8), tương ứng (9),...</i> – ăn khớp, hiệu nghiệm: <i>ứng nghiệm, báo ứng, linh ứng,...</i>